



# LASERJET PRO 500 COLOR MFP

## Hướng dẫn Sử dụng



M570





HP LaserJet Pro 500 color MFP M570

Hướng dẫn Sử dụng

## **Bản quyền và Giấy phép**

© Copyright 2015 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 1, 11/2015

## **Công nhận Nhãn hiệu**

Adobe®, Acrobat®, và PostScript® là các nhãn hiệu thương mại của Adobe Systems Incorporated.

Apple và logo Apple là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia/vùng lãnh thổ khác. iPod là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc. iPod chỉ dành cho các bản sao được chủ bản quyền hoặc pháp luật cho phép. Không được ăn cắp nhạc.

Bluetooth là một nhãn hiệu do người sở hữu làm chủ và được Công ty HP sử dụng theo giấy phép.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

# Mục lục

<b>1 Giới thiệu sản phẩm .....</b>	<b>1</b>
So sánh sản phẩm .....	2
Hình ảnh sản phẩm .....	4
Mặt trước của sản phẩm .....	4
Mặt sau của sản phẩm .....	5
Các cổng giao diện .....	6
Vị trí số sê-ri và số kiểu sản phẩm .....	6
Bảng điều khiển .....	8
Sơ đồ bảng điều khiển .....	8
Màn hình chính của bảng điều khiển .....	9
Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển .....	10
In các báo cáo sản phẩm .....	11
<b>2 Khay giấy .....</b>	<b>13</b>
Các khổ giấy được hỗ trợ .....	14
Loại giấy được hỗ trợ .....	16
Khay 1 .....	18
Khả năng chứa giấy của khay và hướng giấy .....	18
Nạp Khay 1 .....	20
In phong bì .....	22
Khay 2 .....	23
Khả năng chứa giấy của khay và hướng giấy .....	23
Nạp Khay 2 .....	24
Khay 3 Tùy chọn .....	26
Khả năng chứa giấy của khay và hướng giấy .....	26
Nạp Khay 3 .....	27
Nạp và in nhãn .....	29
Giới thiệu .....	29
Tiếp nhãn theo cách thủ công .....	29

<b>3 Các bộ phận, nguồn cấp và phụ kiện .....</b>	<b>31</b>
Đặt hàng các bộ phận, phụ kiện và mực in .....	32
Chính sách của HP về mực in không phải của HP .....	33
Trang web giả mạo HP .....	34
In khi hộp mực in gần hết tuổi thọ ước tính .....	35
Bật hoặc tắt cài đặt ngưỡng Gần hết .....	36
Các bộ phận tự sửa chữa .....	37
Phụ kiện .....	38
Hộp mực in .....	39
Hình ảnh hộp mực in .....	39
Thông tin về hộp mực in .....	39
Tái chế hộp mực in .....	40
Bảo quản hộp mực in .....	40
Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP .....	40
Thay thế hộp mực in .....	40
Bộ thu gom bột mực .....	43
Thay bộ thu gom bột mực .....	43
<b>4 In .....</b>	<b>47</b>
Trình điều khiển máy in được hỗ trợ (Windows) .....	48
HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP - UPD) .....	48
Các chế độ cài đặt UPD .....	49
Thay đổi cài đặt lệnh in (Windows) .....	50
Mức ưu tiên đối với thay đổi thông số cài đặt lệnh in .....	50
Thay đổi các cài đặt cho mọi lệnh in cho tới khi đóng chương trình phần mềm .....	50
Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi lệnh in .....	50
Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm .....	51
Thay đổi thông số cài đặt lệnh in (Mac OS X) .....	52
Mức ưu tiên đối với thay đổi thông số cài đặt lệnh in .....	52
Thay đổi các cài đặt cho mọi lệnh in cho tới khi đóng chương trình phần mềm .....	52
Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi lệnh in .....	52
Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm .....	53
Thao tác in (Windows) .....	54
Sử dụng lối tắt in (Windows) .....	54
Tạo lối tắt in (Windows) .....	55
In tự động trên hai mặt (Windows) .....	57
In thủ công trên cả hai mặt (Windows) .....	59
In nhiều trang trên một trang giấy (Windows) .....	61
Chọn hướng trang (Windows) .....	62

Chọn loại giấy (Windows) .....	63
In trang đầu hoặc trang cuối trên giấy khác (Windows) .....	66
Chỉnh tài liệu cho vừa với kích thước trang (Windows) .....	69
Tạo một tập sách mỏng (Windows) .....	70
Thao tác in (Mac OS X) .....	73
Sử dụng cài đặt sẵn dành cho quá trình in (Mac OS X) .....	73
Tạo cài đặt sẵn dành cho quá trình in (Mac OS X) .....	73
Tự động in trên cả hai mặt (Mac OS X) .....	73
In thủ công trên cả hai mặt (Mac OS X) .....	74
In nhiều trang trên một trang giấy (Mac OS X) .....	74
Chọn hướng trang (Mac OS X) .....	74
Chọn loại giấy (Mac OS X) .....	75
In trang bìa (Mac OS X) .....	75
Chỉnh tài liệu cho vừa với kích thước trang (Mac OS X) .....	75
Tạo một tập sách mỏng (Mac OS X) .....	75
Thao tác in bổ sung (Windows) .....	77
Hủy lệnh in (Windows) .....	77
Chọn khổ giấy (Windows) .....	77
Chọn khổ giấy tùy chỉnh (Windows) .....	78
In hình mờ (Windows) .....	78
Thao tác in bổ sung (Mac OS X) .....	79
Hủy lệnh in (Mac OS X) .....	79
Chọn khổ giấy (Mac OS X) .....	79
Chọn khổ giấy tùy chỉnh (Mac OS X) .....	79
In hình mờ (Mac OS X) .....	80
Tạo các bản in chất lượng phù hợp để lưu trữ .....	81
In màu .....	82
Sử dụng tùy chọn HP EasyColor .....	82
Thay đổi tùy chọn màu (Windows) .....	82
Đổi chủ đề màu cho lệnh in (Windows) .....	83
Thay đổi tùy chọn màu (Mac OS X) .....	84
Tùy chọn màu thủ công .....	84
Khớp màu .....	84
Sử dụng HP ePrint .....	86
Sử dụng AirPrint .....	87
Sử dụng in Walk-up USB .....	88
<b>5 Sao chép .....</b>	<b>89</b>
Thiết lập cài đặt sao chép mặc định mới .....	90

Khôi phục cài đặt mặc định của bản sao .....	91
Tạo một bản sao đơn .....	92
Sao nhiều bản .....	93
Sao chép bản gốc có nhiều trang .....	94
Sao chép chứng minh thư .....	95
Đổi chiều lệnh sao chép .....	96
Sao chép trên cả hai mặt (duplex) .....	97
Tự động sao chép trên cả hai mặt .....	97
Sao chép hai mặt thủ công .....	98
Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao .....	99
Tạo bản sao màu hoặc đen trắng .....	100
Tối ưu hóa chất lượng bản sao .....	101
Điều chỉnh độ sáng hoặc tối cho bản sao .....	102
Điều chỉnh hình ảnh sao chép .....	103
Sao chép trong chế độ nháp .....	104
Đặt kích thước và loại giấy để sao chép trên giấy đặc biệt .....	105

## 6 Quét ..... 107

Quét bằng phần mềm HP Scan (Windows) .....	108
Quét bằng phần mềm HP Scan (Mac OS X) .....	109
Quét vào ổ flash USB .....	110
Cài đặt các tính năng quét vào thư mục mạng và quét để gửi qua email .....	111
Quét vào thư mục mạng .....	112
Quét và gửi qua e-mail .....	113
Quét bằng cách sử dụng phần mềm khác .....	114
Quét từ chương trình tuân theo quy chuẩn TWAIN (Windows) .....	114
Quét từ chương trình tuân theo quy chuẩn WIA (Windows) .....	114

## 7 Fax ..... 115

Kết nối fax với một đường dây điện thoại .....	118
Thiết lập fax với máy trả lời điện thoại .....	118
Cài đặt fax với điện thoại nhánh .....	118
Thiết lập cho máy fax đơn lẻ .....	119
Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax .....	120
Sử dụng panen điều khiển .....	120
Sử dụng HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP) .....	120
Sử dụng các ký tự đặc biệt trong tiêu đề fax .....	120
Sử dụng danh bạ .....	121
Sử dụng bảng điều khiển để tạo và sửa danh bạ fax .....	121



Xóa các mục của danh bạ .....	121
Tạo và sửa đổi các mục quay-số-nhanh .....	122
Xóa các mục quay số nhanh .....	123
Tạo và sửa đổi các mục quay-số-nhóm .....	124
Xóa các mục quay-số-nhóm .....	125
Cấu hình cài đặt gửi fax .....	126
Đặt các tùy chọn và các biểu tượng quay số đặc biệt .....	126
Đặt mã số đầu .....	126
Thiết lập phát hiện âm quay số .....	126
Quay số tín hiệu âm hoặc quay số tín hiệu xung .....	127
Đặt tự động quay số lại và thời gian giữa các lần quay số .....	127
Cài độ sáng/tối và độ phân giải .....	128
Cài cài đặt độ sáng/tối (độ tương phản) mặc định .....	128
Cài đặt độ tương phản .....	128
Cài các mã hóa đơn .....	129
Cấu hình cài đặt nhận fax .....	130
Cài chuyển tiếp fax .....	130
Chỉnh chế độ trả lời .....	130
Chặn hoặc bỏ chặn số fax .....	131
Cài số lần đổ chuông trả lời .....	131
Đặt kiểu chuông đặc trưng .....	132
Dùng tính năng tự động giảm cho các bản fax gửi đến .....	133
Đặt cài đặt in lại fax .....	133
Đặt âm lượng fax .....	133
Đặt âm lượng báo, âm lượng đường điện thoại và âm lượng chuông .....	133
Đặt bản fax nhận-kèm-tem .....	134
Đặt tính năng nhận riêng .....	134
Cài kiểm soát vòng fax .....	134
Dùng fax .....	136
Các chương trình fax hỗ trợ .....	136
Hủy bản fax .....	136
Hủy bản fax hiện tại .....	137
Hủy tác vụ fax đang chờ .....	137
Xóa bản fax khỏi bộ nhớ .....	137
Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX hoặc ISDN .....	137
DSL .....	138
PBX .....	138
ISDN .....	138
Sử dụng fax trên dịch vụ VoIP .....	138
Nội dung bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện .....	138

Vấn đề an ninh khi kết nối mạng nội bộ với đường điện thoại công cộng .....	139
Gửi fax từ máy quét hình phẳng .....	139
Fax từ khay nạp tài liệu .....	140
Dùng phím quay số nhanh và các số quay-số-nhóm .....	140
Gửi fax bằng phần mềm (Windows) .....	141
Gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối tới đường dây fax .....	142
Xác nhận gửi fax .....	142
Lên kế hoạch gửi fax sau này .....	142
Gửi fax kết hợp giữa tài liệu điện tử và tài liệu giấy. ....	143
Dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện .....	143
Gửi fax đi quốc tế .....	143
In bản fax .....	144
In lại bản fax .....	145
Tự động in trên cả hai mặt của bản fax đã nhận .....	146
Nhận fax khi bạn nghe kiểu chuông fax trên đường dây điện thoại .....	146
In bản fax đã lưu khi tính năng nhận riêng đã bật .....	146

## 8 Quản lý và bảo trì ..... 147

Sử dụng Tiện ích định lại cấu hình của HP để thay đổi kết nối của sản phẩm (Windows) .....	148
Thiết lập In cho Wireless Direct của HP .....	149
Sử dụng các ứng dụng Dịch vụ Web của HP .....	150
Định cấu hình cài đặt mạng IP .....	151
Từ chối chia sẻ máy in .....	151
Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng .....	151
Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công .....	151
Đổi tên sản phẩm trên mạng .....	151
Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết .....	153
Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows) .....	154
Tiện ích HP dành cho Mac OS X .....	156
Mở Tiện ích HP .....	156
Các tính năng của Tiện ích HP .....	156
Sử dụng phần mềm HP Web Jetadmin .....	157
Cài đặt tiết kiệm .....	158
In bằng EconoMode .....	158
Đặt Thời gian Hoãn Chế độ Nghỉ .....	158
Đặt thời gian hoãn Tự động Ngắt điện .....	158
Tính năng bảo mật sản phẩm .....	160
Khóa sản phẩm .....	160
Đặt hoặc thay đổi mật khẩu sản phẩm. ....	160

Nâng cấp chương trình cơ sở .....	161
Nâng cấp chương trình điều khiển theo cách thủ công .....	161
Cài để sản phẩm tự động nâng cấp chương trình điều khiển .....	161

## 9 Giải quyết sự cố ..... 163

Danh sách kiểm tra khắc phục sự cố .....	164
Bước 1: Bảo đảm rằng sản phẩm đã được cài đặt đúng cách .....	164
Bước 2: Kiểm tra kết nối cáp hoặc kết nối mạng không dây .....	164
Bước 3: Kiểm tra bảng điều khiển để xem thông báo lỗi. ....	165
Bước 4: Kiểm tra giấy .....	165
Bước 5: Kiểm tra phần mềm .....	165
Bước 6: Kiểm tra chức năng in .....	165
Bước 7: Kiểm tra chức năng sao chép .....	165
Bước 8: Kiểm tra chức năng fax .....	166
Bước 9: Kiểm tra hộp mực in .....	166
Bước 10: Thử gửi một lệnh in từ máy tính .....	166
Bước 11: Kiểm tra xem sản phẩm đã xuất hiện trên mạng chưa .....	166
Khôi phục cài đặt mặc định gốc .....	167
Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển .....	168
Giấy được nạp không chính xác hoặc bị kẹt .....	169
Sản phẩm không nạp giấy .....	169
Sản phẩm nạp nhiều giấy .....	169
Kẹt khay nạp tài liệu, lệch, hoặc nhặt nhiều tờ giấy. ....	169
Tránh kẹt giấy cho khay giấy .....	170
Xử lý kẹt giấy .....	171
Các vị trí kẹt giấy .....	171
Gỡ giấy kẹt trong khay nạp tài liệu .....	172
Xử lý kẹt giấy trong vùng ngăn giấy ra .....	173
Gỡ giấy kẹt trong Khay 1 .....	174
Gỡ giấy kẹt trong Khay 2 .....	176
Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải .....	176
Gỡ giấy kẹt trong Khay tùy chọn 3 .....	180
Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải phía dưới (Khay 3) .....	180
Cải thiện chất lượng in .....	182
In từ một chương trình phần mềm khác .....	182
Đặt cài đặt loại giấy cho lệnh in .....	182
Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows) .....	182
Kiểm tra cài đặt loại giấy (Mac OS X) .....	183
Kiểm tra tình trạng hộp mực in .....	183

Hiệu chỉnh sản phẩm để canh màu .....	183
In một trang lau dọn .....	183
Thực hiện xử lý sự cố chất lượng in bổ sung .....	184
In trang chất lượng in .....	184
Giải thích trang chất lượng in .....	184
Kiểm tra hộp mực in xem có bị hỏng hay không .....	185
Kiểm tra môi trường in và giấy .....	185
Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP .....	185
Kiểm tra môi trường sản phẩm .....	186
Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm) .....	186
Điều chỉnh cài đặt màu (Windows) .....	187
Thử trình điều khiển in khác .....	188
Cải thiện chất lượng sao chép .....	190
Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn .....	190
Kiểm tra cài đặt giấy .....	191
Kiểm tra cài đặt điều chỉnh hình ảnh .....	191
Tối ưu hóa dành cho văn bản hoặc hình ảnh .....	192
Sao chép từ cạnh này sang cạnh kia .....	192
Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu .....	193
Cải thiện chất lượng quét .....	194
Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn .....	194
Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu .....	195
Cải thiện chất lượng bản fax .....	197
Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn .....	197
Kiểm tra cài đặt độ phân giải bản fax gửi đi .....	198
Kiểm tra cài đặt sửa lỗi. ....	198
Gửi đến máy fax khác .....	199
Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu .....	199
Kiểm tra cài đặt vừa với trang in .....	200
Kiểm tra máy fax của người gửi .....	200
Sản phẩm không in hoặc in chậm .....	201
Sản phẩm không in .....	201
Sản phẩm in chậm .....	201
Khắc phục sự cố in walk-up USB .....	202
Menu Ổ Flash USB không mở khi bạn lắp ổ flash USB .....	202
Tập không in từ ổ flash USB .....	202
Tập bạn muốn in không có trong menu Ổ đĩa USB Flash .....	202
Giải quyết sự cố khi fax .....	203
Danh sách kiểm tra để xử lý sự cố khi fax .....	203
Thực hiện kiểm tra chẩn đoán fax .....	204

Báo cáo theo dõi bản fax .....	205
In báo cáo lỗi fax .....	205
In tất cả các báo cáo fax .....	205
In các báo cáo fax riêng .....	205
Chỉnh máy in báo cáo lỗi fax .....	206
Chỉnh chế độ sửa-lỗi-fax .....	206
Giảm tốc độ fax .....	206
Xử lý sự cố khi gửi fax .....	207
Một thông báo lỗi hiển thị trên bảng điều khiển .....	207
Thông báo Lỗi truyền tin xuất hiện .....	207
Không có âm quay số .....	208
Thông báo Fax đang bận xuất hiện .....	208
Thông báo Máy fax không trả lời xuất hiện .....	209
Kẹt giấy ở khay nạp tài liệu .....	209
Thông báo Bộ nhớ fax đã đầy xuất hiện .....	209
Lỗi máy quét .....	210
Bảng điều khiển hiển thị thông báo Sẵn sàng mà không gửi fax .....	210
Bảng điều khiển hiển thị thông báo "Storing page 1" (Đang lưu trang 1) và không tiếp tục lưu ngoài trang đó .....	210
Có thể nhận fax, nhưng không gửi được .....	210
Sản phẩm được bảo vệ bằng mật khẩu .....	211
Không thể sử dụng các chức năng fax từ bảng điều khiển .....	211
Không thể sử dụng các số quay nhanh .....	211
Không thể sử dụng các số quay nhóm .....	211
Nhận thông báo lỗi từ công ty điện thoại khi đang cố gửi fax .....	212
Không thể gửi fax khi điện thoại được nối với sản phẩm .....	212
Xử lý sự cố khi nhận fax .....	212
Fax không trả lời .....	213
Fax có một đường dây điện thoại chuyên dụng .....	213
Máy trả lời được nối với sản phẩm .....	213
Cài đặt Chế độ Trả lời được đặt ở Thủ công .....	214
Thư thoại khả dụng trên đường dây fax .....	214
Sản phẩm được nối với dịch vụ điện thoại DSL .....	214
Sản phẩm sử dụng fax qua dịch vụ điện thoại IP hoặc VoIP .....	214
Một thông báo lỗi hiển thị trên bảng điều khiển .....	215
Thông báo Không dò được máy fax nào. hiển thị .....	215
Thông báo Lỗi truyền tin xuất hiện .....	215
Thông báo Bộ nhớ fax đã đầy xuất hiện .....	216
Thông báo Fax đang bận xuất hiện .....	216
Bản fax đã nhận nhưng không được in ra .....	217

Tính năng Nhận Riêng được bật .....	217
Người gửi nhận được tín hiệu bận .....	217
Điện thoại cầm tay được nối với sản phẩm .....	217
Một bộ phân tách đường dây điện thoại đang được sử dụng .....	217
Không có âm quay số .....	217
Không thể gửi hoặc nhận fax trên đường dây PBX .....	217
Giải quyết sự cố chung về fax .....	217
Fax gửi chậm .....	218
Chất lượng fax kém .....	218
Bản fax bị cắt rời hoặc in trên hai trang .....	219
Giải quyết sự cố kết nối USB .....	220
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây .....	221
Kết nối vật lý kém .....	221
Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho sản phẩm này .....	221
Máy tính không thể giao tiếp với sản phẩm .....	221
Sản phẩm đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này .....	222
Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích .....	222
Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai .....	222
Sản phẩm bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai .....	222
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây .....	223
Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây .....	223
Sản phẩm không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất .....	224
Sản phẩm không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba .....	224
Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc sản phẩm .....	224
Không thể kết nối thêm máy tính với sản phẩm không dây .....	224
Sản phẩm không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN. ....	224
Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây .....	225
Mạng không dây không hoạt động .....	225
Thực hiện kiểm tra chẩn đoán mạng không dây .....	225
Giảm nhiễu trên mạng không dây .....	225
Khắc phục các sự cố phần mềm của sản phẩm với Windows .....	227
Không nhìn thấy trình điều khiển in cho sản phẩm này trong thư mục Printer (Máy in) ...	227
Thông báo lỗi hiển thị trong khi cài đặt phần mềm .....	227
Sản phẩm đang ở chế độ Ready (Sẵn sàng) nhưng không in được .....	227
Giải quyết sự cố phần mềm sản phẩm với Mac OS X .....	229
Trình điều khiển in không được liệt kê trong danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét .....	229
Tên sản phẩm không xuất hiện trong danh sách sản phẩm ở danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét .....	229

Trình điều khiển in sẽ không tự động cài đặt sản phẩm bạn đã chọn trong danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét .....	229
Một lệnh in không được gửi tới sản phẩm mà bạn muốn .....	230
Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện trong danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét sau khi đã chọn trình điều khiển. ....	230
Bạn đang sử dụng một trình điều khiển in chung khi sử dụng kết nối USB .....	230
Xóa phần mềm (Windows) .....	231
Xóa phần mềm (Mac OS X) .....	232
Giải quyết sự cố về quét và gửi qua e-mail .....	233
Không thể kết nối với máy chủ email .....	233
Email không thành công .....	233
Không thể quét .....	233
Giải quyết vấn đề quét vào thư mục mạng .....	234
Quét không thành công .....	234

<b>Bảng chú dẫn .....</b>	<b>235</b>
---------------------------	------------





---

# 1 Giới thiệu sản phẩm

- [So sánh sản phẩm](#)
- [Hình ảnh sản phẩm](#)
- [Bảng điều khiển](#)
- [In các báo cáo sản phẩm](#)

## So sánh sản phẩm

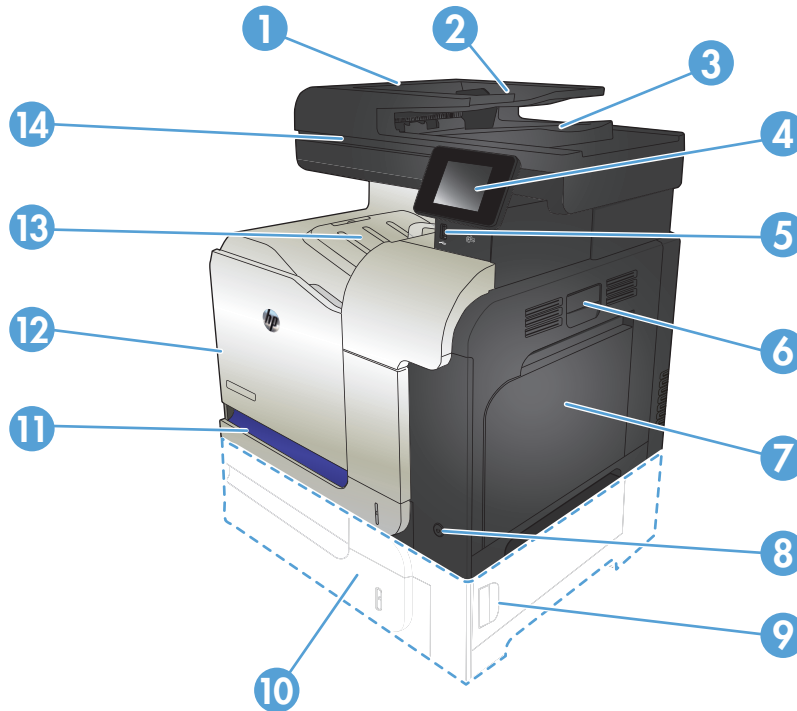
		M570dn	M570dw
		CZ271A	CZ272A
<b>Quản lý giấy in</b>	Khay 1 (dung lượng 100 tờ)	✓	✓
	Khay 2 (dung lượng 250 tờ)	✓	✓
	Khay 3 Tùy chọn (dung lượng 500 tờ)	✓	✓
	Ngăn giấy đầu ra tiêu chuẩn (dung lượng 250 tờ)	✓	✓
	In hai mặt tự động	✓	✓
<b>Các hệ điều hành được hỗ trợ</b>	Windows XP, 32-bit	✓	✓
	Windows Vista, 32-bit và 64-bit	✓	✓
	Windows 7, 32-bit và 64-bit	✓	✓
	Windows 2003 Server (32-bit, Service Pack 3), chỉ cho trình điều khiển máy in và quét	✓	✓
	Windows 2008 Server, chỉ cho trình điều khiển máy in và quét	✓	✓
	Windows 2008 Server R2, chỉ cho trình điều khiển máy in và quét		
	Mac OS X v10.6 và phiên bản mới hơn	✓	✓
<b>Kết nối</b>	USB 2.0 Tốc độ Cao	✓	✓
	Kết nối mạng LAN Ethernet 10/100/1000	✓	✓
	Kết nối mạng không dây		✓
<b>Bộ nhớ</b>	256 MB RAM	✓	✓
<b>Màn hình bảng điều khiển</b>	Màn hình cảm ứng đồ họa màu	✓	✓
<b>In</b>	In 30 trang mỗi phút (ppm) trên giấy A4 và 31 ppm trên giấy Letter	✓	✓
	In Walk-up USB (không yêu cầu máy tính)	✓	✓
<b>Sao chép</b>	Sao chép lên tới 20 ppm	✓	✓
	Độ phân giải sao chép 300 điểm mỗi inch (dpi).	✓	✓
	Khay nạp tài liệu này chứa tối đa 50 trang và hỗ trợ các khổ giấy có chiều dài từ 127 đến 356 mm (5 đến 14 inch) và chiều rộng từ 127 đến 216 mm (5 đến 8,5 inch)	✓	✓

		M570dn	M570dw
		CZ271A	CZ272A
	Máy quét hình phẳng hỗ trợ các khổ giấy có chiều dài lên tới 297 mm (11,7 inch) và chiều rộng lên tới 215 mm (8,5 inch)	✓	✓
	Sao chép hai mặt tự động	✓	✓
<b>Quét</b>	Quét đen và trắng với độ phân giải lên tới 1200 dpi từ mặt kính phẳng	✓	✓
	Quét màu với độ phân giải lên tới 300 dpi từ khay nạp tài liệu và lên tới 600 dpi từ mặt kính phẳng		
	Quét hai mặt tự động	✓	✓
	Quét và gửi qua Email (không yêu cầu phần mềm)	✓	✓
	Quét vào Thư mục Mạng (không yêu cầu phần mềm)	✓	✓
	Quét Walk-up USB (không yêu cầu máy tính)	✓	✓
<b>Fax</b>	V.34 với hai cổng fax RJ-11	✓	✓

## Hình ảnh sản phẩm

- [Mặt trước của sản phẩm](#)
- [Mặt sau của sản phẩm](#)
- [Các cổng giao diện](#)
- [Vị trí số sê-ri và số kiểu sản phẩm](#)

### Mặt trước của sản phẩm



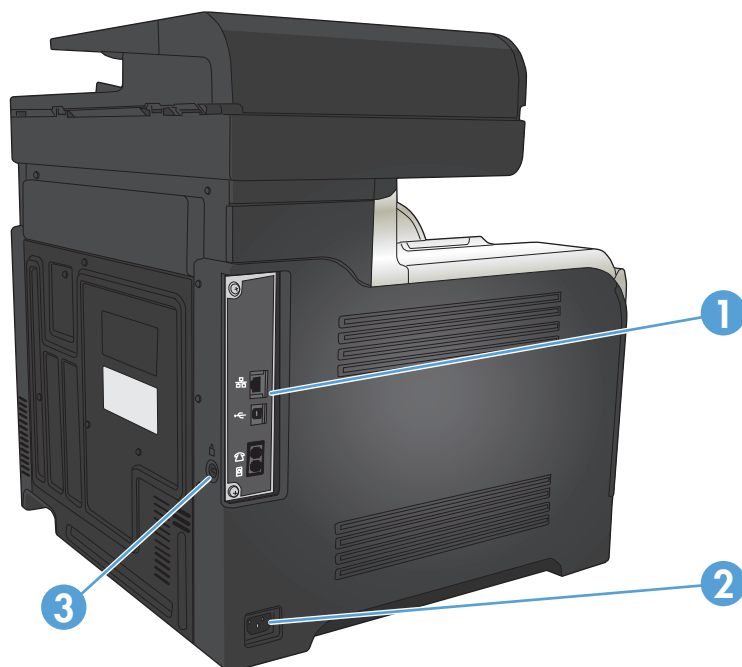
1	Chốt để tháo nắp đậy khay nạp tài liệu (cửa xử lý kẹt giấy)
2	khay nạp tài liệu vào
3	Ngăn giấy ra của khay nạp tài liệu
4	Bảng điều khiển với màn hình cảm ứng màu (dựng đứng lên để xem dễ hơn)
5	Cổng Walk-up USB (để in và quét mà không cần máy tính)
6	Tay cầm cho cửa bên phải (cửa xử lý kẹt giấy)
7	Khay 1
8	Nút bật/tắt
9	Cửa tháo kẹt giấy cho Khay 3 tùy chọn
10	Khay 3 Tùy chọn
11	Khay 2
12	Cửa trước (tiếp cận hộp mực in và bộ thu gom bột mực)

---

13	Ngăn đựng đầu ra
14	Tay cầm máy quét (để nâng cao nắp máy quét)

---

## Mặt sau của sản phẩm

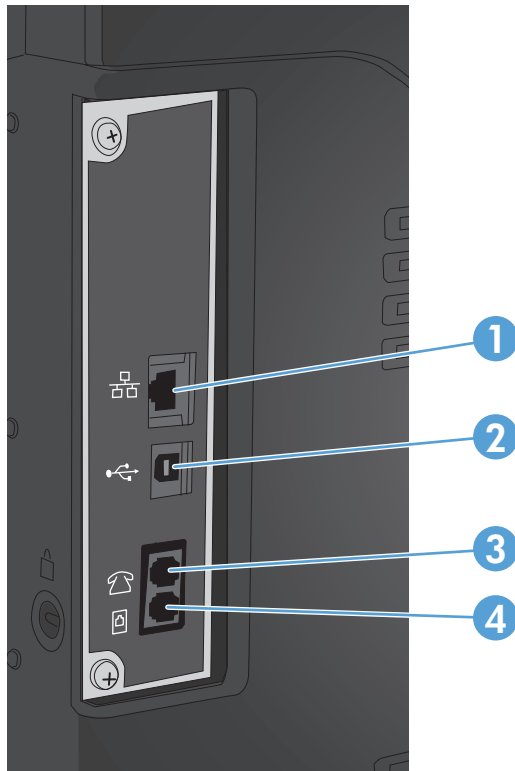


---

1	Bộ định dạng (chứa các cổng giao tiếp)
2	Kết nối nguồn
3	Khe khóa an toàn dạng cáp

---

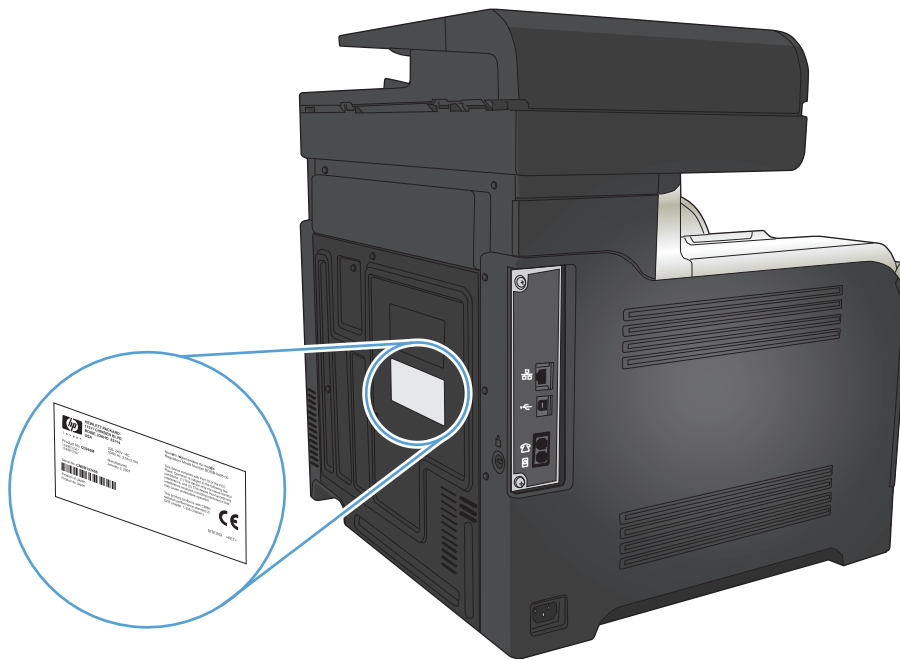
## Các cổng giao diện



- |   |   |
|---|---|
| 1 | Cổng mạng Ethernet (RJ-45) mạng cục bộ (LAN)  |
| 2 | Cổng in USB 2.0 tốc độ cao  |
| 3 | Cổng “đường ra” điện thoại để gắn điện thoại mở rộng, máy trả lời, hoặc thiết bị khác |
| 4 | Cổng “đường vào” Fax để gắn đường điện thoại fax vào sản phẩm                         |

## Vị trí số sê-ri và số kiểu sản phẩm

Số kiểu và số sê-ri được ghi trên nhãn nhận dạng trên cửa sau của sản phẩm. Chúng cũng được liệt kê trên mặt trong của cửa trước. Số sê-ri có chứa thông tin về quốc gia/vùng lãnh thổ, phong bì sản phẩm, mã sản phẩm, và số sản phẩm của sản phẩm.

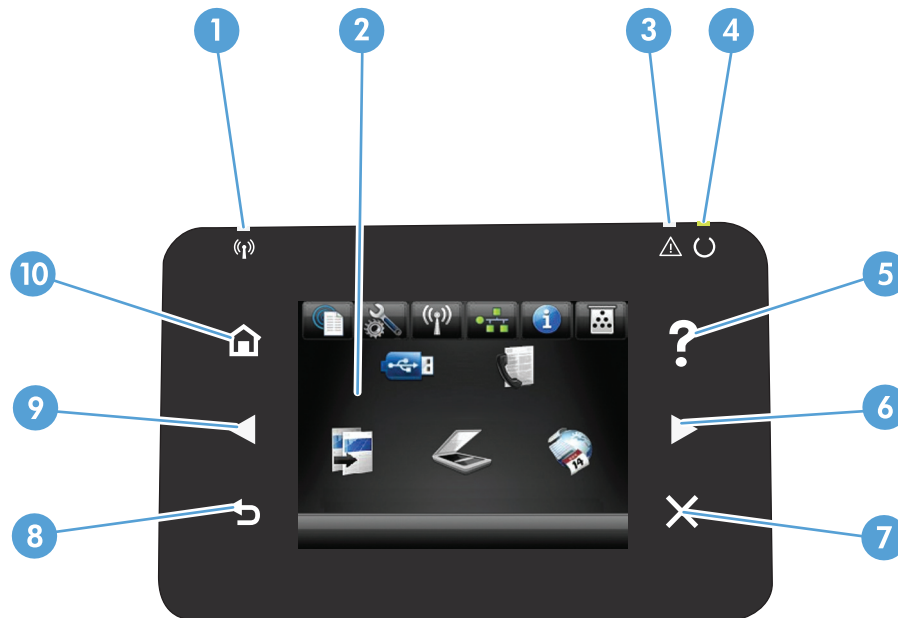


Tên kiểu	Số kiểu
M570dn	CZ271A
M570dw	CZ272A

# Bảng điều khiển

- [Sơ đồ bảng điều khiển](#)
- [Màn hình chính của bảng điều khiển](#)
- [Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển](#)

## Sơ đồ bảng điều khiển



1	Đèn không dây (chỉ có ở các kiểu không dây)	Cho biết mạng không dây đã được bật. Đèn sẽ nhấp nháy khi sản phẩm đang thiết lập kết nối với mạng không dây.
2	Màn hình cảm ứng	Cung cấp truy cập vào các tính năng sản phẩm và cho biết trạng thái hiện thời của sản phẩm
3	Đèn cảnh báo	Cho biết có sự cố xảy ra với sản phẩm
4	Đèn sẵn sàng	Cho biết sản phẩm đã sẵn sàng
5	Đèn và nút trợ giúp	Cung cấp khả năng truy cập vào hệ thống trợ giúp của bảng điều khiển
6	Đèn và nút mũi tên phải	Di con trỏ sang phải hoặc chuyển hình ảnh hiển thị sang màn hình tiếp theo <b>GHI CHÚ:</b> Nút này chỉ sáng khi màn hình hiện tại có thể sử dụng tính năng này.
7	Đèn và nút hủy	Xóa cài đặt, hủy lệnh hiện tại, hoặc thoát khỏi màn hình hiển thị <b>GHI CHÚ:</b> Nút này chỉ sáng khi màn hình hiện tại có thể sử dụng tính năng này.
8	Đèn và nút quay về	Quay lại màn hình trước đó <b>GHI CHÚ:</b> Nút này chỉ sáng khi màn hình hiện tại có thể sử dụng tính năng này.

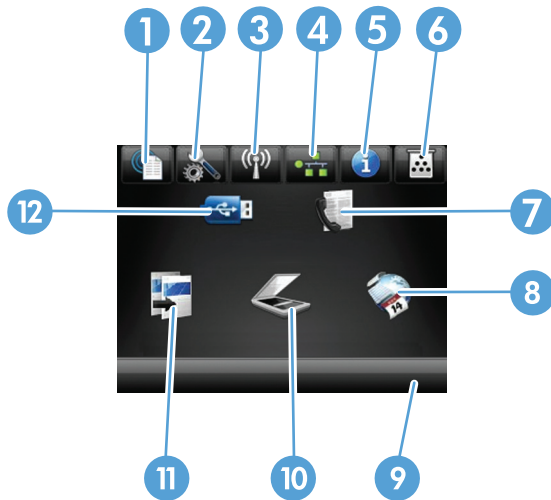


9	Đèn và nút mũi tên trái	Di con trỏ sang bên trái
		<b>GHI CHÚ:</b> Nút này chỉ sáng khi màn hình hiện tại có thể sử dụng tính năng này.
10	Đèn và nút màn hình chính	Cung cấp khả năng truy cập vào Màn hình chính

## Màn hình chính của bảng điều khiển

Màn hình Chính cung cấp khả năng truy cập vào các tính năng của sản phẩm và cho biết trạng thái sản phẩm.

**GHI CHÚ:** Tùy theo cấu hình của sản phẩm, các tính năng trên màn hình Chính có thể khác nhau. Bố cục cũng có thể bị đảo ngược đối với một số ngôn ngữ.



1	Nút Dịch vụ web	Cung cấp khả năng truy cập nhanh vào các tính năng của Dịch vụ Web HP, bao gồm cả HP ePrint  HP ePrint là công cụ in tài liệu bằng cách sử dụng một thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email để gửi tài liệu tới địa chỉ email của sản phẩm.
2	Nút Cài đặt	Cung cấp khả năng truy cập vào các menu chính
3	Nút Không dây  (chỉ có ở các kiểu không dây)	Cung cấp truy cập tới menu Không dây và thông tin trạng thái không dây  <b>GHI CHÚ:</b> Khi bạn được kết nối với mạng không dây, biểu tượng này thay đổi thành một tập hợp các thanh chỉ độ mạnh của tín hiệu.  <b>GHI CHÚ:</b> Nút này không hiển thị khi sản phẩm được kết nối với mạng có dây.
4	Nút Mạng	Cung cấp truy cập và thông tin và cài đặt mạng. Từ màn hình cài đặt mạng, bạn có thể in trang <a href="#">Tóm tắt Thông tin Mạng</a> .  <b>GHI CHÚ:</b> Nút này chỉ hiển thị khi sản phẩm được kết nối mạng.
5	Nút Thông tin	Cung cấp thông tin về trạng thái sản phẩm. Từ màn hình tóm tắt trạng thái, bạn có thể in trang <a href="#">Báo cáo Cấu hình</a> .
6	Nút Mực in	Cung cấp thông tin về tình trạng nguồn cung cấp. Từ màn hình tóm tắt tình trạng mực in, bạn có thể in trang <a href="#">Tình trạng Mực in</a> .
7	Nút Fax	Cung cấp truy cập vào tính năng Fax

8	Nút <b>Ứng dụng</b>	Cung cấp khả năng truy cập vào menu <b>Ứng dụng</b> để in trực tiếp từ các ứng dụng Web mà bạn đã tải xuống từ trang web HP ePrintCenter tại địa chỉ <a href="http://www.hpprintcenter.com">www.hpprintcenter.com</a>
9	Trạng thái sản phẩm	Chỉ sản phẩm đã sẵn sàng hoặc đang xử lý một tác vụ
10	Nút <b>Quét</b>	Cung cấp khả năng truy cập các tính năng quét
11	Nút <b>Sao chép</b>	Cung cấp khả năng truy cập các tính năng sao chép
12	Nút <b>USB</b>	Cung cấp truy cập vào tính năng walkup-USB (đề in và quét mà không cần máy tính)

## Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển

Sản phẩm có hệ thống Trợ giúp cài sẵn giải thích cách sử dụng từng màn hình. Để mở hệ thống Trợ giúp, hãy chạm vào nút Trợ giúp **?** ở góc trên bên phải màn hình.

Đối với một số màn hình, phần Trợ giúp mở ra một menu chung để bạn có thể tìm kiếm các chủ đề cụ thể. Bạn có thể duyệt qua cấu trúc menu bằng cách chạm vào các nút trong menu.


Một số màn hình Trợ giúp có cả hình động sẽ hướng dẫn bạn thực hiện các quy trình, chẳng hạn như gỡ giấy kẹt.

Đối với các màn hình bao gồm phần cài đặt cho mỗi lệnh in, phần Trợ giúp sẽ mở ra một chủ đề giải thích các tùy chọn cho màn hình đó.

Nếu sản phẩm báo lỗi hoặc đưa ra cảnh báo, hãy chạm vào nút Trợ giúp **?** để mở thông báo mô tả sự cố. Thông báo cũng chứa hướng dẫn giúp giải quyết sự cố.

# In các báo cáo sản phẩm

Từ menu **Báo cáo**, bạn có thể in một vài trang thông tin về sản phẩm.

1. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào nút **Báo cáo**.
3. Chạm vào tên báo cáo bạn muốn in.

Mục menu	Mô tả
Trang thử nghiệm	In trang có giới thiệu chất lượng in
Cấu trúc Menu	In bản đồ bố cục menu bằng điều khiển. Các cài đặt hiện có cho từng menu sẽ được liệt kê.
Báo cáo Cấu hình	In danh sách tất cả các cài đặt sản phẩm. Bao gồm thông tin mạng cơ bản khi sản phẩm được kết nối mạng.
Tình trạng Mục in	In tình trạng của từng hộp mực in, bao gồm các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• Phần trăm ước tính lượng mực còn lại</li><li>• Số trang còn lại gần đúng</li><li>• Số bộ phận của hộp mực in HP</li><li>• Số các trang được in</li></ul>
Tóm tắt Thông tin Mạng	In danh sách tất cả các cài đặt mạng của sản phẩm.
Số lượng trang đã dùng	In một trang có liệt kê các trang PCL, PCL 6, PS, các trang bị kẹt, bị chọn nhầm trong sản phẩm, các trang in đơn sắc (trắng đen) hoặc màu; và báo cáo số trang
Danh sách phong PCL	In danh sách tất cả các kiểu chữ PCL đã được cài đặt
Danh sách phong PCL	In danh sách tất cả các kiểu chữ PostScript (PS) đã được cài đặt
Danh sách phong PCL	In danh sách tất cả các kiểu chữ PCL6 đã được cài đặt
Nhật ký Sử dụng Màu	In một báo cáo có hiển thị tên người dùng, tên ứng dụng, và thông tin sử dụng màu trên từng tác vụ in riêng biệt
Trang Dịch vụ	In báo cáo dịch vụ
Trang Chẩn đoán	In các trang hiệu chỉnh và trang chẩn đoán màu
In Trang Chất lượng	In một trang giúp giải quyết các vấn đề về chất lượng in



---

## 2 Khay giấy

- [Các khổ giấy được hỗ trợ](#)
- [Loại giấy được hỗ trợ](#)
- [Khay 1](#)
- [Khay 2](#)
- [Khay 3 Tùy chọn](#)
- [Nạp và in nhãn](#)

## Các khổ giấy được hỗ trợ



**GHI CHÚ:** Để có kết quả in tốt nhất, hãy chọn đúng khổ giấy và loại giấy trong trình điều khiển máy in trước khi in.

**Bảng 2-1** Các khổ giấy được hỗ trợ


Chiều và kích thước	Khay 1	Khay 2	Khay 3 (tùy chọn)	In hai mặt tự động
Letter (Thư) 216 x 279 mm	✓	✓	✓	✓
Legal 216 x 356 mm	✓		✓	✓
A4 210 x 297 mm	✓	✓	✓	✓
RA4 215 x 305 mm	✓		✓	✓
A5 148 x 210 mm	✓	✓	✓	✓
B5 (JIS) 182 x 257 mm	✓	✓	✓	✓
B6 (JIS) 128 x 182 mm	✓			
Executive 184 x 267 mm	✓	✓	✓	✓
Statement 140 x 216 mm	✓			
4x6 102 x 152 mm	✓			
10 x 15 cm 102 x 152 mm	✓			
3x5 76 x 127 mm	✓			
5x7 127 x 178 mm	✓			
5x8 127 x 203 mm	✓			

**Bảng 2-1 Các khổ giấy được hỗ trợ (còn tiếp)**

Chiều và kích thước	Khay 1	Khay 2	Khay 3 (tùy chọn)	In hai mặt tự động
A6 105 x 148 mm	✓			
Bưu thiếp (JIS) 100 x 148 mm 3,9 x 5,8 inch	✓			
D Postcard (Bưu thiếp Kép - JIS) 200 x 148 mm	✓			
16K 184 x 260 mm	✓	✓	✓	✓
16K 195 x 270 mm	✓	✓	✓	✓
16K 197 x 273 mm	✓	✓	✓	✓
8,5 x 13 216 x 330 mm	✓		✓	✓
Phong bì #10 105 x 241 mm	✓			
Phong bì B5 176 x 250 mm	✓			
Phong bì C5 162 x 229 mm	✓			
Phong bì DL 110 x 220 mm	✓			
Phong bì Monarch 98 x 191 mm	✓			
Custom (Tùy chỉnh) 76 x 127 mm đến 216 x 356 mm	✓			
Tùy chỉnh 148 x 210 mm đến 216 x 297 mm		✓		
Custom (Tùy chỉnh) 148 x 210 mm đến 216 x 356 mm			✓	✓

## Loại giấy được hỗ trợ

Xin đến [www.hp.com/support/lj500colorMFPM570](http://www.hp.com/support/lj500colorMFPM570) để có danh sách đầy đủ về giấy mang nhãn hiệu HP cụ thể mà sản phẩm này hỗ trợ.

 **GHI CHÚ:** Để có kết quả in tốt nhất, hãy chọn đúng khổ giấy và loại giấy trong trình điều khiển máy in trước khi in.

Loại giấy	Khay 1	Khay 2 <sup>1</sup>	Khay 3 (tùy chọn)	In hai mặt tự động
Thường	✓	✓	✓	✓
Nhẹ 60-74g	✓	✓	✓	✓
Trọng lượng trung bình 96-110g	✓	✓	✓	✓
Nặng 111-130g	✓	✓	✓	✓
Siêu Nặng 131-175g	✓		✓	✓
Siêu Nặng 131-163g		✓		
Phim trong suốt màu	✓	✓	✓	
Nhãn	✓		✓	
Tiêu đề thư	✓	✓	✓	✓
In sẵn	✓	✓	✓	✓
Dập lỗ trước	✓	✓	✓	✓
Màu	✓	✓	✓	✓
Ráp	✓	✓	✓	✓
Liên kết	✓	✓	✓	✓
Tái chế	✓	✓	✓	✓
Phong bì	✓			
Tập thẻ 176-220g	✓			
Giấy láng trọng lượng trung bình 105-110g	✓	✓		✓
Giấy láng nặng 111-130g	✓	✓	✓	✓
Giấy láng siêu nặng 131-175g	✓	✓	✓	✓
Giấy láng thẻ 176-220g	✓	✓	✓	✓
Phim đục	✓	✓	✓	✓
Giấy HP EcoSMART Lite	✓	✓	✓	✓
Giấy Dai HP	✓	✓	✓	✓
Giấy HP Matte 105g	✓	✓	✓	✓
Giấy HP Matte 120g	✓	✓	✓	✓
Giấy HP Matte 160g	✓	✓	✓	✓
Giấy HP Matte 200g	✓			
Giấy láng mềm HP 120g	✓	✓	✓	✓



Loại giấy	Khay 1	Khay 2 <sup>1</sup>	Khay 3 (tùy chọn)	In hai mặt tự động
Giấy láng HP 130g	✓	✓	✓	✓
Giấy láng HP 160g	✓	✓	✓	✓
Giấy láng HP 220g	✓	✓	✓	✓

<sup>1</sup> Chiều cao chồng giấy cho Khay 2 là 100 tờ đối với giấy láng và 20 mm đối với giấy mềm (A5, A6, 4x6 và theo hướng ngang).

# Khay 1

- [Khả năng chứa giấy của khay và hướng giấy](#)
- [Nạp Khay 1](#)

## Khả năng chứa giấy của khay và hướng giấy

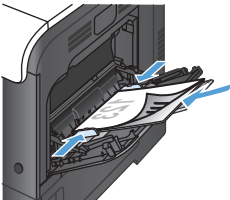
Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo mặt trên của xếp giấy ở dưới chỉ báo khay đầy. Đối với giấy ngắn/hẹp và giấy nặng/láng, nạp giấy chưa đến một nửa chỉ báo khay đầy. Đối với giấy ngắn/hẹp và giấy nặng/láng, nạp giấy chưa đến một nửa chỉ báo khay đầy.

**Bảng 2-2** Dung lượng Khay 1

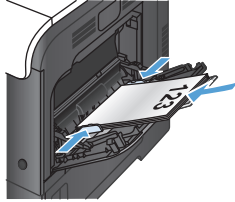
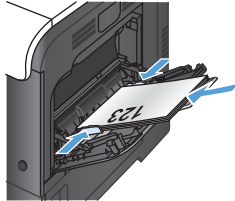
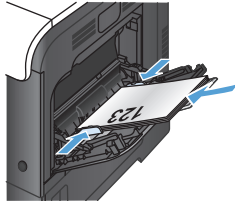
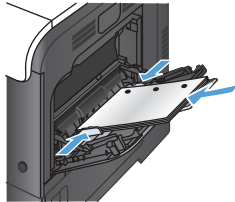
Loại giấy	Thông số kỹ thuật	Số lượng
Giấy	Phạm vi:	Chiều cao tối đa của tập giấy 10 mm
	60 g/m <sup>2</sup> đến 220 g/m <sup>2</sup>	Tương đương với 100 trang giấy nặng 75 g/m <sup>2</sup>
Phong bì	Dưới 60 g/m <sup>2</sup> đến 90 g/m <sup>2</sup>	Tối đa 10 phong bì
Nhân	Tối đa: dày 0,102 mm	Chiều cao tối đa của tập giấy 10 mm
Giấy bóng kiếng	Tối thiểu: dày 0,102 mm	Chiều cao tối đa của tập giấy 10 mm
		Tối đa 50 tờ
Giấy láng	Phạm vi:	Chiều cao tối đa của tập giấy 10 mm
	105 g/m <sup>2</sup> đến 220 g/m <sup>2</sup>	Tối đa 50 tờ

**Bảng 2-3** Hướng giấy khay 1

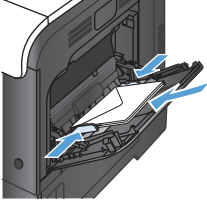
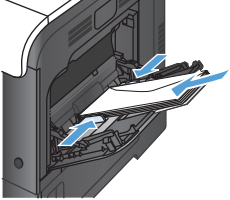
Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy
In sẵn hoặc tiêu đề thư	Chân dung	In 1 mặt	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng vào trong sản phẩm



**Bảng 2-3** Hướng giấy khay 1 (còn tiếp)

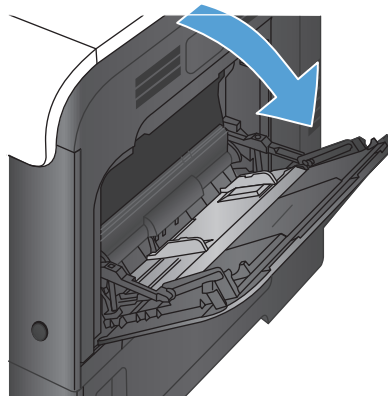
Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy
		in 2 mặt	Mặt hướng lên Cạnh dưới hướng vào trong sản phẩm 
	Ngang	In 1 mặt	Mặt hướng lên Cạnh trên hướng về phía trước sản phẩm 
		in 2 mặt	Mặt hướng lên Cạnh trên hướng về phía trước sản phẩm 
Dập lỗ trước	Dọc hoặc ngang	In 1 hoặc 2 mặt	Các lỗ hướng về phía sau sản phẩm 

**Bảng 2-3** Hướng giấy khay 1 (còn tiếp)

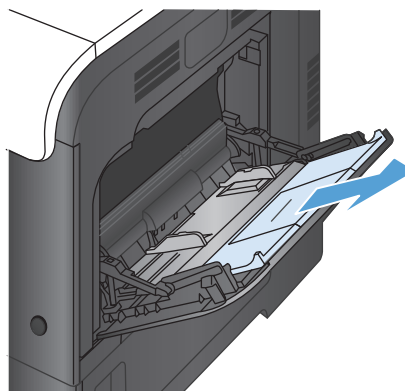
Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy
Phong bì	Cạnh dài của phong bì tiếp vào sản phẩm	In 1 mặt	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng vào trong sản phẩm
			
	Cạnh ngắn của phong bì tiếp vào sản phẩm	In 1 mặt	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm
			

## Nạp Khay 1

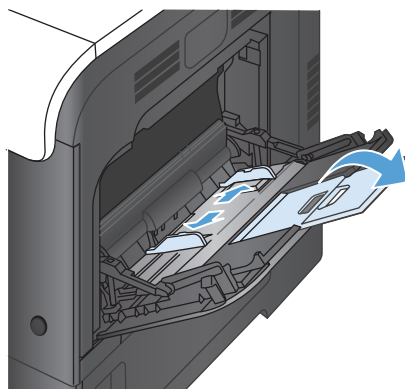
1. Mở Khay 1.



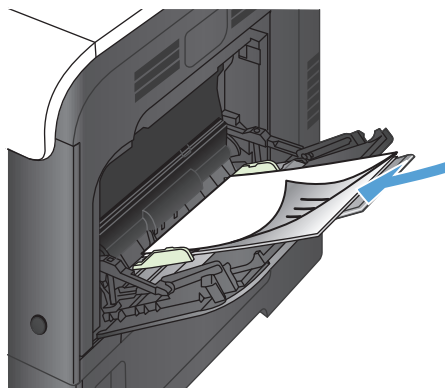
2. Trượt phần mở rộng của khay ra.



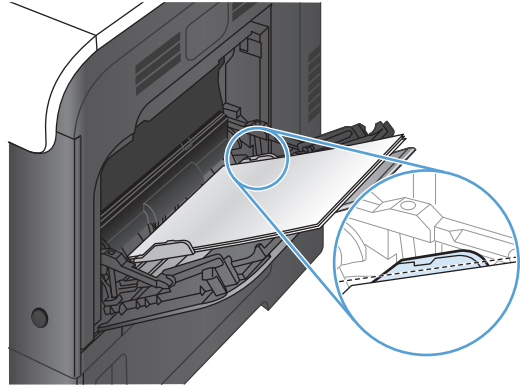
3. Mở phần mở rộng của khay để đỡ giấy và mở các thanh dẫn hướng bên.



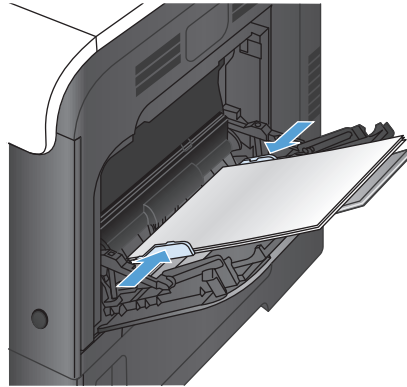
4. Nạp giấy vào khay với mặt in hướng xuống dưới và lê trên đi vào máy in trước.



5. Đảm bảo xếp giấy vừa dưới các vấu trên các thanh dẫn và không vượt quá các chỉ báo khay giấy.



6. Điều chỉnh các thanh dẫn cạnh sao cho chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.



## In phong bì

Nếu phần mềm của bạn không tự động định dạng phong bì, chọn định hướng trang là **Landscape** (Ngang) trong chương trình phần mềm hoặc trình điều khiển in. Sử dụng các hướng dẫn sau để đặt lề cho địa chỉ trả lại và địa chỉ đến trên những phần mềm #10 hoặc DL thương mại:

Loại địa chỉ	Lề trái	Lề trên
Trả lại	15 mm	15 mm
Đích	102 mm	51 mm

Với các khổ phong bì khác, hãy điều chỉnh cài đặt lề tùy theo.

## Khay 2

- [Khả năng chứa giấy của khay và hướng giấy](#)
- [Nạp Khay 2](#)

### Khả năng chứa giấy của khay và hướng giấy

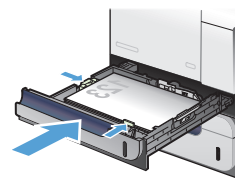
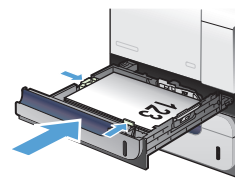
Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo mặt trên của xếp giấy ở dưới chỉ báo khay đầy. Đối với giấy ngắn/hẹp và giấy nặng/láng, nạp giấy chưa đến một nửa chỉ báo khay đầy.

**Bảng 2-4** Dung lượng Khay 2

Loại giấy	Thông số kỹ thuật	Số lượng
Giấy	Phạm vi: 60 g/m <sup>2</sup> đến 220 g/m <sup>2</sup>	Tương đương với 250 trang giấy nặng 75 g/m <sup>2</sup>  Chiều cao tối đa của tập giấy 25 mm  Đối với các khổ giấy A5, A6 và 4x6 và với giấy in theo hướng nằm ngang, chiều cao tối đa của tập giấy là 15 mm.
Giấy bóng kiếng	Tối thiểu: dày 0,102 mm	Chiều cao tối đa của tập giấy 25 mm
Giấy láng	Phạm vi: 105 g/m <sup>2</sup> đến 220 g/m <sup>2</sup>	100 tờ

**Bảng 2-5** Hướng giấy khay 2

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy
In sẵn hoặc tiêu đề thư	Chân dung	In 1 mặt	Mặt hướng lên Cạnh trên ở bên phải của khay
		in 2 mặt	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở bên trái của khay



**Bảng 2-5** Hướng giấy khay 2 (còn tiếp)

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy
	Ngang	In 1 mặt	Mặt hướng lên Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm
		In 2 mặt	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng về phía trước sản phẩm
Dập lỗ trước	Dọc hoặc ngang	In 1 hoặc 2 mặt	Các lỗ hướng về phía sau sản phẩm

## Nạp Khay 2

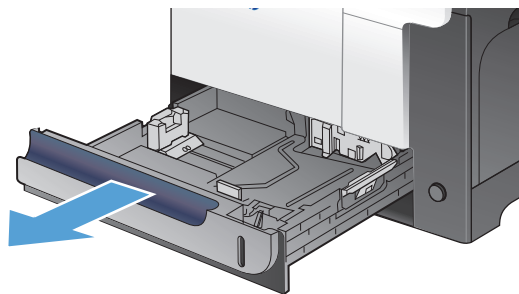
Khay này chứa được tối đa 250 trang giấy 75 g/m<sup>2</sup>. Nếu giấy nặng hơn, khay sẽ chứa được ít hơn. Không nạp quá nhiều giấy vào khay.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Không in phong bì, nhãn, bưu thiếp, hoặc các khổ giấy không được hỗ trợ từ Khay 2. Chỉ in các loại giấy này từ Khay 1.

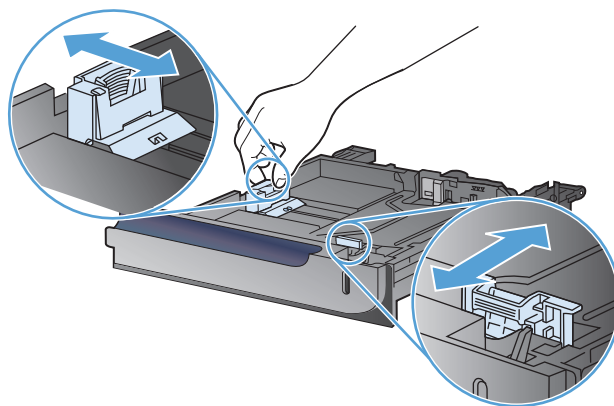


1. Trượt mở khay.

**GHI CHÚ:** Không mở khay trong khi đang sử dụng nó.



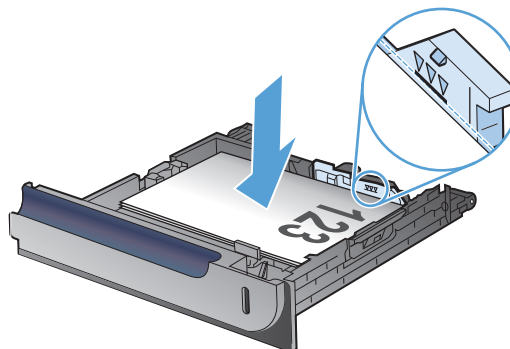
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và chiều ngang bằng cách sử dụng các chốt và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy được sử dụng.



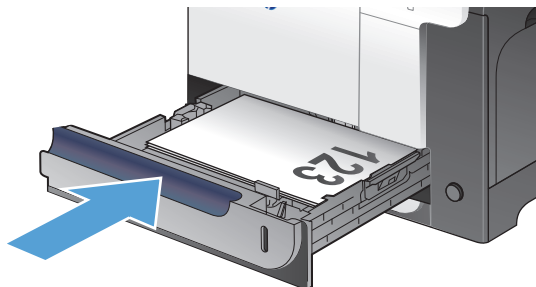
3. Nạp giấy vào khay với mặt in hướng lên trên. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào xếp giấy, nhưng không làm cong xếp giấy.

**GHI CHÚ:** Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo mặt trên của xếp giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.

**GHI CHÚ:** Nếu khay không được điều chỉnh đúng, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.



4. Trượt khay vào trong sản phẩm.



## Khay 3 Tùy chọn

- [Khả năng chứa giấy của khay và hướng giấy](#)
- [Nạp Khay 3](#)

### Khả năng chứa giấy của khay và hướng giấy

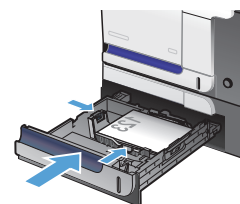
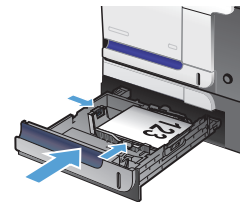
Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo mặt trên của xếp giấy ở dưới chỉ báo khay đầy. Đối với giấy ngắn/hẹp và giấy nặng/láng, nạp giấy chưa đến một nửa chỉ báo khay đầy.

**Bảng 2-6** Dung lượng Khay 3

Loại giấy	Thông số kỹ thuật	Số lượng
Giấy	Phạm vi: 60 g/m <sup>2</sup> đến 220 g/m <sup>2</sup>	Tương đương với 500 trang giấy nặng 75 g/m <sup>2</sup> Chiều cao tối đa của tập giấy 56 mm
Nhãn	Tối đa: dày 0,102 mm	Chiều cao tối đa của tập giấy 56 mm
Giấy bóng kiếng	Tối thiểu: dày 0,102 mm	Chiều cao tối đa của tập giấy 56 mm
Giấy láng	Phạm vi: 105 g/m <sup>2</sup> đến 220 g/m <sup>2</sup>	Chiều cao tối đa của tập giấy 56 mm

**Bảng 2-7** Hướng giấy khay 3

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy
In sẵn hoặc tiêu đề thư	Chân dung	In 1 mặt	Mặt hướng lên Cạnh trên ở bên phải của khay
		In 2 mặt	Mặt hướng xuống Cạnh trên ở bên trái của khay



**Bảng 2-7** Hướng giấy khay 3 (còn tiếp)

Loại giấy	Hướng hình	Chế độ in hai mặt	Cách nạp giấy
	Ngang	In 1 mặt	Mặt hướng lên Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm
		in 2 mặt	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng về phía trước sản phẩm
Dập lỗ trước	Dọc hoặc ngang	In 1 hoặc 2 mặt	Các lỗ hướng về phía sau sản phẩm

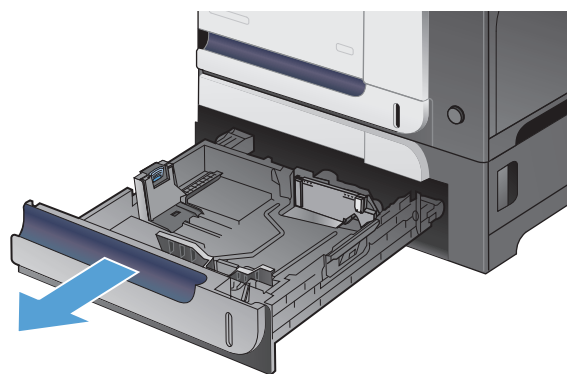
## Nạp Khay 3

Khay này chứa được tối đa 500 trang giấy 75 g/m<sup>2</sup>. Nếu giấy nặng hơn, khay sẽ chứa được ít hơn. Không nạp quá nhiều giấy vào khay.

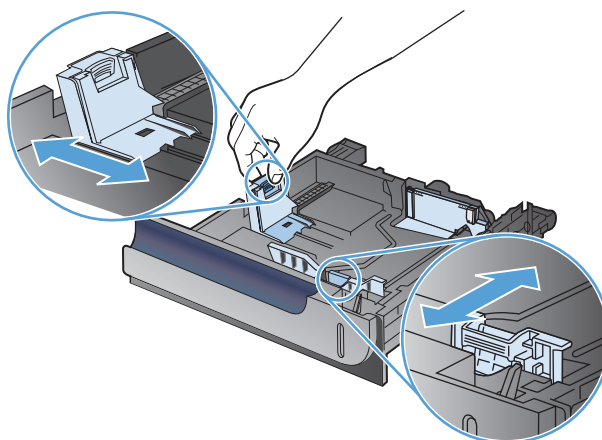
**⚠ THẬN TRỌNG:** Không in phong bì, bưu thiếp, hoặc các khổ giấy không được hỗ trợ từ Khay 3. Chỉ in các loại giấy này từ Khay 1.

1. Trượt mở khay.

**GHI CHÚ:** Không mở khay trong khi đang sử dụng nó.



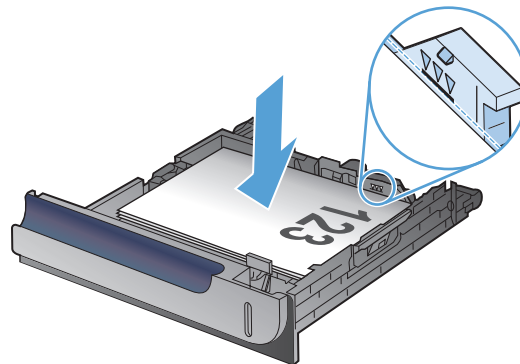
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc và chiều ngang bằng cách sử dụng các chốt và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy được sử dụng.



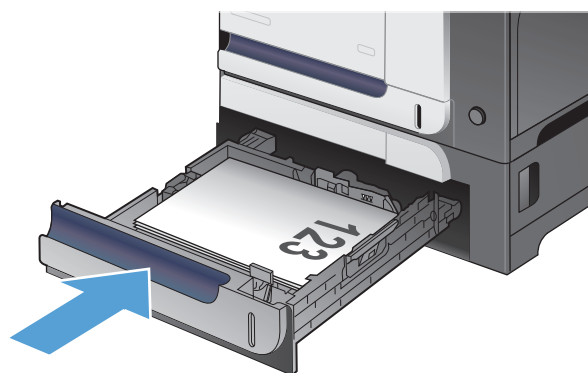
3. Nạp giấy vào khay với mặt in hướng lên trên. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào xếp giấy, nhưng không làm cong xếp giấy.

**GHI CHÚ:** Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo mặt trên của xếp giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.

**GHI CHÚ:** Nếu khay không được điều chỉnh đúng, một thông báo lỗi có thể hiển thị trong khi in hoặc giấy có thể bị kẹt.



4. Trượt khay giấy vào sản phẩm.



# Nạp và in nhãn

## Giới thiệu


Để in trên tờ nhãn, sử dụng khay 2 hoặc một trong các khay 550 tờ tùy chọn. Khay 1 không hỗ trợ nhãn.


Để in nhãn bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp nhãn vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in. Khi sử dụng tiếp giấy thủ công, máy in sẽ chờ để in lệnh in cho đến khi máy phát hiện khay đã được mở và đóng.

## Tiếp nhãn theo cách thủ công

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

---


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

---

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các tờ nhãn.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Labels** (Nhãn).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).

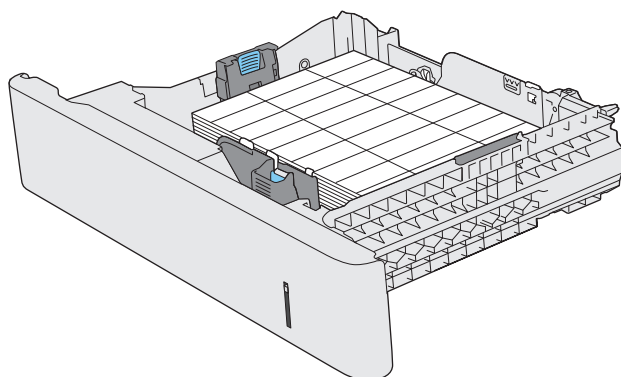
---

 **GHI CHÚ:** Khi sử dụng tiếp giấy thủ công, máy in sẽ in từ khay được đánh số thấp nhất, được cấu hình cho kích thước giấy đúng, vì vậy bạn không cần xác định khay cụ thể. Ví dụ, nếu Khay 2 được cấu hình cho nhãn, máy in sẽ in từ Khay 2. Nếu Khay 3 được cài đặt và cấu hình cho nhãn, nhưng Khay 2 không được cấu hình cho nhãn, máy in sẽ in từ Khay 3.

---

7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

9. Nạp từng tờ nhấn với mặt hướng lên có đầu trên của tờ giấy hướng về bên phải máy in.



---

## 3 Các bộ phận, nguồn cấp và phụ kiện

- [Đặt hàng các bộ phận, phụ kiện và mực in](#)
- [Chính sách của HP về mực in không phải của HP](#)
- [Trang web giả mạo HP](#)
- [In khi hộp mực in gần hết tuổi thọ ước tính](#)
- [Bật hoặc tắt cài đặt ngưỡng Gần hết](#)
- [Các bộ phận tự sửa chữa](#)
- [Phụ kiện](#)
- [Hộp mực in](#)
- [Bộ thu gom bột mực](#)

## Đặt hàng các bộ phận, phụ kiện và mực in

---

Giấy và hộp mực in HP chính hãng	<a href="http://www.hp.com/go/suresupply">www.hp.com/go/suresupply</a>
Đặt hàng các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	<a href="http://www.hp.com/buy/parts">www.hp.com/buy/parts</a>
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.


---



## Chính sách của HP về mực in không phải của HP

HP không khuyến nghị sử dụng các hộp mực không phải của HP, dù là còn mới hay đã tái chế.

---

 **GHI CHÚ:** Đối với các sản phẩm máy in HP, việc sử dụng hộp mực in không phải của HP hoặc hộp mực in được nạp lại sẽ không ảnh hưởng đến bảo hành hoặc bất kỳ hợp đồng hỗ trợ nào của HP dành cho khách hàng. Tuy nhiên, nếu sản phẩm bị lỗi hoặc hỏng hóc do việc sử dụng hộp mực in không phải của HP hoặc hộp mực in được nạp lại, HP sẽ tính phí thời gian tiêu chuẩn và phí nguyên vật liệu để bảo dưỡng sản phẩm đối với lỗi hoặc hỏng hóc cụ thể.

---

## Trang web giả mạo HP

Truy cập vào [www.hp.com/go/anticounterfeit](http://www.hp.com/go/anticounterfeit) khi bạn lắp một hộp mực in HP và nhận được thông báo trên bảng điều khiển cho biết hộp mực này không phải của HP. HP sẽ giúp xác định xem liệu hộp mực này có phải của chính hãng hay không và thực hiện các bước để khắc phục sự cố.

Hộp mực của bạn có thể không phải là hộp mực chính hãng của HP nếu bạn thấy những hiện tượng sau:

- Trang tình trạng nguồn cung cấp cho biết đã lắp một hộp mực in không phải của HP.
- Bạn gặp phải nhiều sự cố với hộp mực này.
- Hộp mực này trông không giống như hộp mực mọi khi (ví dụ như bao gói khác với kiểu bao gói của HP).

## In khi hộp mực in gần hết tuổi thọ ước tính

**Mực đen còn ít:** Sản phẩm sẽ cho biết khi một hộp mực in còn ít. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay lúc này.


**Mực đen Gần hết:** Sản phẩm sẽ cho biết khi một hộp mực in gần hết. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Khi hộp mực in HP "gần hết", Bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP trên hộp mực in đó sẽ chấm dứt.

Bạn có thể thay đổi cách sản phẩm phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết. Bạn không phải thiết lập lại các cài đặt này khi bạn cài đặt một hộp mực in mới.

## Bật hoặc tắt cài đặt ngưỡng Gần hết

Bạn có thể bật hoặc tắt cài đặt mặc định này bất cứ lúc nào và bạn không phải bật lại cài đặt này khi lắp hộp mực mới.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Mở các menu sau:
  - Cài đặt Hệ thống
  - Cài đặt Mực in
  - Hộp mực đen
  - Cài đặt cho mức Gần hết
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
  - Chọn tùy chọn **Tiếp tục** để đặt sản phẩm thành sẽ cảnh báo khi hộp mực gần hết nhưng vẫn tiếp tục in.
  - Chọn tùy chọn **Dừng** để đặt sản phẩm thành sẽ ngừng in (kể cả in bản fax) cho tới khi bạn thay thế hộp mực in.
  - Chọn tùy chọn **Lời nhắc** để đặt sản phẩm thành sẽ ngừng in (kể cả in bản fax) và nhắc bạn thay thế hộp mực in. Bạn có thể xác nhận lời nhắc và tiếp tục in. Tùy chọn mà khách hàng có thể định cấu hình trên sản phẩm này là "Nhắc tôi khi in được 100 trang, 200 trang, 300 trang, 400 trang hoặc không bao giờ nhắc". Tùy chọn này được cung cấp nhằm để thuận tiện cho khách hàng và không ám chỉ rằng các trang này sẽ có chất lượng in có thể chấp nhận được.

Khi sản phẩm được cài sang tùy chọn **Dừng**, có một vài nguy cơ là các bản fax sẽ không in được sau khi lắp hộp mực mới nếu sản phẩm của bạn đã nhận được nhiều bản fax hơn so với bộ nhớ có thể giữ trong khi dừng.

Khi sản phẩm được cài sang tùy chọn **Lời nhắc**, có một vài nguy cơ là các bản fax sẽ không in được sau khi lắp hộp mực mới nếu sản phẩm của bạn đã nhận được nhiều bản fax hơn so với bộ nhớ có thể giữ trong khi sản phẩm chờ lời nhắc để được xác nhận.

Khi hộp mực in HP **Gần hết**, Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP trên hộp mực in đó sẽ chấm dứt. Tất cả lỗi in hay trục trặc ở hộp mực xảy ra khi hộp mực in HP được sử dụng ở chế độ **Tiếp tục** khi gần hết sẽ không được xem là lỗi vật liệu hay khả năng vận hành của hộp mực in theo Tuyên bố Bảo hành Hộp mực In của HP.

## Các bộ phận tự sửa chữa

Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng sau đây có sẵn cho sản phẩm.

- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Bắt buộc** sẽ do khách hàng lắp đặt trừ khi bạn sẵn sàng trả tiền cho nhân viên dịch vụ của HP để thực hiện việc sửa chữa. Đối với những bộ phận này, hỗ trợ tại chỗ hoặc trả lại kho không được cung cấp theo bảo hành sản phẩm HP.
- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Tùy chọn** có thể do nhân viên dịch vụ của HP lắp đặt theo yêu cầu của bạn mà không phải trả thêm phí trong thời gian bảo hành sản phẩm.



**GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập [www.hp.com/go/learnaboutsups](http://www.hp.com/go/learnaboutsups).

**Bảng 3-1** Các bộ phận tự sửa chữa

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Bộ phận cửa trước	Cửa trước thay thế	Bắt buộc	CZ271-67901
Bộ con lăn khay 1	Trục nạp và đệm ngăn cách của Khay 1	Bắt buộc	CD644-67903
Bộ con lăn Khay 2 và 3	Con lăn nạp và con lăn ngăn cách của Khay 2 và Khay 3	Bắt buộc	CD644-67904
Bộ thanh dẫn ngược hai mặt	Thanh dẫn ngược hai mặt thay thế	Bắt buộc	CC468-67913
Bộ cửa bên phải	Cửa bên phải khay 500 tờ, chốt cửa và liên kết cửa	Bắt buộc	CC468-67906
Bộ con lăn-chuyển phụ	Con lăn T2 thay thế	Bắt buộc	CD644-67914
Bộ khay nạp giấy 500 tờ (Khay 3)	Khay nạp giấy 500 tờ thay thế	Bắt buộc	CF084-67901
Tủ Máy in HP LaserJet	Tủ lưu trữ được lắp đặt bên dưới sản phẩm	Bắt buộc	CD644-67917

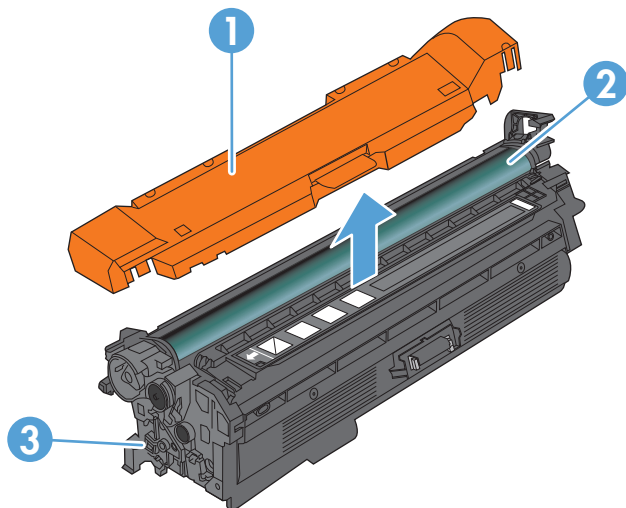
## Phụ kiện

Mục	Mô tả	Số bộ phận
1 khay nạp Giấy 500 tờ của HP Color LaserJet	Khay nạp giấy 500 tờ (Khay 3 tùy chọn)	CF084A
Tủ Máy in HP LaserJet	Tủ lưu trữ được lắp đặt bên dưới sản phẩm	CF085A
Cáp USB	Đầu nối thiết bị tương thích với USB chuẩn 2 mét	C6518A

## Hộp mực in

- [Hình ảnh hộp mực in](#)
- [Thông tin về hộp mực in](#)
- [Thay thế hộp mực in](#)

### Hình ảnh hộp mực in



1 Tấm bảo vệ bằng nhựa

2 Trống hình

**THẬN TRỌNG:** Không sờ con lăn màu xanh lá cây. Chạm vào con lăn này có thể làm hỏng hộp mực.

3 Chip bộ nhớ

### Thông tin về hộp mực in

Màu	Số hộp mực	Số bộ phận
Hộp mực in màu đen thay thế có dung lượng chuẩn	507A	CE400A
Hộp mực in màu đen thay thế có dung lượng cao	507X	CE400X
Hộp mực in màu xanh lá mạ thay thế	507A	CE401A
Hộp mực in màu vàng thay thế	507A	CE402A
Hộp mực in màu đỏ tươi thay thế	507A	CE403A

**Các tính năng môi trường:** Tái chế hộp mực in bằng cách sử dụng chương trình tái chế và trả lại Đối tác Toàn cầu của HP.

Để biết thêm thông tin về nguồn cung cấp, hãy truy cập [www.hp.com/go/learnaboutesupplies](http://www.hp.com/go/learnaboutesupplies).

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo. Để xem thông tin về nguồn cung cấp mới nhất, truy cập vào [www.hp.com/go/lj500colorMFPM570\\_manuals](http://www.hp.com/go/lj500colorMFPM570_manuals).

## Tái chế hộp mực in

Để tái chế một hộp mực in HP chính hãng, hãy bỏ hộp mực đã sử dụng vào hộp chứa của hộp mực mới. Sử dụng nhãn gửi lại đính kèm để gửi lại hộp mực đã sử dụng cho HP tái chế. Để biết thông tin đầy đủ, hãy xem hướng dẫn tái chế được cung cấp kèm theo mỗi hộp mực in HP mới.

## Bảo quản hộp mực in

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

**⚠ THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để hộp mực tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút. Che đậy trống hình nếu phải tháo hộp mực in ra khỏi sản phẩm trong một thời gian dài.

## Chính sách của HP về các loại hộp mực in không phải của HP

HP không khuyến nghị sử dụng các hộp mực không phải của HP, dù là còn mới hay đã tái chế.

**📝 GHI CHÚ:** Mọi hư hỏng gây ra bởi hộp mực không phải của HP sẽ không nằm trong phạm vi bảo hành và thỏa thuận dịch vụ của HP.

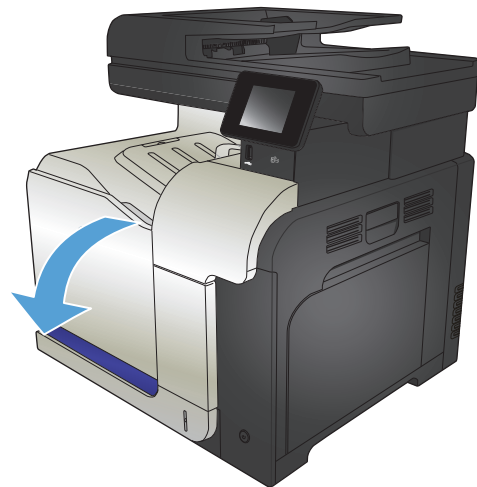
## Thay thế hộp mực in

Sản phẩm sử dụng bốn màu và mỗi màu có một hộp mực in riêng: đen (K), đỏ tươi (M), xanh lá mạ (C), và vàng (Y).

**⚠ THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

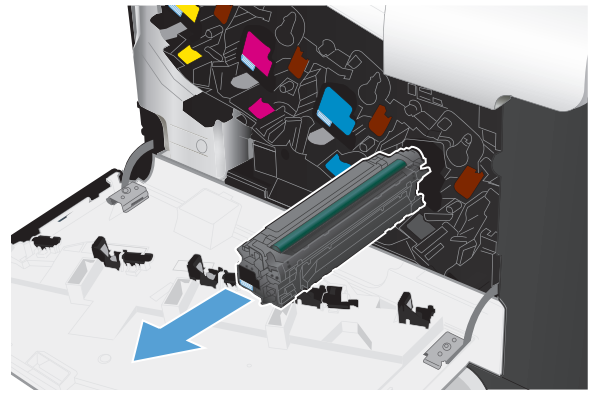
**📝 GHI CHÚ:** Thông tin về việc tái chế hộp mực in đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực in.

1. Mở cửa trước. Đảm bảo rằng cửa mở hoàn toàn.

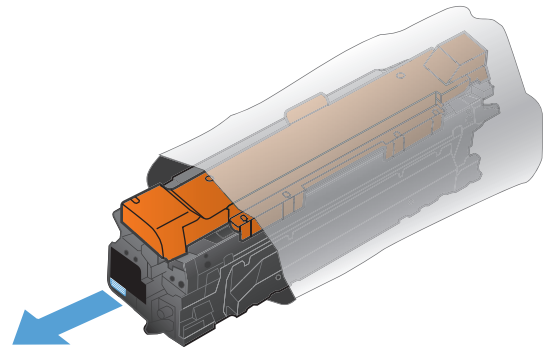




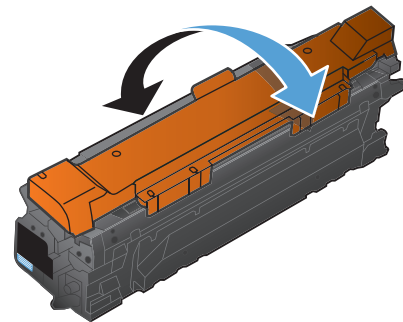
2. Nắm lấy tay cầm của hộp mực in đã qua sử dụng và kéo nó ra.



3. Tháo hộp mực in mới ra khỏi túi bảo vệ.



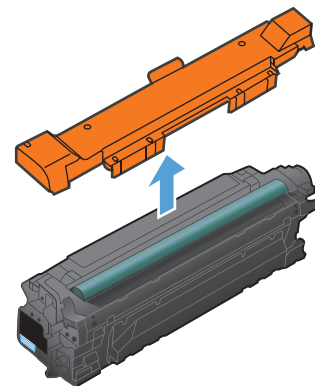
4. Nắm cả hai mặt của hộp mực in và phân bố bột mực bằng cách lắc nhẹ hộp mực in.



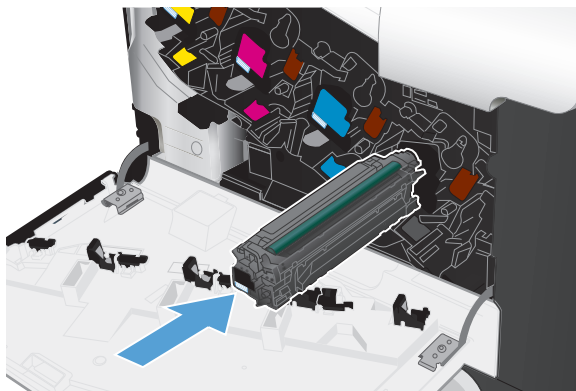
5. Tháo tấm nhựa bảo vệ ra khỏi hộp mực in.

**THẬN TRỌNG:** Tránh tiếp xúc lâu với ánh sáng.

**THẬN TRỌNG:** Không sờ con lăn màu xanh lá cây. Chạm vào con lăn này có thể làm hỏng hộp mực.

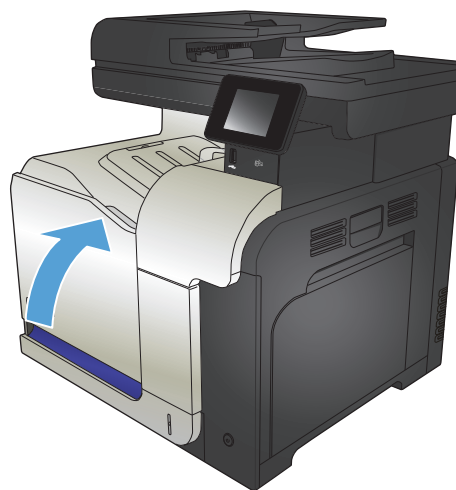


6. Canh hộp mực in với khe cắm của nó và lắp hộp mực in vào cho tới khi nó khớp vào vị trí.



7. Đóng cửa trước.

**THẬN TRỌNG:** Để tránh hỏng hóc, hãy đảm bảo rằng tất cả các hộp mực đã được lắp vào hoàn toàn trước khi đóng cửa.




# Bộ thu gom bột mực


Mục	Mô tả	Số bộ phận
Bộ thu gom Bột mực	Đồ chứa bột mực thải	CE254A

Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập [www.hp.com/go/learnaboutsupplies](http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies).

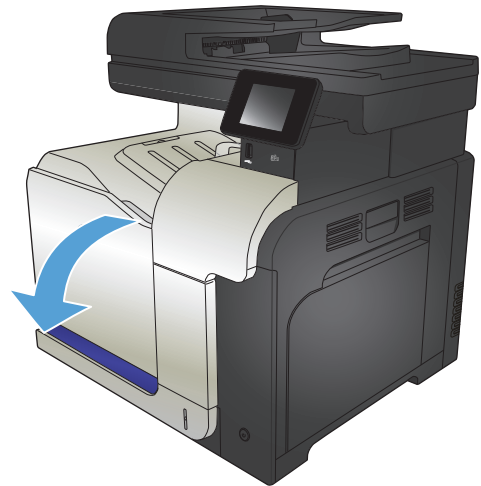
## Thay bộ thu gom bột mực

Thay bộ thu gom bột mực khi bảng điều khiển sản phẩm nhắc bạn làm như vậy.

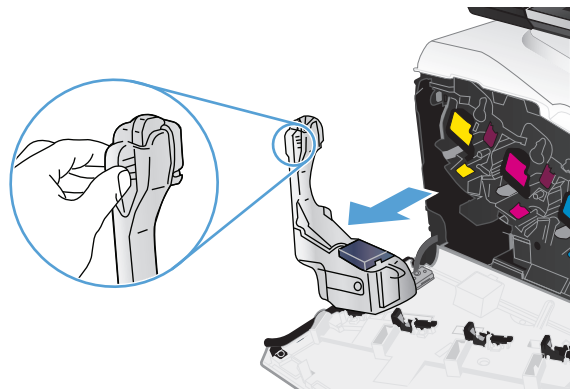
 **GHI CHÚ:** Bộ thu gom bột mực được thiết kế để sử dụng một lần. Không tìm cách dọn sạch bộ thu gom bột mực này và sử dụng lại. Làm như vậy có thể dẫn tới việc bộ mực bị đổ vào trong sản phẩm và làm giảm chất lượng in. Sau khi sử dụng, hãy gửi bộ thu gom bột mực trả lại cho chương trình tái chế của Đối tác Toàn cầu của HP.

 **GHI CHÚ:** Nếu in những tài liệu yêu cầu phải dùng lượng bột mực phủ dày, bộ thu gom bột mực có thể đầy nhanh chóng. Nếu in những loại tài liệu này, HP khuyên bạn nên có sẵn một bộ thu gom bột mực khác.

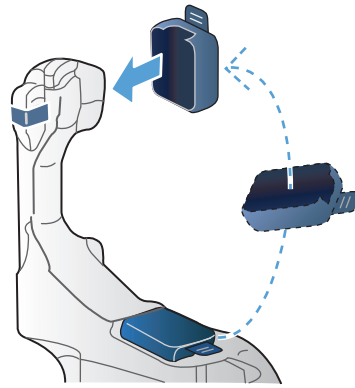
1. Mở cửa trước. Đảm bảo rằng cửa mở hoàn toàn.



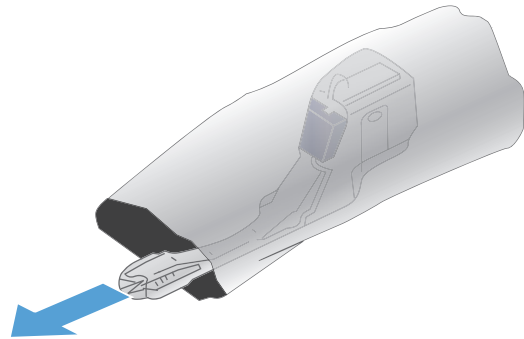
2. Nắm lấy nhãn màu xanh da trời phía trên cùng của bộ thu gom bột mực và tháo bộ thu gom bột mực ra khỏi sản phẩm.



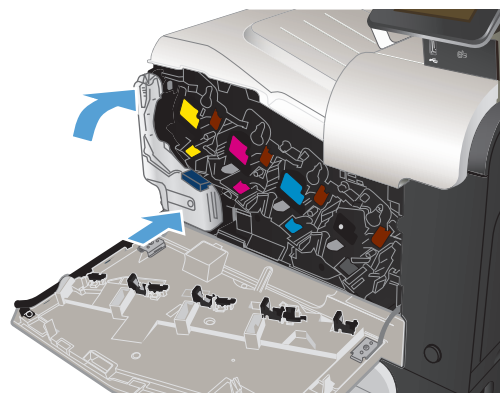
3. Đậy nắp màu xanh da trời đi kèm vào lỗ màu xanh da trời ở phía trên cùng của bộ thu gom.



4. Lấy bộ thu gom bột mực mới from bao gói sản phẩm.

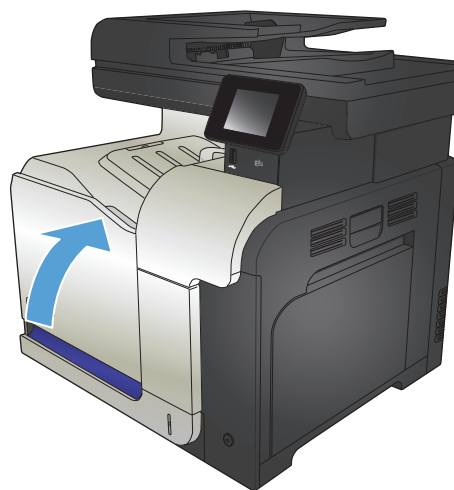


5. Lắp phần đáy của bộ mới này vào sản phẩm trước, sau đó đẩy phần đầu vào cho tới khi nó khớp vào vị trí.



6. Đóng cửa trước.

**GHI CHÚ:** Nếu bộ thu gom bột mực không được lắp theo đúng cách, cửa trước sẽ không đóng hoàn toàn.



Để tái chế bộ thu gom bột mực đã qua sử dụng, hãy thực hiện theo hướng dẫn đi kèm bộ thu gom bột mực mới.



---

# 4 In

- [Trình điều khiển máy in được hỗ trợ \(Windows\)](#)
- [Thay đổi cài đặt lệnh in \(Windows\)](#)
- [Thay đổi thông số cài đặt lệnh in \(Mac OS X\)](#)
- [Thao tác in \(Windows\)](#)
- [Thao tác in \(Mac OS X\)](#)
- [Thao tác in bổ sung \(Windows\)](#)
- [Thao tác in bổ sung \(Mac OS X\)](#)
- [Tạo các bản in chất lượng phù hợp để lưu trữ](#)
- [In màu](#)
- [Sử dụng HP ePrint](#)
- [Sử dụng AirPrint](#)
- [Sử dụng in Walk-up USB](#)

## Trình điều khiển máy in được hỗ trợ (Windows)

Trình điều khiển máy in cung cấp khả năng truy cập vào hệ thống in của sản phẩm. Các trình điều khiển máy in sau đây hiện có tại [www.hp.com/go/lj500colorMFPM570\\_software](http://www.hp.com/go/lj500colorMFPM570_software).

---

### Trình điều khiển HP PCL 6

- Được cung cấp làm trình điều khiển mặc định trên CD có trong hộp sản phẩm. Trình điều khiển này được cài tự động nếu bạn không chọn một trình điều khiển khác.
- Nên sử dụng cho tất cả các môi trường Windows
- Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất, và hỗ trợ tính năng sản phẩm cho hầu hết người dùng
- Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows
- Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5

---

### Trình điều khiển HP UPD PS

- Nên sử dụng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác
- Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhấp nháy postscript

---

### HP UPD PCL 5

- Nên sử dụng để in trong công việc văn phòng thông dụng trong tất cả các môi trường Windows
- Tương thích với các phiên bản PCL trước và các sản phẩm HP LaserJet cũ hơn
- Sự lựa chọn tốt nhất khi in từ các chương trình phần mềm của bên thứ ba hoặc chương trình phần mềm tùy chỉnh
- Sự lựa chọn tốt nhất khi hoạt động trong các môi trường hỗn hợp có yêu cầu phải cài đặt sản phẩm theo PCL 5 (UNIX, Linux, máy tính trung ương)
- Được thiết kế để sử dụng trong môi trường Windows trong doanh nghiệp nhằm mang đến một trình điều khiển duy nhất cho nhiều kiểu sản phẩm
- Được ưa chuộng khi in ra nhiều kiểu sản phẩm từ máy tính Windows di động

---

### HP UPD PCL 6

- Nên sử dụng để in trong tất cả môi trường Windows
  - Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất, và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng
  - Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows
  - Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5
- 

## HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP - UPD)

HP Universal Print Driver (Trình Điều khiển In Chung HP - UPD) cho Windows là trình điều khiển máy in đơn nhất cho phép bạn truy cập ngay lập tức vào gần như mọi sản phẩm HP LaserJet, từ bất kỳ vị trí nào, mà không cần phải tải xuống các trình điều khiển riêng lẻ. Trình điều khiển này được xây dựng dựa trên công nghệ trình điều khiển in HP đã được minh chứng, được kiểm tra kỹ lưỡng và được sử dụng với nhiều chương trình phần mềm. Đây là một giải pháp mạnh, hoạt động ổn định theo thời gian.



HP UPD giao tiếp trực tiếp với mỗi sản phẩm của HP, tập hợp các thông tin cấu hình, sau đó hiệu chỉnh giao diện người sử dụng để hiển thị các tính năng sẵn có và duy nhất của sản phẩm. Trình điều khiển này tự động bật các tính năng sẵn có đối với sản phẩm, ví dụ như in hai mặt và dập ghim. Vì vậy, bạn không cần phải bật các tính năng một cách thủ công.

Để biết thêm thông tin, hãy đến [www.hp.com/go/upd](http://www.hp.com/go/upd).

## Các chế độ cài đặt UPD

---

Chế độ truyền thống	<ul style="list-style-type: none"><li>• Để sử dụng chế độ này, hãy tải UPD xuống từ Internet. Xem trang <a href="http://www.hp.com/go/upd">www.hp.com/go/upd</a>.</li><li>• Sử dụng chế độ này nếu bạn đang cài đặt trình điều khiển cho một máy tính đơn lẻ.</li><li>• Trình điều khiển hoạt động với một sản phẩm cụ thể.</li><li>• Nếu sử dụng chế độ này, bạn phải cài riêng một UPD cho mỗi máy tính và mỗi sản phẩm.</li></ul>
Chế độ động	<ul style="list-style-type: none"><li>• Để sử dụng chế độ này, hãy tải UPD xuống từ Internet. Xem trang <a href="http://www.hp.com/go/upd">www.hp.com/go/upd</a>.</li><li>• Chế độ động cho phép bạn sử dụng một bản cài đặt trình điều khiển duy nhất, để bạn có thể khám phá và in ra nhiều sản phẩm HP nối mạng từ bất kỳ vị trí nào.</li><li>• Sử dụng chế độ này nếu bạn đang cài đặt UPD cho một nhóm làm việc.</li><li>• Không sử dụng chế độ này đối với các sản phẩm kết nối qua USB.</li></ul>


---

# Thay đổi cài đặt lệnh in (Windows)

- [Mức ưu tiên đối với thay đổi thông số cài đặt lệnh in](#)
- [Thay đổi các cài đặt cho mọi lệnh in cho tới khi đóng chương trình phần mềm](#)
- [Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi lệnh in](#)
- [Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm](#)

## Mức ưu tiên đối với thay đổi thông số cài đặt lệnh in

Các thay đổi cho thông số cài đặt in được cài ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:

 **GHI CHÚ:** Các tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt Trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt Trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Thông số cài đặt được thay đổi ở đây sẽ ghi đè thông số cài đặt đã đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại In:** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập tin) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và thường không ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt Trang).
- **Hộp thoại Printer Properties (Thuộc tính Máy in) (trình điều khiển in):** Nhấp vào **Properties** (Thuộc tính) trong hộp thoại **Print (In)** để mở trình điều khiển in. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Printer Properties** (Đặc tính Máy in) thường không ghi đè cài đặt ở bất kỳ nơi nào khác trong phần mềm in. Bạn có thể thay đổi hầu hết các cài đặt in từ đây.
- **Cài đặt trình điều khiển in mặc định:** Cài đặt trình điều khiển in mặc định xác định các cài đặt được sử dụng trong tất cả lệnh in, *trừ khi* thông số cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt trang), **Print (In)** hoặc **Printer Properties** (Thuộc tính Máy in).
- **Thông số cài đặt ở bảng điều khiển máy in:** Các thông số cài đặt được thay đổi ở bảng điều khiển sản phẩm sẽ có độ ưu tiên thấp hơn các thay đổi được thực hiện ở nơi khác.

## Thay đổi các cài đặt cho mọi lệnh in cho tới khi đóng chương trình phần mềm

Các bước có thể khác nhau; quy trình này là phổ biến nhất.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, rồi nhấp vào **Properties (Thuộc tính)** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.

## Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi lệnh in

1. **Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Start mặc định):** Nhấp **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp **Printer and Faxes** (Máy in và Fax).

**Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start):** Nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Settings** (Cài đặt), và sau đó nhấp **Printers** (Máy in).

**Windows Vista:** Nhấp vào biểu tượng Windows ở góc dưới bên trái của màn hình, nhấp vào **Control Panel** (Bảng Điều khiển), sau đó nhấp **Printers** (Máy in).

- Windows 7:** Nhấp vào biểu tượng Windows ở góc dưới bên trái của màn hình, nhấp vào **Devices and Printers** (Thiết bị và Máy in).
2. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển máy in, và sau đó chọn **Printing Preferences** (Tùy chọn In).

## Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm

1. **Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Start mặc định):** Nhấp **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp **Printer and Faxes** (Máy in và Fax).

**Windows XP, Windows Server 2003, và Windows Server 2008 (sử dụng giao diện menu Classic Start):** Nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Settings** (Cài đặt), và sau đó nhấp **Printers** (Máy in).

**Windows Vista:** Nhấp vào biểu tượng Windows ở góc dưới bên trái của màn hình, nhấp vào **Control Panel** (Bảng Điều khiển), sau đó nhấp **Printers** (Máy in).

**Windows 7:** Nhấp vào biểu tượng Windows ở góc dưới bên trái của màn hình, nhấp vào **Devices and Printers** (Thiết bị và Máy in).

2. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển máy in và sau đó chọn **Properties** (Thuộc tính) hoặc **Printer properties** (Thuộc tính máy in).
3. Nhấp vào tab **Device Settings** (Cài đặt Thiết bị).

# Thay đổi thông số cài đặt lệnh in (Mac OS X)

- [Mức ưu tiên đối với thay đổi thông số cài đặt lệnh in](#)
- [Thay đổi các cài đặt cho mọi lệnh in cho tới khi đóng chương trình phần mềm](#)
- [Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi lệnh in](#)
- [Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm](#)

## Mức ưu tiên đối với thay đổi thông số cài đặt lệnh in

Các thay đổi đối với thông số cài đặt in được ưu tiên tùy theo nơi thực hiện thay đổi:



**GHI CHÚ:** Tên của các lệnh và các hộp thoại có thể khác nhau tùy theo chương trình phần mềm.

- **Hộp thoại Page Setup (Cài đặt trang):** Nhấp vào **Page Setup** (Cài đặt trang) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Các cài đặt được thay đổi ở đây có thể ghi đè các cài đặt được thay đổi ở nơi khác.
- **Hộp thoại Print (In):** Nhấp vào **Print (In)**, **Print Setup** (Cài đặt In) hoặc lệnh tương tự trên menu **File** (Tập) của chương trình bạn đang làm việc để mở hộp thoại này. Cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Print (In)** có mức ưu tiên thấp hơn và *không* ghi đè các thay đổi được thực hiện trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt trang).
- **Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định:** Cài đặt trình điều khiển máy in mặc định xác định các cài đặt được sử dụng trong tất cả lệnh in, *trừ khi* thông số cài đặt được thay đổi trong hộp thoại **Page Setup** (Cài đặt trang), **Print (In)** hoặc **Printer Properties** (Thuộc tính Máy in).
- **Thông số cài đặt ở bảng điều khiển máy in:** Các thông số cài đặt được thay đổi ở bảng điều khiển sản phẩm sẽ có độ ưu tiên thấp hơn các thay đổi được thực hiện ở nơi khác.

## Thay đổi các cài đặt cho mọi lệnh in cho tới khi đóng chương trình phần mềm

1. Nhấp vào menu **Tập**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi mở menu mà bạn muốn thay đổi cài đặt in.
4. Với từng menu, chọn cài đặt in bạn muốn thay đổi.
5. Thay đổi các cài đặt bạn muốn trên các menu khác nhau.


## Thay đổi các cài đặt mặc định cho mọi lệnh in

1. Nhấp vào menu **Tập**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi mở menu mà bạn muốn thay đổi cài đặt in.
4. Với từng menu, chọn cài đặt in bạn muốn lưu để sử dụng về sau.

5. Trên menu **Cài đặt sẵn**, nhấp vào tùy chọn **Lưu dưới dạng...** và nhập tên của cài đặt sẵn.
6. Nhấp vào nút **OK**.

Các cài đặt này được lưu tại menu **Cài đặt sẵn**. Để sử dụng cài đặt mới, bạn phải chọn tùy chọn định sẵn đã được lưu mỗi lần bạn mở một chương trình và in.

## Thay đổi các cài đặt cấu hình sản phẩm

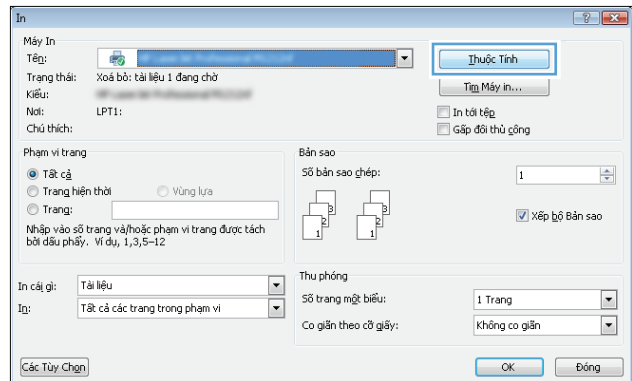
1. Trên máy tính, mở menu Apple , nhấp vào mục **Tùy chọn hệ thống**, rồi nhấp vào biểu tượng **In & Fax** hoặc biểu tượng **In & Quét**.
2. Chọn sản phẩm ở bên trái của cửa sổ.
3. Bấm nút **Tùy chọn & Mục in**.
4. Bấm tab **Driver Trình điều khiển**.
5. Cấu hình các tùy chọn đã cài đặt.

# Thao tác in (Windows)

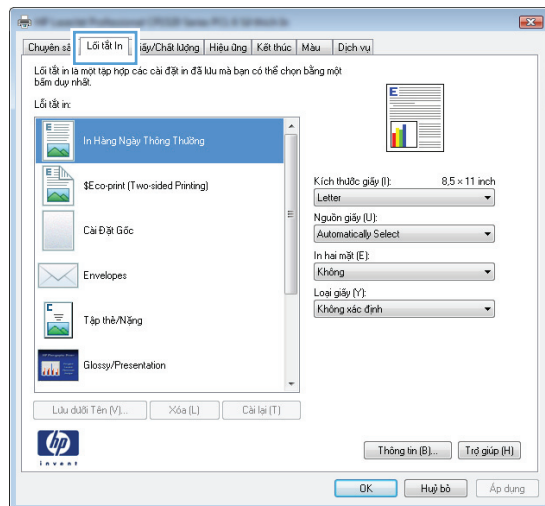
- [Sử dụng lối tắt in \(Windows\)](#)
- [Tạo lối tắt in \(Windows\)](#)
- [In tự động trên hai mặt \(Windows\)](#)
- [In thủ công trên cả hai mặt \(Windows\)](#)
- [In nhiều trang trên một trang giấy \(Windows\)](#)
- [Chọn hướng trang \(Windows\)](#)
- [Chọn loại giấy \(Windows\)](#)
- [In trang đầu hoặc trang cuối trên giấy khác \(Windows\)](#)
- [Chỉnh tài liệu cho vừa với kích thước trang \(Windows\)](#)
- [Tạo một tập sách mỏng \(Windows\)](#)

## Sử dụng lối tắt in (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó bấm vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.

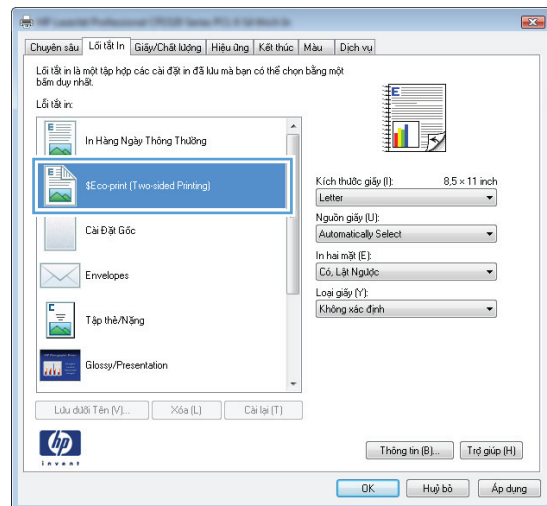


3. Bấm tab **Lối tắt in**.

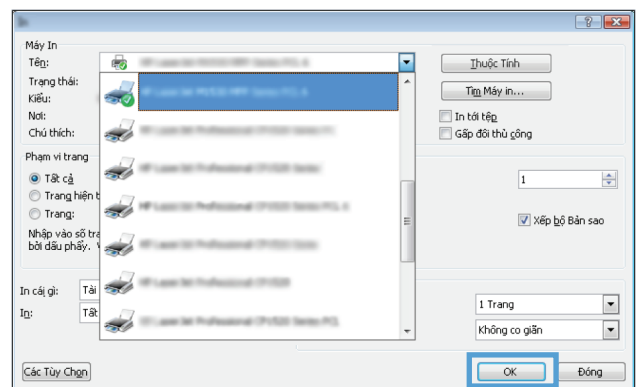


4. Chọn một trong các lối tắt. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).

**GHI CHÚ:** Khi bạn chọn một lối tắt, thông số cài đặt tương ứng sẽ thay đổi trên các tab khác trong trình điều khiển máy in.

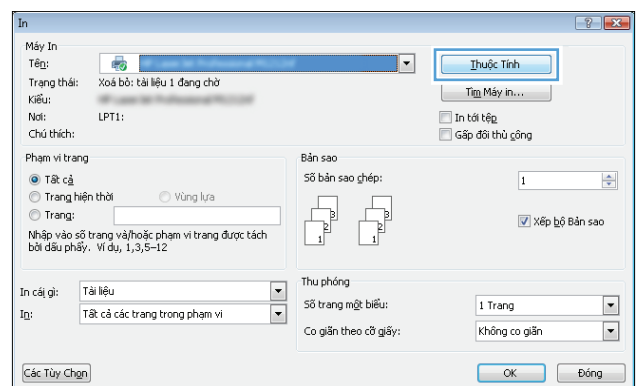


5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

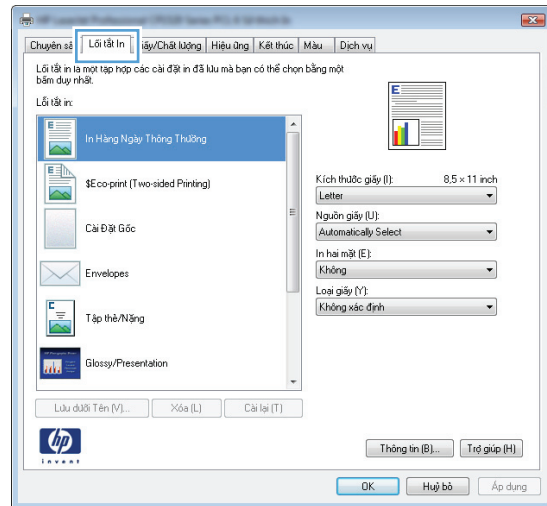


## Tạo lối tắt in (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó bấm vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.

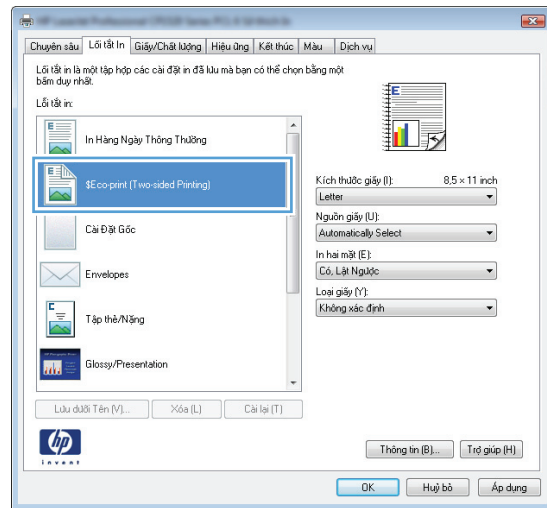


3. Bấm tab Lối tắt in.

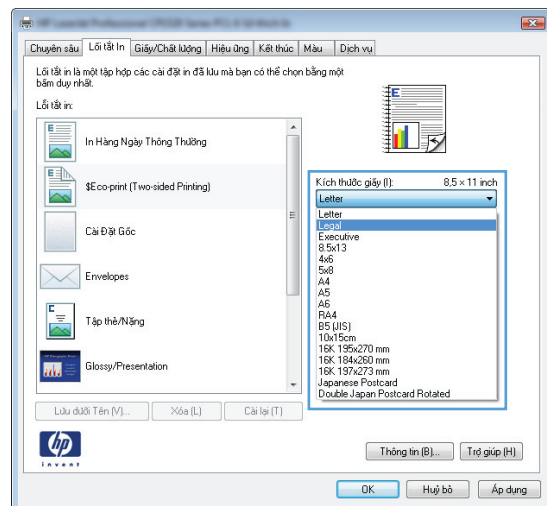


4. Chọn một lối tắt in hiện có để làm cơ sở.

**GHI CHÚ:** Luôn chọn một phím tắt trước khi điều chỉnh bất kỳ cài đặt nào ở bên phải màn hình. Nếu bạn điều chỉnh cài đặt và sau đó chọn một phím tắt, tất cả các điều chỉnh sẽ bị mất.

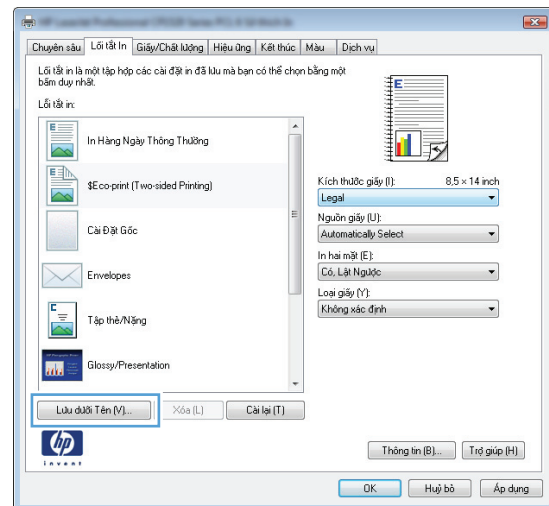


5. Chọn các tùy chọn in cho lối tắt mới.

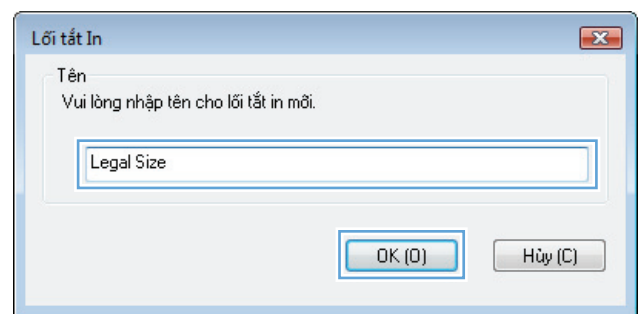




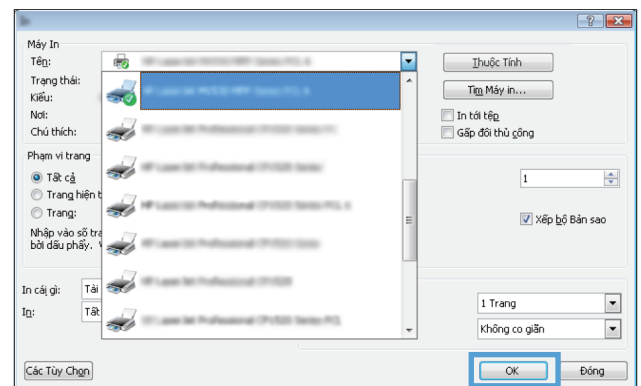
6. Bấm nút Lưu dưới dạng.



7. Nhập tên cho lỗi tắt rồi nhấn vào nút OK.



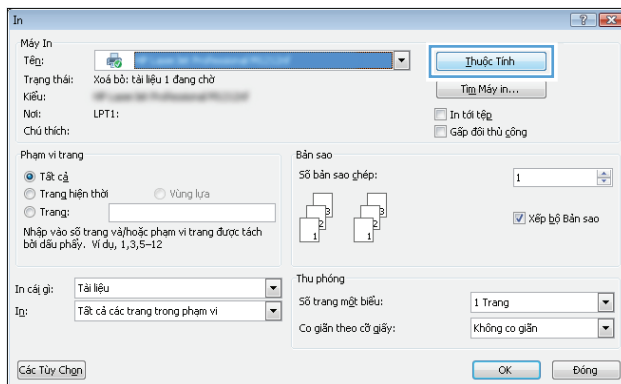
8. Nhấp vào nút OK để đóng hộp thoại Document Properties (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại Print (In), hãy nhấp vào nút OK để in lên.



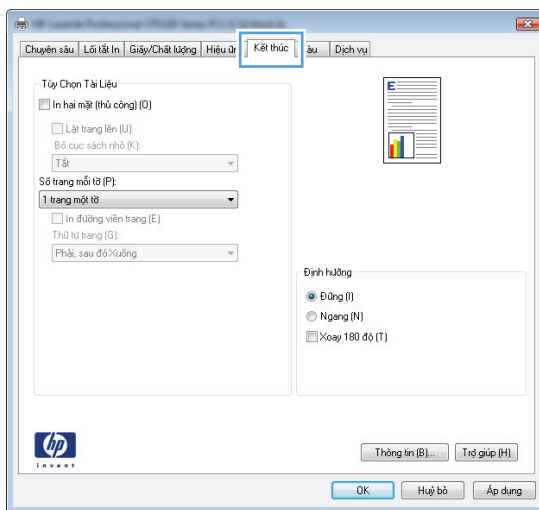
## In tự động trên hai mặt (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn Print (In).

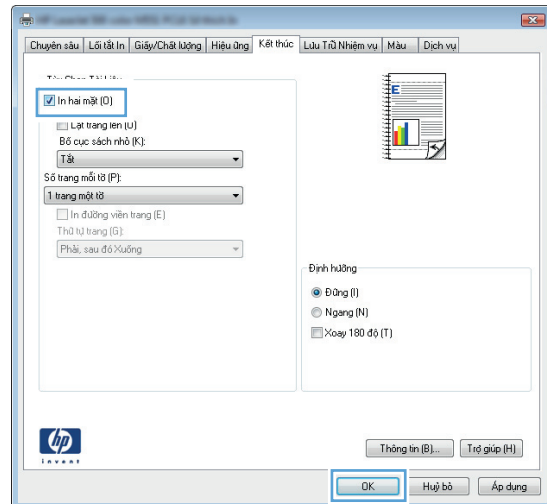
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấn vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.



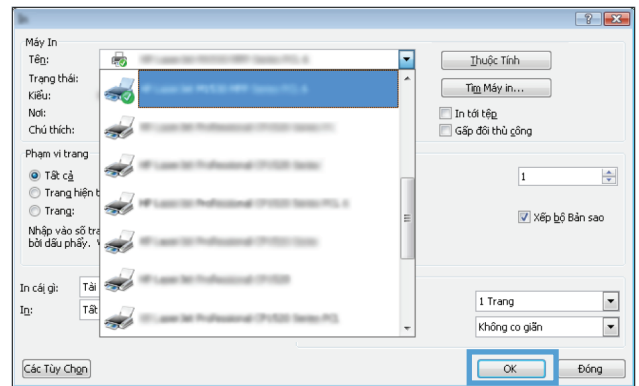
3. Nhấp vào tab **Kết thúc**.



4. Chọn hộp kiểm **In trên cả hai mặt**. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).

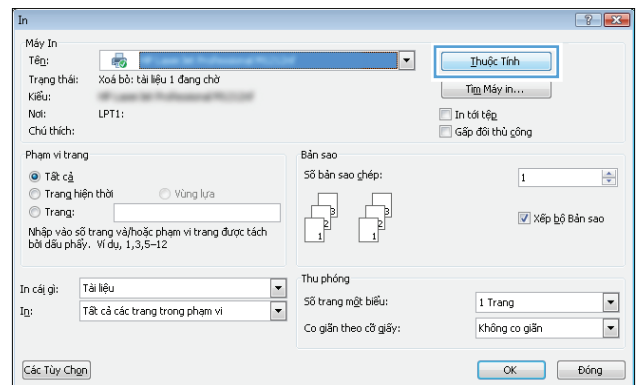


5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

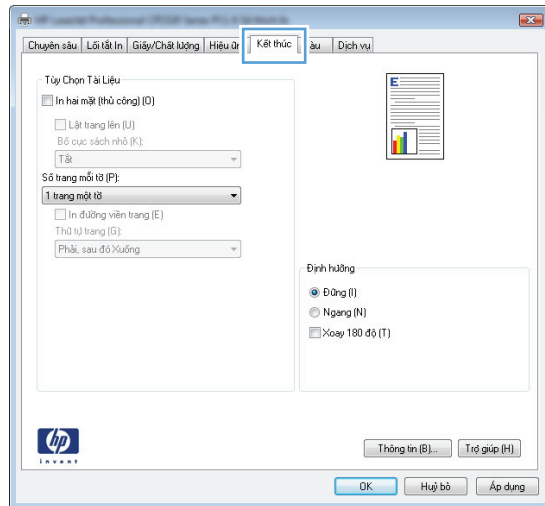


## In thủ công trên cả hai mặt (Windows)

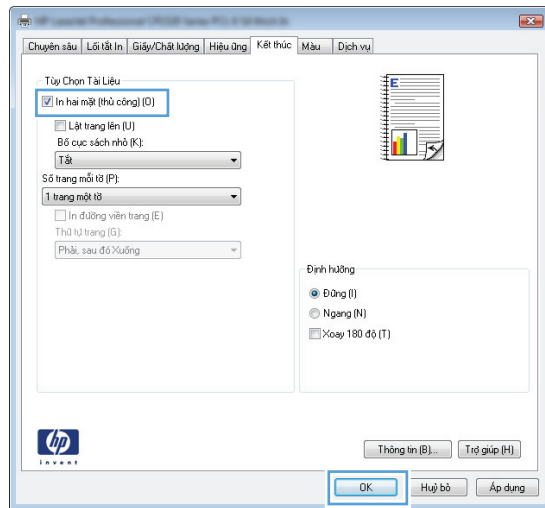
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó bấm vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.



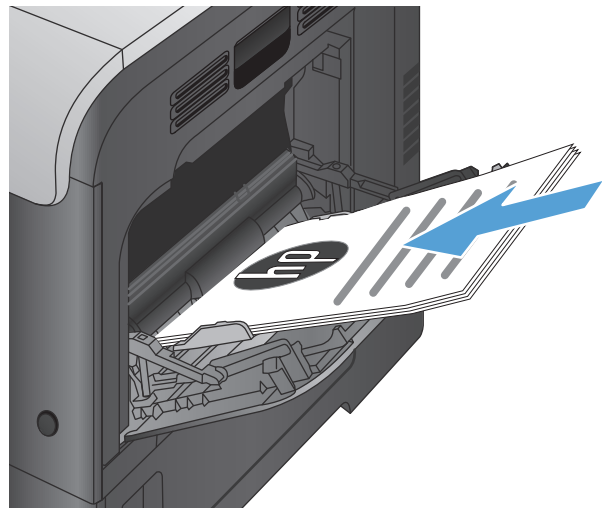
3. Bấm tab **Kết thúc**.



4. Chọn hộp kiểm **In trên cả hai mặt (thủ công)**. Bấm nút **OK** để in mặt đầu tiên của lệnh in.



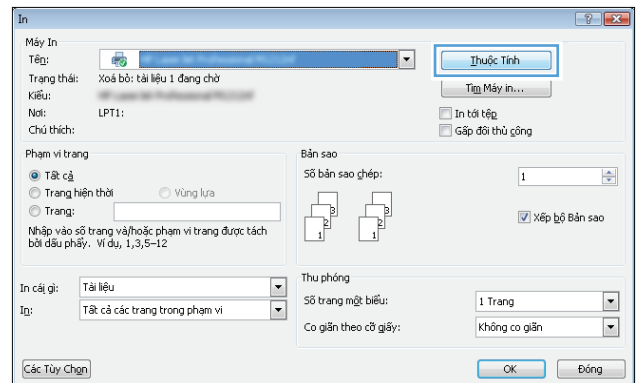
5. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra, và đặt nó vào Khay 1 với mặt đã in quay lên.



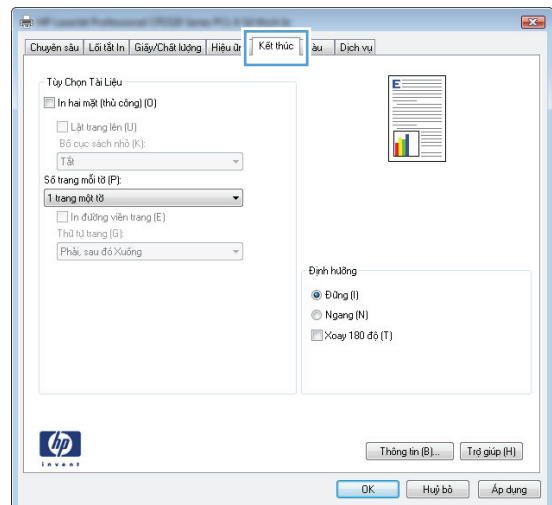
6. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

## In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)

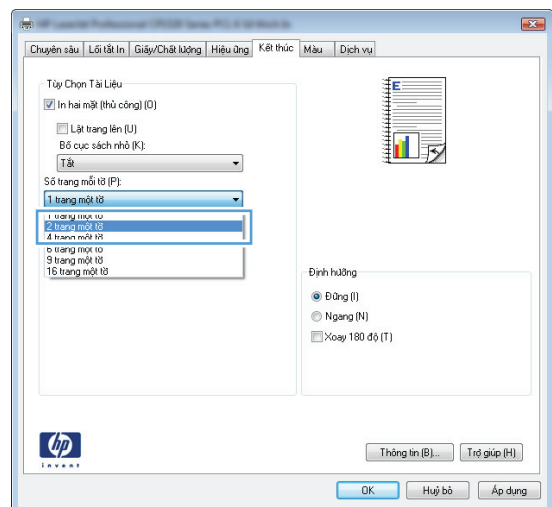
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấn vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.



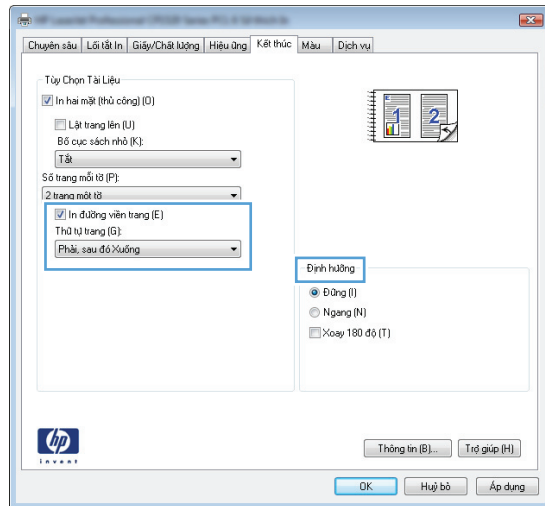
3. Nhấp vào tab **Kết thúc**.



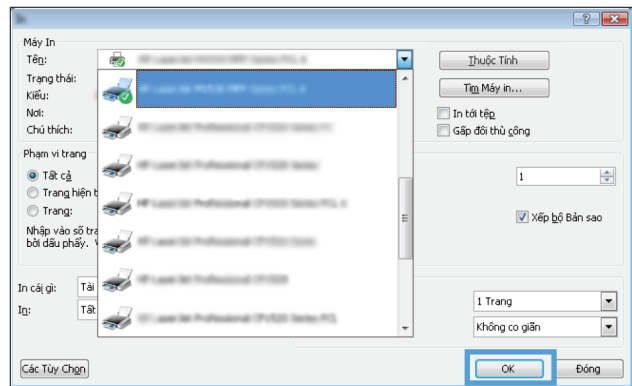
4. Chọn số trang trên một tờ từ danh sách **Số trang trên một tờ** thả xuống.



5. Chọn các tùy chọn đúng **In đường viền trang**, **Thủ tự trang**, và **Hướng**. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).

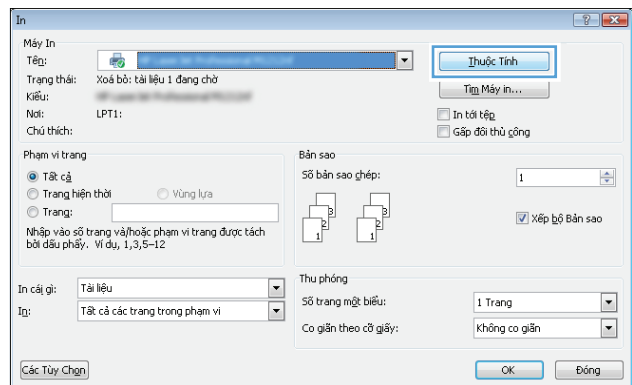


6. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

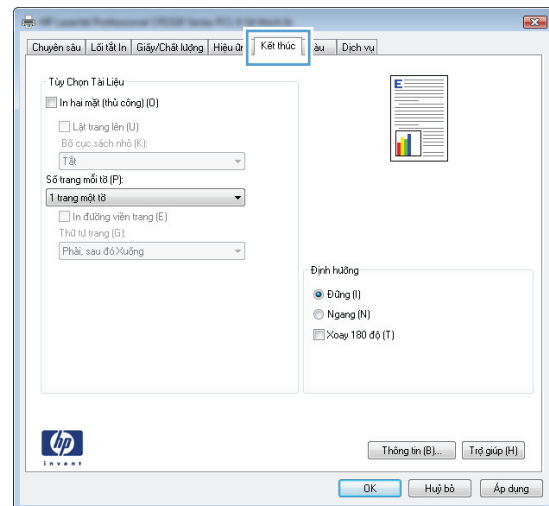


## Chọn hướng trang (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.



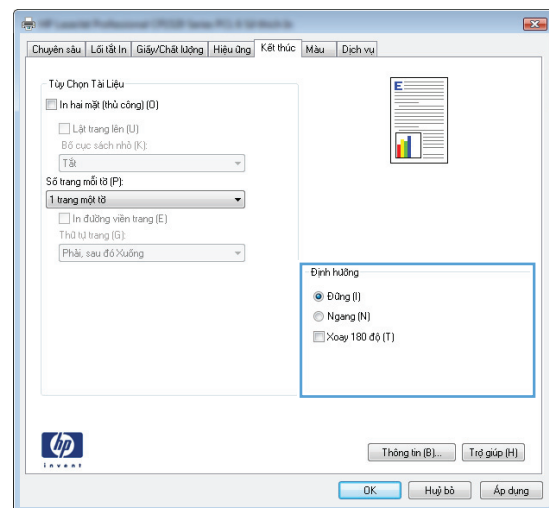
3. Nhấp tab **Kết thúc**.



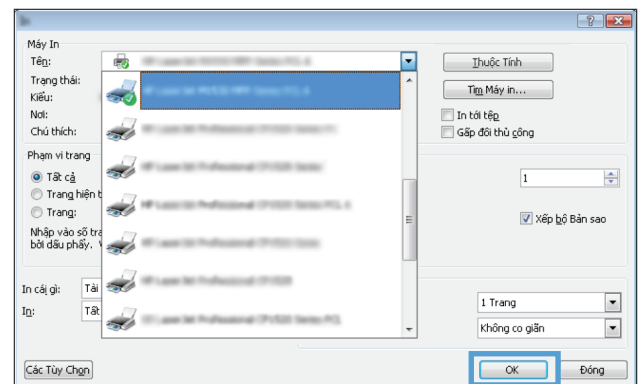
4. Trong vùng **Hướng**, chọn tùy chọn **Đọc** hoặc **Ngang**.

Để in hình ảnh lộn ngược trên trang, chọn tùy chọn **Xoay 180 độ**.

Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).



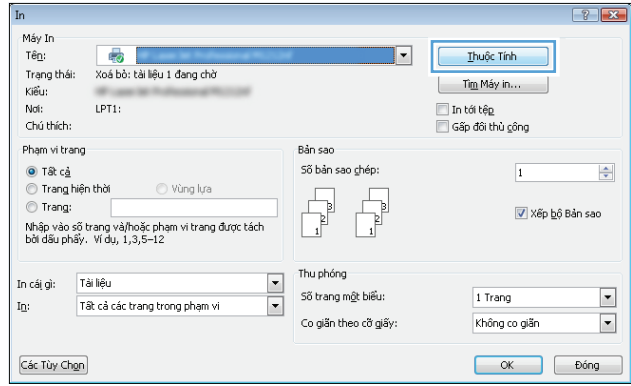
5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.



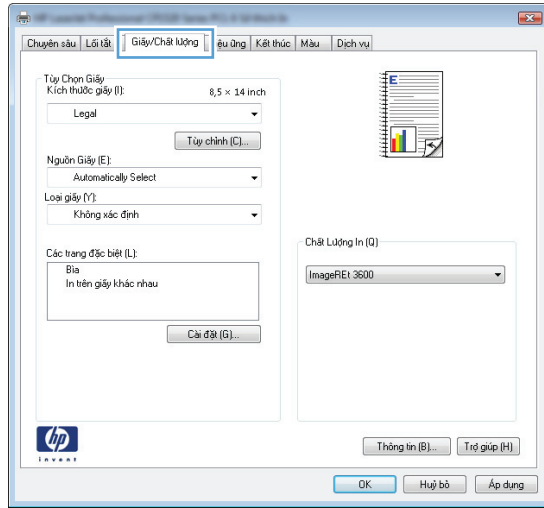
## Chọn loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.

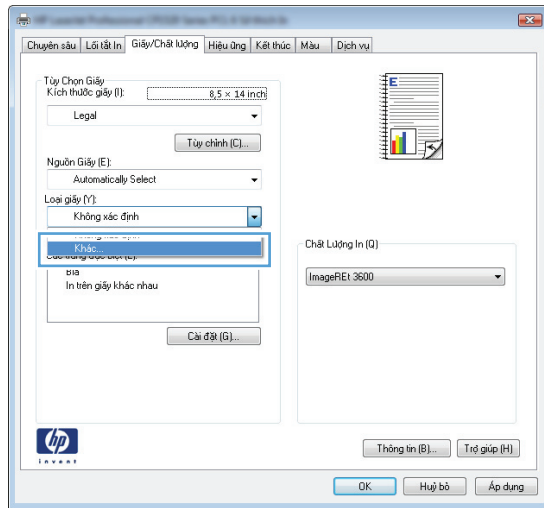
2. Chọn sản phẩm, sau đó bấm vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.



3. Bấm tab **Giấy/Chất lượng**.

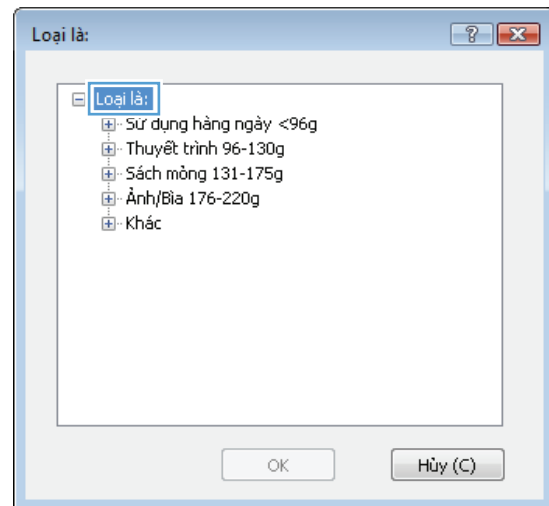


4. Từ danh sách thả xuống **Loại giấy**, bấm tùy chọn **Khác...**

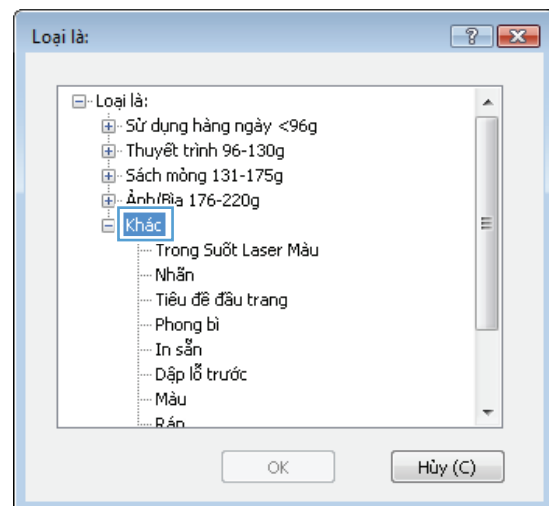




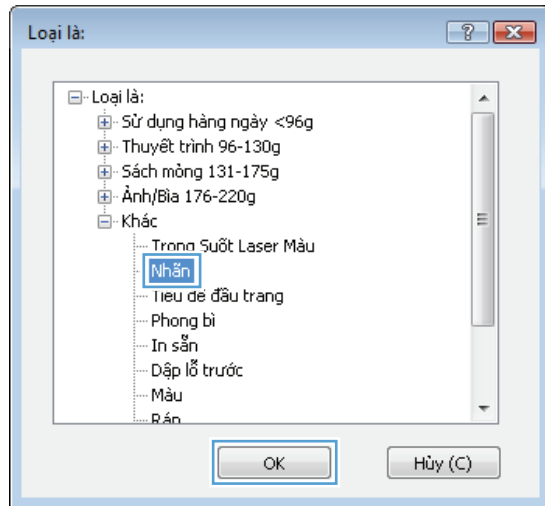
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Loại**:



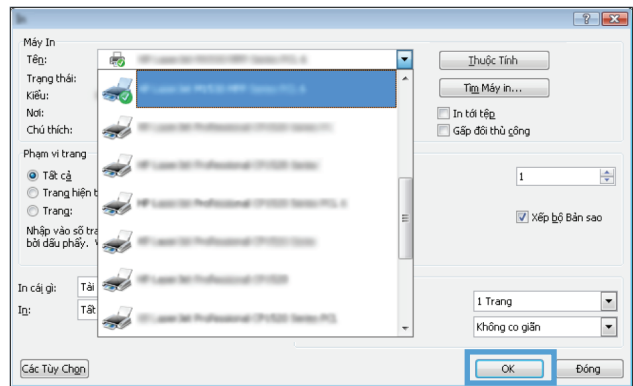
6. Mở rộng phần các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.



7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng, rồi bấm nút **OK**.

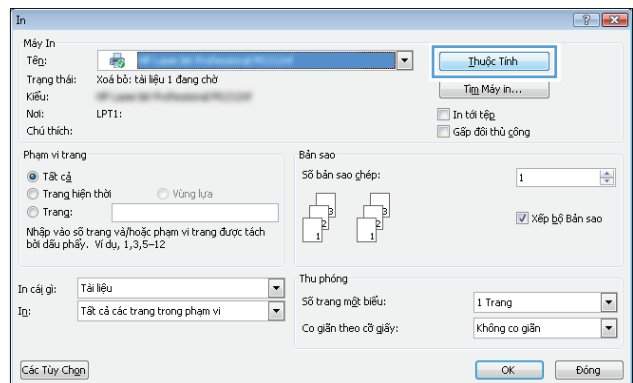


8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

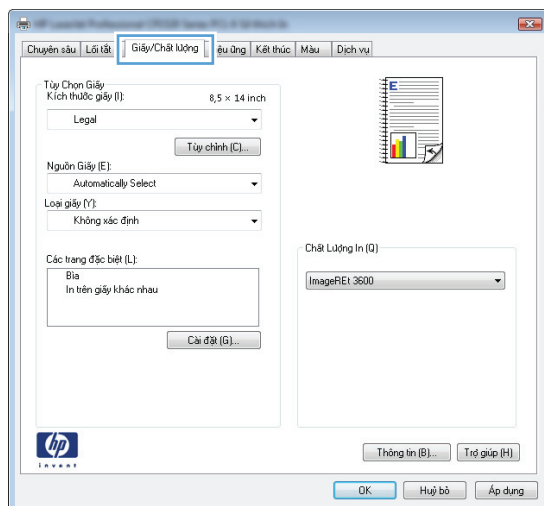


## In trang đầu hoặc trang cuối trên giấy khác (Windows)

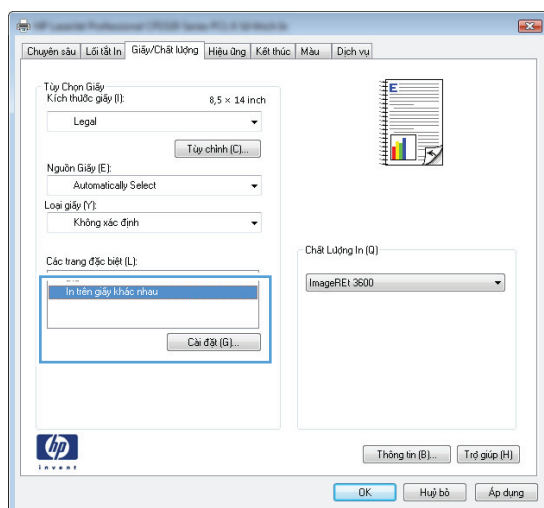
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó bấm vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.



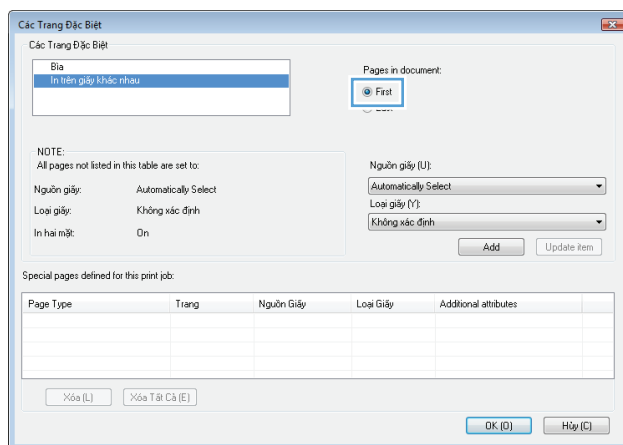
3. Bấm tab **Giấy/Chất lượng**.



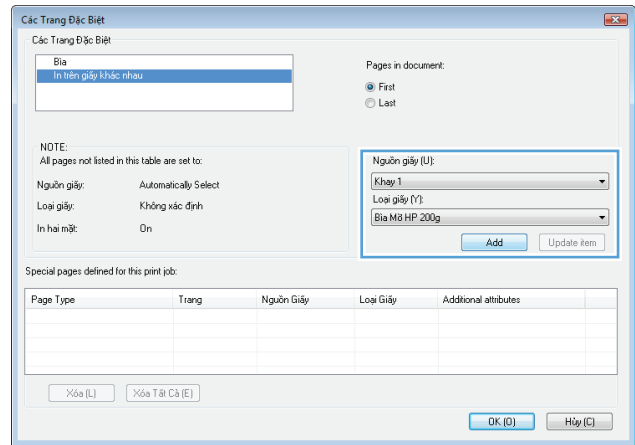
4. Trong vùng **Trang đặc biệt**, bấm tùy chọn **In các trang trên loại giấy khác**, sau đó bấm nút **Cài đặt**.



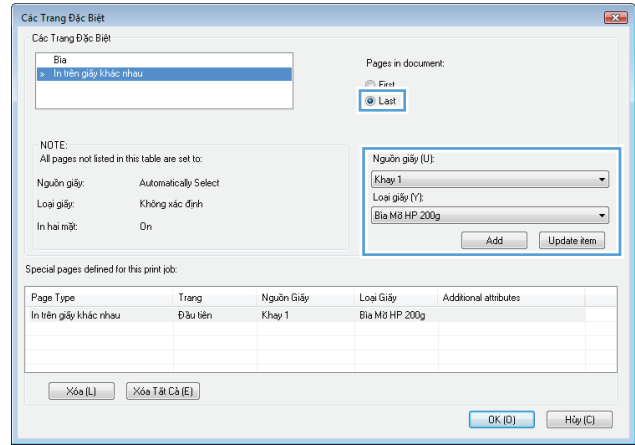
5. Trong vùng **Trang trong tài liệu**, chọn tùy chọn **Đầu tiên hoặc Cuối cùng**.



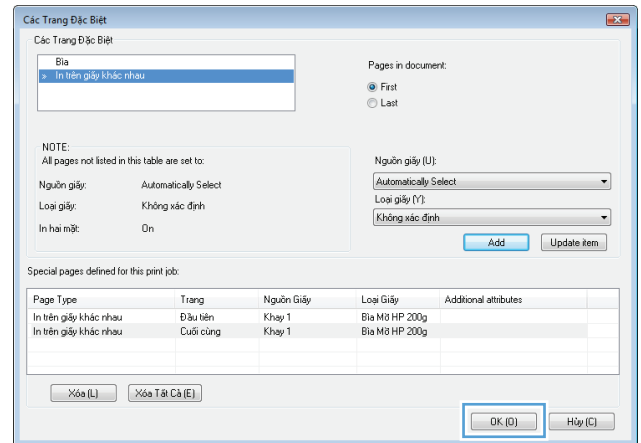
6. Chọn các tùy chọn phù hợp từ danh sách thả xuống **Nguồn giấy** và **Loại giấy**. Bấm nút **Thêm**.



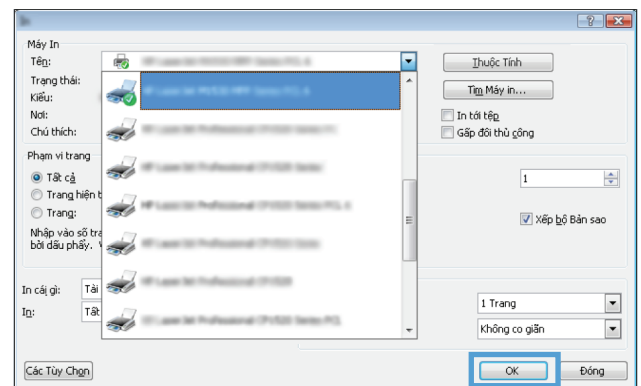
7. Nếu bạn in *cả hai* trang đầu và trang cuối trên loại giấy khác, hãy lặp lại các bước 5 và 6, chọn các tùy chọn cho loại giấy còn lại.



8. Bấm nút OK.

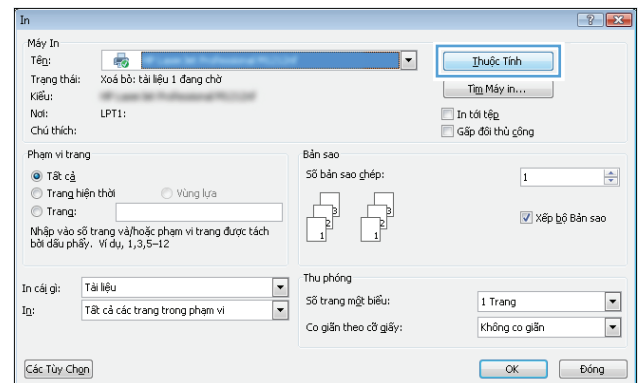


9. Nhấp vào nút OK để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút OK để in lên in.

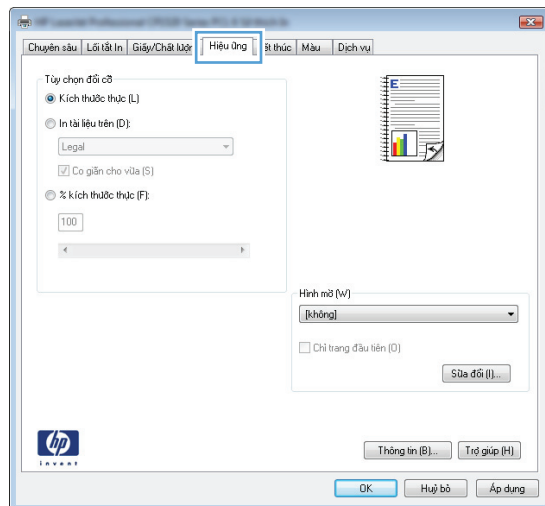


## Chỉnh tài liệu cho vừa với kích thước trang (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.

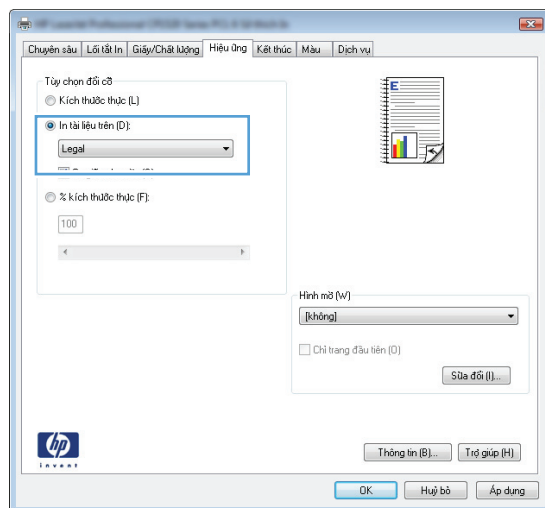


3. Nhấp vào tab **Hiệu ứng**.

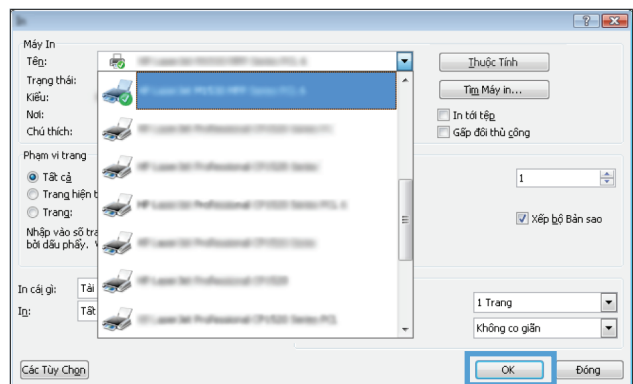


4. Chọn tùy chọn **In tài liệu trên**, sau đó chọn một kích thước từ danh sách thả xuống.

Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).



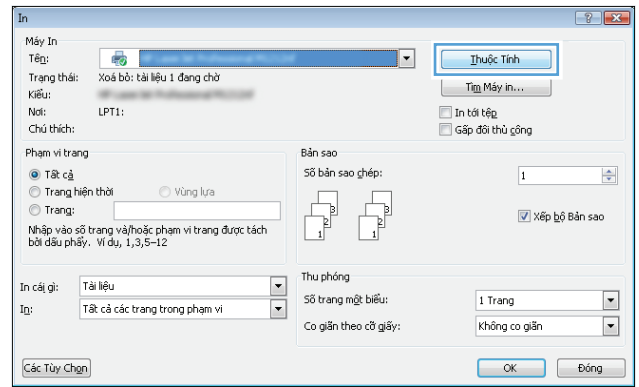
5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.



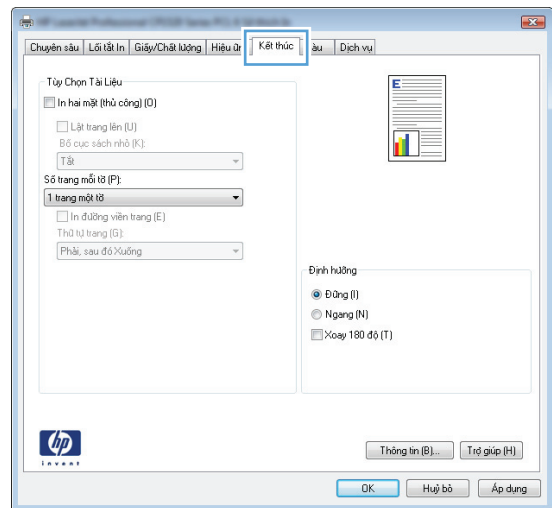
## Tạo một tập sách mỏng (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.

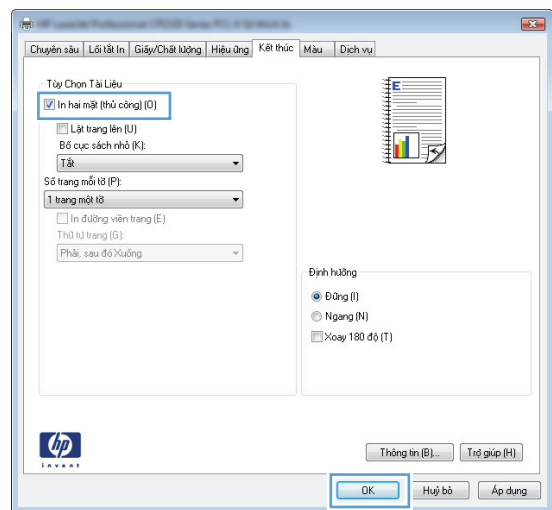
2. Chọn sản phẩm, sau đó bấm vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.



3. Bấm tab **Kết thúc**.

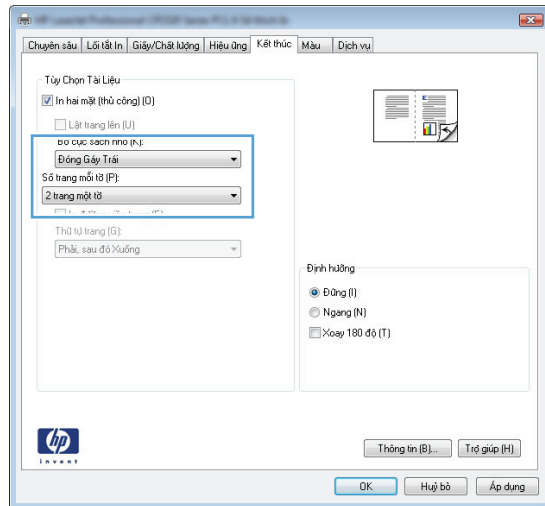


4. Chọn ô **In trên cả hai mặt**.

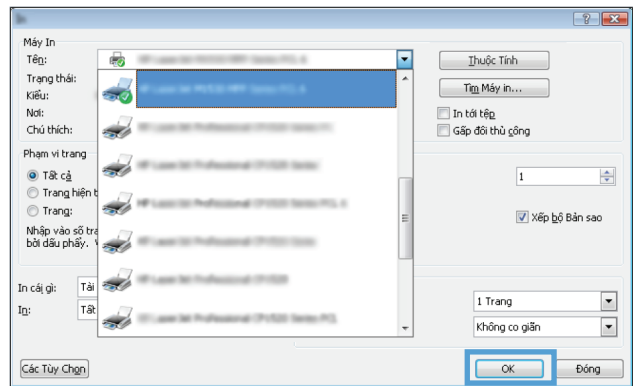


- Trong danh sách thả xuống **Bố cục sách**, bấm vào tùy chọn **Đóng gáy trái** hoặc **Đóng gáy phải**. Tùy chọn **Số trang trên một tờ** tự động đổi thành **2 trang một tờ**.

Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).



- Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.





## Thao tác in (Mac OS X)

- [Sử dụng cài đặt sẵn dành cho quá trình in \(Mac OS X\)](#)
- [Tạo cài đặt sẵn dành cho quá trình in \(Mac OS X\)](#)
- [Tự động in trên cả hai mặt \(Mac OS X\)](#)
- [In thủ công trên cả hai mặt \(Mac OS X\)](#)
- [In nhiều trang trên một trang giấy \(Mac OS X\)](#)
- [Chọn hướng trang \(Mac OS X\)](#)
- [Chọn loại giấy \(Mac OS X\)](#)
- [In trang bìa \(Mac OS X\)](#)
- [Chỉnh tài liệu cho vừa với kích thước trang \(Mac OS X\)](#)
- [Tạo một tập sách mỏng \(Mac OS X\)](#)

## Sử dụng cài đặt sẵn dành cho quá trình in (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Trên menu **Cài đặt sẵn**, chọn cài đặt in sẵn.
4. Nhấp vào nút **In**.

---

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng cài đặt trình điều khiển in mặc định, chọn tùy chọn **chuẩn**.

---

## Tạo cài đặt sẵn dành cho quá trình in (Mac OS X)

Dùng các cài đặt in sẵn để lưu cài đặt in hiện thời để sử dụng về sau.

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi mở menu mà bạn muốn thay đổi cài đặt in.
4. Với từng menu, chọn cài đặt in bạn muốn lưu để sử dụng về sau.
5. Trên menu **Cài đặt sẵn**, nhấp vào tùy chọn **Lưu dưới dạng...** và nhập tên của cài đặt sẵn.
6. Nhấp vào nút **OK**.

## Tự động in trên cả hai mặt (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.

3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **Bố cục**.
4. Chọn tùy chọn liên kết từ danh sách **Two-Sided (Hai mặt)** thả xuống.
5. Nhấp vào nút **In**.

## In thủ công trên cả hai mặt (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, chọn tùy chọn.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **In hai mặt Thủ công**.
4. Nhấp vào ô, **In hai mặt Thủ công** và chọn một tùy chọn liên kết.
5. Nhấp vào nút **In**.
6. Đến sản phẩm và lấy hết giấy trắng có trong khay 1 ra.
7. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào khay tiếp giấy với mặt đã in hướng lên trên.
8. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

## In nhiều trang trên một trang giấy (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **Bố cục**.
4. Từ danh sách **Số trang trên một Tờ** thả xuống, hãy chọn số trang bạn muốn in trên mỗi tờ.
5. Trong vùng **Hướng bố cục**, chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Đường viền**, chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.
7. Nhấp vào nút **In**.

## Chọn hướng trang (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Trên menu **Bản sao & Trang**, hãy nhấp vào nút **Cài đặt Trang**.
4. Nhấp vào biểu tượng đại diện cho hướng trang bạn muốn sử dụng, sau đó nhấp vào nút **OK**.
5. Nhấp vào nút **In**.

## Chọn loại giấy (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **Kết thúc**.
4. Chọn một loại từ danh sách **Loại vật liệu** thả xuống.
5. Nhấp vào nút **In**.

## In trang bìa (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **Trang bìa**.
4. Chọn chỗ để in trang bìa. Nhấp nút **Mặt trước tài liệu** hoặc nút **Mặt sau tài liệu**.
5. Trong menu **Loại Trang bìa**, chọn thông báo bạn muốn in trên trang bìa này.



**GHI CHÚ:** Để in trang bìa trống, chọn tùy chọn **chuẩn** từ menu **Loại Trang bìa**.

6. Nhấp vào nút **In**.

## Chỉnh tài liệu cho vừa với kích thước trang (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **Xử lý Giấy**.
4. Trong vùng **Khổ giấy Đích**, nhấp vào ô **Chỉnh cho vừa với khổ giấy**, và chọn kích thước từ danh sách thả xuống.
5. Nhấp vào nút **In**.

## Tạo một tập sách mỏng (Mac OS X)


1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **Bố cục**.
4. Chọn tùy chọn đóng sách từ danh sách **Two-Sided (Hai mặt)** thả xuống.
5. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **In Sách nhỏ**.
6. Nhấp vào ô **Định dạng Bản in ra dưới dạng Tập sách mỏng** và chọn tùy chọn đóng sách.


7. Chọn khổ giấy.
8. Nhấp vào nút **In**.




# Thao tác in bổ sung (Windows)

- [Hủy lệnh in \(Windows\)](#)
- [Chọn khổ giấy \(Windows\)](#)
- [Chọn khổ giấy tùy chỉnh \(Windows\)](#)
- [In hình mờ \(Windows\)](#)

## Hủy lệnh in (Windows)

1. Nếu đang thực hiện lệnh in, hủy lệnh in bằng cách bấm nút **Hủy**  trên bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Nếu lệnh in đã được tiến hành quá lâu, có thể bạn sẽ không có tùy chọn hủy lệnh in.

 **GHI CHÚ:** Việc bấm nút **Hủy**  sẽ xóa lệnh in mà sản phẩm đang tiến hành. Nếu có nhiều quá trình đang hoạt động, hãy bấm nút **Hủy**  sẽ xóa quá trình đang hiển thị trên bảng điều khiển sản phẩm.

2. Bạn cũng có thể hủy lệnh in từ chương trình phần mềm hoặc từ dãy lệnh in.
  - **Chương trình phần mềm:** Thông thường, một hộp thoại sẽ xuất hiện nhanh trên màn hình máy tính, cho phép bạn hủy lệnh in.
  - **Dãy lệnh in của Windows:** Nếu một lệnh in đang chờ trong dãy lệnh in (bộ nhớ máy tính) hoặc trong spooler (bộ in nền), hãy xóa lệnh in tại đó.
    - **Windows XP, Server 2003 hoặc Server 2008:** Nhấp vào **Start** (Bắt đầu), nhấp **Settings** (Cài đặt), sau đó nhấp **Printers and Faxes** (Máy in và Fax). Nhấp đúp lên biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, nhấp chuột phải lên lệnh in mà bạn muốn hủy, sau đó nhấp vào **Cancel** (Hủy).
    - **Windows Vista:** Nhấp vào biểu tượng Windows ở góc dưới bên trái của màn hình, nhấp vào **Settings** (Cài đặt), sau đó nhấp **Printers** (Máy in). Nhấp đúp lên biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, nhấp chuột phải lên lệnh in mà bạn muốn hủy, sau đó nhấp vào **Cancel** (Hủy).
    - **Windows 7:** Nhấp vào biểu tượng Windows ở góc dưới bên trái của màn hình, nhấp vào **Devices and Printers** (Thiết bị và Máy in). Nhấp đúp lên biểu tượng sản phẩm để mở cửa sổ, nhấp chuột phải lên lệnh in mà bạn muốn hủy, sau đó nhấp vào **Cancel** (Hủy).

## Chọn khổ giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm, sau đó bấm vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Bấm tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Chọn một kích thước từ danh sách **Kích thước giấy** thả xuống.
5. Bấm nút **OK**.
6. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

## Chọn khổ giấy tùy chỉnh (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Nhấp vào nút **Tùy chỉnh**.
5. Nhập tên cho kích thước tùy chỉnh và chỉ định kích thước.
  - Chiều rộng là cạnh ngắn của giấy.
  - Chiều dài là cạnh dài của giấy.
6. Nhấp vào nút **Lưu**, sau đó nhấp nút **Đóng**.
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.


## In hình mờ (Windows)


1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Nhấp vào tab **Hiệu ứng**.
4. Chọn một hình mờ từ danh sách thả xuống **Hình mờ**.  
Hoặc, để thêm một hình mờ mới vào danh sách, hãy bấm nút **Sửa**. Xác định các thông số cài đặt cho hình mờ, sau đó bấm nút **OK**.
5. Để in hình mờ chỉ trên trang đầu, hãy chọn hộp kiểm **Chỉ trang đầu tiên**. Nếu không, hình mờ sẽ được in trên từng trang.
6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.




## Thao tác in bổ sung (Mac OS X)

- [Hủy lệnh in \(Mac OS X\)](#)
- [Chọn khổ giấy \(Mac OS X\)](#)
- [Chọn khổ giấy tùy chỉnh \(Mac OS X\)](#)
- [In hình mờ \(Mac OS X\)](#)

### Hủy lệnh in (Mac OS X)

1. Nếu đang thực hiện lệnh in, hủy lệnh in bằng cách bấm nút **Hủy**  trên bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Nếu lệnh in đã được tiến hành quá lâu, có thể bạn sẽ không có tùy chọn hủy lệnh in.

 **GHI CHÚ:** Việc bấm nút **Hủy**  sẽ xóa lệnh in mà sản phẩm đang tiến hành. Nếu có nhiều quá trình đang hoạt động, hãy bấm nút **Hủy**  sẽ xóa quá trình đang hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm.

2. Bạn cũng có thể hủy lệnh in từ chương trình phần mềm hoặc từ dãy lệnh in.
  - **Chương trình phần mềm:** Thông thường, một hộp thoại sẽ xuất hiện nhanh trên màn hình máy tính, cho phép bạn hủy lệnh in.
  - **Dãy lệnh in trên máy Mac:** Nhấp đúp vào biểu tượng sản phẩm trên bộ đồ để mở dãy lệnh in. Tô sáng lệnh in và sau đó nhấp **Delete** (Xóa).

### Chọn khổ giấy (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Trên menu **Bản sao & Trang**, hãy nhấp vào nút **Cài đặt Trang**.
4. Chọn kích thước từ danh sách **Khổ giấy** thả xuống, sau đó nhấp vào nút **OK**.
5. Nhấp vào nút **In**.

### Chọn khổ giấy tùy chỉnh (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Trên menu **Bản sao & Trang**, hãy nhấp vào nút **Cài đặt Trang**.
4. Từ danh sách **Khổ giấy** thả xuống, chọn tùy chọn **Quản lý Kích thước Tùy chỉnh**.
5. Chỉ định kích thước cho khổ giấy, sau đó nhấp vào nút **OK**.
6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Cài đặt Trang**.
7. Nhấp vào nút **In**.

## In hình mờ (Mac OS X)


1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **Hình mờ**.
4. Từ menu **Chế độ**, chọn tùy chọn **Hình mờ**.
5. Từ danh sách thả xuống **Trang**, chọn in hình mờ trên tất cả các trang hoặc chỉ trên trang đầu.
6. Từ danh sách thả xuống **Văn bản**, chọn một trong những thông báo chuẩn, hoặc chọn tùy chọn **Tùy chỉnh** và nhập một thông báo mới vào ô.
7. Chọn các tùy chọn cho những cài đặt còn lại.
8. Nhấp vào nút **In**.




## Tạo các bản in chất lượng phù hợp để lưu trữ

In lưu trữ sẽ cho ra các bản in ít bị nhòe và lấm bụi mực. Sử dụng in lưu trữ để tạo ra các tài liệu mà bạn muốn bảo quản hoặc lưu trữ.

---

 **GHI CHÚ:** Tạo các bản in chất lượng phù hợp để lưu trữ bằng cách tăng nhiệt độ của bộ nhiệt áp. Do nhiệt độ tăng nên sản phẩm sẽ in ở tốc độ giảm còn một nửa để tránh hỏng hóc.

---

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Dịch vụ.
3. Chạm vào nút In Lưu trữ, sau đó chạm nút Bật.

## In màu

- [Sử dụng tùy chọn HP EasyColor](#)
- [Thay đổi tùy chọn màu \(Windows\)](#)
- [Đổi chủ đề màu cho lệnh in \(Windows\)](#)
- [Thay đổi tùy chọn màu \(Mac OS X\)](#)
- [Tùy chọn màu thủ công](#)
- [Khớp màu](#)

## Sử dụng tùy chọn HP EasyColor

Nếu bạn sử dụng trình điều khiển máy in HP PCL 6 cho Windows, công nghệ **HP EasyColor** sẽ tự động cải thiện chất lượng các tài liệu có nội dung hỗn hợp được in từ các chương trình Microsoft Office. Công nghệ này quét tài liệu và tự động điều chỉnh hình ảnh ở định dạng .JPEG hoặc .PNG. Công nghệ **HP EasyColor** sẽ nâng cao chất lượng của toàn bộ hình ảnh cùng lúc, thay vì chia ảnh thành nhiều phần nhỏ, giúp cải thiện độ đồng nhất màu, chi tiết sắc nét hơn và in nhanh hơn.

Nếu bạn sử dụng trình điều khiển máy in HP Postscript cho Mac, công nghệ **HP EasyColor** sẽ quét tất cả các tài liệu và tự động điều chỉnh tất cả các hình ảnh nhằm đạt được một kết quả ảnh cải thiện như nhau.


Trong ví dụ sau, các hình ảnh ở bên trái được tạo ra không sử dụng tùy chọn **HP EasyColor**. Những hình ảnh ở bên phải cho thấy những cải tiến nhờ sử dụng tùy chọn **HP EasyColor**.



Tùy chọn **HP EasyColor** được bật theo mặc định ở cả trong trình điều khiển máy in HP PCL 6 và trình điều khiển máy in HP Mac Postscript, vì vậy bạn không cần phải điều chỉnh màu theo cách thủ công. Để tắt tùy chọn để bạn có thể điều chỉnh các cài đặt màu theo cách thủ công, mở tab **Màu** trong trình điều khiển Windows hoặc tab **Tùy chọn màu/Chất lượng** trong trình điều khiển máy Mac, sau đó nhấp hộp kiểm **HP EasyColor** để bỏ chọn.

## Thay đổi tùy chọn màu (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Nhấp vào tab **Màu**.

4. Chọn hộp kiểm **HP EasyColor** để bỏ chọn.
  5. Nhấp cài đặt **Tự động** hoặc **Thủ công**.
    - Cài đặt **Tự động**: Chọn cài đặt này cho hầu hết lệnh in
    - Cài đặt **Thủ công**: Chọn cài đặt này để điều chỉnh cài đặt màu độc lập với các cài đặt khác. Nhấp vào nút **Cài đặt** để mở cửa sổ điều chỉnh màu thủ công.
- 
-  **GHI CHÚ:** Thay đổi cài đặt màu theo cách thủ công có thể ảnh hưởng tới kết quả bản in. HP khuyến nghị chỉ những chuyên gia đồ họa màu mới nên thay đổi các cài đặt này.
6. Nhấp tùy chọn **In ở sắc độ xám** để in tài liệu màu thành màu đen và bóng xám. Sử dụng tùy chọn này để in tài liệu màu để sao chụp hoặc gửi fax. Cũng có thể dùng tùy chọn này để in các bản nháp hoặc để tiết kiệm bột màu.
  7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

## Đổi chủ đề màu cho lệnh in (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Nhấp tab **Color** (Màu).
4. Chọn hộp kiểm **HP EasyColor** để bỏ chọn.
5. Chọn một chủ đề màu từ danh sách thả xuống **Chủ Đề Màu**.
  - **Mặc định (sRGB)**: Chủ đề này thiết lập sản phẩm in dữ liệu RGB ở chế độ thiết bị thô. Khi dùng chủ đề này, hãy quản lý màu trong chương trình phần mềm hoặc trong hệ điều hành để biểu diễn chính xác.
  - **Sắc sỡ (sRGB)**: Sản phẩm tăng độ bão hòa màu trong các tông tầm trung. Dùng chủ đề này khi in hình đồ họa kinh doanh.
  - **Ảnh (sRGB)**: Sản phẩm thể hiện màu RGB theo kiểu màu được in giống như ảnh chụp sử dụng máy in ảnh kỹ thuật số. Sản phẩm biểu diễn màu sâu hơn, có độ bão hòa cao hơn so với chủ đề Mặc định (sRGB). Dùng chủ đề này để in ảnh chụp.
  - **Ảnh (Adobe RGB 1998)**: Dùng chủ đề này để in ảnh kỹ thuật số sử dụng không gian màu AdobeRGB thay vì sRGB. Tắt quản lý màu trong chương trình phần mềm khi sử dụng chủ đề này.
  - **Không**: Không dùng chủ đề màu nào.
  - **Cấu hình tùy chỉnh**: Chọn tùy chọn này để sử dụng cấu hình đầu vào tùy chỉnh để điều khiển đầu ra màu chính xác (ví dụ, để mô phỏng một sản phẩm HP Color LaserJet cụ thể). Tải xuống các cấu hình tùy chỉnh từ [www.hp.com](http://www.hp.com).
6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

## Thay đổi tùy chọn màu (Mac OS X)

1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **Tùy chọn Màu**.
4. Bấm hộp kiểm **HP EasyColor** để bỏ chọn.
5. Mở cài đặt **Nâng cao**.
6. Điều chỉnh từng cài đặt cho văn bản, hình đồ họa và hình chụp.
7. Nhấp vào nút **In**.

## Tùy chọn màu thủ công

Sử dụng các tùy chọn màu thủ công để điều chỉnh các tùy chọn **Neutral Grays** (Độ Xám Trung tính), **Halftone** (Bán sắc) và **Edge Control** (Kiểm soát Cạnh) cho văn bản, hình đồ họa và hình chụp.

Mô tả cài đặt	Tùy chọn cài đặt
<b>Kiểm soát Cạnh</b>  Thiết lập <b>Edge Control</b> (Kiểm soát cạnh) quyết định cách trình bày các cạnh. Kiểm soát cạnh có hai thành phần: bẫy và bán sắc thích ứng. Tính năng bán sắc thích ứng tăng độ sắc nét của cạnh. Tính năng bẫy giảm hiệu ứng của sự đăng ký sai mặt phẳng màu bằng cách xếp chõm lên nhau một chút các cạnh của các đối tượng gần kề.	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Off</b> (Tắt) sẽ tắt cả hai tính năng bẫy và bán sắc thích ứng.</li><li>• <b>Light</b> (Nhẹ) cài đặt tính năng bẫy ở mức tối thiểu. Bán sắc thích ứng bật.</li><li>• <b>Normal</b> (Thường) cài đặt tính năng bẫy ở mức trung bình. Bán sắc thích ứng bật.</li><li>• Cài đặt <b>Maximum</b> (Tối đa) là cài đặt tính năng bẫy mạnh nhất. Bán sắc thích ứng bật.</li></ul>
<b>Bán sắc</b>  Tùy chọn <b>Halftone</b> (Bán sắc) ảnh hưởng tới độ rõ ràng và độ phân giải của bản in màu.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tùy chọn <b>Smooth</b> (Nhẵn) tạo ra hiệu quả tốt hơn cho những vùng in lớn, màu liền khối và nâng cao ảnh bằng cách làm nhẵn các phần tô màu nhạt dần. Chọn tùy chọn này khi việc tô đều và nhẵn là điều quan trọng.</li><li>• Tùy chọn <b>Detail</b> (Chi tiết) hữu ích cho văn bản và đồ họa yêu cầu độ sắc nét rõ ràng giữa các dòng hoặc màu hoặc những hình chứa mẫu hình hoặc mức độ chi tiết cao. Chọn tùy chọn này khi các cạnh sắc và chi tiết nhỏ là quan trọng.</li></ul>
<b>Độ Xám Trung tính</b>  Cài đặt <b>Neutral Grays</b> (Độ Xám Trung tính) xác định phương pháp để tạo màu xám được sử dụng trong văn bản, hình đồ họa và hình chụp.	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tùy chọn <b>Black Only</b> (Chỉ Đen) tạo ra các màu trung tính (xám và đen) bằng cách chỉ sử dụng bột mực đen. Điều này đảm bảo các màu trung tính không có sắc màu. Cài đặt này tốt nhất cho các tài liệu và hình chụp có sắc độ xám.</li><li>• Tùy chọn <b>4-Color</b> (4 Màu) tạo ra các màu trung tính (xám và đen) bằng cách kết hợp bốn màu của bột mực. Phương pháp này tạo ra các phần tô màu nhạt dần và chuyển tiếp màu mịn hơn và tạo ra màu đen đậm nhất.</li></ul>

## Khớp màu

Quá trình khớp màu in từ sản phẩm với màn hình máy tính là một quá khá trình phức tạp vì máy in và màn hình máy tính sử dụng các phương pháp tạo màu khác nhau. Màn hình *hiển thị* màu bằng cách

sử dụng các pixel sáng, các pixel này sử dụng quá trình màu RGB (đỏ, xanh lá cây, xanh da trời), trong khi đó máy in in màu bằng cách sử dụng quá trình CMYK (xanh lá mạ, đỏ tươi, vàng, và đen).


Một vài yếu tố có thể ảnh hưởng đến khả năng khớp màu được in với màu trên màn hình. Các yếu tố này bao gồm:


- Giấy
- Các thành phần tạo màu của máy in (ví dụ mực hoặc bột mực)
- Quá trình in (ví dụ inkjet, báo chí, hoặc công nghệ laser)
- Ánh sáng trên đầu
- Sự khác biệt cá nhân trong cảm nhận màu
- Chương trình phần mềm
- Trình điều khiển in
- Hệ điều hành của máy tính
- Màn hình và cài đặt màn hình
- Video card và trình điều khiển
- Môi trường sử dụng (ví dụ độ ẩm)

Với hầu hết các trường hợp, phương pháp tốt nhất để khớp màu trên màn hình với trang in là in màu sRGB.


## Sử dụng HP ePrint

Sử dụng HP ePrint để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của sản phẩm từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet để sử dụng tính năng HP ePrint.

1. Để sử dụng HP ePrint, trước tiên bạn phải bật Dịch vụ web HP.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Dịch vụ web .
  - b. Chạm vào nút **Bật dịch vụ Web**.
2. Từ menu **Dịch vụ web HP**, chạm vào nút **Hiển thị Địa chỉ Email** để hiển thị địa chỉ email của sản phẩm trên bảng điều khiển.
3. Sử dụng trang web HP ePrintCenter để xác định cài đặt bảo mật và để cấu hình cài đặt in mặc định cho tất cả các lệnh in của HP ePrint gửi đến sản phẩm này.
  - a. Truy cập [www.hpeprintcenter.com](http://www.hpeprintcenter.com).
  - b. Nhấp vào **Sign In** (Đăng nhập) và nhập thông tin đăng nhập HP ePrintCenter của bạn hoặc đăng ký một tài khoản mới.
  - c. Chọn sản phẩm của bạn từ danh sách hoặc nhấp vào **+ Add printer** (Thêm máy in) để thêm. Để thêm sản phẩm, bạn cần có mã máy in, đó là một đoạn địa chỉ email của sản phẩm đứng trước biểu tượng @. Bạn có thể có mã này bằng cách in trang Dịch vụ Web từ bảng điều khiển của sản phẩm.

Sau khi thêm sản phẩm, bạn sẽ có tùy chọn tùy chỉnh địa chỉ email của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Mã này chỉ hợp lệ trong 24 giờ tính từ lúc bạn bật Dịch vụ web HP. Nếu mã này hết hạn, hãy làm theo hướng dẫn để bật lại Dịch vụ web HP và lấy mã mới.

- d. Để ngăn sản phẩm của bạn in các tài liệu không mong muốn, hãy nhấp vào **ePrint Settings** (Cài đặt ePrint), sau đó nhấp tab **Allowed Senders** (Người gửi được phép). Nhấp vào **Allowed Senders Only** (Chỉ người gửi được phép) và thêm địa chỉ email mà bạn muốn cho phép các lệnh in ePrint từ đó.
    - e. Để thiết lập cài đặt mặc định cho tất cả lệnh in ePrint gửi đến sản phẩm này, nhấp vào **ePrint Settings** (Cài đặt ePrint), nhấp vào **Print Options** (Tùy chọn in) và chọn cài đặt bạn muốn sử dụng.
4. Để in tài liệu, đính kèm tài liệu đó với thư email gửi đến địa chỉ email của sản phẩm. Cả thư email và tài liệu đính kèm sẽ đều được in.


## Sử dụng AirPrint

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS 4.2 trở lên. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp bằng sản phẩm từ iPad (iOS 4.2), iPhone (3GS trở lên) hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở đi) trong các ứng dụng sau:

- Thư
- Ảnh
- Safari
- Chọn ứng dụng của bên thứ ba

Để sử dụng AirPrint, sản phẩm phải được kết nối mạng. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng AirPrint và các sản phẩm của HP tương thích với AirPrint, hãy truy cập [www.hp.com/go/airprint](http://www.hp.com/go/airprint).

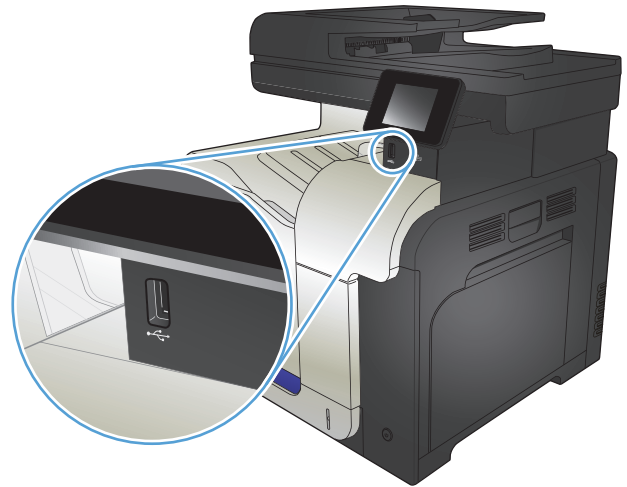
---

 **GHI CHÚ:** Bạn cần nâng cấp chương trình cơ sở của sản phẩm để sử dụng AirPrint. Hãy truy cập [www.hp.com/go/lj500colorMFPM570\\_firmware](http://www.hp.com/go/lj500colorMFPM570_firmware).

---

## Sử dụng in Walk-up USB

1. Lắp ổ flash USB vào cổng USB trên mặt trước của sản phẩm.



2. Menu **Ổ đĩa USB Flash** sẽ mở ra. Chạm vào các nút mũi tên để cuộn qua các tùy chọn.
  - In Tài Liệu
  - Xem và In Ảnh
  - Quét vào Ổ đĩa USB
3. Để in tài liệu, chạm vào màn hình **In Tài Liệu**, sau đó chạm vào tên thư mục trên ổ USB nơi tài liệu được lưu trữ. Khi màn hình tóm tắt mở, bạn có thể chạm vào màn hình để điều chỉnh các cài đặt. Chạm vào nút **In** để in tài liệu.
4. Để in ảnh, hãy chạm vào màn hình **Xem và In Ảnh**, sau đó chạm vào hình ảnh xem trước để chọn từng ảnh mà bạn muốn in. Chạm vào nút **Xong**. Khi màn hình tóm tắt mở, bạn có thể chạm vào màn hình để điều chỉnh các cài đặt. Chạm vào nút **In** để in ảnh.
5. Lấy bản in ra khỏi ngăn giấy ra và tháo ổ flash USB.



---

# 5 Sao chép

- [Thiết lập cài đặt sao chép mặc định mới](#)
- [Khôi phục cài đặt mặc định của bản sao](#)
- [Tạo một bản sao đơn](#)
- [Sao nhiều bản](#)
- [Sao chép bản gốc có nhiều trang](#)
- [Sao chép chứng minh thư](#)
- [Đổi chiều lệnh sao chép](#)
- [Sao chép trên cả hai mặt \(duplex\)](#)
- [Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao](#)
- [Tạo bản sao màu hoặc đen trắng](#)
- [Tối ưu hóa chất lượng bản sao](#)
- [Điều chỉnh độ sáng hoặc tối cho bản sao](#)
- [Điều chỉnh hình ảnh sao chép](#)
- [Sao chép trong chế độ nháp](#)
- [Đặt kích thước và loại giấy để sao chép trên giấy đặc biệt](#)

## Thiết lập cài đặt sao chép mặc định mới

Bạn có thể lưu bất kỳ sự kết hợp nào của cài đặt sao chép thành cài đặt mặc định để sử dụng cho mọi công việc.

1. Từ màn hình chính, chạm vào nút [Sao chép](#).
2. Chạm vào nút [Cài đặt](#).
3. Cấu hình cài đặt sao chép để đáp ứng sở thích của bạn và sau đó cuộn tới và chạm vào nút [Đặt làm Mặc định Mới](#).
4. Chạm vào nút [Có](#).

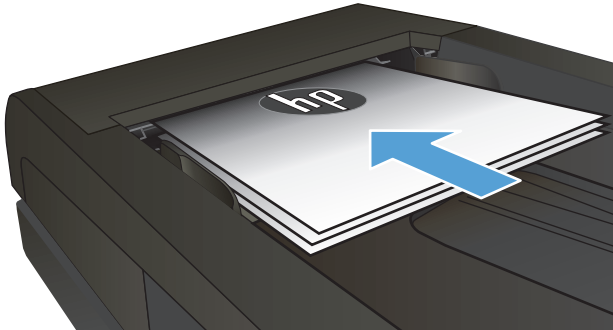
## Khôi phục cài đặt mặc định của bản sao

Sử dụng quy trình này để khôi phục lại các cài đặt sao chép mặc định từ nhà máy.

1. Từ Màn hình chính, chạm vào nút **Sao chép**.
2. Chạm vào nút **Cài đặt**.
3. Cuộn xuống và chạm vào nút **Khôi phục Mặc định**.
4. Chạm vào nút **OK** để khôi phục lại các cài đặt mặc định.

## Tạo một bản sao đơn

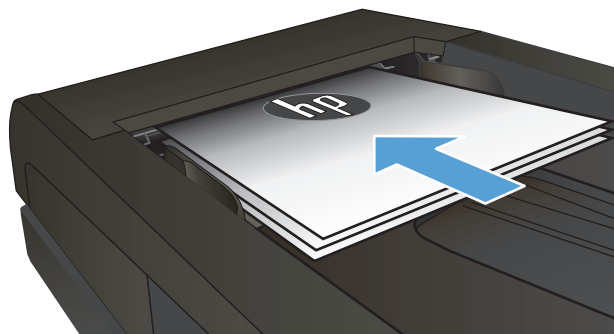
1. Nạp tài liệu lên mặt kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



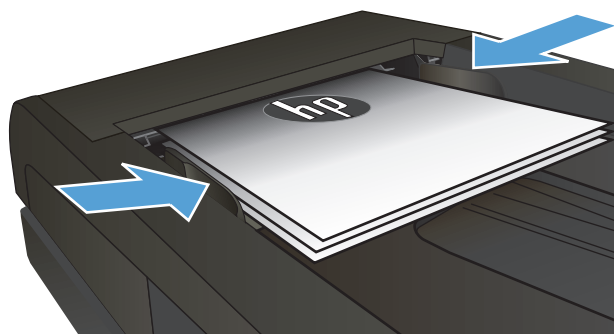
2. Từ màn hình chính, chạm vào nút Sao chép.
3. Chạm vào nút Đen hoặc Màu để bắt đầu sao chép.

## Sao nhiều bản

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



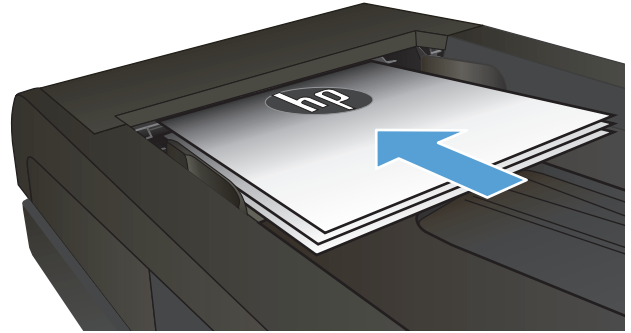
2. Nếu bạn tải tài liệu vào khay nạp tài liệu, hãy điều chỉnh các thanh dẫn hướng cho đến khi chúng sát vào giấy.



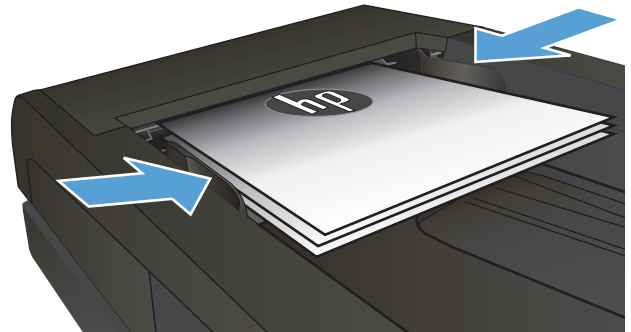
3. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Sao chép**.
4. Chạm vào các mũi tên để thay đổi số bản sao, hoặc chạm vào số hiện có và nhập số bản sao.
5. Chạm vào nút **Đen** hoặc **Màu** để bắt đầu sao chép.

## Sao chép bản gốc có nhiều trang

1. Đưa các bản gốc vào khay nạp tài liệu với mặt tài liệu hướng lên trên.



2. Hiệu chỉnh các thanh truyền giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.

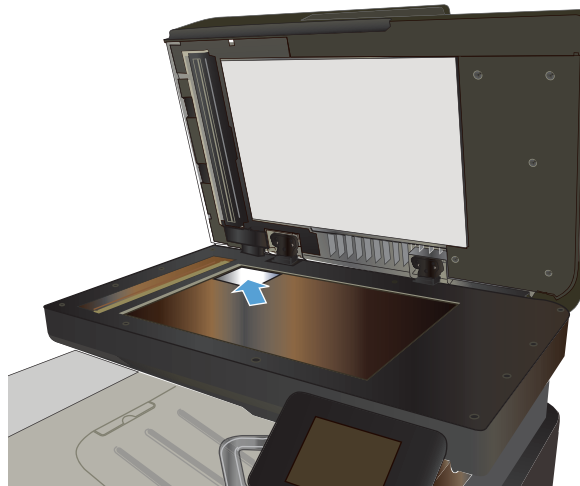


3. Từ màn hình chính, chạm vào nút **Sao chép**.
4. Chạm vào nút **Đen** hoặc **Màu** để bắt đầu sao chép.

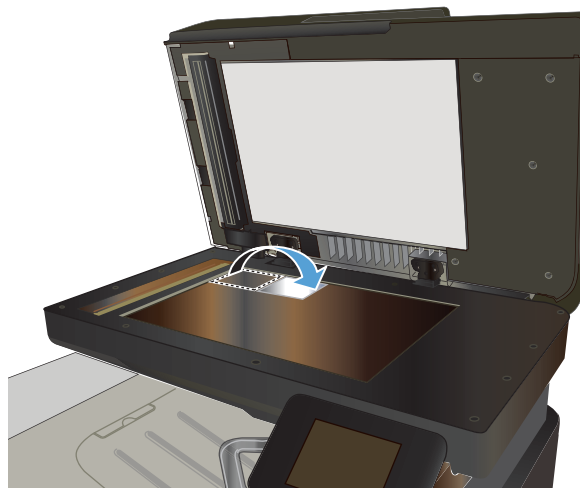
## Sao chép chứng minh thư

Sử dụng tính năng **Bản sao ID** để sao chép cả hai mặt của chứng minh thư hoặc tài liệu khổ nhỏ trên cùng một mặt của tờ giấy. Sản phẩm sẽ nhắc bạn sao chép mặt đầu tiên và sau đó đặt mặt thứ hai lên vùng khác của kính máy quét và sao chép lại. Sản phẩm in cả hai hình ảnh cùng một lúc.

1. Nạp tài liệu lên mặt kính máy quét.



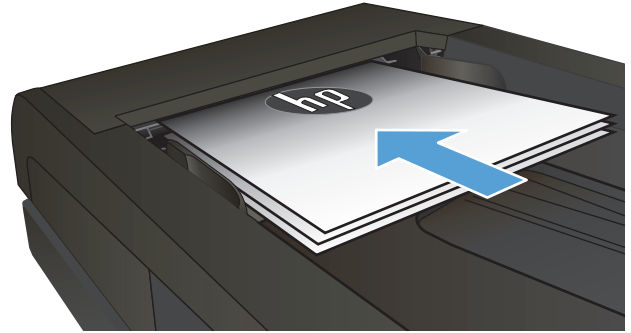
2. Từ màn hình chính, chạm vào nút **Sao chép**.
3. Chạm vào nút **Bản sao ID**.
4. Chạm vào nút **Đen** hoặc **Màu** để bắt đầu sao chép.
5. Sản phẩm nhắc bạn đặt trang tiếp theo lên phần khác của mặt kính máy quét.



6. Chạm vào nút **OK** nếu bạn có nhiều trang cần sao chép, hoặc chạm vào nút **Xong** nếu đây là trang cuối cùng.
7. Sản phẩm sao chép tất cả các trang lên một mặt của một tờ giấy.

## Đổi chiều lệnh sao chép

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



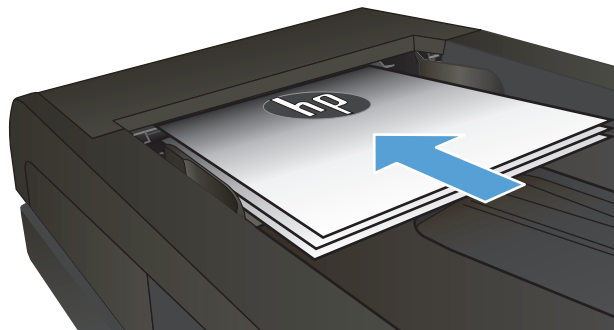
2. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Sao chép.
3. Chạm vào nút Cài đặt, sau đó cuộn xuống và chạm vào nút Đổi chiều. Chạm vào các nút mũi tên để cuộn qua các tùy chọn, sau đó chạm vào một tùy chọn để chọn tùy chọn đó.
4. Chạm vào nút Đen hoặc Màu để bắt đầu sao chép.



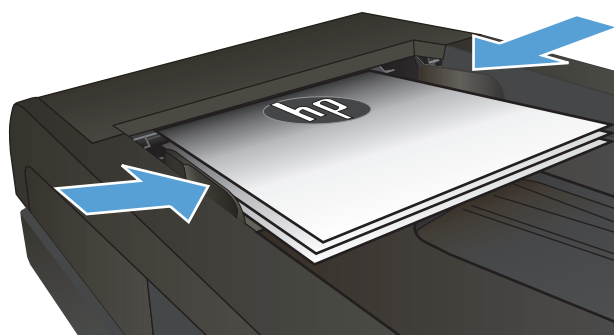
# Sao chép trên cả hai mặt (duplex)

## Tự động sao chép trên cả hai mặt

1. Nạp tài liệu gốc vào khay nạp tài liệu với trang đầu tiên quay mặt lên và cạnh trên của trang vào trước.



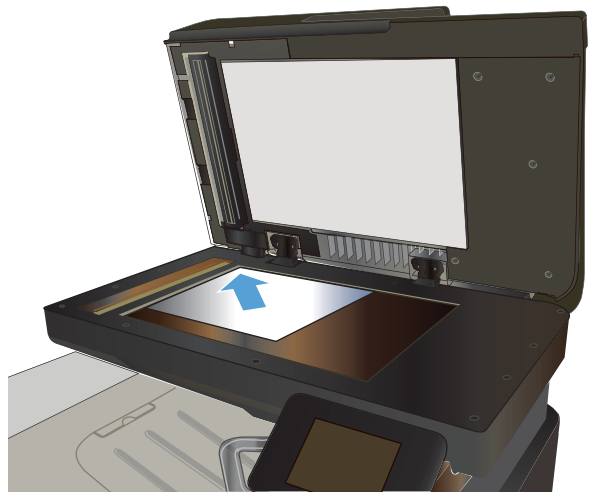
2. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy cho vừa với kích thước của tài liệu.



3. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Sao chép**.
4. Chạm vào nút **Cài đặt**.
5. Cuộn xuống và chạm vào nút **Hai mặt**.
6. Chạm vào các nút mũi tên để cuộn qua các tùy chọn, sau đó chạm vào một tùy chọn để chọn tùy chọn đó.
7. Chạm vào nút **Đen** hoặc **Màu** để bắt đầu sao chép.

## Sao chép hai mặt thủ công

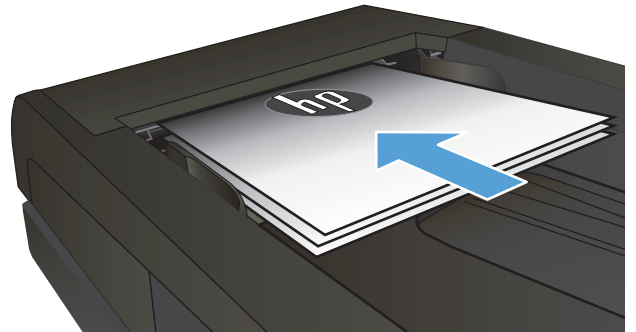
1. Đặt tài liệu cho mặt-quay-xuống mặt kính của máy quét với góc trên-bên-trái của trang nằm vào vị trí góc trên-bên-trái của mặt kính. Đóng máy quét.



2. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Sao chép**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Hai mặt**.
5. Chạm vào các nút mũi tên để cuộn qua các tùy chọn, sau đó chạm vào một tùy chọn để chọn tùy chọn đó.
6. Chạm vào nút **Đen** hoặc **Màu** để bắt đầu sao chép.
7. Sản phẩm nhắc bạn nạp trang tiếp theo của tài liệu gốc. Đặt trang tiếp theo lên mặt kính và chạm vào nút **OK**.
8. Lặp lại quá trình này cho đến khi bạn quét tới trang cuối cùng. Chạm vào nút **Xong** để kết thúc in bản sao.

## Thu nhỏ hoặc phóng to bản sao

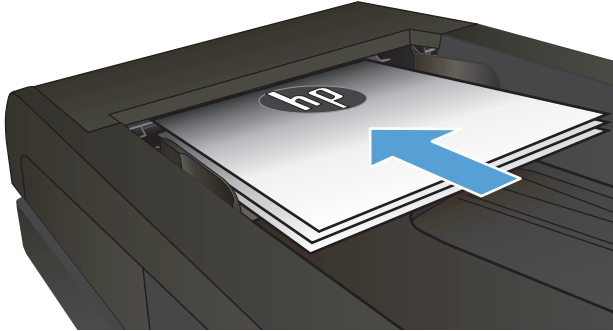
1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



2. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Sao chép.
3. Chạm vào nút Cài đặt, sau đó chạm nút Giảm/Tăng. Chạm vào các nút mũi tên để cuộn qua các tùy chọn, sau đó chạm vào một tùy chọn để chọn tùy chọn đó.
4. Chạm vào nút Đen hoặc Màu để bắt đầu sao chép.

## Tạo bản sao màu hoặc đen trắng

1. Nạp tài liệu lên mặt kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



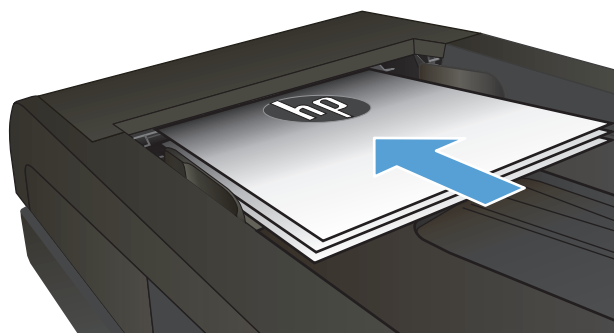
2. Từ màn hình chính, chạm vào nút Sao chép.
3. Chạm vào nút Đen hoặc Màu để bắt đầu sao chép.

# Tối ưu hóa chất lượng bản sao

Hiện có các cài đặt chất lượng bản sao sau:

- **Chọn Tự động:** Sử dụng cài đặt này khi bạn không lo lắng gì về chất lượng của bản sao chép. Đây là cài đặt mặc định.
- **Phối hợp:** Sử dụng cài đặt này cho tài liệu có chứa cả văn bản và hình ảnh.
- **Văn bản:** Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu có nội dung phần lớn là văn bản.
- **Hình ảnh:** Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu có nội dung phần lớn là hình ảnh.

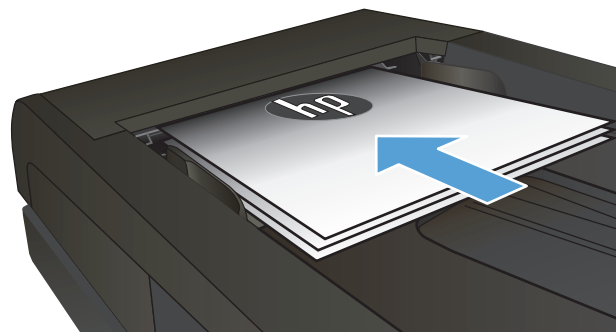
1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



2. Từ màn hình Chính, chạm vào nút Sao chép.
3. Chạm vào nút Cài đặt, sau đó cuộn xuống và chạm vào nút Tối ưu hóa. Chạm vào các nút mũi tên để cuộn qua các tùy chọn, sau đó chạm vào một tùy chọn để chọn tùy chọn đó.
4. Chạm vào nút Đen hoặc Màu để bắt đầu sao chép.

## Điều chỉnh độ sáng hoặc tối cho bản sao

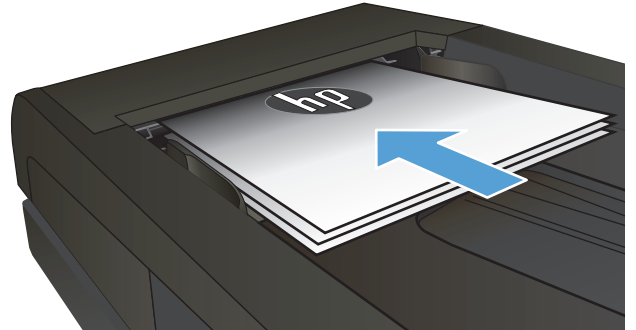
1. Nạp tài liệu lên mặt kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



2. Từ màn hình chính, chạm vào nút Sao chép.
3. Trên màn hình tóm tắt, chạm vào các nút mũi tên để điều chỉnh cài đặt.
4. Chạm vào nút Đen hoặc Màu để bắt đầu sao chép.

# Điều chỉnh hình ảnh sao chép

1. Nạp tài liệu lên mặt kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



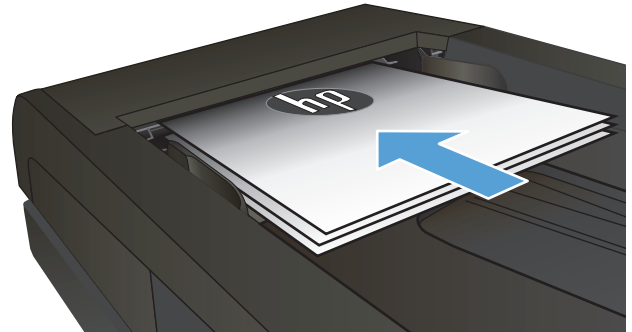
2. Từ màn hình chính, chạm vào nút Sao chép.
3. Chạm vào nút Cài đặt.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút Điều chỉnh Hình ảnh.
5. Chạm vào tên của cài đặt bạn muốn điều chỉnh.
  - Độ nhạt: Điều chỉnh cài đặt độ đậm/nhạt.
  - Độ tương phản: Điều chỉnh độ tương phản giữa vùng sáng nhất và tối nhất của hình ảnh.
  - Sắc nét: Điều chỉnh độ rõ ràng của ký tự trong văn bản.
  - Xóa nền: Điều chỉnh độ tối của nền hình ảnh. Điều chỉnh này đặc biệt hữu ích cho tài liệu gốc được in trên giấy màu.
  - Cân bằng Màu: Điều chỉnh sắc độ của màu đỏ, xanh lá cây và xanh da trời.
  - Độ xám: Điều chỉnh độ sặc sỡ của màu sắc.
6. Chạm vào nút — hoặc + để điều chỉnh giá trị cho cài đặt, sau đó chạm vào nút OK.
7. Điều chỉnh cài đặt khác hoặc chạm vào mũi tên quay về để quay lại menu sao chép chính.
8. Chạm vào nút Đen hoặc Màu để bắt đầu sao chép.

## Sao chép trong chế độ nháp

Sử dụng chế độ nháp có thể sử dụng ít bột mực hơn. Tuy nhiên, sử dụng chế độ nháp cũng có thể làm giảm chất lượng in.

HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên chế độ nháp. Nếu lúc nào cũng sử dụng chế độ nháp, nguồn bột mực có thể tồn tại lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

1. Nạp tài liệu lên mặt kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



2. Từ màn hình chính, chạm vào nút **Sao chép**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Chế độ Nháp**.
5. Chạm vào nút **Bật**.
6. Chạm vào nút **Đen** hoặc **Màu** để bắt đầu sao chép.



## Đặt kích thước và loại giấy để sao chép trên giấy đặc biệt

1. Từ màn hình chính, chạm vào nút **Sao chép**.
2. Chạm vào nút **Cài đặt**, sau đó cuộn xuống và chạm vào nút **Giấy**.
3. Từ danh sách các khổ giấy, chạm vào tên của khổ giấy trong Khay 1.



**GHI CHÚ:** Sản phẩm hỗ trợ các kích thước này cho việc sao chép: Letter, Legal và A4.

4. Từ danh sách các loại giấy, chạm vào tên của loại giấy trong Khay 1.
5. Chạm vào nút **Đen** hoặc **Màu** để bắt đầu sao chép.



---

## 6 Quét

- [Quét bằng phần mềm HP Scan \(Windows\)](#)
- [Quét bằng phần mềm HP Scan \(Mac OS X\)](#)
- [Quét vào ổ flash USB](#)
- [Cài đặt các tính năng quét vào thư mục mạng và quét để gửi qua email](#)
- [Quét vào thư mục mạng](#)
- [Quét và gửi qua e-mail](#)
- [Quét bằng cách sử dụng phần mềm khác](#)

## Quét bằng phần mềm HP Scan (Windows)

1. Nhấp đúp vào biểu tượng **HP Scan** trên màn hình máy tính.
2. Chọn lối tắt quét và điều chỉnh cài đặt nếu cần.
3. Nhấp vào **Scan** (Quét).



**GHI CHÚ:** Nhấp vào **Advanced Settings** (Cài đặt Nâng cao) để có thể truy cập vào nhiều tùy chọn khác.

Nhấp vào **Create New Shortcut** (Tạo lối tắt mới) để tạo các cài đặt tùy chỉnh và lưu chúng vào danh sách lối tắt.

---

## Quét bằng phần mềm HP Scan (Mac OS X)

1. Mở phần mềm **HP Scan**, nằm ở thư mục **HP** bên trong thư mục **Ứng dụng**.
2. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để quét tài liệu.
3. Khi bạn đã quét tất cả các trang, hãy nhấp nút **Gửi** để in các trang hoặc lưu chúng vào một tệp.

## Quét vào ổ flash USB

1. Nạp tài liệu lên mặt kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.
2. Lắp ổ flash USB vào cổng trên mặt trước của sản phẩm.
3. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Quét**.
4. Chạm vào màn hình **Quét vào Ổ đĩa USB**.
5. Chạm vào nút **Quét** để quét và lưu tập tin. Sản phẩm tạo ra một thư mục có tên là **HPSCANS** trên ổ USB và lưu tập tin ở định dạng .PDF hoặc .JPG bằng cách sử dụng tên tập tin tự động tạo ra.




**GHI CHÚ:** Khi màn hình tóm tắt mở, bạn có thể chạm vào màn hình để điều chỉnh các cài đặt.

Bạn cũng có thể thay đổi tên thư mục.


---

## Cài đặt các tính năng quét vào thư mục mạng và quét để gửi qua email

Để sử dụng các tính năng quét này, sản phẩm phải được kết nối mạng. Các tính năng này sẽ chỉ hoạt động khi bạn cấu hình. Sử dụng Trình Hướng dẫn Cài đặt Quét vào Thư mục Mạng sau khi cài đặt phần mềm sản phẩm, hoặc sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP để cấu hình các tính năng này. Các hướng dẫn sau đây mô tả cách cấu hình các tính năng quét bằng Máy chủ Web Nhúng của HP.


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Mạng  để tìm địa chỉ IP của sản phẩm.
2. Để mở Máy chủ Web Nhúng của HP, hãy nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào dòng địa chỉ của trình duyệt Web.

---

 **GHI CHÚ:** Bạn cũng có thể truy cập vào Máy chủ Web Nhúng của HP từ Hộp công cụ Thiết bị HP dành cho Windows hoặc Tiện ích HP dành cho Mac OS X.

---

3. Nhấp vào tab **Scan** (Quét) để cài đặt các tính năng.

 **GHI CHÚ:** Để cài đặt tính năng quét và gửi qua email, bạn cần phải biết tên của máy chủ SMTP mà bạn đang dùng. Hãy hỏi người quản trị mạng hoặc nhà cung cấp dịch vụ Internet của bạn để biết thông tin này. Nếu máy chủ SMTP yêu cầu xác thực, bạn cũng cần biết ID người dùng SMTP và mật khẩu.

---

## Quét vào thư mục mạng

Sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm để quét một tài liệu và lưu vào một thư mục trên mạng.



**GHI CHÚ:** Để sử dụng tính năng này, sản phẩm phải được kết nối với mạng và tính năng quét phải được cấu hình bằng Máy chủ web nhúng của HP.


1. Nạp tài liệu lên mặt kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.
2. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Quét](#).
3. Chạm vào mục [Quét vào Thư mục Mạng](#).
4. Trong danh sách các thư mục mạng, chọn thư mục mà bạn muốn lưu tài liệu.
5. Màn hình bảng điều khiển hiển thị cài đặt quét.
  - Nếu bạn muốn thay đổi bất kỳ cài đặt nào, hãy chạm vào nút [Cài đặt](#), sau đó thay đổi cài đặt.
  - Nếu cài đặt đã đúng, hãy đi tới bước kế tiếp.
6. Chạm vào nút [Quét](#) để bắt đầu tác vụ quét.



## Quét và gửi qua e-mail

Sử dụng bảng điều khiển sản phẩm để quét tệp trực tiếp tới một địa chỉ email. Tệp đã quét được gửi tới địa chỉ như một tệp đính kèm email.


---

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng tính năng này, sản phẩm phải được kết nối với mạng và tính năng quét phải được cấu hình bằng Máy chủ web nhúng của HP.

---

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.
2. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Quét**.
3. Chạm vào mục **Quét vào Email**.
4. Chạm vào mục **Gửi Email**.
5. Chọn địa chỉ **Từ** bạn muốn sử dụng. Mục này còn được gọi là “cấu hình email gửi đi.”

---

 **GHI CHÚ:** Nếu tính năng PIN đã được cài đặt, hãy nhập PIN và chạm vào nút **OK**. Tuy nhiên, không cần có PIN để sử dụng tính năng này.

---

6. Chạm vào nút **Tới** và chọn địa chỉ hoặc nhóm bạn muốn gửi tệp tới. Chạm vào nút **Xong** khi đã hoàn tất.
7. Chạm vào nút **Chủ đề** nếu bạn muốn thêm dòng chủ đề
8. Chạm vào nút **Tiếp**.
9. Màn hình bảng điều khiển hiển thị cài đặt quét.
  - Nếu bạn muốn thay đổi bất kỳ cài đặt nào, hãy chạm vào nút **Cài đặt**, sau đó thay đổi cài đặt.
  - Nếu cài đặt đã đúng, hãy đi tới bước kế tiếp.
10. Chạm vào nút **Quét** để bắt đầu tác vụ quét.

## Quét bằng cách sử dụng phần mềm khác

Nếu bạn cài đặt phần mềm sản phẩm đầy đủ, sản phẩm tuân theo quy chuẩn TWAIN và Windows Imaging Application (WIA). Nếu bạn cài đặt phần mềm sản phẩm tối thiểu, sản phẩm tuân theo quy chuẩn WIA. Sản phẩm làm việc với các chương trình trên Windows hỗ trợ các thiết bị quét tuân theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA.

Trong khi bạn đang ở chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA, bạn có thể truy cập vào tính năng quét và quét ảnh trực tiếp vào chương trình đang mở. Để biết thêm thông tin, xem tập tin Trợ giúp hoặc tài liệu được cung cấp kèm theo chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN hoặc WIA.

### Quét từ chương trình tuân theo quy chuẩn TWAIN (Windows)

Thông thường, một chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn TWAIN nếu chương trình đó có một lệnh như **Acquire** (Đạt được), **File Acquire** (Tập tin đạt được), **Scan** (Quét), **Import New Object** (Nhập Đối tượng mới), **Insert from** (Chèn từ) hoặc **Scanner** (Máy quét). Nếu bạn không chắc chương trình có dựa theo quy chuẩn hoặc bạn không biết lệnh được gọi là gì, hãy xem trong tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm.

Khi quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN, chương trình phần mềm HP Scan có thể tự động khởi động. Khi chương trình HP Scan khởi động, bạn có thể thực hiện thay đổi trong khi xem trước ảnh. Nếu chương trình không tự khởi động, ảnh sẽ vào ngay chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN.

Bắt đầu quét từ chương trình dựa theo quy chuẩn TWAIN. Xem tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm để biết thông tin về các lệnh và các bước sử dụng.

### Quét từ chương trình tuân theo quy chuẩn WIA (Windows)

WIA là một cách khác để quét hình ảnh trực tiếp vào một chương trình phần mềm. WIA sử dụng phần mềm Microsoft thay vì phần mềm HP Scan để quét.

Thông thường, chương trình phần mềm dựa theo quy chuẩn WIA có một lệnh như **Picture/From Scanner or Camera** (Hình vẽ/Từ Máy quét hoặc Camera) trong menu Chèn hoặc Tập tin. Nếu bạn không chắc chương trình có dựa theo quy chuẩn WIA hay không, hãy xem tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm.

Bắt đầu quét từ trong chương trình dựa theo quy chuẩn WIA. Xem tài liệu hoặc phần Trợ giúp chương trình phần mềm để biết thông tin về các lệnh và các bước sử dụng.

**-Hoặc-**

Từ bảng điều khiển của Windows, trong thư mục **Cameras and Scanner** (Máy ảnh và Máy quét) (đặt trong thư mục **Hardware and Sound** (Phần cứng và Âm thanh) dành cho Windows Vista và Windows 7), nhấp đúp vào biểu tượng sản phẩm. Thao tác này sẽ mở Microsoft WIA Wizard chuẩn, cho phép bạn quét một tập tin.

---


# 7 Fax

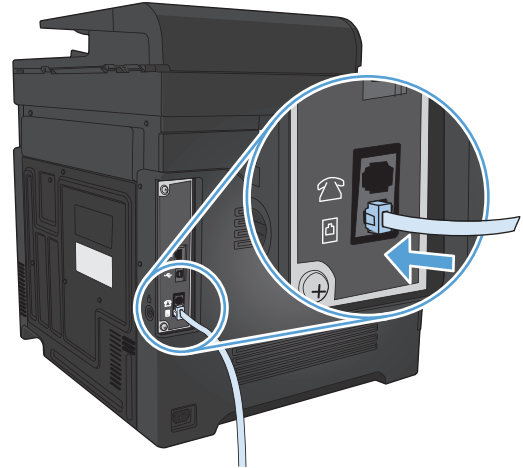
- [Kết nối fax với một đường dây điện thoại](#)
- [Thiết lập fax với máy trả lời điện thoại](#)
- [Cài đặt fax với điện thoại nhánh](#)
- [Thiết lập cho máy fax đơn lẻ](#)
- [Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax.](#)
  - [Sử dụng panen điều khiển](#)
  - [Sử dụng HP Fax Setup Wizard \(Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP\)](#)
- [Sử dụng các ký tự đặc biệt trong tiêu đề fax](#)
- [Sử dụng danh bạ](#)
  - [Sử dụng bảng điều khiển để tạo và sửa danh bạ fax](#)
  - [Xóa các mục của danh bạ](#)
- [Tạo và sửa đổi các mục quay-số-nhanh](#)
- [Xóa các mục quay số nhanh](#)
- [Tạo và sửa đổi các mục quay-số-nhóm](#)
- [Xóa các mục quay-số-nhóm](#)
- [Cấu hình cài đặt gửi fax](#)
  - [Đặt các tùy chọn và các biểu tượng quay số đặc biệt](#)
    - [Đặt mã số đầu](#)
  - [Thiết lập phát hiện âm quay số](#)
    - [Quay số tín hiệu âm hoặc quay số tín hiệu xung](#)
  - [Đặt tự động quay số lại và thời gian giữa các lần quay số](#)
  - [Cài độ sáng/tối và độ phân giải](#)
    - [Cài cài đặt độ sáng/tối \(độ tương phản\) mặc định](#)
    - [Cài đặt độ tương phản](#)

- [Cài các mã hóa đơn](#)
- [Cấu hình cài đặt nhận fax](#)
  - [Cài chuyển tiếp fax](#)
  - [Chỉnh chế độ trả lời](#)
  - [Chặn hoặc bỏ chặn số fax](#)
  - [Cài số lần đổ chuông trả lời](#)
  - [Đặt kiểu chuông đặc trưng](#)
  - [Dùng tính năng tự động giảm cho các bản fax gửi đến](#)
  - [Đặt cài đặt in lại fax](#)
  - [Đặt âm lượng fax](#)
    - [Đặt âm lượng báo, âm lượng đường điện thoại và âm lượng chuông](#)
  - [Đặt bản fax nhận-kèm-tem](#)
  - [Đặt tính năng nhận riêng](#)
- [Cài kiểm soát vòng fax](#)
- [Dùng fax](#)
  - [Các chương trình fax hỗ trợ](#)
  - [Hủy bản fax](#)
    - [Hủy bản fax hiện tại](#)
    - [Hủy tác vụ fax đang chờ](#)
  - [Xóa bản fax khỏi bộ nhớ](#)
  - [Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX hoặc ISDN](#)
    - [DSL](#)
    - [PBX](#)
    - [ISDN](#)
  - [Sử dụng fax trên dịch vụ VoIP](#)
  - [Nội dung bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện](#)
  - [Vấn đề an ninh khi kết nối mạng nội bộ với đường điện thoại công cộng](#)
  - [Gửi fax từ máy quét hình phẳng](#)
  - [Fax từ khay nạp tài liệu](#)
  - [Dùng phím quay số nhanh và các số quay-số-nhóm](#)
  - [Gửi fax bằng phần mềm \(Windows\)](#)


- [Gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối tới đường dây fax](#)
- [Xác nhận gửi fax](#)
- [Lên kế hoạch gửi fax sau này](#)
- [Gửi fax kết hợp giữa tài liệu điện tử và tài liệu giấy.](#)
- [Dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện](#)
  - [Gửi fax đi quốc tế](#)
- [In bản fax](#)
- [In lại bản fax](#)
- [Tự động in trên cả hai mặt của bản fax đã nhận](#)
- [Nhận fax khi bạn nghe kiểu chuông fax trên đường dây điện thoại](#)
- [In bản fax đã lưu khi tính năng nhận riêng đã bật](#)

## Kết nối fax với một đường dây điện thoại

1. Kết nối cáp điện thoại với cổng dây  trên sản phẩm và với giắc cắm điện thoại trên tường.



Sản phẩm là thiết bị analog. HP khuyến cáo sử dụng sản phẩm với đường dây điện thoại analog chuyên dụng.


 **GHI CHÚ:** Một số quốc gia/vùng lãnh thổ có thể yêu cầu bộ điều hợp cho cáp điện thoại đi kèm với sản phẩm.

## Thiết lập fax với máy trả lời điện thoại


- Cài số lần đổ chuông trả lời của sản phẩm nhiều hơn tối thiểu một lần so với số lần đổ chuông đã cài cho máy trả lời tự động.
- Nếu máy trả lời được nối với cùng đường dây điện thoại nhưng trên một đầu cắm khác (ví dụ như trong một phòng khác), máy có thể gây trở ngại cho việc nhận các bản fax của sản phẩm.

## Cài đặt fax với điện thoại nhánh


Khi bật tính năng này, bạn có thể báo cho sản phẩm biết để nhận cuộc gọi fax gọi đến bằng cách bấm 1-2-3 liên tục trên bàn phím điện thoại. Cài đặt mặc định là **Bật**. Bạn chỉ bật tính năng này nếu bạn dùng chức năng quay số theo nhịp điệu hoặc bạn có đăng ký dịch vụ qua công ty điện thoại có dùng chuỗi số 1-2-3. Dịch vụ của công ty điện thoại sẽ không hoạt động nếu dịch vụ này không tương thích với sản phẩm.


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Cuộn xuống và chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Cuộn xuống và chạm vào nút **Cài đặt Nâng cao**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Điện thoại Nhánh** và chạm vào nút **Bật**.

## Thiết lập cho máy fax đơn lẻ

1. Mở gói và thiết lập sản phẩm.
2. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
3. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
4. Chạm vào nút Tiện ích Thiết lập Fax.
5. Thực hiện theo lời nhắc trên màn hình và chọn câu trả lời thích hợp cho từng câu hỏi.

---

 **GHI CHÚ:** Số ký tự tối đa cho số fax là 20.


 **GHI CHÚ:** Số ký tự tối đa cho tiêu đề fax là 25.

---


# Cấu hình thời gian, ngày tháng và tiêu đề fax.

## Sử dụng panen điều khiển

Để sử dụng bảng điều khiển để thiết lập ngày tháng, thời gian và tiêu đề, hoàn tất các bước sau:

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Cơ bản.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút Ngày/giờ.
5. Chọn kiểu đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ.
6. Sử dụng bàn phím để nhập thời gian hiện tại, sau đó chạm vào nút OK.
7. Chọn định dạng ngày.
8. Sử dụng bàn phím để nhập ngày tháng hiện tại, sau đó chạm vào nút OK.
9. Chạm vào menu Tiêu đề Fax.
10. Sử dụng bàn phím để nhập số fax của bạn, sau đó chạm vào nút OK.

---

 **GHI CHÚ:** Số ký tự tối đa cho số fax là 20.

---

11. Sử dụng bàn phím để nhập tiêu đề hoặc tên công ty của bạn, sau đó chạm vào nút OK.

---

 **GHI CHÚ:** Số ký tự tối đa cho tiêu đề fax là 25.

---

## Sử dụng HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP)

Nếu bạn chưa hoàn tất quy trình thiết lập fax ngay khi bạn cài đặt xong phần mềm, bạn có thể hoàn tất quy trình này bất kỳ lúc nào bằng cách sử dụng HP Fax Setup Wizard.

1. Nhấp **Bắt đầu**, sau đó nhấp **Programs** (Chương trình).
2. Nhấp **HP**, nhấp vào tên của sản phẩm, sau đó nhấp vào **HP Fax Setup Wizard** (Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP).
3. Hãy thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình trong Trình hướng dẫn Cài đặt Fax HP để cấu hình các cài đặt fax.

## Sử dụng các ký tự đặc biệt trong tiêu đề fax

Khi sử dụng bảng điều khiển để nhập tên của bạn vào tiêu đề hoặc để nhập tên cho phím công-tắc, mục quay số nhanh, hoặc mục quay-số-nhóm, bấm nút **123** để mở một bàn phím có chứa các ký tự đặc biệt.



## Sử dụng danh bạ

Bạn có thể lưu trữ các số fax thường quay (lên tới 120 số) dưới dạng hoặc số fax cá nhân hoặc số fax nhóm.


- [Sử dụng bảng điều khiển để tạo và sửa danh bạ fax](#)
- [Xóa các mục của danh bạ](#)

## Sử dụng bảng điều khiển để tạo và sửa danh bạ fax

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt Danh bạ**.
4. Chạm vào nút **Cài đặt Cá nhân** để tạo một mục quay số nhanh.
5. Chạm vào số chưa gán từ danh sách.
6. Sử dụng bàn phím để nhập tên cho mục nhập, sau đó chạm vào nút **OK**.
7. Sử dụng bàn phím để nhập số fax cho mục nhập, sau đó chạm vào nút **OK**.

## Xóa các mục của danh bạ

Bạn có thể xóa tất cả các số trong danh bạ được lập trình trong sản phẩm.

 **THẬN TRỌNG:** Sau khi danh bạ bị xóa, chúng không thể phục hồi được.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt Danh bạ**.
4. Chạm vào nút **Xóa Mục**. Hoặc, để xóa tất cả các mục, chạm vào nút **Xóa tất cả các mục**.
5. Chạm vào mục bạn muốn xóa.
6. Chạm vào nút **OK** để xác nhận xóa.

## Tạo và sửa đổi các mục quay-số-nhanh

1. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt Danh bạ**.
4. Chạm vào nút **Cài đặt Cá nhân**.
5. Chạm vào số chưa gán từ danh sách.
6. Sử dụng bàn phím để nhập tên cho mục nhập, sau đó chạm vào nút **OK**.
7. Sử dụng bàn phím để nhập số fax cho mục nhập, sau đó chạm vào nút **OK**.

## Xóa các mục quay số nhanh

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt Danh bạ**.
4. Chạm vào nút **Xóa Mục**. Hoặc, để xóa tất cả các mục, chạm vào nút **Xóa tất cả các mục**.
5. Chạm vào mục bạn muốn xóa.
6. Chạm vào nút **OK** để xác nhận xóa.

## Tạo và sửa đổi các mục quay-số-nhóm

1. Tạo một mục riêng lẻ cho từng số fax bạn muốn trong nhóm.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
  - b. Chạm vào nút **Menu Fax**.
  - c. Chạm vào nút **Cài đặt Danh bạ**.
  - d. Chạm vào nút **Cài đặt Cá nhân**.
  - e. Chạm vào số chưa gán từ danh sách.
  - f. Sử dụng bàn phím để nhập tên cho mục nhập, sau đó chạm vào nút **OK**.
  - g. Sử dụng bàn phím để nhập số fax cho mục nhập, sau đó chạm vào nút **OK**.
2. Từ menu **Cài đặt Danh bạ**, hãy chạm vào nút **Cài đặt Nhóm**.
3. Chạm vào số chưa gán từ danh sách.
4. Sử dụng bàn phím để nhập tên cho nhóm, sau đó chạm vào nút **OK**.
5. Chạm vào tên của từng mục riêng lẻ mà bạn muốn đưa vào nhóm. Khi bạn đã thực hiện xong, chạm vào nút **Chọn Xong**.

## Xóa các mục quay-số-nhóm

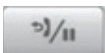


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt Danh bạ**.
4. Chạm vào nút **Xóa Mục**. Hoặc, để xóa tất cả các mục, chạm vào nút **Xóa tất cả các mục**.
5. Chạm vào mục bạn muốn xóa.
6. Chạm vào nút **OK** để xác nhận xóa.

## Cấu hình cài đặt gửi fax

- [Đặt các tùy chọn và các biểu tượng quay số đặc biệt](#)
- [Thiết lập phát hiện âm quay số](#)
- [Đặt tự động quay số lại và thời gian giữa các lần quay số](#)
- [Cài độ sáng/tối và độ phân giải](#)
- [Cài các mã hóa đơn](#)

### Đặt các tùy chọn và các biểu tượng quay số đặc biệt


Bạn có thể chèn chức năng tạm dừng vào số fax bạn đang quay số. Chức năng tạm dừng thường được cần đến khi quay số quốc tế hoặc kết nối với đường dây điện thoại bên ngoài.

Biểu tượng đặc biệt	Nút	Mô tả
Tạm dừng quay số		Nút Quay số lại/Tạm dừng có sẵn trên bàn phím bảng điều khiển để nhập số fax. Bạn cũng có thể chạm vào nút dấu phẩy để chèn tạm dừng quay số.
Tạm dừng cho âm quay số		Nút <b>W</b> chỉ hoạt động khi bạn đang nhập số fax cho một mục danh bạ. Ký tự này ra lệnh sản phẩm chờ âm quay số trước khi quay các số còn lại của số điện thoại.
Hook flash (giả lập gọi lại)		Nút <b>R</b> chỉ hoạt động khi bạn đang nhập số fax cho một mục danh bạ. Ký tự này ra lệnh sản phẩm chèn tín hiệu hook flash.

### Đặt mã số đầu

Mã số đầu là một số hoặc một nhóm các số sẽ được tự động thêm vào đầu của mỗi số fax mà bạn nhập từ bảng điều khiển hoặc từ phần mềm. Số ký tự tối đa cho mã số đầu là 50.


Cài đặt mặc định là **Tắt**. Bạn có thể bật cài đặt này và nhập mã số đầu, ví dụ bạn quay một số như số 9 chẳng hạn để nhận một số điện thoại bên ngoài hệ thống điện thoại công ty của bạn. Khi cài đặt này hoạt động, bạn có thể quay số fax mà không cần phải quay mã số đầu bằng cách quay số theo cách thủ công.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu [Cài đặt Fax](#).
3. Chạm vào menu [Cài đặt Cơ bản](#).
4. Cuộn xuống và chạm vào nút [Mã số đầu Quay số](#) và chạm vào nút [Bật](#).
5. Sử dụng bàn phím để nhập mã số đầu, sau đó chạm vào nút [OK](#). Bạn có thể sử dụng các số, tạm dừng và các biểu tượng quay số.

### Thiết lập phát hiện âm quay số

Thông thường, sản phẩm sẽ bắt đầu quay một số fax ngay. Nếu bạn đang sử dụng sản phẩm trên cùng đường dây với điện thoại, bật cài đặt dò tìm âm quay số. Thao tác này sẽ ngăn sản phẩm không gửi bản fax khi có người sử dụng điện thoại.


Cài đặt mặc định gốc dò tìm âm quay số **Bật** dành cho Pháp và Hungary, và **Tắt** cho tất cả các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Nâng cao.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút Dò âm Quay số và chạm vào nút Bật.

## Quay số tín hiệu âm hoặc quay số tín hiệu xung

Sử dụng quy trình này để cài chế độ âm quay số hoặc nhíp điệu quay số cho sản phẩm. Thông số cài đặt mặc định gốc là **Âm**. Không thay đổi cài đặt này trừ khi bạn biết rõ đường dây điện thoại không thể sử dụng âm quay số.

 **GHI CHÚ:** Tùy chọn nhíp điệu quay số không áp dụng cho tất cả quốc gia/vùng lãnh thổ.


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Nâng cao.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút Chế độ Quay số và sau đó chạm vào nút Âm hoặc nút Nhíp điệu.

## Đặt tự động quay số lại và thời gian giữa các lần quay số

Nếu sản phẩm không thể gửi bản fax do máy fax nhận không trả lời hoặc bận, sản phẩm sẽ thử quay số lại dựa trên các tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận, quay-số-lại-khi-không-trả-lời, và quay-số-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu.


### Cài tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận

Nếu tùy chọn này bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại khi nhận được tín hiệu bận. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận là **Bật**.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Nâng cao.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút Quay số lại khi Bận và chạm vào nút Bật.


### Cài tùy chọn quay-số-lại-khi-không-trả-lời

Nếu tùy chọn này bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại khi máy nhận không trả lời. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn quay-số-lại-khi-không-trả-lời là **Tắt**.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Nâng cao.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút Quay số lại nếu Không có Trả lời và chạm vào nút Bật.

## Cài tùy chọn gọi-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu

Nếu tùy chọn này bật, sản phẩm sẽ tự động quay số lại nếu có lỗi truyền tín hiệu. Cài đặt mặc định gốc cho tùy chọn gọi-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu là **Bật**.


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào menu **Cài đặt Nâng cao**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Quay số lại nếu Bị lỗi Truyền tín hiệu** và chạm vào nút **Bật**.

## Cài độ sáng/tối và độ phân giải


### Cài cài đặt độ sáng/tối (độ tương phản) mặc định

Độ tương phản ảnh hưởng đến độ sáng và độ tối của bản fax đi khi được gửi.

Cài đặt độ sáng/tối mặc định là độ tương phản thường được áp dụng cho các mục sẽ được fax đi. Con trượt được cài vào giữa làm cài đặt mặc định.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào menu **Cài đặt Nâng cao**.
4. Chạm vào nút **Đậm hơn/Nhạt hơn**, rồi chạm vào một trong các mũi tên để điều chỉnh thanh trượt.

### Cài đặt độ tương phản


 **GHI CHÚ:** Việc tăng độ phân giải sẽ làm tăng kích cỡ tập tin fax. Các bản fax khổ rộng hơn sẽ làm tăng thời gian gửi và có thể vượt quá dung lượng bộ nhớ hiện có trong sản phẩm.

Sử dụng quy trình này để thay đổi độ phân giải mặc định cho tất cả các bản fax bằng một trong các cài đặt sau:

- **Chuẩn:** Cài đặt này cung cấp chất lượng thấp nhất nhưng thời gian truyền nhanh nhất.
- **Mịn:** Cài đặt này cung cấp chất lượng độ phân giải cao hơn **Chuẩn** vốn thích hợp cho các tài liệu văn bản.
- **Siêu mịn:** Cài đặt này được sử dụng tốt nhất cho các tài liệu vừa có văn bản vừa có hình ảnh. Thời gian truyền ngắn hơn cài đặt **Mịn** nhưng nhanh hơn cài đặt **Ảnh chụp**.
- **Ảnh chụp:** Cài đặt này cho chất lượng hình ảnh tốt nhất nhưng sẽ làm tăng thời gian truyền.

Cài đặt độ phân giải mặc định từ nhà máy là **Mịn**.

### Cài đặt độ phân giải mặc định

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào menu **Cài đặt Nâng cao**.
4. Chạm vào nút **Độ phân giải fax**, sau đó chạm vào một trong các tùy chọn.




## Cài các mã hóa đơn

Nếu tính năng mã hóa đơn bật, sản phẩm sẽ nhắc bạn nhập mã hóa đơn cho từng bản fax. Sản phẩm sẽ tăng số đếm mã hóa đơn cho từng trang fax đã gửi. Cước này bao gồm tất cả các loại fax ngoại trừ nhận vòng, chuyển tiếp fax, hoặc fax tải về máy tính. Đối với nhóm chưa được xác định hoặc fax quay số nhóm, sản phẩm sẽ tăng số đếm mã hóa đơn cho từng bản fax được gửi thành công đến từng nơi nhận.

Cài đặt mặc định gốc cho cài đặt mã hóa đơn là **Tắt**. Mã hóa đơn có thể là số bất kỳ từ 1 đến 250.

### Cài đặt mã hóa đơn

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào menu **Cài đặt Nâng cao**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Mã Hóa đơn** và chạm vào nút **Bật**.


### Sử dụng các mã hóa đơn

1. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu hoặc lên mặt kính máy quét.
2. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
3. Nhập số fax, hoặc chọn mục quay số nhanh hoặc quay số nhóm.
4. Chạm vào nút **Bắt đầu Fax**.
5. Nhập mã hóa đơn, sau đó chạm vào nút **OK**.

### In bản báo cáo mã hóa đơn

Bản báo cáo mã hóa đơn là một danh sách in tất cả các mã hóa đơn fax và tổng số bản fax đã được tính hóa đơn cho từng mã.

---

 **GHI CHÚ:** Sau khi sản phẩm in báo cáo này, nó sẽ xóa tất cả dữ liệu hóa đơn.

---

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Báo cáo Fax**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **In Báo cáo Thanh toán**.

## Cấu hình cài đặt nhận fax

- [Cài chuyển tiếp fax](#)
- [Chỉnh chế độ trả lời](#)
- [Chặn hoặc bỏ chặn số fax](#)
- [Cài số lần đổ chuông trả lời](#)
- [Đặt kiểu chuông đặc trưng](#)
- [Dùng tính năng tự động giảm cho các bản fax gửi đến](#)
- [Đặt cài đặt in lại fax](#)
- [Đặt âm lượng fax](#)
- [Đặt bản fax nhận-kèm-tem](#)
- [Đặt tính năng nhận riêng](#)

## Cài chuyển tiếp fax

Bạn có thể chỉnh cho sản phẩm gửi chuyển tiếp các bản fax đến số máy fax khác. Khi các bản fax gửi đến sản phẩm của bạn, chúng sẽ được lưu trên bộ nhớ. Sản phẩm sau đó sẽ quay số fax mà bạn đã chọn và gửi bản fax đi. Nếu sản phẩm không thể chuyển tiếp bản fax vì bị lỗi (ví dụ, số fax đó đang bận) và đã quay lại số đó nhiều lần mà không được, sản phẩm sẽ in bản fax ra.

Nếu sản phẩm hết bộ nhớ trong khi đang nhận fax, máy sẽ dừng nhận bản fax đang đến và chỉ chuyển tiếp các trang và những phần của trang đã lưu trên bộ nhớ.

Khi máy dùng tính năng gửi chuyển tiếp fax, sản phẩm (thay vì máy tính) phải nhận được fax, và chế độ trả lời phải được chỉnh sang **Tự động**.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Tùy chọn Nhận**.
4. Chạm vào nút **Chuyển tiếp Fax**, sau đó chạm nút **Bật**.
5. Sử dụng bàn phím để nhập số chuyển tiếp fax, sau đó chạm vào nút **OK**.


## Chỉnh chế độ trả lời

Tùy vào tình huống cụ thể, bạn đặt chế độ trả lời của sản phẩm sang chế độ **Tự động**, **TAM**, **Fax/Điện thoại** hoặc **Thủ công**. Thông số cài đặt mặc định gốc là **Tự động**.

- **Tự động**: Sản phẩm sẽ trả lời các cuộc gọi đến sau một số lần đổ chuông nhất định hoặc dựa vào việc nhận dạng các kiểu chuông fax đặc biệt.
- **TAM**: Sản phẩm không tự động trả lời cuộc gọi. Thay vào đó, sản phẩm sẽ chờ cho đến khi phát hiện âm máy fax.

- **Fax/Điện thoại:** Sản phẩm trả lời các cuộc gọi đến ngay lập tức. Nếu phát hiện thấy âm máy fax, nó sẽ xử lý cuộc gọi dưới dạng fax. Nếu không phát hiện thấy âm máy fax, sản phẩm tạo chuông có thể nghe được để thông báo cho bạn trả lời cuộc gọi thoại đến.
- **Thủ công:** Sản phẩm không bao giờ trả lời cuộc gọi mà không có can thiệp. Bạn phải tự mình khởi động tính năng nhận fax, bằng cách chạm vào nút **Bắt đầu Fax** trên bảng điều khiển hoặc bằng cách nhắc điện thoại được nối vào đường dây đó và quay số 1-2-3.


Để chỉnh hoặc thay đổi chế độ trả lời, bạn hãy thực hiện các bước sau:

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào menu **Cài đặt Cơ bản**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Chế độ Trả lời**, sau đó chạm vào tên của tùy chọn bạn muốn dùng.

## Chặn hoặc bỏ chặn số fax

Nếu bạn không muốn nhận fax từ doanh nghiệp hoặc người gửi cụ thể nào đó, bạn có thể chặn đến 30 số fax bằng bảng điều khiển. Khi bạn chặn số fax và người gửi từ số gửi fax đến cho bạn, bảng điều khiển sẽ cho thấy số đó đã bị chặn, bản fax sẽ không được in ra, và bản fax không được lưu trên bộ nhớ. Các bản fax gửi đi từ số fax bị chặn sẽ được hiển thị trong nhật ký hoạt động fax dưới dạng “đã bị hủy”. Bạn có thể bỏ chặn số fax đã bị chặn một cách riêng lẻ hoặc tất cả cùng lúc.

---

 **GHI CHÚ:** Người gửi dùng số fax bị chặn sẽ không được thông báo là bản fax không gửi được.

---

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Tùy chọn Nhận**.
4. Chạm vào nút **Chặn fax rác**.
5. Chạm vào nút **Thêm Số**.
6. Sử dụng bàn phím để nhập số fax bạn muốn chặn, sau đó chạm vào nút **OK**.

## Cài số lần đổ chuông trả lời

Khi chế độ trả lời được cài sang **Tự động**, cài đặt chuông trả lời sản phẩm sẽ xác định số lần điện thoại reo trước khi sản phẩm trả lời cuộc gọi đến.

Nếu sản phẩm được kết nối với đường dây nhận cả cuộc gọi thoại lẫn fax (đường dây dùng chung) và đồng thời dùng cho máy trả lời tự động, bạn cần hiệu chỉnh số lần chuông trả lời. Số lần đổ chuông để trả lời dùng cho sản phẩm này phải lớn hơn số lần đổ chuông để trả lời của máy trả lời tự động. Việc này sẽ cho phép máy trả lời tự động trả lời các cuộc gọi đến và ghi lại tin nhắn nếu có cuộc gọi thoại. Khi máy trả lời tự động trả lời cuộc gọi, sản phẩm sẽ nghe cuộc gọi đến và tự động trả lời nếu phát hiện chuông fax.

Số lần đổ chuông để trả lời mặc định là năm đối với Mỹ và Canada, và hai đối với các quốc gia/vùng lãnh thổ khác.

Dùng bảng sau để xác định số lần đổ chuông để trả lời sẽ sử dụng.

Gõ vào đường dây điện thoại	Số lần đổ chuông để trả lời khuyến nghị
Đường dây chuyên dùng cho fax (chỉ nhận các cuộc gọi fax)	Chỉnh số lần đổ chuông để trả lời trong phạm vi hiển thị trên màn hình bảng điều khiển. (Số lần đổ chuông tối đa và tối thiểu của mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ sẽ không giống nhau.)
Một đường dây với hai số riêng biệt và dịch vụ chuông báo	Một hoặc hai hồi chuông. (Nếu bạn có máy trả lời điện thoại hoặc hộp thư thoại máy tính dùng cho số điện thoại khác, hãy kiểm tra để đảm bảo sản phẩm được cài số lần đổ chuông nhiều hơn hệ thống máy trả lời. Đồng thời, dùng tính năng chuông đặc trưng để phân biệt giữa các cuộc gọi thoại và fax.)
Đường dây dùng chung (để nhận cả cuộc gọi thoại và fax) chỉ nối vào một điện thoại	Năm hoặc nhiều hơn năm lần đổ chuông.
Đường dây dùng chung (để nhận cả cuộc gọi thoại và fax) chỉ nối vào một máy trả lời tự động hoặc hộp thư thoại trên máy tính	Đổ chuông nhiều hơn máy trả lời tự động hoặc hộp thư thoại của máy tính hai lần.


Để cài hoặc đổi số lần đổ chuông trả lời sẽ sử dụng, hãy thực hiện các bước sau:

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt**.
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào menu **Cài đặt Cơ bản**.
4. Chạm vào nút **Chuông Trả lời**.
5. Sử dụng bàn phím để nhập số lần đổ chuông, sau đó chạm vào nút **OK**.

## Đặt kiểu chuông đặc trưng

Một số công ty địa phương sẽ cung cấp dịch vụ kiểu chuông đặc biệt hoặc kiểu chuông. Dịch vụ này cung cấp cách để có nhiều số điện thoại trên một đường dây đơn. Mỗi số điện thoại sẽ có một kiểu chuông đặc trưng riêng, để bạn có thể trả lời các cuộc gọi thoại và sản phẩm có thể trả lời các cuộc gọi fax.


Nếu bạn đăng ký dịch vụ kiểu chuông qua công ty điện thoại, bạn phải chỉnh cho sản phẩm trả lời kiểu chuông phù hợp. Chỉ có một số quốc gia/vùng lãnh thổ có hỗ trợ kiểu chuông. Bạn hãy liên hệ với công ty điện thoại để quyết định xem dịch vụ có cung cấp tại quốc gia/vùng lãnh thổ của bạn.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn không đăng ký dịch vụ kiểu chuông và bạn thay đổi thông số cài đặt kiểu chuông sang thông số khác ngoài thông số mặc định, **Tất cả Kiểu chuông**, sản phẩm sẽ không thể nhận được fax.

Thông số cài đặt như sau:

- **Tất cả Kiểu chuông:** Sản phẩm sẽ trả lời tất cả cuộc gọi gọi đến qua đường dây điện thoại.
- **Đơn:** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông đơn.
- **Hai tiếng:** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng.
- **Ba tiếng:** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông ba tiếng.
- **Hai và Ba tiếng:** Sản phẩm sẽ trả lời bất kỳ cuộc gọi nào tạo ra kiểu chuông hai tiếng hoặc ba tiếng.

Để thay đổi kiểu chuông dùng để trả lời cuộc gọi, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Cơ bản.
4. Chạm vào nút Kiểu chuông Đặc trưng, sau đó chạm vào tên của một tùy chọn.


## Dùng tính năng tự động giảm cho các bản fax gửi đến

Nếu tùy chọn vừa-trang-in được bật, sản phẩm sẽ tự động giảm khổ giấy fax xuống 75% để vừa với thông tin theo khổ giấy mặc định (ví dụ, trang fax sẽ giảm từ khổ giấy legal sang khổ letter).


Nếu tùy chọn vừa-trang-in đã tắt, các bản fax in ra với khổ giấy toàn trang trên nhiều trang. Cài đặt mặc định gốc dành cho fax tự động giảm là **Bật**.

Nếu bạn đã bật tùy chọn **Tem fax**, bạn có thể cũng muốn bật tính năng tự động giảm. Việc này sẽ giảm khổ giấy fax gửi đến đôi chút, và ngăn chặn nhãn-trang khiến fax một trang thành hai trang.


---

 **GHI CHÚ:** Hãy đảm bảo rằng cài đặt khổ giấy mặc định phù hợp với khổ giấy đã nạp vào khay chứa giấy.

---

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Nâng cao.
4. Chạm vào nút Vừa Trang in, sau đó chạm nút **Bật**.

## Đặt cài đặt in lại fax


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Nâng cao.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút Cho phép In lại Fax và chạm vào nút **Bật**.

## Đặt âm lượng fax

Sử dụng cài đặt này để điều chỉnh âm lượng fax từ bảng điều khiển. Bạn có thể thực hiện các thay đổi cho các âm thanh sau:

- Âm báo
- Âm lượng Chuông
- Âm lượng Đường Điện thoại


## Đặt âm lượng báo, âm lượng đường điện thoại và âm lượng chuông


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Hệ thống.


3. Chạm vào menu **Cài đặt Âm lượng**.
4. Chạm vào tên của cài đặt âm lượng bạn muốn điều chỉnh, sau đó chạm vào một trong các tùy chọn. Lặp lại bước này cho từng cài đặt âm lượng.

## Đặt bản fax nhận-kèm-tem

Sản phẩm sẽ in các thông tin nhận dạng người gửi ở phần đầu của mỗi bản fax. Bạn cũng có thể dán tem thông tin tiêu đề của riêng bạn vào từng bản fax để xác nhận ngày và giờ bản fax được nhận. Cài đặt mặc định gốc dành cho các bản fax nhận-kèm-tem là **Tắt**.


 **GHI CHÚ:** Việc bật thiết lập đóng dấu đã nhận có thể làm tăng kích thước giấy và khiến sản phẩm phải in trang thứ hai.


 **GHI CHÚ:** Tùy chọn này chỉ áp dụng cho các bản fax nhận được mà sản phẩm in ra.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào menu **Cài đặt Nâng cao**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Tem fax** và chạm vào nút **Bật**.

## Đặt tính năng nhận riêng

Khi tính năng nhận riêng tự bật, các bản fax nhận được sẽ được lưu trong bộ nhớ. Mật khẩu được yêu cầu để in các bản fax đã lưu.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào menu **Cài đặt Nâng cao**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Nhận Riêng** và chạm vào nút **Bật**.
5. Nếu bạn chưa cài mật khẩu hệ thống, sản phẩm sẽ nhắc bạn tạo mật khẩu.

 **GHI CHÚ:** Mật khẩu hệ thống có phân biệt chữ hoa chữ thường.

- a. Chạm vào nút **OK**, sau đó sử dụng bàn phím để nhập mật khẩu hệ thống.
- b. Chạm vào nút **OK**, xác nhận mật khẩu bằng cách nhập nó lần thứ hai, sau đó chạm vào nút **OK** để lưu mật khẩu.

## Cài kiểm soát vòng fax

Nếu một người nào đó đã thiết lập kiểm soát vòng fax, bạn có thể yêu cầu gửi bản fax đó đến sản phẩm của bạn. (Điều này có thể hiểu là kiểm soát một máy fax khác).

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Tùy chọn Nhận**.

4. Chạm vào nút **Nhận Vòng**.
5. Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập số của máy fax mà bạn muốn kiểm soát vòng, sau đó chạm vào nút **OK**.

Thiết bị sẽ quay số đến máy fax khác và yêu cầu bản fax.

# Dùng fax

- [Các chương trình fax hỗ trợ](#)
- [Hủy bản fax](#)
- [Xóa bản fax khỏi bộ nhớ](#)
- [Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX hoặc ISDN](#)
- [Sử dụng fax trên dịch vụ VoIP](#)
- [Nội dung bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện](#)
- [Vấn đề an ninh khi kết nối mạng nội bộ với đường điện thoại công cộng](#)
- [Gửi fax từ máy quét hình phẳng](#)
- [Fax từ khay nạp tài liệu](#)
- [Dùng phím quay số nhanh và các số quay-số-nhóm](#)
- [Gửi fax bằng phần mềm \(Windows\)](#)
- [Gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối tới đường dây fax](#)
- [Xác nhận gửi fax](#)
- [Lên kế hoạch gửi fax sau này](#)
- [Gửi fax kết hợp giữa tài liệu điện tử và tài liệu giấy.](#)
- [Dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện](#)
- [In bản fax](#)
- [In lại bản fax](#)
- [Tự động in trên cả hai mặt của bản fax đã nhận](#)
- [Nhận fax khi bạn nghe kiểu chuông fax trên đường dây điện thoại](#)
- [In bản fax đã lưu khi tính năng nhận riêng đã bật](#)

## Các chương trình fax hỗ trợ



Chương trình fax qua máy tính cung cấp kèm theo sản phẩm là chương trình fax qua máy tính duy nhất có thể kết hợp dùng chung với sản phẩm. Để tiếp tục dùng chương trình fax qua máy tính đã cài sẵn trên máy tính, sử dụng modem đã được kết nối với máy tính đó; chương trình sẽ không hoạt động qua modem của sản phẩm.

## Hủy bản fax

Dùng các hướng dẫn này để hủy bản fax riêng lẻ hiện đang quay số hoặc bản fax đang được nhận hoặc gửi.



## Hủy bản fax hiện tại

Bấm nút Hủy  trên bảng điều khiển. Các trang chưa được truyền tải sẽ bị hủy. Việc bấm nút Hủy  cũng sẽ dừng các tác vụ quay-số-nhóm.

## Hủy tác vụ fax đang chờ

Dùng quy trình này để hủy tác vụ fax trong các trường hợp sau:

- Sản phẩm đang chờ quay số lại sau khi gặp tín hiệu bận máy, cuộc gọi không trả lời, hoặc lỗi kết nối.
- Bản fax sẽ được lên kế hoạch gửi lại vào một thời điểm khác trong tương lai.


Dùng các bước sau đây để hủy tác vụ fax bằng cách dùng menu **Tình trạng Lệnh Fax**:

1. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Tùy chọn Gửi**.
4. Chạm vào nút **Tình trạng Lệnh Fax**.
5. Chạm vào số fax cho tác vụ mà bạn muốn hủy.


## Xóa bản fax khỏi bộ nhớ

Dùng quy trình này chỉ khi bạn lo ngại rằng người nào khác đã truy cập vào sản phẩm của bạn và có tìm cách in lại các bản fax từ bộ nhớ.

---

 **THẬN TRỌNG:** Ngoài việc xóa bộ nhớ in lại, quy trình này sẽ xóa bất kỳ bản fax nào hiện đang được gửi đi, các bản fax chưa gửi đang chờ quay số lại, các bản fax được lên kế hoạch gửi vào thời điểm khác trong tương lai, và các bản fax chưa in hoặc chưa được gửi chuyển tiếp.


---

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu **Dịch vụ**.
3. Chạm vào menu **Dịch vụ Fax**.
4. Chạm vào nút **Xóa Các bản fax Đã lưu**.

## Dùng fax trên hệ thống DSL, PBX hoặc ISDN

Các sản phẩm HP được đặc biệt thiết kế để dùng với các dịch vụ điện thoại analog thông thường. Chúng không được thiết kế để dùng với các đường dây DSL, PBX, ISDN, hoặc các dịch vụ VoIP, nhưng chúng làm việc với các thiết bị và cài đặt thích hợp.

---


 **GHI CHÚ:** HP khuyến nghị bạn thảo luận với nhà cung cấp dịch vụ về các tùy chọn cài đặt DSL, PBX, ISDN, và VoIP.

---

Sản phẩm HP LaserJet là thiết bị analog và không tương thích với tất cả các hệ thống điện thoại kỹ thuật số (trừ khi bạn đang sử dụng bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog). HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích với các hệ thống kỹ thuật số hoặc bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog.

## DSL

Đường dây thuê bao kỹ thuật số (DSL) dùng công nghệ kỹ thuật số trên hệ thống dây điện thoại bằng đồng tiêu chuẩn. Sản phẩm này không tương thích trực tiếp với các tín hiệu kỹ thuật số đó. Tuy nhiên, nếu bạn chọn cấu hình này trong quá trình cài đặt DSL, tín hiệu có thể tách rời để một số loại băng thông được dùng để truyền tín hiệu analog (cho điện thoại và fax) trong khi các băng thông còn lại sẽ được dùng để truyền dữ liệu kỹ thuật số.

 **GHI CHÚ:** Các dịch vụ DSL sẽ không tương thích với tất cả các loại fax. HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích hoàn toàn với tất cả các nhà cung cấp hoặc đường dây dịch vụ DSL.

Một modem DSL thông thường sử dụng một bộ lọc để tách riêng việc truyền tín hiệu của DSL có tần số cao hơn khỏi việc truyền tín hiệu của modem fax và điện thoại analog có tần số thấp hơn. Thông thường cần phải sử dụng một bộ lọc với điện thoại analog và các sản phẩm fax analog được kết nối với đường dây điện thoại do một modem DSL sử dụng. Nhà cung cấp dịch vụ DSL thường cung cấp bộ lọc này. Liên hệ nhà cung cấp DSL để biết thêm thông tin hoặc để được giúp đỡ.

## PBX

Sản phẩm là thiết bị analog và không tương thích với tất cả các hệ thống điện thoại kỹ thuật số. Bạn cần phải sử dụng bộ chuyển đổi tín hiệu hoặc bộ lọc kỹ-thuật-số-sang-analog để dùng được các chức năng fax. Nếu các chức năng fax phát sinh sự cố trong hệ thống PBX, bạn sẽ phải liên hệ với nhà cung cấp PBX để được giúp đỡ. HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích với các hệ thống kỹ thuật số hoặc bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ-thuật-số-sang-analog.

Liên hệ nhà cung cấp PBX để biết thêm thông tin và để được giúp đỡ.

## ISDN

Sản phẩm là thiết bị analog và không tương thích với tất cả các hệ thống điện thoại kỹ thuật số. Bạn cần phải sử dụng bộ chuyển đổi tín hiệu hoặc bộ lọc kỹ-thuật-số-sang-analog để dùng được các chức năng fax. Nếu xảy ra sự cố fax trong môi trường ISDN, bạn sẽ phải liên hệ với nhà cung cấp ISDN để được trợ giúp. HP không đảm bảo rằng sản phẩm sẽ tương thích với các môi trường kỹ thuật số ISDN hoặc bộ chuyển đổi tín hiệu kỹ thuật số sang tương tự.

## Sử dụng fax trên dịch vụ VoIP

Dịch vụ giao thức truyền âm qua internet (VoIP) thường không tương thích với các loại máy fax, trừ trường hợp nhà cung cấp công bố chính thức rằng máy hỗ trợ fax qua các dịch vụ IP.

Nếu sản phẩm gặp sự cố trong khi gửi fax qua mạng VoIP, hãy kiểm tra xem tất cả các cáp đã được kết nối đúng cách và thông số cài đặt có thiết lập phù hợp hay chưa. Việc giảm thông số tốc-độ-fax có thể sẽ cho phép sản phẩm gửi fax qua mạng VoIP.

Nếu nhà cung cấp dịch vụ VoIP cung cấp chế độ "Pass through" (Đi qua) cho kết nối, điều này sẽ cung cấp hiệu suất fax tốt hơn trên VoIP. Ngoài ra nếu nhà cung cấp đã thêm "comfort noise" (tiếng ồn thích hợp) vào đường dây, hiệu suất fax có thể được nâng cao nếu tính năng này không được bật.

Nếu máy tiếp tục gặp sự cố khi fax, hãy liên hệ nhà cung cấp dịch vụ VoIP.

## Nội dung bộ nhớ fax được lưu giữ trong trường hợp mất điện

Bộ nhớ flash sẽ bảo vệ chống mất dữ liệu khi bị mất điện. Các thiết bị fax khác lưu các trang fax trong RAM thường hoặc RAM tạm-thời. RAM thường sẽ lập tức bị mất dữ liệu khi mất điện, trong khi RAM tạm-thời sẽ mất dữ liệu khoảng 60 phút sau khi mất điện. Bộ nhớ flash có thể lưu trữ tài liệu trong nhiều năm mà không cần có điện.

## Vấn đề an ninh khi kết nối mạng nội bộ với đường điện thoại công cộng

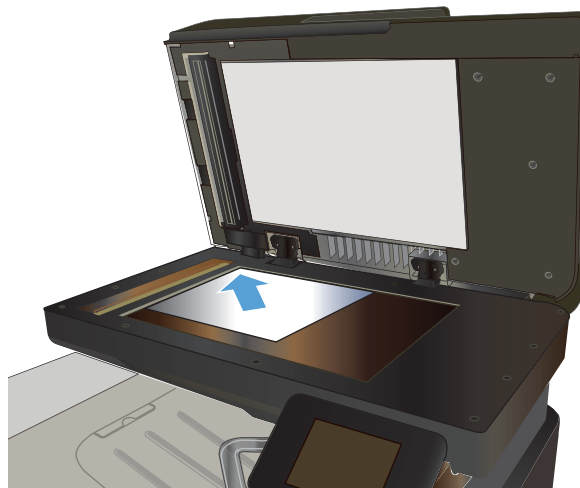
Sản phẩm này có thể gửi và nhận dữ liệu fax qua đường điện thoại phù hợp với các chuẩn mạng điện thoại chuyển mạch công cộng (PSTN). Giao thức fax an toàn làm cho virus máy tính không thể lây truyền được từ đường điện thoại tới máy tính hoặc mạng.

Các tính năng sau đây của sản phẩm ngăn ngừa lây truyền vi rút:

- Không tồn tại kết nối trực tiếp giữa đường fax và bất kỳ thiết bị nào được kết nối tới các cổng USB hoặc Ethernet.
- Không thể sửa đổi chương trình điều khiển bên trong thông qua kết nối fax.
- Tất cả các giao tiếp fax đi qua hệ thống con fax, không sử dụng giao thức trao đổi dữ liệu Internet.

## Gửi fax từ máy quét hình phẳng

1. Đặt tài liệu lên kính máy quét với mặt tài liệu hướng xuống dưới.



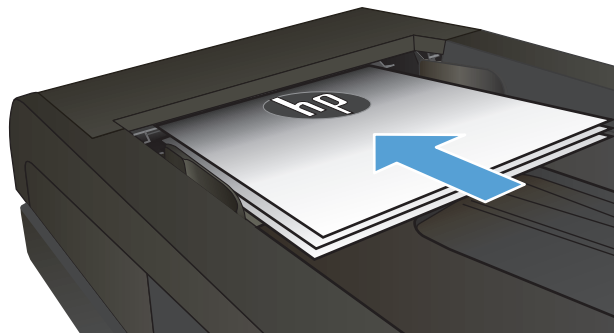
2. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
3. Sử dụng bàn phím để nhập số fax.
4. Chạm vào nút **Bắt đầu Fax**.
5. Sản phẩm sẽ nhắc bạn xác nhận rằng bạn đã gửi từ kính máy quét. Chạm vào nút **Có**.
6. Sản phẩm nhắc bạn nạp trang đầu tiên. Chạm vào nút **OK**.
7. Sản phẩm quét trang đầu tiên của tài liệu và sau đó nhắc bạn nạp trang khác. Nếu tài liệu có nhiều trang, hãy chạm vào nút **Có**. Tiếp tục quy trình này cho đến khi bạn quét tất cả các trang.
8. Khi bạn đã quét trang cuối cùng, hãy chạm vào nút **Không** khi được nhắc. Sản phẩm gửi tới máy fax.

## Fax từ khay nạp tài liệu

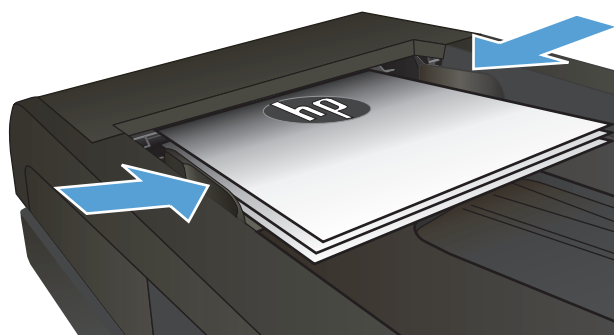
1. Đưa các bản gốc vào khay nạp tài liệu với mặt tài liệu hướng lên trên.

**GHI CHÚ:** Dung lượng khay nạp tài liệu tối đa là 50 tờ loại giấy 75 g/m<sup>2</sup>.

**THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hỏng sản phẩm, bạn đừng sử dụng các tài liệu gốc có dán băng tẩy, mực tẩy, kim cài giấy, hoặc kẹp giấy. Đồng thời, bạn cũng đừng để hình chụp, tài liệu gốc cỡ nhỏ hoặc các loại tài liệu gốc dễ rách vào khay nạp tài liệu.



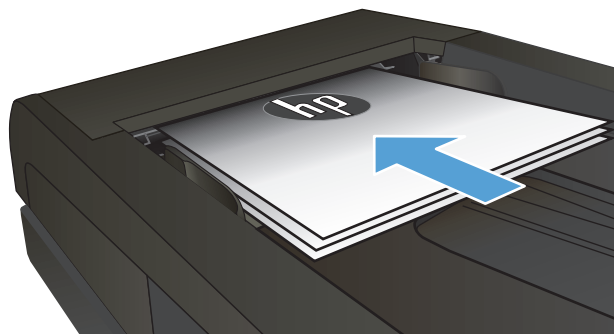
2. Điều chỉnh các thanh dẫn hướng giấy cho đến khi chúng sát vào giấy.



3. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Fax.
4. Sử dụng bàn phím để nhập số fax.
5. Chạm vào nút Bắt đầu Fax.

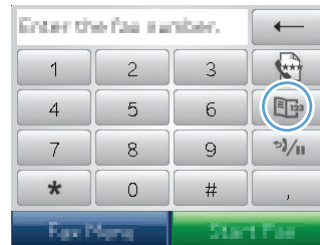
## Dùng phím quay số nhanh và các số quay-số-nhóm

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



2. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Fax.

- Trên bàn phím, hãy chạm vào biểu tượng danh bạ fax.



- Chạm vào tên của một người hoặc mục nhập nhóm mà bạn muốn sử dụng.
- Chạm vào nút **Bắt đầu Fax**.

## Gửi fax bằng phần mềm (Windows)

Thông tin sau cung cấp các hướng dẫn căn bản về cách gửi fax bằng phần mềm được cung cấp kèm theo sản phẩm. Tất cả các vấn đề khác liên quan đến phần mềm đều được trình bày trong mục Trợ giúp của phần mềm, trong menu **Help** (Trợ giúp) của chương trình phần mềm.

Bạn có thể fax các tài liệu điện tử từ máy tính nếu bạn đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sản phẩm được nối trực tiếp với máy tính hoặc mạng kết nối với máy tính.
- Phần mềm sản phẩm được cài trên máy tính.
- Hệ điều hành của máy tính là một hệ điều hành được sản phẩm này hỗ trợ.

### Gửi fax bằng phần mềm

Quy trình gửi fax có thể thay đổi tùy theo các thông số kỹ thuật của bạn. Các bước cơ bản nhất bao gồm.



- Nhấp vào **Bắt đầu**, nhấp vào **Programs** (Chương trình) (hoặc **All Programs** (Tất cả Chương trình) trong Windows XP), sau đó nhấp vào **HP**.
- Nhấp vào tên sản phẩm, sau đó nhấp vào **Send fax** (Gửi fax). Phần mềm fax sẽ hiện ra.
- Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
- Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.
- Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay).

### Gửi fax bằng chương trình phần mềm của bên thứ ba, như Microsoft Word

- Mở tài liệu trong chương trình của hãng thứ ba.
- Nhấp vào menu **File** (Tập tin), và sau đó nhấp vào **Print** (In).
- Chọn trình điều khiển in fax trong danh sách các trình điều khiển in vừa xuất hiện. Phần mềm fax sẽ hiện ra.
- Điền số fax của một hoặc nhiều người nhận.
- Thêm bất kỳ trang nào đã nạp vào sản phẩm. Đây là bước tùy chọn.
- Nhấp vào **Send Now** (Gửi Ngay).

## Gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối tới đường dây fax


Đôi khi bạn muốn quay số fax từ điện thoại được kết nối cùng một đường dây với sản phẩm. Ví dụ, nếu bạn đang gửi fax đến người có thiết bị đang ở chế độ nhận theo cách thủ công, bạn sẽ thực hiện cuộc gọi thoại trước khi gửi fax để cho người đó biết rằng có fax đang gửi đến.

 **GHI CHÚ:** Điện thoại phải kết nối với cổng “điện thoại” của sản phẩm .

1. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.
2. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
3. Cầm lấy điện thoại cầm tay được kết nối chung đường dây với sản phẩm. Quay số fax bằng cách dùng bàn phím điện thoại.
4. Khi người nhận trả lời, hãy hướng dẫn người đó cách khởi động máy fax.
5. Khi bạn nghe thấy âm fax, chạm vào nút **Bắt đầu Fax** trên bảng điều khiển, chờ cho đến khi bảng điều khiển hiển thị thông báo **Đang kết nối**, sau đó hãy gác máy.


## Xác nhận gửi fax

Bạn có thể cài sản phẩm nhắc bạn nhập số fax một lần nữa để xác nhận rằng bạn đang gửi fax đến số chính xác.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào menu **Cài đặt Nâng cao**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Xác nhận Số fax** và chạm vào nút **Bật**.
5. Gửi fax.

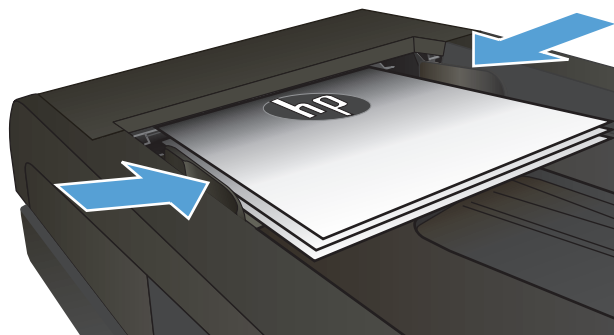
## Lên kế hoạch gửi fax sau này

Dùng bảng điều khiển sản phẩm để lên kế hoạch gửi fax tự động đến một hoặc nhiều người vào thời điểm khác trong tương lai. Sau khi đã hoàn tất quy trình này, sản phẩm sẽ quét tài liệu vào bộ nhớ và sau đó quay trở lại trạng thái Ready (Sẵn sàng).

 **GHI CHÚ:** Nếu sản phẩm không gửi fax đi vào thời điểm đã lên kế hoạch, thông tin đó sẽ được thể hiện trên báo cáo lỗi fax (nếu bạn đã bật tùy chọn đó) hoặc được ghi trên nhật ký hoạt động fax. Việc truyền tải tín hiệu sẽ không được tiến hành vì cuộc gọi gửi fax không trả lời, hoặc vì tín hiệu bạn máy làm dừng việc quay số lại.

Nếu bản fax đã được lên kế hoạch để gửi trong tương lai, nhưng cần được cập nhật, hãy gửi thêm thông tin bổ sung dưới dạng tác vụ khác. Tất cả các bản fax được lên kế hoạch gửi đến cùng một số fax cùng lúc sẽ được gửi dưới dạng các bản fax riêng lẻ.

1. Nạp tài liệu vào khay nạp tài liệu.



2. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
3. Chạm vào nút **Menu Fax**.
4. Chạm vào nút **Tùy chọn Gửi**.
5. Chạm vào nút **Gửi fax Sau**.
6. Sử dụng bàn phím để nhập thời gian của ngày gửi fax. Chạm vào nút **OK**.
7. Sử dụng bàn phím để nhập ngày gửi fax. Chạm vào nút **OK**.
8. Sử dụng bàn phím để nhập số fax. Chạm vào nút **OK**. Sản phẩm sẽ quét tài liệu và lưu vào bộ nhớ và gửi chúng đi vào thời điểm bạn đã chọn.

## Gửi fax kết hợp giữa tài liệu điện tử và tài liệu giấy.

Sử dụng phần mềm Gửi Fax của HP để cài đặt tính năng này. Để khởi động chương trình phần mềm, từ menu **Start** của Windows, điều hướng tới nhóm chương trình cho sản phẩm này, rồi nhấp vào mục **HP Send Fax** (Gửi Fax của HP). Sử dụng phần mềm này để kết hợp các tài liệu vào một lệnh gửi fax duy nhất.

## Dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện

Để dùng mã truy cập, thẻ tín dụng, hoặc thẻ gọi điện, hãy quay số theo cách thủ công để dùng các mã quay số và khoảng dừng.

## Gửi fax đi quốc tế

Để gửi fax đến số máy quốc tế, hãy quay số theo cách thủ công để dùng các mã quay số quốc tế và khoảng dừng.

## In bản fax

Khi sản phẩm nhận được dữ liệu fax, máy sẽ in ra bản fax (trừ khi bạn đã bật tính năng nhận-riêng) và đồng thời tự động lưu chúng vào bộ nhớ flash.




## In lại bản fax

Khi bật tính năng [Cho phép In lại Fax](#), sản phẩm sẽ lưu các bản fax nhận được trong bộ nhớ. Sản phẩm có khoảng 3,2 MB dung lượng lưu trữ, lưu giữ được khoảng 250 trang.

Các bản fax này được lưu liên tiếp nhau. Việc in lại chúng sẽ không làm máy xóa chúng khỏi bộ nhớ.

Cài đặt mặc định cho tính năng này là [Tắt](#).

### Bật tính năng Cho phép In lại Fax.


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu [Cài đặt Fax](#).
3. Chạm vào menu [Cài đặt Nâng cao](#).
4. Cuộn xuống và chạm vào nút [Cho phép In lại Fax](#) và chạm vào nút [Bật](#).

### In lại các bản fax

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Fax](#).
2. Chạm vào nút [Menu Fax](#).
3. Chạm vào nút [Tùy chọn Nhận](#).
4. Chạm vào nút [In lại các Bản fax](#).
5. Chạm vào mục fax bạn muốn in lại.

## Tự động in trên cả hai mặt của bản fax đã nhận

Sử dụng bảng điều khiển sản phẩm để cấu hình sản phẩm in bản sao hai mặt của các bản fax nhận được.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
2. Chạm vào nút **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt Nâng cao**.
4. Chạm vào nút **In Hai mặt**.
5. Chạm vào nút **Bật**.

## Nhận fax khi bạn nghe kiểu chuông fax trên đường dây điện thoại

Nếu bạn dùng một đường dây điện thoại để nhận cả fax và cuộc gọi thoại, và nghe kiểu chuông fax khi bạn trả lời điện thoại, bạn có thể bắt đầu quá trình nhận fax bằng một trong hai cách sau:


- Chạm vào nút **Bắt đầu Fax** trên bảng điều khiển sản phẩm.
- Hãy bấm chuỗi phím 1-2-3 trên bàn phím điện thoại, lắng nghe âm truyền tín hiệu fax và sau đó hãy gác máy.



**GHI CHÚ:** Để dùng cách thứ hai để nhận, phải bật tùy chọn **Điện thoại Nhánh**. Tùy chọn này là một trong các tùy chọn **Cài đặt Nâng cao** trong menu **Cài đặt Fax**.

## In bản fax đã lưu khi tính năng nhận riêng đã bật

Để sử dụng tính năng này, bạn phải bật tính năng **Nhận Riêng** trên sản phẩm. Sử dụng quy trình sau đây để bật tính năng này.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
2. Chạm vào nút **Cài đặt Fax**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt Nâng cao**.
4. Cuộn xuống và chạm vào nút **Nhận Riêng**.
5. Chạm vào nút **Bật**.

Để in các bản fax đã lưu, bạn phải cung cấp mật khẩu bảo mật sản phẩm. Sau khi sản phẩm đã in các bản fax đã lưu, các bản fax này sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Tùy chọn Nhận**.
4. Chạm vào nút **In Các fax Riêng tư**.
5. Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập mật khẩu bảo mật sản phẩm, sau đó chạm vào nút **OK**.

---

## 8 Quản lý và bảo trì


- [Sử dụng Tiện ích định lại cấu hình của HP để thay đổi kết nối của sản phẩm \(Windows\)](#)
- [Thiết lập In cho Wireless Direct của HP](#)
- [Sử dụng các ứng dụng Dịch vụ Web của HP](#)
- [Định cấu hình cài đặt mạng IP](#)
- [Hộp công cụ Thiết bị HP \(Windows\)](#)
- [Tiện ích HP dành cho Mac OS X](#)
- [Sử dụng phần mềm HP Web Jetadmin](#)
- [Cài đặt tiết kiệm](#)
- [Tính năng bảo mật sản phẩm](#)
- [Nâng cấp chương trình cơ sở](#)

## Sử dụng Tiện ích định lại cấu hình của HP để thay đổi kết nối của sản phẩm (Windows)

Nếu bạn đã đang sử dụng sản phẩm và muốn thay đổi cách sản phẩm được kết nối, hãy sử dụng Tiện ích Định lại cấu hình của HP để thiết lập kết nối. Ví dụ: bạn có thể định lại cấu hình sản phẩm để sử dụng một địa chỉ không dây khác, để kết nối với mạng không dây hoặc có dây hoặc để thay đổi từ kết nối mạng sang kết nối USB. Bạn có thể thay đổi cấu hình mà không cần lắp đĩa CD của sản phẩm. Sau khi bạn chọn loại kết nối mình muốn, chương trình sẽ đi thẳng tới phần quy trình thiết lập sản phẩm cần thay đổi.

Tiện ích Định lại cấu hình HP được đặt trong nhóm chương trình HP trên máy tính của bạn.


# Thiết lập In cho Wireless Direct của HP

 **GHI CHÚ:** Tính năng này hiện chỉ có ở các kiểu không dây.


Tính năng In Wireless Direct của HP cho phép bạn in trực tiếp từ thiết bị di động không dây tới sản phẩm có hỗ trợ Wireless Direct của HP mà không cần kết nối với mạng được thiết lập hoặc Internet. Sử dụng Wireless Direct của HP để in không dây từ các thiết bị sau:

- iPhone, iPad hoặc iTouch bằng AirPrint của Apple
- Các thiết bị di động chạy Android, iOS hoặc Symbian bằng ứng dụng HP ePrint Home & Biz

Để thiết lập Wireless Direct HP từ bảng điều khiển, hãy hoàn tất các bước sau:


 **GHI CHÚ:** Tính năng này yêu cầu bạn cài đặt mật khẩu bảo mật cho sản phẩm. Nếu bạn chưa có mật khẩu đã cấu hình trước đó, bạn sẽ được nhắc để cấu hình mật khẩu sau khi bật tính năng này.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Không dây (📶).
2. Mở các menu sau:
  - [Menu Không dây](#)
  - [Cài đặt Wireless Direct](#)
  - [Bật/Tắt](#)

 **GHI CHÚ:** Nếu mục [Cài đặt Wireless Direct](#) không xuất hiện trên bảng điều khiển, bạn cần nâng cấp phần mềm điều khiển sản phẩm. Để tải xuống phiên bản hiện tại, hãy truy cập vào [www.hp.com](http://www.hp.com), nhập số sản phẩm HP vào hộp tìm kiếm, chọn kiểu sản phẩm cụ thể, sau đó nhấp vào liên kết **Software & Driver Downloads** (Tải xuống Phần mềm & Trình điều khiển).

3. Chạm vào mục [Bật](#) trong menu. Sản phẩm có thể nhắc bạn cài mật khẩu bảo mật. Sản phẩm sẽ lưu cài đặt này, sau đó bảng điều khiển sẽ quay lại menu [Cài đặt Wireless Direct](#).

## Sử dụng các ứng dụng Dịch vụ Web của HP

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Dịch vụ web .
2. Chạm vào nút [Bật dịch vụ Web](#).

Sau khi bạn tải xuống ứng dụng từ trang Web HP ePrintCenter, ứng dụng sẽ sẵn có trong menu [Ứng dụng](#) trên bảng điều khiển của sản phẩm. Quá trình này bật cả HP Web Services (Dịch vụ Web HP) và menu [Ứng dụng](#).

# Định cấu hình cài đặt mạng IP


- [Từ chối chia sẻ máy in](#)
- [Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Đổi tên sản phẩm trên mạng](#)
- [Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết](#)


## Từ chối chia sẻ máy in

HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Vào Microsoft tại [www.microsoft.com](http://www.microsoft.com).

## Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Mạng  để tìm địa chỉ IP của sản phẩm.
2. Để mở Máy chủ Web Nhúng của HP, hãy nhập địa chỉ IP vào dòng địa chỉ của trình duyệt Web.

 **GHI CHÚ:** Bạn cũng có thể truy cập vào Máy chủ Web Nhúng của HP từ Hộp công cụ Thiết bị HP dành cho Windows hoặc Tiện ích HP dành cho Mac OS X.

3. Bấm tab **Networking** (Hoạt động Mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.


## Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Sử dụng các menu trên panen điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng cấp dưới, và cổng mặc định theo cách thủ công.


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Cuộn xuống và chạm vào menu [Cài đặt Mạng](#).
3. Chạm vào menu [Cấu hình TCP/IP](#), sau đó chạm nút [Thủ công](#).
4. Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập địa chỉ IP và chạm nút [OK](#). Chạm nút [Có](#) để xác nhận.
5. Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập subnet mask và chạm nút [OK](#). Chạm nút [Có](#) để xác nhận.
6. Sử dụng bàn phím trên màn hình cảm ứng để nhập máy chủ trung gian mặc định và chạm nút [OK](#). Chạm nút [Có](#) để xác nhận.

## Đổi tên sản phẩm trên mạng

Nếu bạn muốn đổi tên sản phẩm trên mạng để có thể xác định duy nhất sản phẩm, hãy sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Mạng  để tìm địa chỉ IP của sản phẩm.
2. Để mở Máy chủ Web Nhúng của HP, hãy nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào dòng địa chỉ của trình duyệt Web.


---

 **GHI CHÚ:** Bạn cũng có thể truy cập vào Máy chủ Web Nhúng của HP từ Hộp công cụ Thiết bị HP dành cho Windows hoặc Tiện ích HP dành cho Mac OS X.

---

3. Mở tab **Hệ thống**.
4. Trên trang **Device Information (Thông tin thiết bị)**, tên sản phẩm mặc định sẽ hiển thị trong trường **Device Status (Trạng thái thiết bị)**. Bạn có thể thay đổi tên này để xác định duy nhất sản phẩm này.

---


 **GHI CHÚ:** Không bắt buộc phải hoàn tất các trường khác trên trang này.

---


5. Nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)** để lưu các thay đổi.





## Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng cho mạng Ethernet. Thông tin này không áp dụng cho mạng không dây.

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với hub mạng. Nên để sản phẩm ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn sản phẩm không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Nếu bạn cần thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt phải phù hợp với sản phẩm mạng mà bạn đang kết nối (máy chủ mạng, công tắc, cổng nối, cầu dẫn, hoặc máy tính).

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, sản phẩm sẽ tắt đi, sau đó lại bật lại. Chỉ thay đổi khi sản phẩm chạy không (nhàn rỗi).


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Cuộn xuống và chạm vào menu [Cài đặt Mạng](#).
3. Chạm vào menu [Tốc độ Liên kết](#).
4. Chọn một trong các tùy chọn sau.

Cài đặt	Mô tả
Tự động	Máy chủ in tự động cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
10T đầy đủ	Truyền song công, 10 Mbps
10T một nửa	Truyền bán song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)
100TX đầy đủ	Truyền song công, 100 Mbps
100TX một nửa	Truyền bán song công, 100 Mbps
1000T đầy đủ	Truyền song công, 1000 Mbps

5. Chạm vào nút [OK](#). Sản phẩm sẽ tắt, sau đó bật lại.

# Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)

Sử dụng Hộp công cụ Thiết bị HP dành cho Windows để kiểm tra trạng thái sản phẩm hoặc xem hoặc thay đổi các cài đặt của sản phẩm từ máy tính của bạn. Công cụ này sẽ mở Máy chủ Web Nhúng của HP cho sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Công cụ này hiện chỉ sẵn có nếu bạn thực hiện cài đặt đầy đủ khi bạn cài đặt sản phẩm. Tùy thuộc vào cách sản phẩm được kết nối, một vài tính năng có thể không hoạt động.

1. Nhấp vào nút **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp vào mục **Programs** (Chương trình).
2. Nhấp vào nhóm sản phẩm HP của bạn, sau đó nhấp vào mục **HP Device Toolbox** (Hộp công cụ Thiết bị HP).

Tab hoặc mục	Mô tả
Tab <b>Home</b> (Màn hình chính) Cung cấp thông tin sản phẩm, thông tin trạng thái và cấu hình.	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Device Status</b> (Trạng thái thiết bị): Hiển thị trạng thái của sản phẩm và hiển thị phần trăm gần đúng của lượng mực in HP còn lại.</li><li>• <b>Tình trạng Mực in:</b> Hiển thị phần trăm gần đúng của lượng mực in HP còn lại. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn mực in thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế mực in trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.</li><li>• <b>Device Configuration</b> (Cấu hình Thiết bị): Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang cấu hình của sản phẩm.</li><li>• <b>Network Summary</b> (Tóm tắt Mạng): Hiển thị thông tin được tìm thấy trên trang cấu hình mạng của sản phẩm.</li><li>• <b>Báo cáo:</b> In trang cấu hình và trang tình trạng nguồn cung cấp mà sản phẩm tạo ra.</li><li>• <b>Event Log</b> (Nhật ký Sự kiện): Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của sản phẩm.</li></ul>
Tab <b>System</b> (Hệ thống) Cung cấp khả năng cấu hình sản phẩm từ máy tính của bạn.	<ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Device Information</b> (Thông tin Thiết bị): Cung cấp thông tin cơ bản về sản phẩm và công ty.</li><li>• <b>Paper Setup</b> (Cài đặt Giấy): Thay đổi cài đặt xử lý giấy mặc định cho sản phẩm.</li><li>• <b>Print Quality</b> (Chất lượng In): Thay đổi cài đặt chất lượng in mặc định cho sản phẩm, bao gồm cả cài đặt cân chỉnh.</li><li>• <b>Paper Types</b> (Loại Giấy): Cấu hình các chế độ in tương ứng với các loại giấy mà sản phẩm chấp nhận.</li><li>• <b>System Setup</b> (Cài đặt Hệ thống): Thay đổi cài đặt mặc định hệ thống của sản phẩm.</li><li>• <b>Service</b>(Dịch vụ): Thực hiện thủ tục làm sạch trên sản phẩm.</li><li>• <b>Product Security</b> (Bảo mật Sản phẩm): Đặt hoặc thay đổi mật khẩu sản phẩm.</li><li>• <b>Save and Restore</b> (Lưu và Khôi phục): Lưu cài đặt hiện tại của sản phẩm vào một tệp trên máy tính. Dùng tệp này để nạp cùng thông số cài đặt vào sản phẩm khác hoặc khôi phục các thông số này vào sản phẩm sau này.</li></ul> <p><b>GHI CHÚ:</b> Tab <b>System</b> (Hệ thống) có thể được bảo vệ bằng mật khẩu. Nếu sản phẩm này nằm trong một mạng, luôn hỏi ý kiến quản trị viên trước khi thay đổi cài đặt trên tab này.</p>

Tab hoặc mục	Mô tả
<p>Tab <b>Print</b> (In)</p> <p>Cung cấp khả năng thay đổi cài đặt in mặc định từ máy tính của bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Printing</b> (In): Thay đổi các thông số cài đặt in mặc định của sản phẩm, như số lượng bản sao và hướng giấy in. Các tùy chọn này tương tự như các tùy chọn hiện có trên bảng điều khiển.</li> <li>• <b>PCL5c</b>: Xem và thay đổi các thông số cài đặt PCL5c.</li> <li>• <b>PostScript</b>: Tắt hoặc bật tính năng <b>Print PS Errors</b> (Lỗi In PS).</li> </ul>
<p>Tab <b>Fax</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Receive Options</b> (Tùy chọn Nhận): Cấu hình cách sản phẩm xử lý các bản fax đến.</li> <li>• <b>Phone Book</b> (Danh bạ): Thêm hoặc xóa các mục trong danh bạ fax.</li> <li>• <b>Junk Fax List</b> (Danh sách Fax Rác): Đặt các số fax bị chặn không cho gửi fax đến sản phẩm.</li> <li>• <b>Fax Activity Log</b> (Nhật ký Hoạt động fax): Xem lại các hoạt động fax gần đây của sản phẩm.</li> </ul>
<p>Tab <b>Scan</b> (Quét)</p>	<p>Cấu hình <a href="#">Quét vào Thư mục Mạng</a> và các tính năng <a href="#">Quét vào Email</a>.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Network Folder Setup</b> (Cài đặt Thư mục Mạng): Cấu hình các thư mục trên mạng để sản phẩm có thể lưu tập tin đã quét.</li> <li>• <b>Scan to E-mail Setup</b> (Quét và gửi qua e-mail): Bắt đầu quá trình cài đặt tính năng <a href="#">Quét vào Email</a>.</li> <li>• <b>Outgoing E-mail Profiles</b> (Cấu hình Email Gửi đi): Cài địa chỉ email sẽ xuất hiện trong địa chỉ "from" (từ địa chỉ) cho tất cả các email gửi từ sản phẩm. Thông tin cấu hình Máy chủ SMTP.</li> <li>• <b>E-mail Address Book</b> (Sổ Địa chỉ Email): Thêm hoặc xóa các mục trong sổ địa chỉ email.</li> <li>• <b>E-mail Options</b> (Tùy chọn Email): Cấu hình dòng tiêu đề và nội dung thư mặc định. Cấu hình thông số quét mặc định cho email.</li> </ul>
<p>Tab <b>Networking</b> (Hoạt động mạng)</p> <p>Cung cấp khả năng để thay đổi cài đặt mạng từ máy tính của bạn.</p>	<p>Quản trị viên mạng có thể sử dụng tab này để kiểm soát các cài đặt liên quan đến mạng cho sản phẩm khi sản phẩm được kết nối vào mạng IP. Tab này cũng cho phép quản trị viên mạng thiết lập chức năng Wireless Direct. Tab này sẽ không xuất hiện nếu sản phẩm được nối trực tiếp với máy tính.</p>
<p>Tab <b>HP Web Services</b> (Dịch vụ web HP)</p>	<p>Sử dụng tab này để thiết lập và sử dụng các công cụ Web khác nhau với sản phẩm.</p>
<p>Tab <b>HP Smart Install</b> (Cài đặt HP Thông minh)</p>	<p>Sử dụng tab này để tắt HP Smart Install hoặc để tải về và cài đặt phần mềm sản phẩm.</p>

# Tiện ích HP dành cho Mac OS X


Sử dụng Tiện ích HP dành cho Mac OS X để xem hoặc thay đổi các cài đặt của sản phẩm từ máy tính của bạn.

Bạn có thể sử dụng Tiện ích HP khi sản phẩm được kết nối bằng cáp USB hoặc được kết nối với mạng hoạt động dựa trên giao thức TCP/IP.

## Mở Tiện ích HP

Từ Finder (Trình tìm kiếm), nhấp đúp vào **Applications** (Ứng dụng), nhấp đúp vào **Hewlett-Packard**, sau đó nhấp **HP Utility** (Tiện ích HP).

Nếu Tiện ích HP không có trong danh sách **Utilities** (Tiện ích), sử dụng thủ tục sau để mở nó:

1. Trên máy tính, mở menu Apple , bấm vào menu **Tùy chọn hệ thống**, sau đó bấm vào biểu tượng **In & Fax** hoặc biểu tượng **In & Quét**.
2. Chọn sản phẩm ở bên trái của cửa sổ.
3. Bấm nút **Tùy chọn & Mục in**.
4. Nhấp vào tab **Tiện ích**.
5. Nhấp vào nút **Open Printer Utility (Mở Tiện ích Máy in)**.

## Các tính năng của Tiện ích HP

Sử dụng phần mềm Tiện ích HP để thực hiện các thao tác sau:

- Nhận thông tin về tình trạng mực in.
- Nhận thông tin về sản phẩm, ví dụ như phiên bản của chương trình cơ sở và số sê-ri.
- In một trang cấu hình.
- Định cấu hình loại giấy và khổ giấy cho khay.
- Chuyển các tệp và phông chữ từ máy tính sang sản phẩm.
- Nâng cấp chương trình điều khiển của sản phẩm.
- Thay đổi tên Bonjour cho sản phẩm trên mạng Bonjour.
- Hiển thị trang sử dụng màu.

## Sử dụng phần mềm HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ dẫn đầu trong ngành, giành được giải thưởng cho việc quản lý hiệu quả hàng loạt các sản phẩm HP nổi mạng, bao gồm máy in, sản phẩm đa năng và thiết bị gửi kỹ thuật số. Giải pháp đơn nhất này cho phép bạn cài đặt, giám sát, bảo trì, xử lý sự cố và bảo mật từ xa cho môi trường in và xử lý hình ảnh của mình - cuối cùng là tăng năng suất của doanh nghiệp bằng cách giúp bạn tiết kiệm thời gian, kiểm soát chi phí và bảo vệ vốn đầu tư của bạn.

Các bản nâng cấp HP Web Jetadmin được đưa ra thường xuyên để hỗ trợ cho các tính năng sản phẩm cụ thể. Hãy truy cập [www.hp.com/go/webjetadmin](http://www.hp.com/go/webjetadmin) và nhấp vào liên kết **Self Help and Documentation** (Tự trợ giúp và tài liệu) để tìm hiểu thêm về các bản nâng cấp.


## Cài đặt tiết kiệm

- [In bằng EconoMode](#)
- [Đặt Thời gian Hoãn Chế độ Nghỉ](#)
- [Đặt thời gian hoãn Tự động Ngắt điện](#)

### In bằng EconoMode


Sản phẩm này có tùy chọn EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) dành cho việc in các bản tài liệu nháp. Sử dụng Chế độ Tiết kiệm có thể sử dụng ít bột mực hơn. Tuy nhiên, sử dụng Chế độ Tiết kiệm cũng có thể làm giảm chất lượng in.


HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu lúc nào cũng sử dụng Chế độ Tiết kiệm, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

 **GHI CHÚ:** Nếu tùy chọn này không sẵn có trong trình điều khiển in của bạn, bạn có thể thiết lập tùy chọn bằng cách sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP


1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Nhấp vào hộp kiểm **Chế độ tiết kiệm**.

### Đặt Thời gian Hoãn Chế độ Nghỉ

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Mở các menu sau:
  - Cài đặt Hệ thống
  - Cài đặt Năng lượng
  - Thời gian hoãn chế độ nghỉ
3. Chọn thời gian hoãn chế độ nghỉ.

 **GHI CHÚ:** Giá trị mặc định là 15 Phút.

### Đặt thời gian hoãn Tự động Ngắt điện

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Mở các menu sau:
  - Cài đặt Hệ thống
  - Cài đặt Năng lượng

- Tự động Ngắt điện
- Thời gian Hoãn Ngắt điện

**3.** Chọn thời gian hoãn ngắt điện.



**GHI CHÚ:** Giá trị mặc định là 30 Phút.

---

**4.** Sản phẩm sẽ tự động hoạt động trở lại từ chế độ tự động ngắt điện nếu sản phẩm nhận được lệnh in hoặc khi bạn chạm vào màn hình trên bảng điều khiển sản phẩm. Bạn có thể thay đổi những sự kiện sẽ khiến sản phẩm hoạt động trở lại. Mở các menu sau:

- Cài đặt Hệ thống
- Cài đặt Năng lượng
- Tự động Ngắt điện
- Sự kiện Đánh thức

Để tắt sự kiện đánh thức, hãy chọn sự kiện, sau đó chọn tùy chọn **Không**.

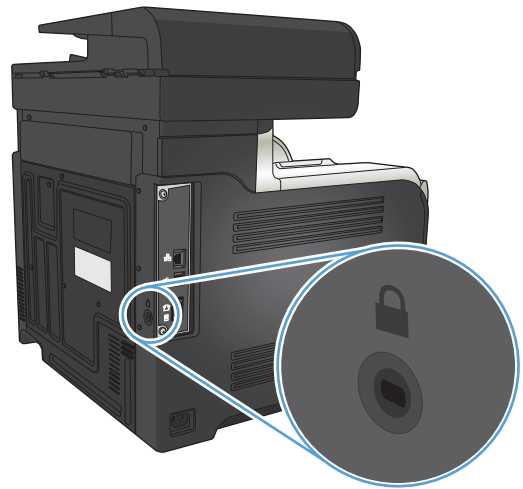
## Tính năng bảo mật sản phẩm

Sản phẩm hỗ trợ các chuẩn an toàn và các giao thức được khuyến nghị sử dụng. Những chuẩn và giao thức này giúp bạn giữ an toàn cho sản phẩm, bảo vệ những thông tin then chốt trên mạng máy tính của bạn, và đơn giản hóa cách thức giám sát và duy trì sản phẩm.

Để có thông tin chi tiết hơn về các giải pháp in ấn và ảnh hóa an toàn của HP, xin đến trang [www.hp.com/go/secureprinting](http://www.hp.com/go/secureprinting). Trang này cung cấp các liên kết đến các tài liệu về những câu hỏi thường gặp và sách trắng về các tính năng bảo mật.


## Khóa sản phẩm


1. Bạn có thể gắn cáp bảo mật vào khe ở phía sau sản phẩm.




## Đặt hoặc thay đổi mật khẩu sản phẩm.

Sử dụng Máy chủ Web nhúng HP để đặt mật khẩu hoặc thay đổi mật khẩu hiện tại cho một sản phẩm trên mạng.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Mạng  để tìm địa chỉ IP của sản phẩm.
2. Để mở Máy chủ Web Nhúng của HP, hãy nhập địa chỉ IP của sản phẩm vào dòng địa chỉ của trình duyệt Web.

 **GHI CHÚ:** Bạn cũng có thể truy cập vào Máy chủ Web Nhúng của HP từ Hộp công cụ Thiết bị HP dành cho Windows hoặc Tiện ích HP dành cho Mac OS X.

3. Nhấp vào tab **Cài đặt**, sau đó nhấp vào liên kết **Security (Bảo mật)**.

 **GHI CHÚ:** Nếu đã cài đặt mật khẩu trước đó, bạn sẽ được nhắc cung cấp mật khẩu đó. Nhập mật khẩu, sau đó nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)**.


4. Nhập mật khẩu mới vào hộp **New Password (Mật khẩu mới)** và hộp **Verify password (Xác nhận mật khẩu)**.
5. Ở cuối cửa sổ, nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)** để lưu mật khẩu.




## Nâng cấp chương trình cơ sở

HP sẽ cung cấp các nâng cấp định kỳ cho chương trình cơ sở của sản phẩm. Bạn có thể tải các bản nâng cấp chương trình điều khiển theo cách thủ công, hoặc có thể đặt sản phẩm tự động tải các bản nâng cấp chương trình điều khiển.

### Nâng cấp chương trình điều khiển theo cách thủ công

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Mở các menu sau:
  - Dịch vụ
  - Cập nhật LaserJet
  - Kiểm tra Cập nhật Ngay bây giờ
3. Chạm vào nút Có để nhắc sản phẩm tìm kiếm các bản nâng cấp chương trình điều khiển. Nếu sản phẩm phát hiện thấy bản nâng cấp, sản phẩm sẽ bắt đầu quá trình nâng cấp.

### Cài để sản phẩm tự động nâng cấp chương trình điều khiển

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Mở các menu sau:
  - Dịch vụ
  - Cập nhật LaserJet
  - Quản lý Cập nhật
  - Nhắc Trước khi Cài đặt
3. Chạm vào tùy chọn Tự động Cài đặt.



---

## 9 Giải quyết sự cố

- [Danh sách kiểm tra khắc phục sự cố](#)
- [Khôi phục cài đặt mặc định gốc](#)
- [Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển](#)
- [Giấy được nạp không chính xác hoặc bị kẹt](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)
- [Cải thiện chất lượng sao chép](#)
- [Cải thiện chất lượng quét](#)
- [Cải thiện chất lượng bản fax](#)
- [Sản phẩm không in hoặc in chậm](#)
- [Khắc phục sự cố in walk-up USB](#)
- [Giải quyết sự cố khi fax](#)
- [Giải quyết sự cố kết nối USB](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây](#)
- [Khắc phục các sự cố phần mềm của sản phẩm với Windows](#)
- [Giải quyết sự cố phần mềm sản phẩm với Mac OS X](#)
- [Xóa phần mềm \(Windows\)](#)
- [Xóa phần mềm \(Mac OS X\)](#)
- [Giải quyết sự cố về quét và gửi qua e-mail](#)
- [Giải quyết vấn đề quét vào thư mục mạng](#)

# Danh sách kiểm tra khắc phục sự cố

Thực hiện theo ba bước khi cố gắng khắc phục sự cố của sản phẩm.


- [Bước 1: Bảo đảm rằng sản phẩm đã được cài đặt đúng cách](#)
- [Bước 2: Kiểm tra kết nối cáp hoặc kết nối mạng không dây](#)
- [Bước 3: Kiểm tra bảng điều khiển để xem thông báo lỗi.](#)
- [Bước 4: Kiểm tra giấy](#)
- [Bước 5: Kiểm tra phần mềm](#)
- [Bước 6: Kiểm tra chức năng in](#)
- [Bước 7: Kiểm tra chức năng sao chép](#)
- [Bước 8: Kiểm tra chức năng fax](#)
- [Bước 9: Kiểm tra hộp mực in](#)
- [Bước 10: Thử gửi một lệnh in từ máy tính](#)
- [Bước 11: Kiểm tra xem sản phẩm đã xuất hiện trên mạng chưa](#)

## Bước 1: Bảo đảm rằng sản phẩm đã được cài đặt đúng cách

1. Bấm nút nguồn để bật sản phẩm hoặc vô hiệu hóa chế độ Tự động Ngắt điện.
2. Kiểm tra điểm kết nối dây cáp nguồn.
3. Kiểm tra chắc chắn rằng điện áp đường dây đã phù hợp với cấu hình nguồn điện của sản phẩm. (Xem nhãn ở mặt sau của sản phẩm để biết thông tin về yêu cầu điện áp.) Nếu bạn đang sử dụng dải điện áp không nằm trong phạm vi của thông số kỹ thuật, hãy cắm sản phẩm trực tiếp vào ổ cắm trên tường. Nếu đã cắm trực tiếp vào ổ cắm trên tường, hãy thử ổ cắm khác.
4. Nếu không biện pháp nào ở đây có thể phục hồi nguồn điện, hãy liên hệ với bộ phận Chăm sóc Khách hàng HP.

## Bước 2: Kiểm tra kết nối cáp hoặc kết nối mạng không dây

1. Kiểm tra kết nối cáp giữa sản phẩm và máy tính. Kiểm tra rằng bạn đã kết nối chắc chắn.
2. Kiểm tra chắc chắn rằng bản thân cáp không bị hỏng bằng cách sử dụng dây cáp khác, nếu có thể.
3. Nếu sản phẩm được nối mạng, hãy kiểm tra các mục sau:
  - Kiểm tra đèn nằm cạnh cổng kết nối mạng trên sản phẩm. Nếu mạng đang hoạt động thì đèn có màu xanh.
  - Đảm bảo rằng bạn đang sử dụng cáp mạng chứ không phải dây điện thoại để nối mạng.
  - Đảm bảo rằng bộ định tuyến mạng, đầu cắm hoặc công tắc đã được bật và đang hoạt động đúng.

- Nếu máy tính hoặc sản phẩm của bạn được nối mạng không dây, chất lượng tín hiệu thấp hoặc nhiều sóng có thể làm chậm lệnh in.
- Nếu sản phẩm được kết nối không dây, hãy in Báo cáo Kiểm tra Mạng Không dây để kiểm tra xem kết nối không dây có làm việc chính xác không.
  - a. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
  - b. Chạm vào nút Tự Chẩn đoán.
  - c. Chạm vào nút Chạy Kiểm tra Không dây để in báo cáo.
- 4. Nếu bạn đang sử dụng hệ thống tường lửa cá nhân trên máy tính, nó có thể chặn việc truyền tín hiệu với sản phẩm. Thử tắt tạm thời tường lửa để xem nó có phải là nguồn gây ra sự cố hay không.

### Bước 3: Kiểm tra bảng điều khiển để xem thông báo lỗi.

Bảng điều khiển phải chỉ báo trạng thái sẵn sàng. Nếu một thông báo lỗi xuất hiện, hãy sửa lỗi đó.


### Bước 4: Kiểm tra giấy

1. Bảo đảm rằng giấy bạn đang sử dụng đáp ứng đặc điểm kỹ thuật.
2. Bảo đảm rằng giấy được nạp đúng cách vào khay tiếp giấy.

### Bước 5: Kiểm tra phần mềm

1. Bảo đảm rằng phần mềm sản phẩm được cài đặt đúng cách.
2. Hãy xác minh rằng bạn đã cài trình điều khiển in cho sản phẩm này. Kiểm tra chương trình để chắc chắn rằng bạn đang sử dụng trình điều khiển in dành cho sản phẩm này.

### Bước 6: Kiểm tra chức năng in


1. In báo cáo cấu hình.
  - a. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Thông tin .
  - b. Chạm vào nút Báo cáo để in báo cáo cấu hình.
2. Nếu không thể in trang, kiểm tra xem khay tiếp giấy có chứa giấy không.
3. Nếu có kẹt giấy trong sản phẩm, hãy gỡ giấy kẹt.

### Bước 7: Kiểm tra chức năng sao chép

1. Đặt trang cấu hình vào khay nạp tài liệu và sao ra một bản. Nếu giấy không nạp dễ dàng qua khay nạp tài liệu, bạn có thể cần phải thay thế trục nạp của khay nạp tài liệu và đệm ngăn cách. Đảm bảo giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật cho sản phẩm này.
2. Đặt trang cấu hình lên kính máy quét và sao ra một bản.
3. Nếu chất lượng in trên các trang được sao chép không thể chấp nhận được, hãy lau kính máy quét và dải kính nhỏ.


**⚠ THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính máy quét. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.

## Bước 8: Kiểm tra chức năng fax

1. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Mở các menu sau:
  - Dịch vụ
  - Dịch vụ Fax
3. Chạm vào nút **Kiểm tra fax** để in Báo cáo Kiểm tra Fax để có thông tin về chức năng fax.

## Bước 9: Kiểm tra hộp mực in

In trang tình trạng nguồn cung cấp và kiểm tra lượng mực in còn lại của hộp mực.

1. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Mực in .
2. Chạm vào nút **Báo cáo** để in trang trạng thái nguồn cung cấp.

## Bước 10: Thử gửi một lệnh in từ máy tính

1. Thử in từ máy tính khác có cài đặt phần mềm của sản phẩm.
2. Kiểm tra kết nối cáp USB hoặc cáp mạng. Gắn sản phẩm vào đúng cổng hoặc cài đặt lại phần mềm, chọn loại kết nối bạn đang sử dụng.
3. Nếu chất lượng in không thể chấp nhận được, hãy xác minh rằng các thông số cài đặt in được đặt chính xác cho giấy bạn đang sử dụng.

## Bước 11: Kiểm tra xem sản phẩm đã xuất hiện trên mạng chưa

Đối với các sản phẩm được nối mạng, hãy mở trình duyệt Web và nhập địa chỉ IP của sản phẩm (từ trang cấu hình đã in trước đó) vào hộp địa chỉ để mở Máy chủ web nhúng của HP (EWS). Nếu HP EWS không mở ra, hãy cài đặt lại sản phẩm trên mạng.


## Khôi phục cài đặt mặc định gốc

Khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ trả tất cả các thông số cài đặt mạng và sản phẩm về mặc định gốc. Sản phẩm sẽ không đặt lại số trang, kích thước khay hoặc ngôn ngữ. Để khôi phục sản phẩm về các giá trị cài đặt mặc định, hãy thực hiện theo các bước sau.

---

**⚠ THẬN TRỌNG:** Khôi phục cài đặt mặc định gốc sẽ trả tất cả các thông số cài đặt về mặc định gốc đồng thời xóa bất kỳ trang nào được lưu trữ trong bộ nhớ.

---

1. Trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Cuộn xuống và chạm vào menu Dịch vụ.
3. Cuộn xuống và chạm vào nút Khôi phục Mặc định và chạm vào nút OK.

Sản phẩm sẽ tự động khởi động lại.

## Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển

Sản phẩm có hệ thống Trợ giúp cài sẵn giải thích cách sử dụng từng màn hình. Để mở hệ thống Trợ giúp, hãy chạm vào nút Trợ giúp ? ở góc trên bên phải màn hình.

Đối với một số màn hình, phần Trợ giúp mở ra một menu chung để bạn có thể tìm kiếm các chủ đề cụ thể. Bạn có thể duyệt qua cấu trúc menu bằng cách chạm vào các nút trong menu.

Một số màn hình Trợ giúp có cả hình động sẽ hướng dẫn bạn thực hiện các quy trình, chẳng hạn như gỡ giấy kẹt.

Đối với các màn hình bao gồm phần cài đặt cho mỗi lệnh in, phần Trợ giúp sẽ mở ra một chủ đề giải thích các tùy chọn cho màn hình đó.

Nếu sản phẩm báo lỗi hoặc đưa ra cảnh báo, hãy chạm vào nút Trợ giúp ? để mở thông báo mô tả sự cố. Thông báo cũng chứa hướng dẫn giúp giải quyết sự cố.



# Giấy được nạp không chính xác hoặc bị kẹt

- [Sản phẩm không nạp giấy](#)
- [Sản phẩm nạp nhiều giấy](#)
- [Kẹt khay nạp tài liệu, lệch, hoặc nhặt nhiều tờ giấy.](#)
- [Tránh kẹt giấy cho khay giấy](#)

## Sản phẩm không nạp giấy

Nếu sản phẩm không nạp giấy từ khay, hãy thử các giải pháp sau.

1. Mở sản phẩm và gỡ hết giấy bị kẹt ra.
2. Nạp khay với giấy có kích thước chính xác cho lệnh in của bạn.
3. Hãy đảm bảo rằng loại và khổ giấy được cài chính xác trên bảng điều khiển của sản phẩm.
4. Đảm bảo rằng các dẫn hướng giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với kích thước giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay.
5. Kiểm tra bảng điều khiển sản phẩm để xem sản phẩm có đang chờ bạn xác nhận lời nhắc nạp giấy theo cách thủ công hay không. Nạp giấy và tiếp tục.
6. Con lăn trên khay có thể bị bụi bẩn. Lau sạch con lăn bằng miếng vải không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm.

## Sản phẩm nạp nhiều giấy

Nếu sản phẩm nạp nhiều giấy từ khay, hãy thử những giải pháp sau.

1. Lấy tập giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy, xoay tập giấy 180 độ, rồi lật lại. *Không xòe giấy ra.* Đưa tập giấy vào lại khay.
2. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP cho sản phẩm này.
3. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ một gói giấy khác.
4. Đảm bảo không nạp quá nhiều giấy vào khay. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.
5. Đảm bảo rằng các dẫn hướng giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay.
6. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

## Kẹt khay nạp tài liệu, lệch, hoặc nhặt nhiều tờ giấy.

- Có thể có vật gì đó trên bản gốc, như kẹp giấy, giấy dán ghi chú, cần phải tháo chúng ra.
- Kiểm tra và đảm bảo nắp đậy khay nạp tài liệu đã được đóng lại.
- Giấy có thể không được đặt đúng. Vuốt thẳng giấy và điều chỉnh thanh dẫn giấy vào giữa tập giấy.

- Các thanh dẫn giấy phải chạm vào các cạnh của tập giấy để hoạt động chính xác. Kiểm tra và đảm bảo rằng tập giấy nằm thẳng và các thanh dẫn chạm sát vào tập giấy.
- Kiểm tra và đảm bảo rằng không có mảnh giấy, kẹp giấy, ghim cài giấy hoặc các mảnh vụn khác nằm trong đường dẫn giấy.
- Làm sạch các trục nạp của khay nạp tài liệu và đệm ngăn cách. Sử dụng khí nén hoặc miếng vải sạch, không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm.

## Tránh kẹt giấy cho khay giấy

Để giảm số lần kẹt giấy, hãy thử các giải pháp sau.


1. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP cho sản phẩm này.
2. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gập hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.
3. Sử dụng giấy chưa được in hoặc sao chép trước đó.
4. Đảm bảo rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.
5. Đảm bảo rằng các dẫn hướng giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với kích thước giấy. Điều chỉnh các dẫn hướng để chúng hơi chạm vào xếp giấy mà không làm cong giấy.
6. Đảm bảo rằng khay được lắp hoàn toàn vào sản phẩm.
7. Nếu bạn đang in trên giấy nặng, được dập nổi, hoặc được đục lỗ, hãy sử dụng tính năng nạp giấy thủ công và nạp từng tờ một.
8. Kiểm tra và đảm bảo rằng khay được cấu hình chính xác cho loại và kích cỡ giấy.
9. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

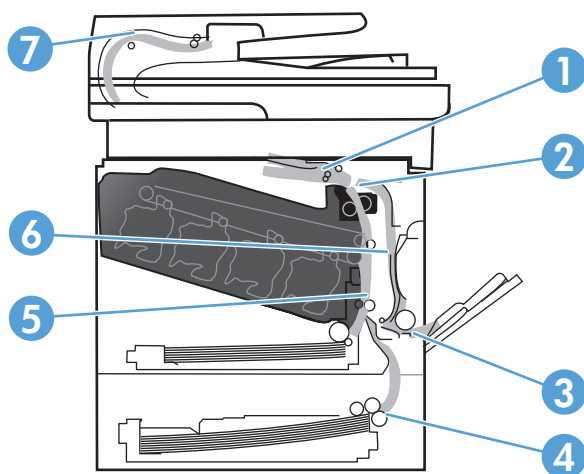
# Xử lý kẹt giấy

- [Các vị trí kẹt giấy](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong khay nạp tài liệu](#)
- [Xử lý kẹt giấy trong vùng ngăn giấy ra](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong Khay 1](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong Khay 2](#)
- [Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong Khay tùy chọn 3](#)
- [Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải phía dưới \(Khay 3\)](#)

## Các vị trí kẹt giấy

Sử dụng hình minh họa này để xác định vị trí giấy kẹt. Ngoài ra, các hướng dẫn sẽ hiển thị trên bảng điều khiển để chỉ cho bạn vị trí giấy kẹt và cách xử lý nó.

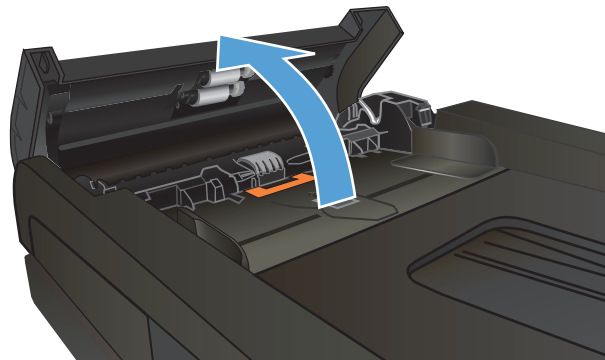
 **GHI CHÚ:** Các vùng bên trong sản phẩm có thể cần được mở ra để xử lý kẹt giấy có tay cầm hoặc nhãn màu xanh lá cây.



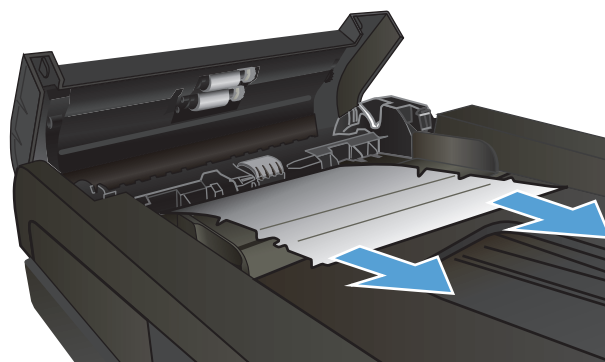
1	Vùng ngăn giấy ra
2	Vùng in hai mặt
3	Vùng Khay 1
4	Khay Tùy chọn 3
5	Vùng cuộn giấy của Khay 2
6	Khu vực của cuộn sấy
7	Vùng khay nạp tài liệu

## Gỡ giấy kẹt trong khay nạp tài liệu

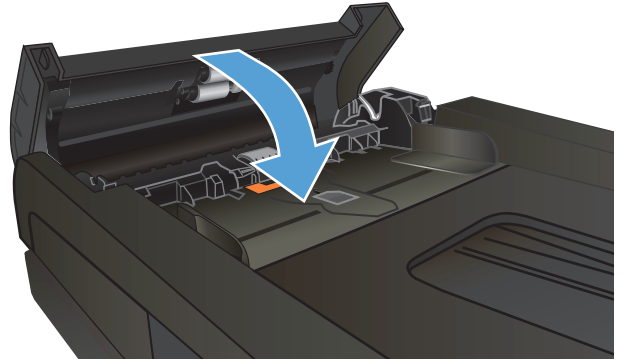
1. Mở nắp khay nạp tài liệu.



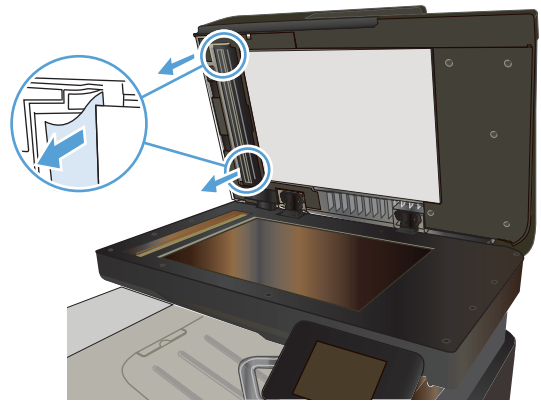
2. Nhẹ nhàng gỡ giấy bị kẹt ra.



3. Đóng nắp khay nạp tài liệu.



4. Mở nắp máy quét. Nếu giấy bị kẹt bên trong nắp máy quét, hãy nhẹ nhàng kéo giấy để tháo nó ra.



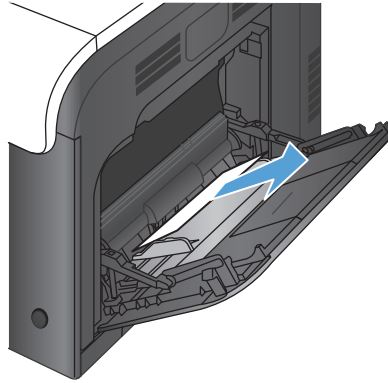
## Xử lý kẹt giấy trong vùng ngăn giấy ra

1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, hãy nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.

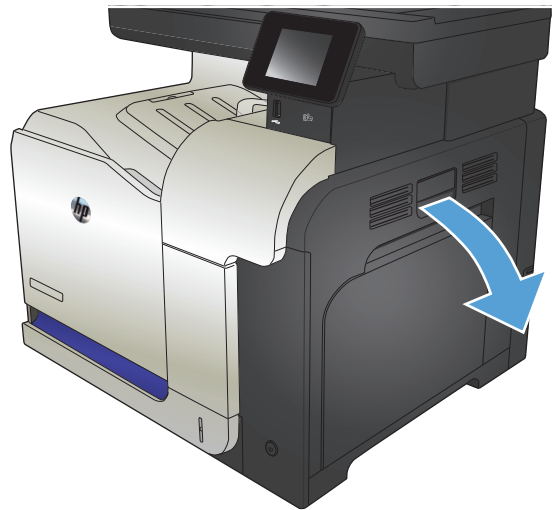


## Gỡ giấy kẹt trong khay 1

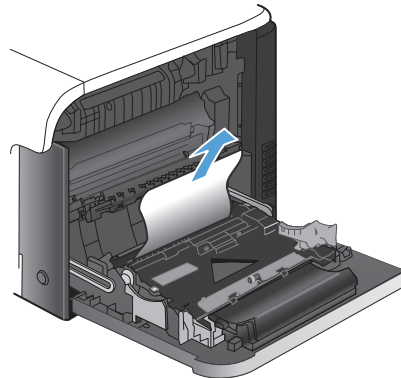
1. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt trong khay 1, hãy gỡ giấy bị kẹt bằng cách nhẹ nhàng kéo giấy thẳng ra.



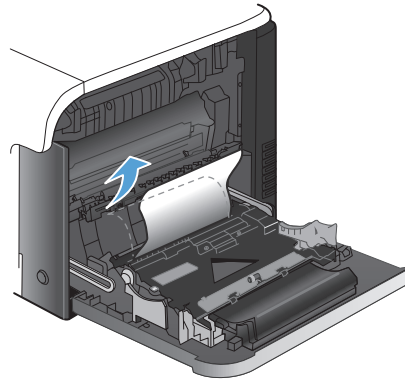
2. Nếu bạn không thể lấy giấy ra, hoặc nếu không nhìn thấy giấy bị kẹt trong khay 1, hãy đóng khay 1 và mở cửa bên phải.



3. Nếu nhìn thấy giấy bên trong cửa bên phải, hãy nhẹ nhàng kéo cạnh dưới để tháo nó ra.



4. Nhẹ nhàng kéo giấy ra khỏi vùng cuộn giấy.

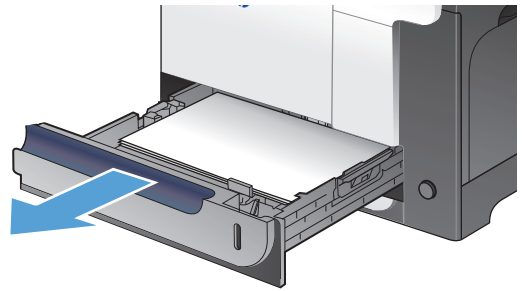


5. Đóng cửa bên phải lại.

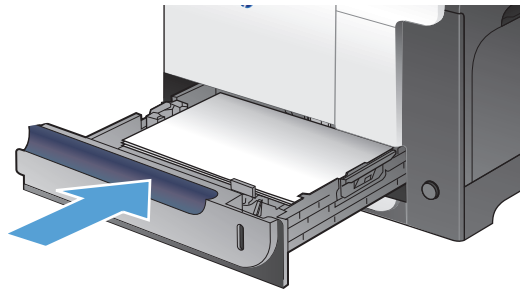


## Gỡ giấy kẹt trong khay 2

1. Mở khay 2 và đảm bảo giấy được xếp đúng. Gỡ hết giấy bị kẹt hoặc các trang bị hư ra.



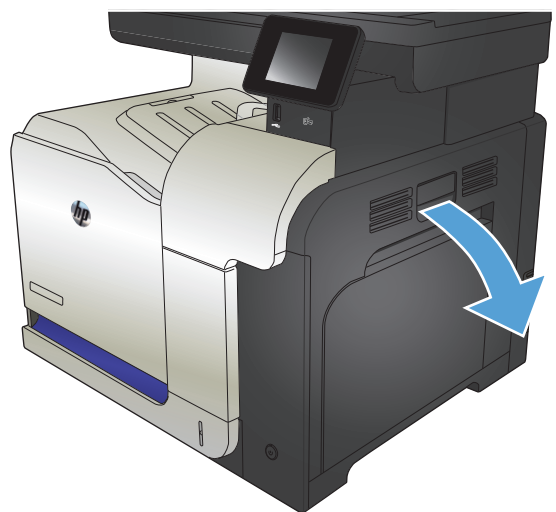
2. Đóng khay lại.



## Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải

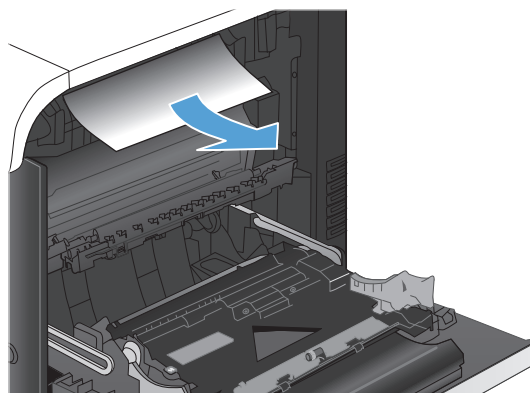
**⚠ THẬN TRỌNG:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý kẹt giấy.

1. Mở cửa bên phải.

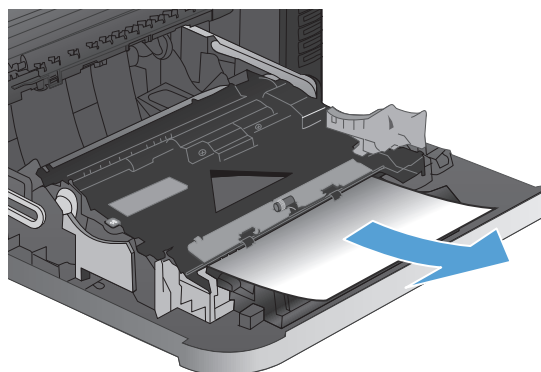




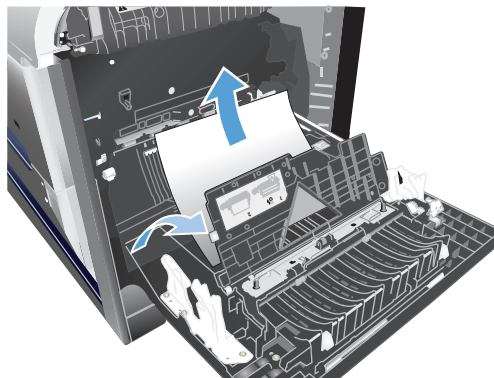
2. Nếu giấy bị kẹt khi nó đi vào ngăn giấy ra, hãy nhẹ nhàng kéo giấy xuống để tháo nó ra.



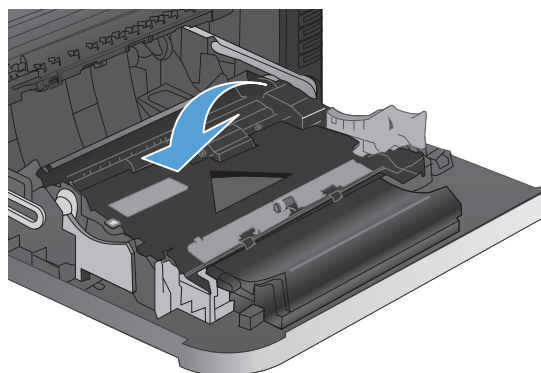
3. Nếu giấy bị kẹt bên trong cửa bên phải, hãy nhẹ nhàng kéo giấy để tháo nó ra.



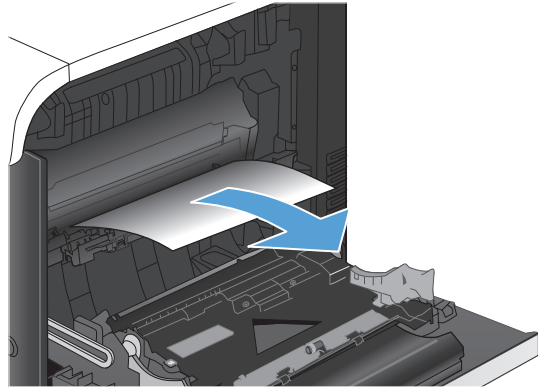
4. Nhấc nắp tiếp giấy bên trong cửa bên phải. Nếu có giấy bị kẹt, hãy nhẹ nhàng kéo thẳng giấy ra để tháo nó.



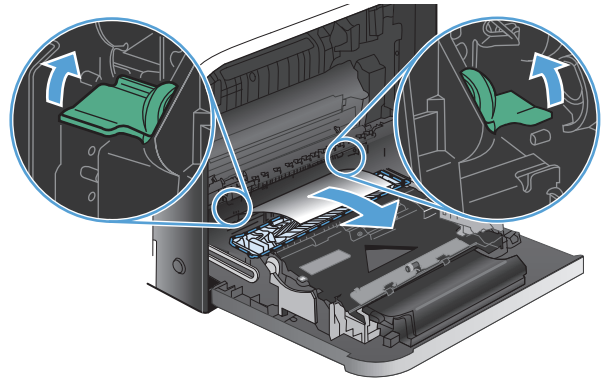
5. Đóng nắp tiếp giấy.



6. Nhẹ nhàng kéo giấy ra khỏi vùng cuộn giấy.

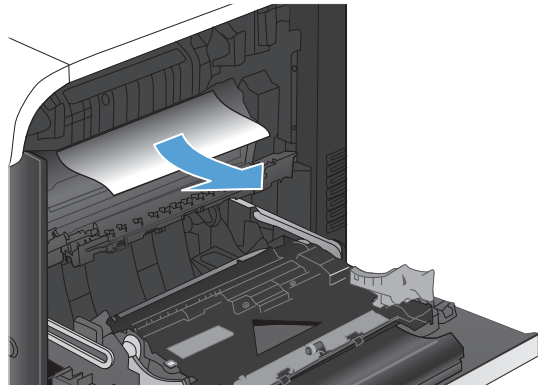


7. Tìm giấy trong cùng con lăn của khay 2. Đẩy hai vấu màu xanh lá cây lên để mở cửa xử lý kẹt giấy. Lấy hết giấy bị kẹt ra, và đóng cửa lại.



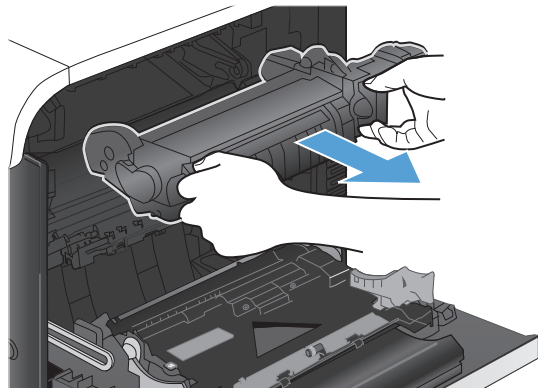
8. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt ở dưới đáy cuộn sấy, hãy nhẹ nhàng kéo xuống để tháo nó.

**THẬN TRỌNG:** Không chạm vào các con lăn trên trục truyền. Bụi bẩn có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.



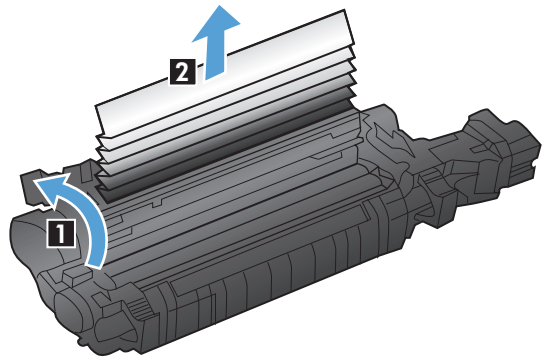
9. Giấy có thể bị kẹt bên trong cuộn sấy, tại vị trí này bạn sẽ không nhìn thấy nó. Nắm vào các tay cầm của cuộn sấy, nhẹ nhàng nhấc nó lên, và kéo thẳng ra để tháo cuộn sấy.

**THẬN TRỌNG:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm.

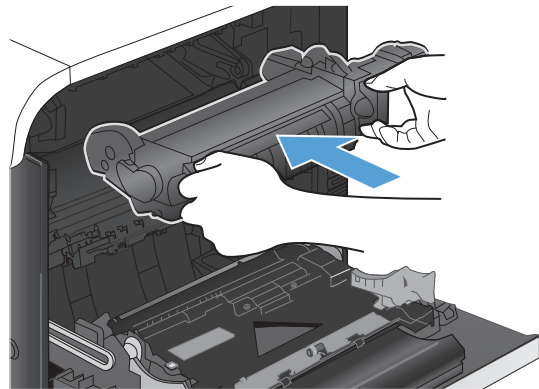


10. Mở cửa tháo kẹt giấy (hình 1). Nếu giấy bị kẹt bên trong cuộn sấy, nhẹ nhàng kéo thẳng nó lên để tháo nó (hình 2). Nếu giấy rách, hãy lấy tất cả các mảnh giấy ra.

**THẬN TRỌNG:** Kể cả khi thân cuộn sấy đã nguội hẳn, các con lăn bên trong có thể vẫn còn nóng. Không chạm vào các con lăn của cuộn sấy cho tới khi chúng đã nguội hẳn.



11. Đóng cửa tháo kẹt giấy, và ấn hết cuộn sấy vào sản phẩm.



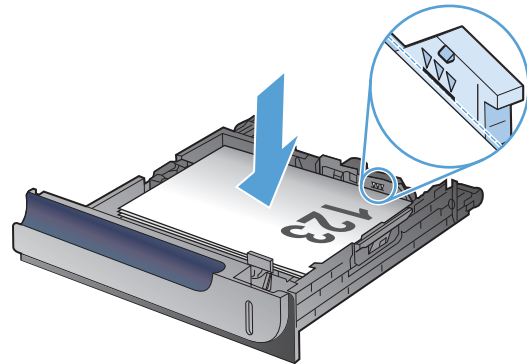
12. Đóng cửa bên phải lại.



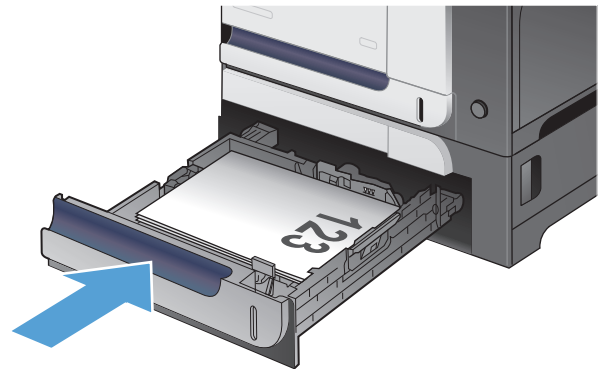
## Gỡ giấy kẹt trong Khay tùy chọn 3

1. Mở Khay 3 và đảm bảo giấy được xếp đúng. Gỡ hết giấy bị kẹt hoặc các trang bị hư ra.

**GHI CHÚ:** Để tránh bị kẹt giấy, không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo mặt trên của xếp giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.



2. Đóng Khay 3.

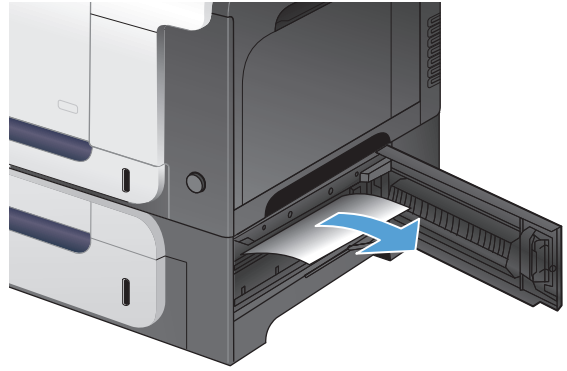


## Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải phía dưới (Khay 3)

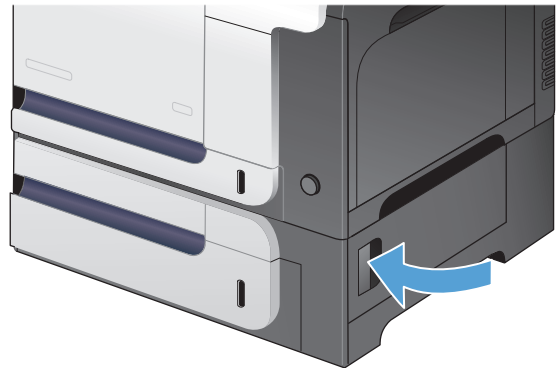
1. Mở cửa bên phải phía dưới ra.



2. Nếu nhìn thấy giấy, hãy nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt lên hoặc xuống để tháo nó.



3. Đóng cửa bên phải phía dưới lại.



## Cải thiện chất lượng in

- [In từ một chương trình phần mềm khác](#)
- [Đặt cài đặt loại giấy cho lệnh in](#)
- [Kiểm tra tình trạng hộp mực in](#)
- [Hiệu chỉnh sản phẩm để canh màu](#)
- [In một trang lau dọn](#)
- [Thực hiện xử lý sự cố chất lượng in bổ sung](#)
- [Kiểm tra hộp mực in xem có bị hỏng hay không](#)
- [Kiểm tra môi trường in và giấy](#)
- [Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode \(Chế độ tiết kiệm\)](#)
- [Điều chỉnh cài đặt màu \(Windows\)](#)
- [Thử trình điều khiển in khác](#)

## In từ một chương trình phần mềm khác

Hãy thử in từ một chương trình phần mềm khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có vấn đề với chương trình phần mềm bạn sử dụng để in.

## Đặt cài đặt loại giấy cho lệnh in

Kiểm tra cài đặt loại giấy nếu bạn đang in từ một chương trình phần mềm và các trang có bất kỳ vấn đề nào sau đây:

- in có vết bẩn
- in mờ
- in đậm
- giấy bị quăn
- lốm đốm bột mực
- bột mực không bám dính chặt
- một số vùng nhỏ không có bột mực

## Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó bấm vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Bấm tab **Giấy/Chất lượng**.
4. Từ danh sách thả xuống **Loại giấy**, bấm tùy chọn **Khác...**
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Loại**.

6. Mở rộng phần các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng, rồi bấm nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

## Kiểm tra cài đặt loại giấy (Mac OS X)


1. Nhấp vào menu **Tệp**, sau đó nhấp tùy chọn **In**.
2. Trong menu **Máy in**, hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Bản sao & Trang**. Mở danh sách thả xuống của menu, rồi nhấp vào menu **Kết thúc**.
4. Chọn một loại từ danh sách **Loại vật liệu** thả xuống.
5. Nhấp vào nút **In**.

## Kiểm tra tình trạng hộp mực in

Trang tình trạng mực in trình bày các thông tin sau:

- Phần trăm ước tính lượng mực còn lại
- Số trang còn lại gần đúng
- Số bộ phận của hộp mực in HP
- Số các trang được in

Thực hiện theo quy trình sau để in một trang trạng thái nguồn cung cấp:


1. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Mực in .
2. Chạm vào nút **Báo cáo** để in trang trạng thái nguồn cung cấp.

## Hiệu chỉnh sản phẩm để canh màu

Nếu bản in có bóng màu, hình mờ hoặc các vùng có màu sắc kém, bạn có thể cần phải hiệu chỉnh sản phẩm để canh màu. In trang chẩn đoán từ menu **Báo cáo** trên bảng điều khiển để kiểm tra canh màu. Nếu các khối màu trên trang tin không tương thích với nhau, bạn cần hiệu chỉnh sản phẩm.

1. Trên bảng điều khiển sản phẩm, mở menu **Cài đặt Hệ thống**.
2. Mở menu **Chất lượng In** và chọn mục **Hiệu chỉnh Màu**.
3. Chọn tùy chọn **Hiệu chỉnh Ngay bây giờ**.

## In một trang lau dọn


1. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu **Dịch vụ**.
3. Chạm vào nút **Trang Lau dọn**.

4. Nạp giấy khổ letter hoặc A4 khi máy nhắc bạn.
5. Chạm vào nút **OK** để bắt đầu quá trình lau dọn.

Sản phẩm sẽ in mặt đầu tiên, sau đó nhắc bạn lấy tờ này ra khỏi khay giấy ra và nạp lại vào Khay 1, giữ nguyên hướng. Chờ cho đến khi quá trình lau dọn hoàn tất. Loại bỏ tờ được in.

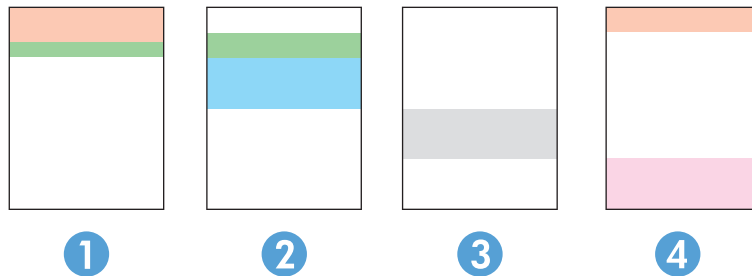
## Thực hiện xử lý sự cố chất lượng in bổ sung

### In trang chất lượng in

1. Từ màn hình Chính, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào nút Báo cáo.
3. Chạm vào nút In Trang Chất lượng.

### Giải thích trang chất lượng in

Trang này chứa năm dải màu, được chia thành bốn nhóm như thể hiện trong minh họa dưới đây. Bằng cách kiểm tra từng nhóm, bạn có thể tách riêng vấn đề theo một hộp mực in cụ thể.



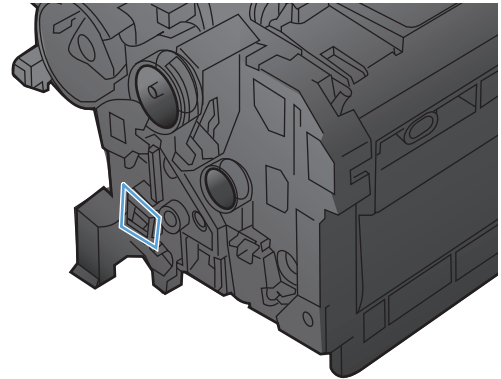
Mục	Hộp mực in
1	Vàng
2	Xanh lá mạ
3	Đen
4	Đỏ tươi

- Nếu thấy xuất hiện các dấu chấm hoặc sọc màu trong một nhóm, hãy thay hộp mực in tương ứng với nhóm đó.
- Nếu thấy xuất hiện các dấu chấm ở nhiều nhóm, hãy in trang lau dọn. Nếu thao tác đó không giải quyết được vấn đề, hãy xác định xem các dấu chấm đó có luôn xuất hiện trong cùng một màu không; chẳng hạn như có các dấu chấm màu đỏ tươi xuất hiện trong cả năm dải màu. Nếu các dấu chấm đó đều xuất hiện trong cùng một màu, hãy thay hộp mực in đó.
- Nếu các vết sọc xuất hiện ở nhiều dải màu, hãy liên hệ với HP. Rất có thể nguyên nhân gây ra là do một bộ phận khác chứ không phải là hộp mực in.



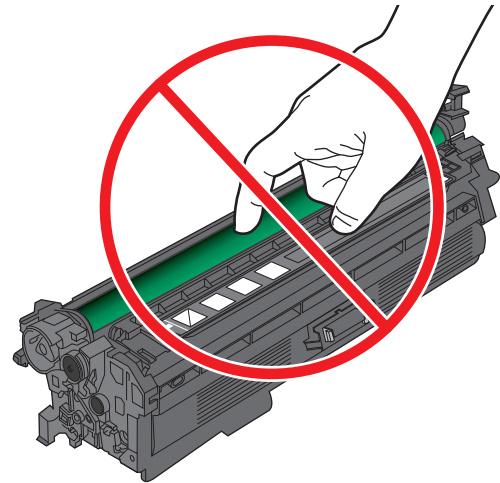
## Kiểm tra hộp mực in xem có bị hỏng hay không

1. Tháo hộp mực in ra khỏi sản phẩm và kiểm tra xem băng dán đã được gỡ ra chưa.
2. Kiểm tra chip bộ nhớ xem có bị hỏng hóc không.



3. Kiểm tra mặt trống hình ở dưới đáy hộp mực in.

**THẬN TRỌNG:** Không chạm tay vào trục lăn (trống hình) ở dưới đáy hộp mực. Dấu vân tay trên trống hình có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.



4. Nếu bạn thấy bất kỳ vết xước, dấu vân tay hoặc hỏng hóc nào khác trên trống hình, hãy thay hộp mực in.
5. Nếu trống hình không bị hỏng hóc, hãy lắc nhẹ hộp mực in một vài lần và lắp lại hộp mực in. In một vài trang nữa để xem sự cố đã được khắc phục chưa.

## Kiểm tra môi trường in và giấy

### Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP

Sử dụng giấy khác nếu bạn đang gặp phải bất kỳ sự cố nào sau đây:

- Bản in quá nhạt hoặc bị mờ ở một số vùng.
- Có các vết bột mực trên những trang đã in.
- Bột mực bám trên các trang đã in.

- Các ký tự đã in bị lỗi.
- Các trang đã in bị quăn.

Luôn sử dụng loại và trọng lượng giấy mà sản phẩm này hỗ trợ. Ngoài ra, hãy làm theo những hướng dẫn sau đây khi chọn giấy:

- Sử dụng giấy có chất lượng tốt và không bị rách, không bị răng cưa, cắt, khắc, lõm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quăn góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quăn hoặc cong cạnh.
- Sử dụng giấy chưa in.
- Sử dụng giấy dành riêng cho máy in laser. Không sử dụng giấy chỉ dành cho máy in Inkjet.
- Không được sử dụng giấy quá thô. Sử dụng giấy nhẵn mịn hơn thường đem lại chất lượng in tốt hơn.

## Kiểm tra môi trường sản phẩm

Xác minh rằng sản phẩm đang hoạt động với các thông số môi trường được liệt kê trong Hướng dẫn Pháp lý và Bảo hành.

## Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm)

HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu lúc nào cũng sử dụng Chế độ Tiết kiệm, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.



**GHI CHÚ:** Tính năng này khả dụng với trình điều khiển in PCL 6 dành cho Windows. Nếu bạn không đang sử dụng trình điều khiển đó, bạn có thể bật tính năng này bằng cách sử dụng Máy chủ web nhúng của HP.

Hãy làm theo các bước này nếu toàn bộ trang quá đậm hoặc quá mờ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Nhấp vào tab **Giấy/Chất lượng**, sau đó xác định khu vực **Chất lượng In**.
4. Nếu toàn bộ trang quá đậm, hãy sử dụng cài đặt này:
  - Chọn tùy chọn **600 dpi**.
  - Chọn ô **Chế độ tiết kiệm** để bật ô đó.

Nếu toàn bộ trang quá mờ, hãy sử dụng cài đặt này:

- Chọn tùy chọn **FastRes 1200**.
  - Xóa ô **Chế độ tiết kiệm** để bỏ chọn.
5. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (in)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

## Điều chỉnh cài đặt màu (Windows)

### Thay đổi chủ đề màu

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Nhấp tab **Color** (Màu).
4. Chọn ô **HP EasyColor** để bỏ chọn.
5. Chọn một chủ đề màu từ danh sách **Chủ Đề Màu** thả xuống.
  - **Mặc định (sRGB)**: Chủ đề này đặt sản phẩm in dữ liệu RGB ở chế độ thiết bị thô. Khi dùng chủ đề này, quản lý màu trong chương trình phần mềm hoặc trong hệ điều hành để biểu diễn chính xác.
  - **Sắc sỡ (sRGB)**: Sản phẩm tăng độ đậm của màu trong các tông trung. Dùng chủ đề này khi in các đồ họa kinh doanh.
  - **Ảnh (sRGB)**: Sản phẩm dịch màu RGB cứ như màu được in dưới dạng ảnh chụp sử dụng mini-lab kỹ thuật số. Nó biểu diễn màu sâu hơn, đậm hơn so với chế độ Mặc định (sRGB). Dùng chủ đề này để in ảnh.
  - **Ảnh (Adobe RGB 1998)**: Dùng chủ đề này để in ảnh kỹ thuật số sử dụng khoảng màu AdobeRGB thay vì sRGB. Tắt quản lý màu trong chương trình phần mềm khi sử dụng chủ đề này.
  - **Không**: Không dùng chủ đề màu nào.
  - **Cấu hình tùy chỉnh**: Chọn tùy chọn này để sử dụng cấu hình đầu vào tùy chỉnh để điều khiển đầu ra màu chính xác (ví dụ, để mô phỏng một sản phẩm HP Color LaserJet cụ thể). Tải xuống các cấu hình tùy chỉnh từ [www.hp.com](http://www.hp.com).
6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

### Thay đổi tùy chọn màu

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm, sau đó nhấp vào nút **Thuộc tính** hoặc **Tùy chọn**.
3. Nhấp vào tab **Màu**.
4. Chọn ô **HP EasyColor** để bỏ chọn.
5. Nhấp cài đặt **Tự động** hoặc **Thủ công**.
  - Cài đặt **Tự động**: Chọn cài đặt này cho hầu hết lệnh in
  - Cài đặt **Thủ công**: Chọn cài đặt này để điều chỉnh cài đặt màu độc lập với các cài đặt khác. Nhấp vào nút **Cài đặt** để mở cửa sổ điều chỉnh màu thủ công.



**GHI CHÚ:** Thay đổi cài đặt màu theo cách thủ công có thể ảnh hưởng tới kết quả bản in. HP khuyến nghị chỉ những chuyên gia đồ họa màu mới nên thay đổi các cài đặt này.

6. Nhấp tùy chọn **In ở sắc độ xám** để in tài liệu màu thành màu đen và bóng xám. Sử dụng tùy chọn này để in tài liệu màu để sao chụp hoặc gửi fax. Cũng có thể dùng tùy chọn này để in các bản nháp hoặc để tiết kiệm bột màu.
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

## Thử trình điều khiển in khác

Bạn có thể cần sử dụng trình điều khiển in khác nếu trang đã in có các dòng chứa hình ảnh không mong muốn, bị mất chữ, bị mất hình ảnh, định dạng sai hoặc phông chữ bị thay đổi.

<b>Trình điều khiển HP PCL 6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được cung cấp dưới dạng trình điều khiển mặc định. Trình điều khiển này được cài tự động nếu bạn không chọn một trình điều khiển khác.</li> <li>• Nên sử dụng cho tất cả các môi trường Windows</li> <li>• Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất, và hỗ trợ tính năng sản phẩm cho hầu hết người dùng</li> <li>• Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows</li> <li>• Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5</li> </ul>
<b>Trình điều khiển HP UPD PS</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nên sử dụng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác</li> <li>• Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhấp nháy postscript</li> </ul>
<b>HP UPD PCL 5</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nên sử dụng để in trong công việc văn phòng thông dụng trong tất cả các môi trường Windows</li> <li>• Tương thích với các phiên bản PCL trước và các sản phẩm HP LaserJet cũ hơn</li> <li>• Sự lựa chọn tốt nhất khi in từ các chương trình phần mềm của bên thứ ba hoặc chương trình phần mềm tùy chỉnh</li> <li>• Sự lựa chọn tốt nhất khi hoạt động trong các môi trường hỗn hợp có yêu cầu phải cài đặt sản phẩm theo PCL 5 (UNIX, Linux, máy tính trung ương)</li> <li>• Được thiết kế để sử dụng trong các môi trường Windows trong doanh nghiệp sao cho có thể sử dụng một trình điều khiển duy nhất cho nhiều kiểu sản phẩm</li> <li>• Được ưa chuộng sử dụng khi in từ một máy tính Windows di động đến nhiều kiểu sản phẩm</li> </ul>
<b>HP UPD PCL 6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nên sử dụng để in trong tất cả các môi trường Windows</li> <li>• Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng sản phẩm cho hầu hết người dùng</li> <li>• Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows</li> <li>• Có thể không hoàn toàn tương thích với các chương trình phần mềm tùy chỉnh của bên thứ ba xây dựng dựa trên PCL5</li> </ul>

Tải xuống các trình điều khiển in bổ sung từ trang Web này: [www.hp.com/go/ij500colorMFPM570\\_software](http://www.hp.com/go/ij500colorMFPM570_software).

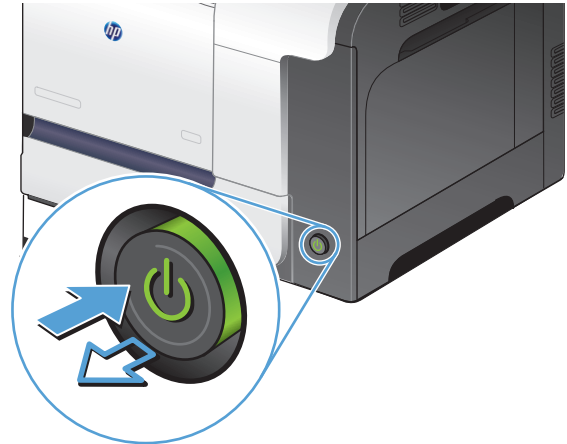
## Cải thiện chất lượng sao chép

- [Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn](#)
- [Kiểm tra cài đặt giấy](#)
- [Kiểm tra cài đặt điều chỉnh hình ảnh](#)
- [Tối ưu hóa dành cho văn bản hoặc hình ảnh](#)
- [Sao chép từ cạnh này sang cạnh kia](#)
- [Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu](#)

### Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn

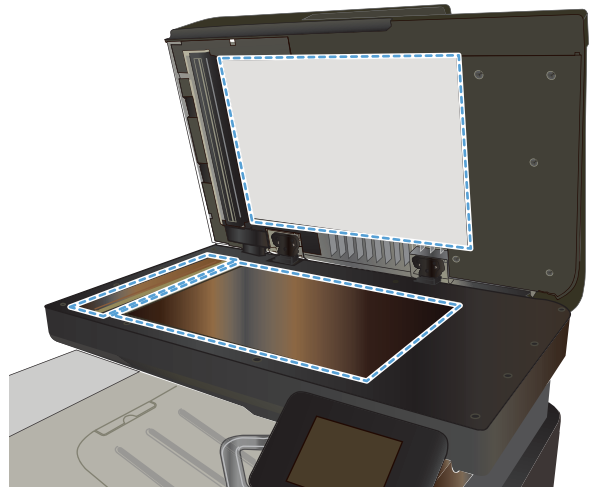
Theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Sử dụng quy trình sau để lau dọn máy quét.

1. Bấm nút nguồn để tắt sản phẩm, sau đó rút cáp nguồn khỏi ổ cắm điện.

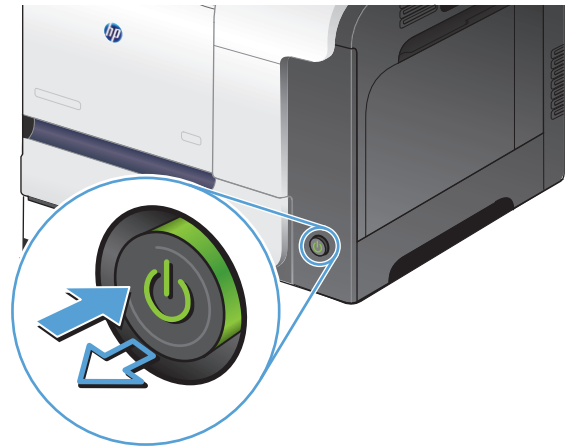


2. Mở nắp máy quét.
3. Lau sạch kính máy quét, khay nạp tài liệu và nắp nhựa sau màu trắng bằng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn.

**THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.



4. Lau khô kính và các phần nhựa trắng bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Cắm cáp nguồn vào một ổ cắm, sau đó bấm nút nguồn để bật sản phẩm.



## Kiểm tra cài đặt giấy

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Sao chép.
2. Chạm vào nút Cài đặt, sau đó cuộn xuống và chạm vào nút Giấy.
3. Từ danh sách các khổ giấy, chạm vào tên của khổ giấy trong khay 1.
4. Từ danh sách các loại giấy, chạm vào tên của loại giấy trong khay 1.
5. Chạm vào nút Đen hoặc Màu để bắt đầu sao chép.

## Kiểm tra cài đặt điều chỉnh hình ảnh

1. Từ màn hình Chính, chạm vào nút Sao chép.
2. Chạm vào nút Cài đặt, sau đó cuộn xuống và chạm vào nút Điều chỉnh Hình ảnh.
3. Chạm vào tên của cài đặt bạn muốn điều chỉnh.
  - **Độ nhạt:** Điều chỉnh cài đặt độ đậm/nhạt.
  - **Độ tương phản:** Điều chỉnh độ tương phản giữa vùng sáng nhất và tối nhất của hình ảnh.
  - **Sắc nét:** Điều chỉnh độ rõ ràng của ký tự trong văn bản.
  - **Xóa nền:** Điều chỉnh độ tối của nền hình ảnh. Điều chỉnh này đặc biệt hữu ích cho tài liệu gốc được in trên giấy màu.
  - **Cân bằng Màu:** Điều chỉnh sắc độ của màu đỏ, xanh lá cây và xanh da trời.
  - **Độ xám:** Điều chỉnh độ sặc sỡ của màu sắc.
4. Chạm vào nút — hoặc + để điều chỉnh giá trị cho cài đặt, sau đó chạm vào nút OK.

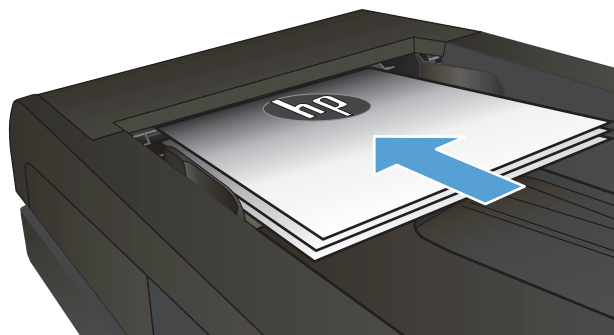
5. Điều chỉnh cài đặt khác hoặc chạm vào mũi tên quay về để quay lại menu sao chép chính.
6. Chạm vào nút **Đen** hoặc **Màu** để bắt đầu sao chép.

## Tối ưu hóa dành cho văn bản hoặc hình ảnh

Hiện có các cài đặt chất lượng bản sao sau:

- **Chọn Tự động:** Sử dụng cài đặt này khi bạn không lo lắng gì về chất lượng của bản sao chép. Đây là cài đặt mặc định.
- **Phối hợp:** Sử dụng cài đặt này cho tài liệu có chứa cả văn bản và hình ảnh.
- **Văn bản:** Sử dụng cài đặt cho các tài liệu có nội dung phần lớn là văn bản.
- **Hình ảnh:** Sử dụng cài đặt này cho các tài liệu có nội dung phần lớn là hình ảnh.

1. Nạp tài liệu vào kính máy quét hoặc vào khay nạp tài liệu.



2. Từ màn hình Chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Sao chép**.
3. Chạm vào nút **Cài đặt**, sau đó cuộn xuống và chạm vào nút **Tối ưu hóa**. Chạm vào các nút mũi tên để cuộn qua các tùy chọn, sau đó chạm vào một tùy chọn để chọn tùy chọn đó.
4. Chạm vào nút **Bắt đầu sao chép** để bắt đầu sao chép.

## Sao chép từ cạnh này sang cạnh kia

Sản phẩm không thể in đầy đủ từ cạnh này sang cạnh kia. Vùng in tối đa là 203,2 x 347 mm (8 x 13,7 in), không tính 4 mm đường viền trang không thể in.

### Xem xét in hoặc quét tài liệu với các cạnh bị cắt:

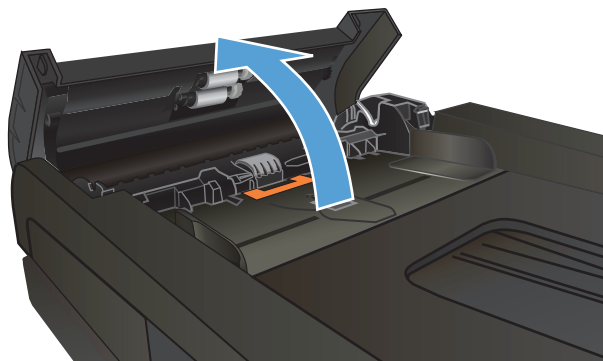
- Khi bản gốc nhỏ hơn kích cỡ đầu ra, hãy di chuyển bản gốc lệch 4 mm khỏi góc được chỉ định bởi biểu tượng trên máy quét. Sao chép lại hoặc quét ở vị trí này.
- Khi bản gốc có cùng kích cỡ đầu ra được in mà bạn muốn, hãy sử dụng tính năng **Giảm/Tăng** để giảm cỡ ảnh sao cho bản sao chép không bị cắt.



## Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu

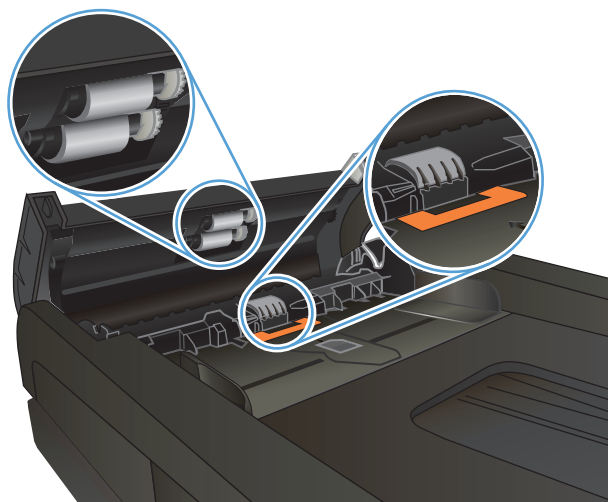
Nếu khay nạp tài liệu của sản phẩm gặp phải các sự cố về xử lý giấy, ví dụ như kẹt giấy hoặc nạp nhiều trang, hãy làm sạch các trục nạp của khay nạp tài liệu và đệm ngăn cách.

1. Mở nắp khay nạp tài liệu.

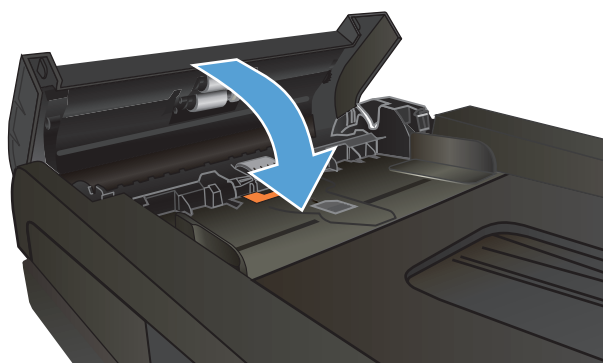


2. Sử dụng một tấm vải ẩm, không có xơ để lau chùi cả hai trục nạp và đệm ngăn cách để loại bỏ vết bẩn.

**THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.



3. Đóng nắp khay nạp tài liệu.



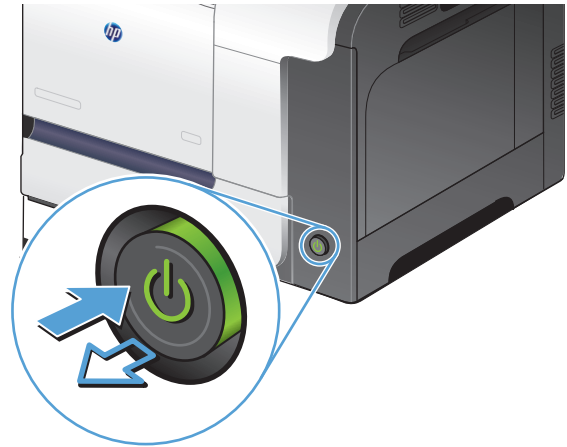
# Cải thiện chất lượng quét

- [Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn](#)
- [Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu](#)

## Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn

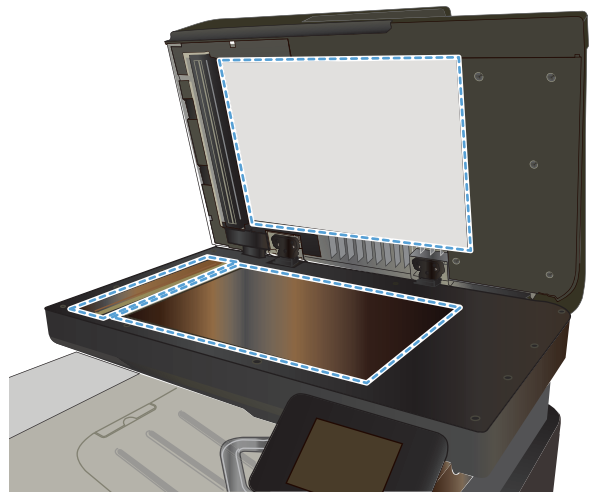
Theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Sử dụng quy trình sau để lau dọn máy quét.

1. Bấm nút nguồn để tắt sản phẩm, sau đó rút cáp nguồn khỏi ổ cắm điện.

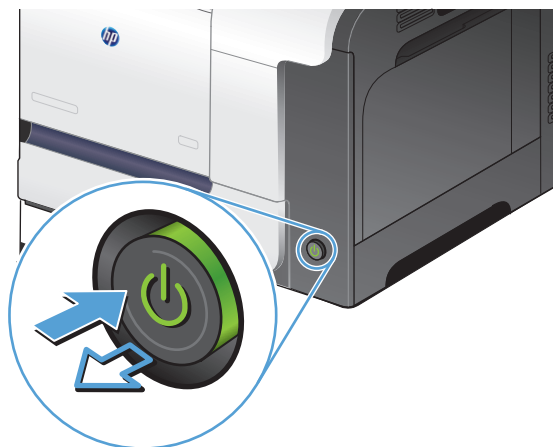


2. Mở nắp máy quét.
3. Lau sạch kính máy quét, khay nạp tài liệu và nắp nhựa sau màu trắng bằng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn.

**THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.



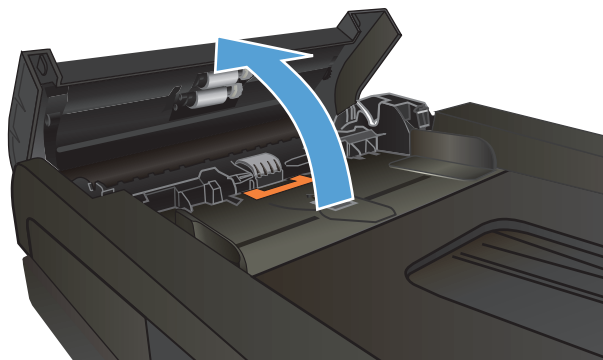
4. Lau khô kính và các phần nhựa trắng bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Cắm cáp nguồn vào một ổ cắm, sau đó bấm nút nguồn để bật sản phẩm.



## Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu

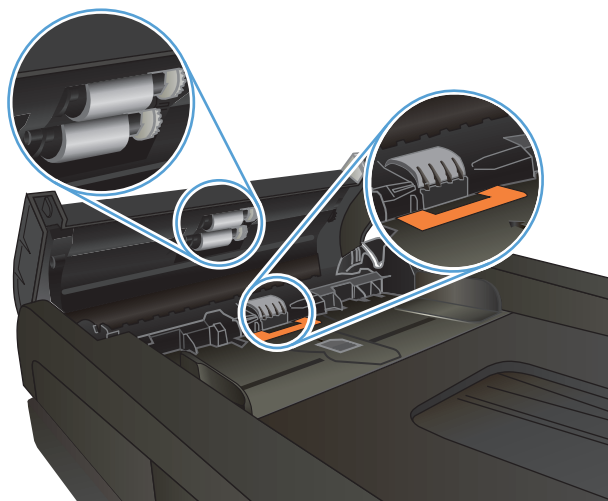
Nếu khay nạp tài liệu của sản phẩm gặp phải các sự cố về xử lý giấy, ví dụ như kẹt giấy hoặc nạp nhiều trang, hãy làm sạch các trục nạp của khay nạp tài liệu và đệm ngăn cách.

1. Mở nắp khay nạp tài liệu.

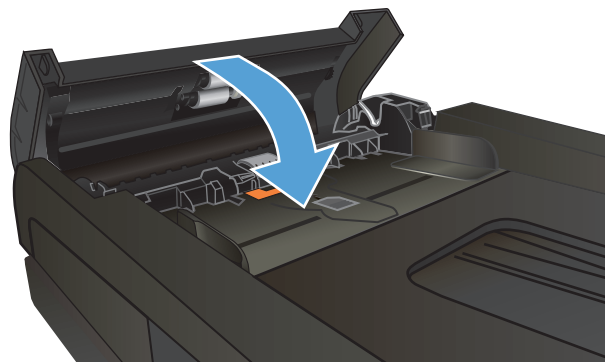


2. Sử dụng một tấm vải ẩm, không có xơ để lau chùi cả hai trục nạp và đệm ngăn cách để loại bỏ vết bẩn.

**THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.



3. Đóng nắp khay nạp tài liệu.



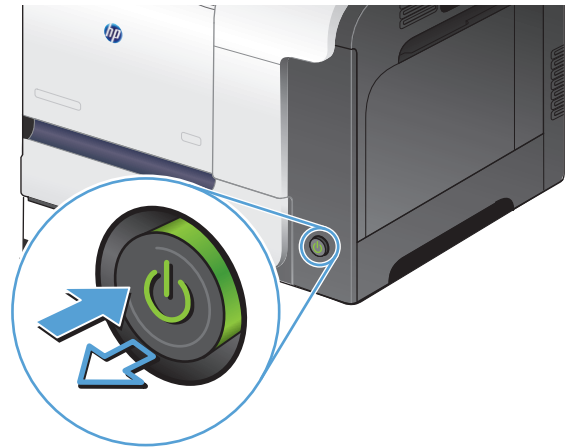
# Cải thiện chất lượng bản fax

- [Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn](#)
- [Kiểm tra cài đặt độ phân giải bản fax gửi đi](#)
- [Kiểm tra cài đặt sửa lỗi.](#)
- [Gửi đến máy fax khác](#)
- [Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu](#)
- [Kiểm tra cài đặt vừa với trang in](#)
- [Kiểm tra máy fax của người gửi](#)

## Kiểm tra kính máy quét để tránh bụi bẩn

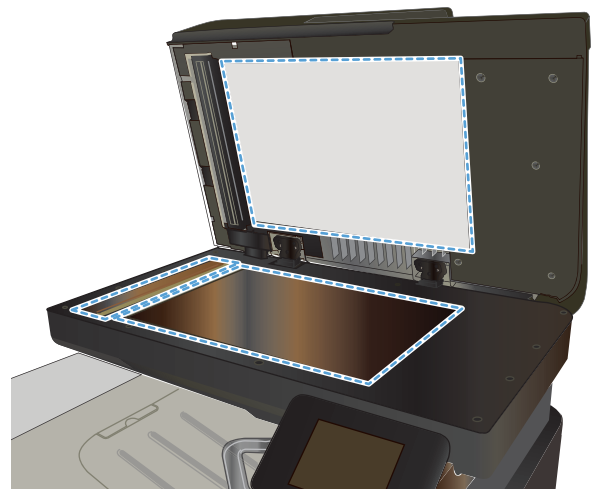
Theo thời gian, các vết bụi bẩn có thể tích tụ lại trên kính máy quét và tấm ép giấy màu trắng. Điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của máy. Sử dụng quy trình sau để lau dọn máy quét.

1. Bấm nút nguồn để tắt sản phẩm, sau đó rút cáp nguồn khỏi ổ cắm điện.

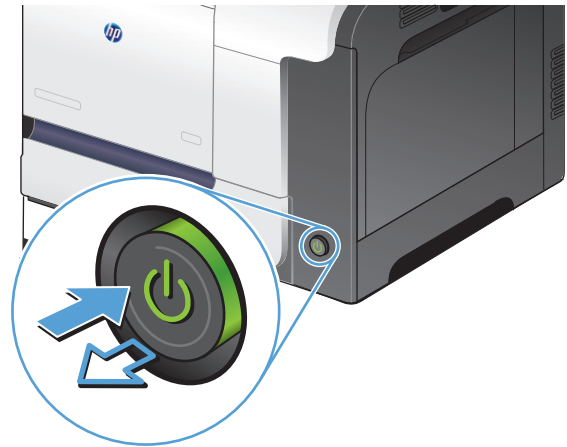


2. Mở nắp máy quét.
3. Lau sạch kính máy quét, khay nạp tài liệu và nắp nhựa sau màu trắng bằng miếng bọt xốp hoặc vải mềm đã được tẩm chất tẩy kính không ăn mòn.

**THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.




4. Lau khô kính và các phần nhựa trắng bằng vải da hoặc miếng bọt xốp làm từ chất xơ để ngăn không bị ố bẩn.
5. Cắm cáp nguồn vào một ổ cắm, sau đó bấm nút nguồn để bật sản phẩm.



## Kiểm tra cài đặt độ phân giải bản fax gửi đi


Nếu sản phẩm không thể gửi bản fax do máy fax nhận không trả lời hoặc bận, sản phẩm sẽ thử quay số lại dựa trên các tùy chọn quay-số-lại-khi-máy-bận, quay-số-lại-khi-không-trả-lời, và quay-số-lại-do-lỗi-truyền-tín-hiệu.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Nâng cao.
4. Mở menu Độ phân giải fax.

## Kiểm tra cài đặt sửa lỗi.

Thông thường, sản phẩm sẽ theo dõi các tín hiệu của đường dây điện thoại trong khi gửi hoặc nhận fax. Nếu sản phẩm phát hiện lỗi trong khi truyền tín hiệu và thông số sửa-lỗi là **Bật**, sản phẩm sẽ yêu cầu gửi lại một phần của bản fax đó. Thông số cài đặt mặc định gốc cho thông số sửa lỗi là **Bật**.

Bạn chỉ nên tắt tính năng sửa lỗi nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi hoặc nhận fax, và bạn sẵn sàng chấp nhận lỗi trong khi truyền tín hiệu. Việc tắt thông số này có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Dịch vụ.
3. Chạm vào menu Dịch vụ Fax.
4. Chạm vào nút Sửa lỗi, sau đó chạm nút Bật.

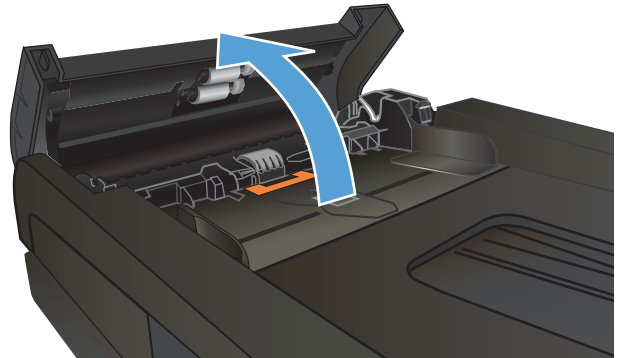
## Gửi đến máy fax khác

Gửi lệnh fax tới máy fax khác để xem máy khác có nhận lệnh fax thành công không.

## Làm sạch các trục nạp và đệm ngăn cách trong khay nạp tài liệu

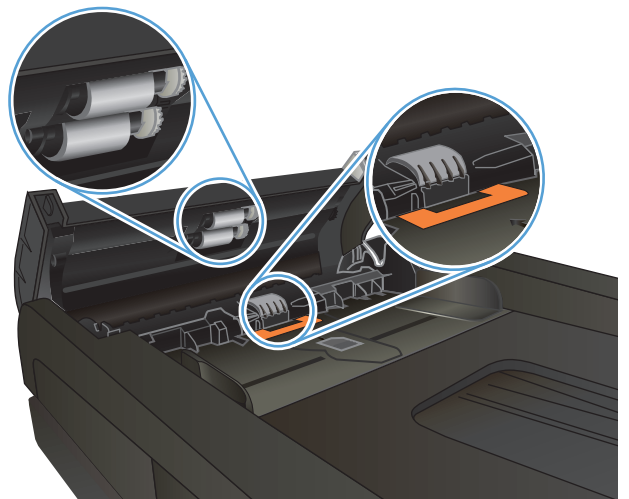
Nếu khay nạp tài liệu của sản phẩm gặp phải các sự cố về xử lý giấy, ví dụ như kẹt giấy hoặc nạp nhiều trang, hãy làm sạch các trục nạp của khay nạp tài liệu và đệm ngăn cách.

1. Mở nắp khay nạp tài liệu.

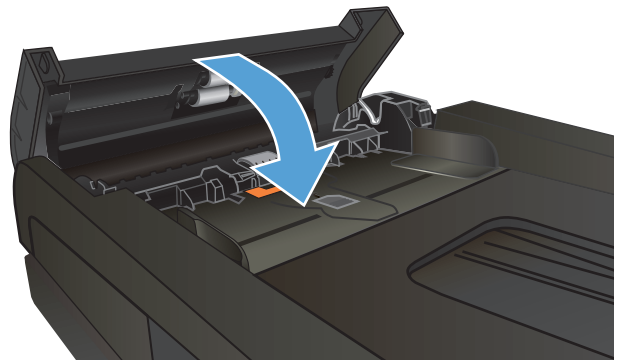


2. Sử dụng một tấm vải ẩm, không có xơ để lau chùi cả hai trục nạp và đệm ngăn cách để loại bỏ vết bẩn.

**THẬN TRỌNG:** Không sử dụng chất ăn mòn, acetol, benzen, amoniac, cồn êtylic hoặc carbon tetrachloride lên bất kỳ bộ phận nào của sản phẩm; những chất này có thể làm hỏng sản phẩm. Không đặt các chất lỏng trực tiếp lên bề mặt kính hoặc tấm ép giấy. Các chất này sẽ thấm vào và gây hư hỏng sản phẩm.





3. Đóng nắp khay nạp tài liệu.



## Kiểm tra cài đặt vừa với trang in

Nếu sản phẩm in bản fax ra ngoài trang, hãy bật tính năng vừa với trang in từ bảng điều khiển trên sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Hãy đảm bảo rằng cài đặt khổ giấy mặc định phù hợp với khổ giấy đã nạp vào khay chứa giấy.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu Cài đặt Fax.
3. Chạm vào menu Cài đặt Nâng cao.
4. Chạm vào nút Vừa Trang in, sau đó chạm nút Bật.

## Kiểm tra máy fax của người gửi

Yêu cầu người gửi điều chỉnh thông số độ tương phản trên máy gửi fax cho đậm hơn, sau đó gửi lại bản fax.



# Sản phẩm không in hoặc in chậm

## Sản phẩm không in

Nếu sản phẩm không in, hãy thử các giải pháp sau.

1. Đảm bảo bạn đã bật sản phẩm và bảng điều khiển cho thấy nó đã sẵn sàng hoạt động.
  - Nếu bảng điều khiển không chỉ báo rằng sản phẩm đã sẵn sàng hoạt động, hãy tắt sản phẩm và bật lại.
  - Nếu bảng điều khiển chỉ báo rằng sản phẩm đã sẵn sàng, hãy thử gửi lại một lệnh in.
2. Nếu bảng điều khiển cho biết sản phẩm bị lỗi, hãy xử lý lỗi đó rồi thử gửi lại lệnh in.
3. Đảm bảo các dây cáp được cắm đúng. Nếu sản phẩm được nối mạng, hãy kiểm tra các mục sau:
  - Kiểm tra đèn nằm cạnh cổng kết nối mạng trên sản phẩm. Nếu mạng đang hoạt động thì đèn có màu xanh.
  - Đảm bảo rằng bạn đang sử dụng cáp mạng chứ không phải dây điện thoại để nối mạng.
  - Đảm bảo rằng bộ định tuyến mạng, đầu cắm hoặc công tắc đã được bật và đang hoạt động đúng.
4. Cài phần mềm HP từ đĩa CD đi kèm với sản phẩm. Sử dụng các trình điều khiển in chung có thể làm chậm lệnh xóa khỏi hàng chờ in.
5. Từ danh sách các máy in trên máy tính của bạn, hãy nhấp chuột phải vào tên sản phẩm này, nhấp vào **Properties (Thuộc tính)**, rồi mở tab **Ports (Cổng)**.
  - Nếu bạn đang sử dụng một cáp mạng để nối mạng, đảm bảo rằng tên máy in có trong tab **Ports (Cổng)** khớp với tên sản phẩm trên trang cấu hình sản phẩm.
  - Nếu bạn đang sử dụng cáp USB và đang kết nối với một mạng không dây, đảm bảo rằng đã đánh dấu ô **Virtual printer port for USB (Cổng máy in ảo cho USB)**.
6. Nếu bạn đang sử dụng hệ thống tường lửa cá nhân trên máy tính, nó có thể chặn việc truyền tín hiệu với sản phẩm. Thử tắt tạm thời tường lửa để xem nó có phải là nguồn gây ra sự cố hay không.
7. Nếu máy tính hoặc sản phẩm của bạn được nối mạng không dây, chất lượng tín hiệu thấp hoặc nhiễu sóng có thể làm chậm lệnh in.

## Sản phẩm in chậm

Nếu sản phẩm in, nhưng có vẻ chậm, hãy thử các giải pháp sau.

1. Đảm bảo máy tính đáp ứng các thông số kỹ thuật tối thiểu cho sản phẩm này. Để biết danh sách thông số kỹ thuật, hãy truy cập trang Web: [www.hp.com/support/lj500colorMFPM570](http://www.hp.com/support/lj500colorMFPM570).
2. Khi bạn cấu hình sản phẩm để in trên một số loại giấy, ví dụ như giấy nặng, sản phẩm sẽ in chậm hơn để nó có thể sấy nóng đúng cách bột mực cho giấy. Nếu cài đặt loại giấy không chính xác cho loại giấy bạn đang sử dụng, hãy thay đổi thông số cài đặt cho đúng loại giấy.
3. Nếu máy tính hoặc sản phẩm của bạn được nối mạng không dây, chất lượng tín hiệu thấp hoặc nhiễu sóng có thể làm chậm lệnh in.

## Khắc phục sự cố in walk-up USB

- [Menu Ổ Flash USB không mở khi bạn lắp ổ flash USB](#)
- [Tập không in từ ổ flash USB](#)
- [Tập bạn muốn in không có trong menu Ổ đĩa USB Flash](#)

### Menu Ổ Flash USB không mở khi bạn lắp ổ flash USB

1. Bạn có thể đang sử dụng ổ flash USB hoặc hệ thống tệp mà sản phẩm này không hỗ trợ. Lưu các tệp trên ổ flash USB thông thường sử dụng hệ thống tệp FAT. Sản phẩm hỗ trợ phụ kiện lưu trữ USB sử dụng FAT12, FAT16, và FAT32.
2. Nếu một menu khác đã mở, hãy đóng menu đó rồi lắp ổ flash USB.
3. Ổ flash USB có thể có nhiều phân đoạn. (Một số nhà sản xuất ổ flash USB cài đặt phần mềm trên ổ để tạo các phân đoạn, tương tự như một đĩa CD). Định dạng lại ổ flash USB để xóa các phân đoạn đó hoặc sử dụng ổ flash USB khác.
4. Ổ flash USB có thể cần nhiều điện hơn so với sản phẩm cung cấp.
  - a. Tháo ổ flash USB ra.
  - b. Tắt sản phẩm và sau đó bật lại.
  - c. Sử dụng ổ flash USB dùng nguồn điện riêng hoặc ổ flash USB sử dụng ít điện hơn.
5. Ổ flash USB có thể hoạt động không chính xác.
  - a. Tháo ổ flash USB ra.
  - b. Tắt sản phẩm và sau đó bật lại.
  - c. Thử in từ ổ flash USB khác.

### Tập không in từ ổ flash USB

1. Đảm bảo có giấy trong khay.
2. Kiểm tra bảng điều khiển để xem thông báo. Nếu giấy bị kẹt trong sản phẩm, hãy gỡ giấy kẹt.


### Tập bạn muốn in không có trong menu Ổ đĩa USB Flash

1. Bạn có thể thử in một loại tệp mà tính năng in USB không hỗ trợ. Sản phẩm hỗ trợ các loại tệp .PDF và .JPEG.
2. Có thể bạn có quá nhiều tệp trong một thư mục đơn lẻ trên ổ flash USB. Hãy giảm số tệp trong thư mục này bằng cách chuyển chúng vào thư mục con.
3. Bạn có thể sử dụng bộ ký tự cho tên tệp mà sản phẩm không hỗ trợ. Trong trường hợp này, sản phẩm sẽ thay tên tệp bằng các ký tự của một bộ ký tự khác. Đổi tên các tệp bằng ký tự ASCII.

# Giải quyết sự cố khi fax

- [Danh sách kiểm tra để xử lý sự cố khi fax](#)
- [Thực hiện kiểm tra chẩn đoán fax](#)
- [Báo cáo theo dõi bản fax](#)
- [In báo cáo lỗi fax](#)
- [Chỉnh chế độ sửa-lỗi-fax](#)
- [Giảm tốc độ fax](#)
- [Xử lý sự cố khi gửi fax](#)
- [Xử lý sự cố khi nhận fax](#)
- [Giải quyết sự cố chung về fax](#)

## Danh sách kiểm tra để xử lý sự cố khi fax

- Có một số cách khắc phục như sau. Sau mỗi thao tác được gợi ý, thử gửi lại fax để xem sự cố có được giải quyết không.
  - Để có kết quả tốt nhất khi giải quyết sự cố, đảm bảo rằng đường dây từ sản phẩm được nối trực tiếp vào cổng điện thoại trên tường. Ngắt kết nối tất cả các thiết bị khác được kết nối với sản phẩm.
1. Kiểm tra xem dây điện thoại có được nối vào đúng cổng ở phía sau sản phẩm hay không.
  2. Kiểm tra đường dây điện thoại bằng cách kiểm tra fax:
    - a. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt , sau đó chạm vào menu [Dịch vụ](#).
    - b. Chọn menu [Dịch vụ Fax](#).
    - c. Chọn tùy chọn [Kiểm tra fax](#). Sản phẩm sẽ in báo cáo kiểm tra fax.

Báo cáo này có thể chứa các kết quả sau đây:

      - **Pass (Đạt):** Báo cáo chứa tất cả các thông số cài đặt fax hiện tại để xem lại.
      - **Fail (Không đạt):** Báo cáo cho thấy tình trạng lỗi và chứa các gợi ý về cách giải quyết vấn đề.
  3. Kiểm tra xem chương trình cơ sở của sản phẩm có là hiện hành hay không:
    - a. In trang cấu hình từ menu [Báo cáo](#) của bảng điều khiển để nhận mã ngày tháng của chương trình cơ sở hiện tại.
    - b. Truy cập trang [www.hp.com](http://www.hp.com).
      1. Nhấp vào liên kết **Support & Drivers (Hỗ trợ & Trình điều khiển)**.
      2. Nhấp vào tùy chọn liên kết **Download drivers and software (and firmware)** (Tải xuống trình điều khiển và phần mềm) (và chương trình cơ sở).

3. Trong ô **For product** (Dành cho sản phẩm), nhập số kiểu sản phẩm, sau đó nhấp nút **Go** (Tìm).
4. Nhấp vào liên kết cho hệ điều hành của bạn.
5. Di chuyển tới mục Firmware (Chương trình cơ sở) của bảng.
  - Nếu phiên bản đã liệt kê khớp với phiên bản trên trang cấu hình, bạn đang dùng phiên bản mới nhất.
  - Nếu các phiên bản khác nhau, hãy tải xuống bản nâng cấp chương trình điều khiển và nâng cấp chương trình điều khiển trên sản phẩm theo hướng dẫn trên màn hình.




**GHI CHÚ:** Phải kết nối sản phẩm với một máy tính có thể truy cập internet để nâng cấp chương trình cơ sở.

- Gửi lại bản fax.
4. Kiểm tra xem bản fax đã được thiết lập khi cài đặt phần mềm sản phẩm hay chưa.  
Từ máy tính, trong thư mục chương trình HP, hãy chạy Fax Setup Utility (Tiện ích Cài đặt Fax).
  5. Kiểm tra xem dịch vụ điện thoại có hỗ trợ fax analog hay không.
    - Nếu sử dụng ISDN hoặc PBX kỹ thuật số, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để biết thông tin về cấu hình cho một đường dây fax analog.
    - Nếu sử dụng dịch vụ VoIP, hãy thay đổi cài đặt **Tốc độ Fax** sang **Chậm(V.29)** từ bảng điều khiển. Hỏi xem nhà cung cấp dịch vụ của bạn có hỗ trợ fax hay không và hỏi về tốc độ modem fax khuyến nghị. Một số công ty có thể yêu cầu một bộ điều hợp.
    - Nếu bạn đang sử dụng dịch vụ DSL, đảm bảo có một bộ lọc khi kết nối đường dây điện thoại với sản phẩm. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ DSL, hoặc mua bộ lọc DSL nếu bạn chưa có. Nếu đã cài đặt một bộ lọc DSL, hãy thử bộ lọc khác vì những bộ lọc này có thể bị hỏng.
  6. Nếu lỗi vẫn còn, hãy tìm giải pháp xử lý sự cố chi tiết hơn trong các phần đi kèm sản phẩm này.


## Thực hiện kiểm tra chẩn đoán fax


Từ bảng điều khiển của sản phẩm, bạn có thể chạy kiểm tra chẩn đoán cung cấp thông tin về các cài đặt fax của sản phẩm.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Mở các menu sau:
  - [Dịch vụ](#)
  - [Dịch vụ Fax](#)
3. Chạm vào nút [Kiểm tra fax](#) để bắt đầu kiểm tra. Sản phẩm sẽ in trang kiểm tra hiển thị các kết quả kiểm tra.

## Báo cáo theo dõi bản fax

Báo cáo theo dõi bản fax T.30 chứa thông tin có thể giúp giải quyết các sự cố về truyền tín hiệu. Nếu bạn gọi điện cho HP để được trợ giúp khắc phục những sự cố này, hãy in báo cáo theo dõi T.30 trước khi bạn gọi.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Chạm vào menu [Dịch vụ](#).
3. Chạm vào menu [Dịch vụ Fax](#).
4. Chạm vào nút [In Bảng dò T.30](#), sau đó chạm nút [Ngay bây giờ](#).

 **GHI CHÚ:** Thủ tục này in báo cáo cho lệnh fax cuối cùng, dù lệnh fax đó thành công hay không. Để tạo báo cáo cho mỗi lệnh fax không thành công, hãy chọn cài đặt [Nếu xảy ra lỗi](#). Để tạo báo cáo cho mỗi lệnh fax, hãy chọn cài đặt [Khi Kết thúc Cuộc gọi](#).

## In báo cáo lỗi fax

Dùng những hướng dẫn sau đây để in các báo cáo và nhật ký fax:

### In tất cả các báo cáo fax

Dùng quy trình này để in tất cả các báo cáo sau đây cùng lúc:

- Last Call Report (Báo cáo Cuộc gọi Mới nhất):
- Nhật ký Hoạt động Fax
- Phone Book Report (Báo cáo Danh bạ)
- Junk Fax List (Danh sách fax rác)
- Billing Report (when Billing Codes are turned on) (Báo cáo Hóa đơn (Khi Mã Hóa đơn được bật))
- Báo cáo Cấu hình
- Số lượng trang đã dùng

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Fax](#).
2. Chạm vào nút [Menu Fax](#).
3. Chạm vào nút [Báo cáo Fax](#).
4. Chạm vào nút [In Tất cả Các báo cáo Fax](#).

### In các báo cáo fax riêng


1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Fax](#).
2. Chạm vào nút [Menu Fax](#).
3. Chạm vào nút [Báo cáo Fax](#).
4. Chạm vào tên báo cáo bạn muốn in.

## Chỉnh máy in báo cáo lỗi fax

Báo cáo lỗi fax là báo cáo ngắn gọn cho biết sản phẩm đã gặp lỗi tác vụ fax. Bạn có thể đặt để in sau khi xảy ra các sự cố sau:

- Mỗi loại lỗi fax (cài đặt mặc định gốc)
- Lỗi gửi fax
- Lỗi nhận fax
- Không bao giờ

---

 **GHI CHÚ:** Với tùy chọn này, bạn sẽ không nhận được thông báo không gửi được fax, trừ khi bạn in nhật ký hoạt động fax.


---

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Fax**.
2. Chạm vào nút **Menu Fax**.
3. Chạm vào nút **Báo cáo Fax**.
4. Chạm vào nút **Báo cáo Lỗi Fax**, sau đó chạm vào tùy chọn in bạn muốn sử dụng.

## Chỉnh chế độ sửa-lỗi-fax

Thông thường, sản phẩm sẽ theo dõi các tín hiệu của đường dây điện thoại trong khi gửi hoặc nhận fax. Nếu sản phẩm phát hiện lỗi trong khi truyền tín hiệu và thông số sửa-lỗi là **Bật**, sản phẩm sẽ yêu cầu gửi lại một phần của bản fax đó. Thông số cài đặt mặc định gốc cho thông số sửa lỗi là **Bật**.


Bạn chỉ nên tắt tính năng sửa lỗi nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi hoặc nhận fax, và bạn sẵn sàng chấp nhận lỗi trong khi truyền tín hiệu. Việc tắt thông số này có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
2. Chạm vào menu **Dịch vụ**.
3. Chạm vào menu **Dịch vụ Fax**.
4. Chạm vào nút **Sửa lỗi**, sau đó chạm nút **Bật**.

## Giảm tốc độ fax

Thông số tốc-độ-fax chính là giao thức của modem mà sản phẩm dùng để gửi fax. Đó chính là tiêu chuẩn toàn cầu cho các modem hai-đường-truyền dùng để gửi và nhận dữ liệu qua đường dây điện thoại với tốc độ đạt 33.600 bit mỗi giây (bps). Cài đặt mặc định gốc cho cài đặt tốc độ fax là **Nhanh(V.34)**.

Bạn chỉ nên thay đổi thông số này nếu bạn đang gặp sự cố khi gửi fax hoặc nhận fax qua thiết bị cụ thể nào đó. Việc giảm tốc độ fax có thể sẽ hữu ích nếu bạn đang thử fax ra nước ngoài, hoặc nhận fax từ nước ngoài, hoặc nếu bạn đang kết nối với hệ thống điện thoại vệ tinh.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
2. Chạm vào menu **Cài đặt Fax**.



3. Chạm vào menu [Cài đặt Nâng cao](#).
4. Cuộn xuống và chạm vào nút [Tốc độ Fax](#), sau đó chạm vào cài đặt tốc độ bạn muốn dùng.

## Xử lý sự cố khi gửi fax

- [Một thông báo lỗi hiển thị trên bảng điều khiển](#)
- [Bảng điều khiển hiển thị thông báo Sẵn sàng mà không gửi fax](#)
- [Bảng điều khiển hiển thị thông báo "Storing page 1" \(Đang lưu trang 1\) và không tiếp tục lưu ngoài trang đó](#)
- [Có thể nhận fax, nhưng không gửi được](#)
- [Sản phẩm được bảo vệ bằng mật khẩu](#)
- [Không thể sử dụng các chức năng fax từ bảng điều khiển](#)
- [Không thể sử dụng các số quay nhanh](#)
- [Không thể sử dụng các số quay nhóm](#)
- [Nhận thông báo lỗi từ công ty điện thoại khi đang cố gửi fax](#)
- [Không thể gửi fax khi điện thoại được nối với sản phẩm](#)

## Một thông báo lỗi hiển thị trên bảng điều khiển

### Thông báo Lỗi truyền tin xuất hiện


- Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax. Gửi lại làm giảm tạm thời tốc độ fax.
- Rút dây điện thoại của sản phẩm ra khỏi tường, cắm điện thoại vào giắc cắm điện thoại trên tường và thử thực hiện cuộc gọi. Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào giắc cắm của đường dây điện thoại khác.
- Thử dùng dây điện thoại khác.
- Từ bảng điều khiển, thay đổi tùy chọn [Tốc độ Fax](#) sang cài đặt [Vừa\(V.17\)](#) hoặc cài đặt [Chậm\(V.29\)](#).
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Cài đặt Fax](#).
  - c. Mở menu [Cài đặt Nâng cao](#).
  - d. Mở menu [Tốc độ Fax](#).
  - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Tắt tùy chọn [Sửa lỗi](#).
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Dịch vụ](#).
  - c. Mở menu [Dịch vụ Fax](#).

- d. Mở menu [Sửa lỗi](#).
- e. Chọn cài đặt [Tắt](#).

 **GHI CHÚ:** Tắt tùy chọn [Sửa lỗi](#) có thể làm giảm chất lượng hình ảnh.

- Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem [www.hp.com/support/lj500colorMFPM570](http://www.hp.com/support/lj500colorMFPM570) hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

### Không có âm quay số



- Đảm bảo rằng dây điện thoại đã được cắm vào đúng cổng trên sản phẩm.
- Đảm bảo rằng dây điện thoại từ sản phẩm đã được nối trực tiếp vào giắc cắm điện thoại trên tường.
- Kiểm tra âm quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm nút [Bắt đầu Fax](#).
- Rút dây điện thoại của sản phẩm ra khỏi ổ cắm trên tường, cắm điện thoại vào giắc cắm điện thoại trên tường và thử thực hiện cuộc gọi thoại.
- Rút dây điện thoại khỏi sản phẩm lần ổ cắm trên tường và cắm dây trở lại.
- Hãy đảm bảo rằng bạn đang sử dụng dây điện thoại bán kèm theo sản phẩm.
- Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào giắc cắm của đường dây điện thoại khác.
- Kiểm tra đường dây điện thoại bằng cách sử dụng tùy chọn [Kiểm tra fax](#) từ menu [Dịch vụ](#) trên bảng điều khiển.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Dịch vụ](#).
  - c. Mở menu [Dịch vụ Fax](#).
  - d. Chọn mục [Kiểm tra fax](#).

### Thông báo Fax đang bận xuất hiện

- Thử gửi lại bản fax lần nữa.
- Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.
- Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.
- Kiểm tra âm quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm nút [Bắt đầu Fax](#).
- Kiểm tra để đảm bảo rằng đường dây điện thoại đang hoạt động bình thường bằng cách ngắt kết nối sản phẩm, cắm đường dây điện thoại vào điện thoại và thử gọi điện thoại.
- Nối dây điện thoại của sản phẩm vào giắc cắm đường dây điện thoại khác và thử gửi fax lại lần nữa.
- Thử dùng dây điện thoại khác.
- Gửi fax lại sau.
- Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem [www.hp.com/support/lj500colorMFPM570](http://www.hp.com/support/lj500colorMFPM570) hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.




### Thông báo Máy fax không trả lời xuất hiện

- Thử gửi lại bản fax.
- Gọi người nhận để đảm bảo rằng máy fax của họ đang bật và sẵn sàng nhận fax.
- Kiểm tra xem bạn đang quay đúng số fax hay không.
- Rút dây điện thoại của sản phẩm ra khỏi ổ cắm trên tường, cắm điện thoại vào giắc cắm điện thoại trên tường và thử thực hiện cuộc gọi thoại.
- Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào giắc cắm của đường dây điện thoại khác.
- Thử dùng dây điện thoại khác.
- Đảm bảo rằng dây điện thoại từ giắc cắm điện thoại trên tường đã được cắm vào cổng .
- Kiểm tra đường dây điện thoại bằng cách sử dụng tùy chọn **Kiểm tra fax** từ menu **Dịch vụ** trên bảng điều khiển.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
  - b. Mở menu **Dịch vụ**.
  - c. Mở menu **Dịch vụ Fax**.
  - d. Chọn mục **Kiểm tra fax**.
- Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem [www.hp.com/support/lj500colorMFPM570](http://www.hp.com/support/lj500colorMFPM570) hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

### Kẹt giấy ở khay nạp tài liệu

- Kiểm tra xem giấy có đáp ứng các yêu cầu về kích thước của sản phẩm hay không. Sản phẩm không hỗ trợ các trang giấy có kích thước dài hơn 381 mm đối với fax.
- Sao chép và in bản gốc ra giấy có khổ letter, A4 hoặc khổ chuẩn legal, sau đó gửi lại fax.

### Thông báo Bộ nhớ fax đã đầy xuất hiện

- Tắt sản phẩm sau đó bật lại.
- In các bản fax đã lưu chưa được in.
  - a. Chạm vào nút **Fax**, sau đó chạm nút **Menu Fax**.
  - b. Mở menu **Tùy chọn Nhận**.
  - c. Chọn mục **In Các fax Riêng tư**.
  - d. Cung cấp mật khẩu khi sản phẩm nhắc nhập mật khẩu.
- Xóa bản fax đã lưu khỏi bộ nhớ.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
  - b. Mở menu **Dịch vụ**.

- c. Mở menu [Dịch vụ Fax](#).
- d. Chọn mục [Xóa Các bản fax Đã lưu](#).
- Chia bản fax lớn ra làm nhiều phần nhỏ, sau đó fax chúng đi từng phần.


### Lỗi máy quét

- Kiểm tra xem giấy có đáp ứng các yêu cầu về kích thước của sản phẩm hay không. Sản phẩm không hỗ trợ các trang giấy có kích thước dài hơn 381 mm đối với fax.
- Sao chép và in bản gốc ra giấy có khổ letter, A4 hoặc khổ chuẩn legal, sau đó gửi lại fax.

### Bảng điều khiển hiển thị thông báo Sẵn sàng mà không gửi fax


- Kiểm tra nhật ký hoạt động fax xem có lỗi không.
  - a. Chạm vào nút [Fax](#), sau đó chạm nút [Menu Fax](#).
  - b. Mở menu [Báo cáo Fax](#).
  - c. Mở menu [Nhật ký Hoạt động Fax](#).
  - d. Chọn tùy chọn [In Nhật ký Ngay bây giờ](#).
- Nếu điện thoại được nối với sản phẩm, đảm bảo rằng điện thoại đã được gác máy.
- Ngắt kết nối tất cả các đường dây khác giữa fax và sản phẩm.
- Kết nối sản phẩm trực tiếp với đầu cắm điện thoại trên tường và gửi lại fax.

### Bảng điều khiển hiển thị thông báo "Storing page 1" (Đang lưu trang 1) và không tiếp tục lưu ngoài trang đó

- Xóa bản fax đã lưu khỏi bộ nhớ.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Dịch vụ](#).
  - c. Mở menu [Dịch vụ Fax](#).
  - d. Chọn mục [Xóa Các bản fax Đã lưu](#).

### Có thể nhận fax, nhưng không gửi được

Gửi fax và không có chuyện gì xảy ra.

1. Kiểm tra âm quay số trên đường dây điện thoại bằng cách bấm nút [Bắt đầu Fax](#).
2. Tắt sản phẩm sau đó bật lại.
3. Sử dụng bảng điều khiển hoặc HP Fax Setup Wizard (Trình Hướng dẫn Cài đặt Fax HP) để cấu hình thời gian fax, ngày fax và tiêu đề fax.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Cài đặt Fax](#).

- c. Mở menu [Cài đặt Cơ bản](#).
  - d. Mở menu [Tiêu đề Fax](#).
  - e. Nhập thông số cài đặt đúng.
4. Kiểm tra xem có bất kỳ điện thoại nhánh nào trên đường dây đang treo không.
  5. Nếu sử dụng dịch vụ DSL, đảm bảo rằng đường dây điện thoại nối với sản phẩm có bộ lọc high-pass (lọc phần tần số cao).


## Sản phẩm được bảo vệ bằng mật khẩu

Nếu quản trị viên mạng có đặt mật khẩu sản phẩm, bạn phải xin mật khẩu để sử dụng các tính năng fax của sản phẩm.


## Không thể sử dụng các chức năng fax từ bảng điều khiển

- Sản phẩm có thể được bảo vệ bằng mật khẩu. Sử dụng Máy chủ Web Nhúng HP, phần mềm HP Toolbox (Hộp công cụ HP), hoặc bảng điều khiển để đặt mật khẩu.
- Nếu bạn không biết mật khẩu của sản phẩm, hãy liên hệ với người quản trị hệ thống của bạn.
- Kiểm tra với người quản trị hệ thống xem có phải chức năng fax đã bị tắt không.

## Không thể sử dụng các số quay nhanh


- Đảm bảo rằng số fax hợp lệ.
- Nếu một đường dây bên ngoài yêu cầu phải có mã số đầu, hãy bật tùy chọn [Mã số đầu Quay số](#) hoặc thêm mã số đầu vào số quay nhanh.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Cài đặt Fax](#).
  - c. Mở menu [Cài đặt Cơ bản](#).
  - d. Mở menu [Mã số đầu Quay số](#).
  - e. Chọn cài đặt [Bật](#).

## Không thể sử dụng các số quay nhóm


- Đảm bảo rằng số fax hợp lệ.
- Nếu một đường dây bên ngoài yêu cầu phải có mã số đầu, hãy bật tùy chọn [Mã số đầu Quay số](#) hoặc thêm mã số đầu vào số quay nhanh.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Cài đặt Fax](#).
  - c. Mở menu [Cài đặt Cơ bản](#).

- d. Mở menu [Mã số đầu Quay số](#).
- e. Chọn cài đặt [Bật](#).
- Cài đặt tất cả các mục nhập trong nhóm bằng các số quay nhanh.
  - a. Mở một mục nhập số quay nhanh chưa sử dụng.
  - b. Nhập số fax cho số quay nhanh.
  - c. Chạm nút [OK](#) để lưu số quay nhanh.

## Nhận thông báo lỗi từ công ty điện thoại khi đang cố gửi fax

- Đảm bảo rằng bạn quay đúng số fax, và đảm bảo rằng dịch vụ điện thoại không bị chặn. Ví dụ: một vài dịch vụ điện thoại có thể chặn các cuộc gọi đường dài.
- Nếu một đường dây bên ngoài yêu cầu phải có mã số đầu, hãy bật tùy chọn [Mã số đầu Quay số](#) hoặc thêm mã số đầu vào số quay nhanh.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
  - b. Mở menu [Cài đặt Fax](#).
  - c. Mở menu [Cài đặt Cơ bản](#).
  - d. Mở menu [Mã số đầu Quay số](#).
  - e. Chọn cài đặt [Bật](#).

---

 **GHI CHÚ:** Để gửi fax mà không cần có mã số đầu, khi bật tùy chọn [Mã số đầu Quay số](#), hãy gửi fax thủ công.

---

- Gửi fax đến số quốc tế
  - a. Nếu cần có mã số đầu, hãy quay thủ công số điện thoại với mã số đầu.
  - b. Nhập mã quốc gia/vùng trước khi quay số điện thoại.
  - c. Chờ tín hiệu tạm dừng khi bạn nghe thấy tiếng chuông trên điện thoại.
  - d. Gửi fax thủ công từ bảng điều khiển.

## Không thể gửi fax khi điện thoại được nối với sản phẩm

- Đảm bảo rằng điện thoại đang gác máy.
- Đảm bảo rằng điện thoại đó không được sử dụng cho một cuộc gọi thoại khi fax.
- Tháo điện thoại ra khỏi đường dây, sau đó thử gửi fax.


## Xử lý sự cố khi nhận fax

- [Fax không trả lời](#)
- [Một thông báo lỗi hiển thị trên bảng điều khiển](#)
- [Bản fax đã nhận nhưng không được in ra](#)


- [Người gửi nhận được tín hiệu bận](#)
- [Không có âm quay số](#)
- [Không thể gửi hoặc nhận fax trên đường dây PBX](#)

## Fax không trả lời



### Fax có một đường dây điện thoại chuyên dụng

- Đặt tùy chọn **Chế độ Trả lời** ở cài đặt **Tự động** từ bảng điều khiển.
  - Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
  - Mở menu **Cài đặt Fax**.
  - Mở menu **Cài đặt Cơ bản**.
  - Mở menu **Chế độ Trả lời**.
  - Chọn cài đặt **Tự động**.

### Máy trả lời được nối với sản phẩm

- Đặt tùy chọn **Chế độ Trả lời** ở cài đặt **TAM** và nối máy trả lời vào cổng “telephone” (điện thoại).
  - Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
  - Mở menu **Cài đặt Fax**.
  - Mở menu **Cài đặt Cơ bản**.
  - Mở menu **Chế độ Trả lời**.
  - Chọn cài đặt **TAM**.

Nếu cài đặt **TAM** không khả dụng, hãy đặt tùy chọn **Chế độ Trả lời** ở cài đặt **Tự động**.



- Đặt cài đặt **Chuông Trả lời** nhiều hơn tối thiểu một lần so với số lần đổ chuông đã cài cho máy trả lời tự động.
  - Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
  - Mở menu **Cài đặt Fax**.
  - Mở menu **Cài đặt Cơ bản**.
  - Mở menu **Chuông Trả lời**.
  - Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Nối máy trả lời vào cổng “telephone” (điện thoại).
- Nếu sản phẩm được kết nối với điện thoại cầm tay, hãy đặt tùy chọn **Chế độ Trả lời** ở cài đặt **Fax/Điện thoại** để định tuyến các cuộc gọi đến đúng thiết bị. Khi phát hiện thấy một cuộc gọi thoại, sản phẩm sẽ tạo một kiểu chuông để nhắc bạn nhận điện thoại cầm tay.
  - Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
  - Mở menu **Cài đặt Fax**.

- c. Mở menu [Cài đặt Cơ bản](#).
- d. Mở menu [Chế độ Trả lời](#).
- e. Chọn cài đặt [Fax/Điện thoại](#).


### Cài đặt Chế độ Trả lời được đặt ở Thủ công

- Chạm vào nút [Bắt đầu Fax](#) trên bảng điều khiển sản phẩm.

### Thư thoại khả dụng trên đường dây fax

- Thêm một kiểu chuông đặc biệt vào đường dây điện thoại của bạn và thay đổi cài đặt [Kiểu chuông Đặc trưng](#) trên sản phẩm cho khớp với kiểu chuông do công ty điện thoại cung cấp. Hãy liên hệ với công ty điện thoại để biết thông tin.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Cài đặt Fax](#).
  - c. Mở menu [Cài đặt Cơ bản](#).
  - d. Mở menu [Kiểu chuông Đặc trưng](#).
  - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Mua một đường dây chuyên dùng để fax.
- Đặt tùy chọn [Chế độ Trả lời](#) ở cài đặt [Thủ công](#).
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Cài đặt Fax](#).
  - c. Mở menu [Cài đặt Cơ bản](#).
  - d. Mở menu [Chế độ Trả lời](#).
  - e. Chọn cài đặt [Thủ công](#).

---


 **GHI CHÚ:** Bạn phải có mặt để nhận fax.

---

### Sản phẩm được nối với dịch vụ điện thoại DSL

- Kiểm tra cài đặt và các tính năng. Modem DSL yêu cầu bộ lọc high-pass (phần tần số cao) trên kết nối đường dây điện thoại tới sản phẩm. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ DSL của bạn để được cung cấp bộ lọc hoặc mua một bộ lọc mới.
- Kiểm tra xem bộ lọc đã được kết nối chưa.
- Thay bộ lọc hiện có để đảm bảo rằng nó không bị lỗi.


### Sản phẩm sử dụng fax qua dịch vụ điện thoại IP hoặc VoIP

- Đặt tùy chọn [Tốc độ Fax](#) ở [Chậm\(V.29\)](#) hoặc cài đặt [Vừa\(V.17\)](#).
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút [Cài đặt](#) .
  - b. Mở menu [Cài đặt Fax](#).

- c. Mở menu **Cài đặt Nâng cao**.
  - d. Mở menu **Tốc độ Fax**.
  - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ của bạn để đảm bảo fax đó được hỗ trợ và cài đặt tốc độ fax được khuyến nghị. Một số công ty có thể yêu cầu một bộ điều hợp.


## Một thông báo lỗi hiển thị trên bảng điều khiển

### Thông báo Không dò được máy fax nào. hiển thị

 **GHI CHÚ:** Lỗi này không phải lúc nào cũng có nghĩa là fax bị nhỡ. Nếu một cuộc gọi thoại bị gọi nhầm đến số fax và người gọi treo máy, thông báo **Không dò được máy fax nào.** sẽ hiển thị trên bảng điều khiển.


- Nhờ người gửi gửi lại bản fax.
- Đảm bảo rằng dây điện thoại từ sản phẩm đã được nối vào giắc cắm điện thoại trên tường.
- Thử dùng dây điện thoại khác.
- Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào giắc cắm của đường dây điện thoại khác.
- Đảm bảo rằng đường dây điện thoại và giắc cắm điện thoại trên tường hoạt động bằng cách kết nối điện thoại và kiểm tra xem có âm quay số hay không.
- Đảm bảo rằng dây điện thoại đã được nối vào đúng cổng "line" (đường dây) trên sản phẩm.
- Kiểm tra đường dây điện thoại bằng cách chạy thử fax từ bảng điều khiển.
- Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem [www.hp.com/support/lj500colorMFPM570](http://www.hp.com/support/lj500colorMFPM570) hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

### Thông báo Lỗi truyền tin xuất hiện


- Đề nghị người gửi gửi lại fax hoặc gửi lại sau khi điều kiện đường dây đã được cải thiện.
- Rút dây điện thoại của sản phẩm ra khỏi tường, cắm điện thoại vào giắc cắm điện thoại trên tường và thử thực hiện cuộc gọi. Cắm dây điện thoại của sản phẩm vào khe cắm của đường dây điện thoại khác.
- Thử dùng dây điện thoại khác.
- Đặt tùy chọn **Tốc độ Fax** ở **Chậm(V.29)** hoặc cài đặt **Vừa(V.17)**.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt** .
  - b. Mở menu **Cài đặt Fax**.
  - c. Mở menu **Cài đặt Nâng cao**.
  - d. Mở menu **Tốc độ Fax**.
  - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Tắt tính năng **Sửa lỗi** để ngăn sửa lỗi tự động.



**GHI CHÚ:** Tắt tính năng **Sửa lỗi** có thể làm giảm chất lượng hình ảnh.

- a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
  - b. Mở menu **Dịch vụ**.
  - c. Mở menu **Dịch vụ Fax**.
  - d. Mở menu **Sửa lỗi**.
  - e. Chọn cài đặt **Tắt**.
- In báo cáo **Nhật ký Hoạt động Fax** từ bảng điều khiển để xác định xem có xảy ra lỗi với một số fax cụ thể không.
    - a. Chạm vào nút **Fax**, sau đó chạm nút **Menu Fax**.
    - b. Mở menu **Báo cáo Fax**.
    - c. Mở menu **Nhật ký Hoạt động Fax**.
    - d. Chọn tùy chọn **In Nhật ký Ngay bây giờ**.
  - Nếu máy vẫn báo lỗi, hãy liên hệ HP. Xem [www.hp.com/support/lj500colorMFPM570](http://www.hp.com/support/lj500colorMFPM570) hoặc các tờ bướm hỗ trợ kèm theo hộp sản phẩm.

#### Thông báo Bộ nhớ fax đã đầy xuất hiện

- Tắt sản phẩm sau đó bật lại.
- In tất cả các bản fax, và sau đó nhờ người gửi gửi lại bản fax đó.
- Đề nghị người gửi chia bản fax lớn ra làm nhiều phần nhỏ, và sau đó fax chúng đi từng phần.
- Đảm bảo rằng độ phân giải của máy gửi fax không được cài ở **Ảnh chụp** hoặc **Siêu mịn**.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
  - b. Mở menu **Cài đặt Fax**.
  - c. Mở menu **Cài đặt Nâng cao**.
  - d. Mở menu **Độ phân giải fax**.
  - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Hủy tất cả các tác vụ fax hoặc xóa các bản fax trong bộ nhớ.

#### Thông báo Fax đang bận xuất hiện

- Sản phẩm không thể nhận fax trong khi đang gửi một bản fax. Hủy lệnh gửi fax đó và thử gửi lại sau.
- Cho phép sản phẩm thử gửi lại bản fax.



## Bản fax đã nhận nhưng không được in ra

### Tính năng Nhận Riêng được bật

- Khi kích hoạt tính năng **Nhận Riêng**, các bản fax đã nhận sẽ được lưu trong bộ nhớ. Mật khẩu được yêu cầu để in các bản fax đã lưu.
- Nhập mật khẩu để in bản fax. Nếu bạn không biết mật khẩu, hãy liên hệ với người quản lý sản phẩm.



**GHI CHÚ:** Lỗi bộ nhớ có thể xảy ra nếu các bản fax không được in. Sản phẩm sẽ không trả lời nếu bộ nhớ đã đầy.

## Người gửi nhận được tín hiệu bận

### Điện thoại cầm tay được nối với sản phẩm

- Đảm bảo điện thoại đã được gác máy.
- Thay đổi tùy chọn **Chế độ Trả lời** cho khớp với cài đặt sản phẩm.
  - a. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút **Cài đặt**.
  - b. Mở menu **Cài đặt Fax**.
  - c. Mở menu **Cài đặt Cơ bản**.
  - d. Mở menu **Chế độ Trả lời**.
  - e. Chọn cài đặt khớp với cài đặt sản phẩm.

Đặt tùy chọn **Chế độ Trả lời** ở cài đặt **Fax/Điện thoại** để tự động nhận fax. Cài đặt **Fax/Điện thoại** tự động phát hiện xem tín hiệu gọi đến là một bản fax hay cuộc gọi thoại và chuyển cuộc gọi đó đến thiết bị thích hợp.

### Một bộ phân tách đường dây điện thoại đang được sử dụng

- Nếu bạn đang sử dụng một bộ phân tách đường dây điện thoại, hãy tháo bộ phân tách đó ra và cài đặt điện thoại làm điện thoại tải về.
- Đảm bảo điện thoại đã được gác máy.
- Đảm bảo không sử dụng điện thoại cho một cuộc gọi thoại khi nhận fax.

### Không có âm quay số

- Nếu bạn đang sử dụng một bộ phân tách đường dây điện thoại, hãy tháo bộ phân tách đó ra và cài đặt điện thoại làm điện thoại tải về.

### Không thể gửi hoặc nhận fax trên đường dây PBX

- Nếu bạn đang sử dụng đường dây điện thoại PBX, hãy liên hệ với người quản lý PBX của bạn để cấu hình một đường dây fax analog cho sản phẩm của bạn.

## Giải quyết sự cố chung về fax

- [Fax gửi chậm](#)


- [Chất lượng fax kém](#)
- [Bản fax bị cắt rời hoặc in trên hai trang](#)

## Fax gửi chậm

Sản phẩm đang gặp phải chất lượng đường dây điện thoại kém.

- Thử gửi fax lại khi các điều kiện đường dây đã được cải thiện.
- Kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ điện thoại xem đường dây điện thoại có hỗ trợ fax không.
- Tắt cài đặt [Sửa lỗi](#).
  - Mở menu [Menu Cài đặt](#).
  - Mở menu [Dịch vụ](#).
  - Mở menu [Dịch vụ Fax](#).
  - Mở menu [Sửa lỗi](#).
  - Chọn cài đặt [Tắt](#).

---

 **GHI CHÚ:** Việc này có thể làm giảm chất lượng hình ảnh.

- Sử dụng giấy trắng cho bản gốc. Không sử dụng các màu như xám, vàng hoặc hồng.
- Tăng thông số cài đặt [Tốc độ Fax](#).
  - Mở menu [Menu Cài đặt](#).
  - Mở menu [Cài đặt Fax](#).
  - Mở menu [Cài đặt Nâng cao](#).
  - Mở menu [Tốc độ Fax](#).
  - Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Chia bản fax lớn ra làm nhiều phần nhỏ, sau đó fax chúng đi từng phần.
- Thay đổi thông số cài đặt bản fax trên bảng điều khiển xuống độ phân giải thấp hơn.
  - Mở menu [Menu Cài đặt](#).
  - Mở menu [Cài đặt Fax](#).
  - Mở menu [Cài đặt Nâng cao](#).
  - Mở menu [Độ phân giải fax](#).
  - Chọn thông số cài đặt phù hợp.

## Chất lượng fax kém

Bản fax bị nhòe hoặc mờ.

- Tăng độ phân giải fax khi gửi fax. Độ phân giải không ảnh hưởng đến các bản fax đã nhận.

- a. Mở menu **Menu Cài đặt**.
- b. Mở menu **Cài đặt Fax**.
- c. Mở menu **Cài đặt Nâng cao**.
- d. Mở menu **Độ phân giải fax**.
- e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.

---

 **GHI CHÚ:** Việc tăng độ phân giải làm giảm tốc độ truyền tín hiệu.


---

- Bật cài đặt **Sửa lỗi** từ bảng điều khiển.
  - a. Mở menu **Menu Cài đặt**.
  - b. Mở menu **Dịch vụ**.
  - c. Mở menu **Dịch vụ Fax**.
  - d. Mở menu **Sửa lỗi**.
  - e. Chọn cài đặt **Bật**.
- Kiểm tra hộp mực in và thay hộp mực nếu cần.
- Yêu cầu người gửi điều chỉnh thông số độ tương phản trên máy gửi fax cho đậm hơn, sau đó gửi lại bản fax.

### Bản fax bị cắt rời hoặc in trên hai trang

- Đặt cài đặt **Khổ giấy mặc định**. Bản fax được in trên một kích thước giấy dựa trên cài đặt **Khổ giấy mặc định**.
  - a. Mở menu **Menu Cài đặt**.
  - b. Mở menu **Cài đặt Hệ thống**.
  - c. Mở menu **Cài đặt Trang**.
  - d. Mở menu **Khổ giấy mặc định**.
  - e. Chọn thông số cài đặt phù hợp.
- Đặt loại giấy và kích thước giấy cho khay được dùng để fax.
- Bật cài đặt **Vừa Trang in** để in các bản fax dài hơn trên giấy khổ letter hoặc khổ A4.
  - a. Mở menu **Menu Cài đặt**.
  - b. Mở menu **Cài đặt Fax**.
  - c. Mở menu **Cài đặt Nâng cao**.
  - d. Mở menu **Vừa Trang in**.
  - e. Chọn cài đặt **Bật**.

---

 **GHI CHÚ:** Nếu cài đặt **Vừa Trang in** bị tắt và cài đặt **Khổ giấy mặc định** được đặt cho giấy khổ letter, bản gốc có khổ in chuẩn sẽ được in trên hai trang.

---

## Giải quyết sự cố kết nối USB


Nếu bạn kết nối sản phẩm trực tiếp với máy tính, hãy kiểm tra cáp.

- Kiểm tra xem cáp đã cắm vào máy tính và vào sản phẩm chưa.
- Kiểm tra rằng cáp USB không dài quá 5 m. Thử sử dụng cáp ngắn hơn.
- Kiểm tra hoạt động của cáp bằng cách cắm dây cáp vào sản phẩm khác. Thay dây cáp nếu cần.

# Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây

Kiểm tra các mục sau để đảm bảo sản phẩm hiện truyền được tín hiệu qua mạng. Trước khi bắt đầu, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển sản phẩm và tìm địa chỉ IP của sản phẩm được liệt kê trên trang này.

- [Kết nối vật lý kém](#)
- [Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho sản phẩm này](#)
- [Máy tính không thể giao tiếp với sản phẩm](#)
- [Sản phẩm đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này](#)
- [Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích](#)
- [Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai](#)
- [Sản phẩm bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai](#)

 **GHI CHÚ:** HP không hỗ trợ mạng ngang hàng vì tính năng là chức năng của hệ điều hành Microsoft chứ không phải của trình điều khiển in HP. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào trang web của Microsoft tại địa chỉ [www.microsoft.com](http://www.microsoft.com).

## Kết nối vật lý kém

1. Hãy kiểm tra xem sản phẩm có được cắm vào đúng cổng mạng bằng cách sử dụng cáp có độ dài phù hợp không.
2. Hãy kiểm tra xem các kết nối cáp có chắc không.
3. Kiểm tra kết nối cổng mạng trên mặt sau của sản phẩm, và chắc chắn rằng đèn hoạt động màu hổ phách và đèn báo tình trạng liên kết màu xanh lá cây vẫn sáng.
4. Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub.

## Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho sản phẩm này

1. Mở thuộc tính máy in và nhấp vào tab **Ports** (Cổng). Kiểm tra xem địa chỉ IP hiện tại cho sản phẩm có được chọn không. Địa chỉ IP của sản phẩm được liệt kê trên trang cấu hình sản phẩm.
2. Nếu bạn đã cài đặt sản phẩm bằng cổng TCP/IP chuẩn HP, hãy chọn ô **Always print to this printer, even if its IP address changes** (Luôn in vào máy in này ngay cả khi địa chỉ IP thay đổi).
3. Nếu bạn đã cài đặt sản phẩm bằng cổng TCP/IP chuẩn Microsoft, hãy sử dụng tên máy chủ thay cho địa chỉ IP.
4. Nếu đúng địa chỉ IP, hãy xóa sản phẩm và sau đó thêm lại.

## Máy tính không thể giao tiếp với sản phẩm

1. Kiểm tra giao tiếp mạng bằng cách ping mạng.

- a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn. Đối với Windows, hãy nhấp **Start (Bắt đầu)**, nhấp **Run (Chạy)**, sau đó nhập `cmd`.
  - b. Nhập `ping` và địa chỉ IP cho sản phẩm của bạn.  
Đối với máy Mac OS X, mở Network Utility (Tiện ích mạng), sau đó cấp địa chỉ IP vào đúng trường trong ngăn **Ping**.
  - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, thì mạng đang hoạt động.
2. Nếu lệnh ping báo lỗi, kiểm tra xem hub mạng có bật hay không, và sau đó kiểm tra các thông số kết nối mạng, sản phẩm và máy tính được cấu hình dùng chung một mạng.

## Sản phẩm đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này

HP khuyên bạn để cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định). Nếu bạn thay đổi những thông số cài đặt này, bạn cũng phải thay đổi chúng cho mạng của bạn.

## Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích

Xác minh rằng mọi chương trình phần mềm mới đều được cài đặt đúng cách và sử dụng trình điều khiển in phù hợp.

## Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai

1. Hãy kiểm tra các trình điều khiển mạng, trình điều khiển in và chuyển hướng mạng.
2. Kiểm tra xem hệ điều hành có được cấu hình đúng không.

## Sản phẩm bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai

1. Xem lại trang cấu hình để kiểm tra tình trạng của giao thức mạng. Bật nó nếu cần.
2. Định cấu hình lại cài đặt mạng nếu cần.

# Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây

- [Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây](#)
- [Sản phẩm không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất](#)
- [Sản phẩm không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba](#)
- [Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc sản phẩm](#)
- [Không thể kết nối thêm máy tính với sản phẩm không dây](#)
- [Sản phẩm không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN.](#)
- [Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây](#)
- [Mạng không dây không hoạt động](#)
- [Thực hiện kiểm tra chẩn đoán mạng không dây](#)
- [Giảm nhiễu trên mạng không dây](#)

## Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây

- Xác minh rằng cáp mạng không được kết nối.
- Xác minh rằng sản phẩm và bộ định tuyến mạng không dây đã được bật và có điện. Đồng thời đảm bảo rằng bộ thu tín hiệu mạng không dây của sản phẩm đã được bật.
- Xác minh rằng số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) là chính xác. In trang cấu hình để biết SSID. Nếu bạn không chắc liệu SSID có chính xác hay không, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.
- Với các mạng bảo mật, hãy xác minh rằng thông tin bảo mật là chính xác. Nếu thông tin bảo mật không chính xác, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.
- Nếu mạng không dây hoạt động chính xác, hãy thử truy cập vào các máy tính khác trên mạng không dây. Nếu mạng có truy cập Internet, hãy thử kết nối với Internet qua kết nối mạng không dây.
- Xác minh rằng phương thức mã hóa (AES hoặc TKIP) của sản phẩm giống với phương thức mã hóa dành cho điểm truy cập không dây (trên các mạng sử dụng bảo mật WPA).
- Xác minh rằng sản phẩm nằm trong phạm vi của mạng không dây. Đối với hầu hết các mạng, sản phẩm phải nằm trong phạm vi 30 m của điểm truy cập không dây (bộ định tuyến mạng không dây).
- Xác minh rằng các vật cản không chặn tín hiệu của mạng không dây. Loại bỏ bất kỳ vật kim loại lớn nào giữa điểm truy cập và sản phẩm. Đảm bảo các cột, tường hoặc các trụ chống đỡ có chứa kim loại hoặc bê tông không ngăn cách sản phẩm và điểm truy cập không dây.
- Xác minh rằng sản phẩm được đặt cách xa các thiết bị điện có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây. Nhiều thiết bị có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây, trong đó gồm có động cơ, điện thoại không dây, camera hệ thống an ninh, các mạng không dây khác và một số thiết bị Bluetooth.
- Xác minh rằng trình điều khiển in đã được cài đặt trên máy tính.
- Xác minh rằng bạn đã chọn đúng cổng máy in.

- Xác minh rằng máy tính và sản phẩm kết nối với cùng một mạng không dây.
- Đối với Mac OS X, xác minh rằng bộ định tuyến không dây hỗ trợ Bonjour.

## Sản phẩm không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất

1. Hãy chắc chắn là sản phẩm đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
2. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
3. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
4. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.
5. Kiểm tra và đảm bảo rằng bạn có thể mở Máy chủ web nhúng của HP từ một máy tính trên mạng.

## Sản phẩm không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba

1. Cập nhật tường lửa bằng bản cập nhật mới nhất hiện có của nhà sản xuất.
2. Nếu chương trình yêu cầu truy cập tường lửa khi bạn cài đặt sản phẩm hoặc cố gắng in, hãy đảm bảo bạn cho phép chương trình chạy.
3. Tạm thời tắt tường lửa, sau đó cài đặt sản phẩm không dây trên máy tính. Bật tường lửa khi bạn đã kết thúc quá trình cài đặt không dây.

## Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc sản phẩm

1. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc sản phẩm kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.
2. In một trang cấu hình.
3. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên trang cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
4. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho sản phẩm.

## Không thể kết nối thêm máy tính với sản phẩm không dây

1. Đảm bảo rằng các máy tính khác nằm trong phạm vi của mạng không dây và không có vật cản nào chặn tín hiệu. Đối với hầu hết các mạng, phạm vi của mạng không dây nằm trong vòng 30 m của điểm truy cập không dây.
2. Hãy chắc chắn là sản phẩm đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
3. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
4. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
5. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.

## Sản phẩm không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN.

- Thông thường, bạn không thể kết nối với VPN và các mạng khác cùng một lúc.



## Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây


- Đảm bảo bộ định tuyến không dây được bật và có điện.
- Mạng có thể bị ẩn. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể kết nối với mạng bị ẩn.

## Mạng không dây không hoạt động

1. Đảm bảo rằng cáp mạng không được kết nối.
2. Để xác minh liệu mạng có mất kết nối hay không, hãy thử kết nối các thiết bị khác với mạng.
3. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
  - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn. Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), sau đó nhập `cmd`.
  - b. Nhập `ping` theo sau là địa chỉ IP của bộ định tuyến.  
  
Đối với máy Mac OS X, mở Network Utility (Tiện ích mạng), sau đó cấp địa chỉ IP vào đúng trường trong ngăn **Ping**.
  - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, thì mạng đang hoạt động.
4. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc sản phẩm kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.
  - a. In một trang cấu hình.
  - b. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên báo cáo cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
  - c. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho sản phẩm.

## Thực hiện kiểm tra chẩn đoán mạng không dây

Từ bảng điều khiển của sản phẩm, bạn có thể chạy kiểm tra chẩn đoán cung cấp thông tin về các thông số cài đặt mạng không dây.

1. Từ màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Cài đặt .
2. Mở các menu sau
  - [Cài đặt Hệ thống](#)
  - [Tự Chẩn đoán](#)
3. Chạm vào nút [Chạy Kiểm tra Mạng](#) để bắt đầu kiểm tra. Sản phẩm sẽ in trang kiểm tra hiển thị các kết quả kiểm tra.

## Giảm nhiễu trên mạng không dây

Các mẹo sau có thể giảm nhiễu trên mạng không dây:


- Để thiết bị không dây cách xa các vật thể kim loại lớn như tủ đựng hồ sơ và các thiết bị điện tử khác như lò vi sóng và điện thoại không dây. Những vật thể này có thể làm gián đoạn tín hiệu vô tuyến.
- Để thiết bị không dây cách xa kết cấu gạch đá lớn và các kết cấu xây dựng khác. Những vật thể này có thể hấp thụ sóng vô tuyến và làm giảm cường độ tín hiệu.
- Đặt bộ định tuyến không dây vào vị trí trung tâm trong đường ngắm của các sản phẩm không dây trên mạng.

# Khắc phục các sự cố phần mềm của sản phẩm với Windows

- [Không nhìn thấy trình điều khiển in cho sản phẩm này trong thư mục Printer \(Máy in\)](#)
- [Thông báo lỗi hiển thị trong khi cài đặt phần mềm](#)
- [Sản phẩm đang ở chế độ Ready \(Sẵn sàng\) nhưng không in được](#)

## Không nhìn thấy trình điều khiển in cho sản phẩm này trong thư mục Printer (Máy in)


1. Cài đặt lại phần mềm sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng mà có biểu tượng trên khay hệ thống, bấm chuột phải vào biểu tượng đó và chọn **Close** (Đóng) hoặc **Disable** (Tắt).

2. Thử nối cáp USB vào một cổng USB khác trên máy tính.

## Thông báo lỗi hiển thị trong khi cài đặt phần mềm

1. Cài đặt lại phần mềm sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Đóng mọi ứng dụng đang chạy. Để đóng một ứng dụng mà có biểu tượng trên khay hệ thống, bấm chuột phải vào biểu tượng đó và chọn **Close** (Đóng) hoặc **Disable** (Tắt).

2. Kiểm tra bộ nhớ trống của ổ mà bạn đang cài đặt phần mềm sản phẩm vào. Nếu cần, giải phóng thêm bộ nhớ trống đến mức có thể và cài đặt lại phần mềm sản phẩm.
3. Nếu cần, chạy Disk Defragmenter (Trình giảm phân tán ổ đĩa) và cài đặt lại phần mềm sản phẩm.

## Sản phẩm đang ở chế độ Ready (Sẵn sàng) nhưng không in được

1. In trang cấu hình, và kiểm tra chức năng của sản phẩm.
2. Kiểm tra xem tất cả các cáp có được đặt đúng vị trí và có thông số kỹ thuật hay không. Việc kiểm tra bao gồm dây cáp USB và cáp nguồn. Thử dây cáp mới.
3. Kiểm tra xem địa chỉ IP trên trang cấu hình có khớp với địa chỉ IP dành cho cổng phần mềm hay không. Sử dụng một trong các quy trình sau:

### Windows XP, Windows Server 2003, Windows Server 2008 và Windows Vista

- a. Nhấp vào **Start** (Bắt đầu).
- b. Nhấp vào **Settings** (Cài đặt).
- c. Nhấp vào **Printers and Faxes** (Máy in và Fax) (sử dụng chế độ xem menu Start (Bắt đầu) mặc định) hoặc nhấp vào **Printers** (Máy in) (sử dụng chế độ xem menu Start (Bắt đầu) cổ điển).
- d. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển sản phẩm, sau đó chọn **Properties** (Thuộc tính).
- e. Nhấp vào tab **Ports** (Cổng), sau đó nhấp vào **Configure Port** (Cấu hình cổng).

- f. Kiểm tra địa chỉ IP, sau đó nhấp **OK** hoặc **Cancel** (Hủy).
- g. Nếu địa chỉ IP không giống nhau, xóa trình điều khiển và cài đặt lại trình điều khiển bằng địa chỉ IP đúng.

#### Windows 7

- a. Nhấp vào **Start** (Bắt đầu).
- b. Nhấp vào **Devices and Printers** (Thiết bị và Máy in).
- c. Nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển sản phẩm, sau đó chọn **Printer properties** (Thuộc tính máy in).
- d. Nhấp vào tab **Ports** (Cổng), sau đó nhấp vào **Configure Port** (Cấu hình cổng).
- e. Kiểm tra địa chỉ IP, sau đó nhấp **OK** hoặc **Cancel** (Hủy).
- f. Nếu địa chỉ IP không giống nhau, xóa trình điều khiển và cài đặt lại trình điều khiển bằng địa chỉ IP đúng.

# Giải quyết sự cố phần mềm sản phẩm với Mac OS X

- [Trình điều khiển in không được liệt kê trong danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét](#)
- [Tên sản phẩm không xuất hiện trong danh sách sản phẩm ở danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét](#)
- [Trình điều khiển in sẽ không tự động cài đặt sản phẩm bạn đã chọn trong danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét](#)
- [Một lệnh in không được gửi tới sản phẩm mà bạn muốn](#)
- [Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện trong danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét sau khi đã chọn trình điều khiển.](#)
- [Bạn đang sử dụng một trình điều khiển in chung khi sử dụng kết nối USB](#)

## Trình điều khiển in không được liệt kê trong danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét

1. Đảm bảo rằng tập tin .GZ của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: `Library/Printers/PPDs/Contents/Resources`. Cài lại phần mềm nếu cần.
2. Nếu tập tin GZ nằm trong thư mục này, tập tin PPD có thể bị lỗi. Xóa tập tin này sau đó cài lại phần mềm.

## Tên sản phẩm không xuất hiện trong danh sách sản phẩm ở danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét

1. Đảm bảo rằng các dây cáp được nối đúng cách và sản phẩm đã được bật.
2. In trang cấu hình để kiểm tra tên sản phẩm. Xác minh rằng tên trên trang cấu hình khớp với tên sản phẩm trong danh sách **Print & Fax** (In & Fax) hoặc danh sách **Print & Scan** (In & Quét) trong Mac OS X v10.7.
3. Sử dụng nút **+** để thêm sản phẩm vào danh sách **Print & Fax** (In & Fax) hoặc danh sách **Print & Scan** (In & Quét) trong Mac OS X v10.7.
4. Thay thế cáp USB hoặc cáp mạng bằng cáp chất lượng cao.

## Trình điều khiển in sẽ không tự động cài đặt sản phẩm bạn đã chọn trong danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét

1. Đảm bảo rằng các dây cáp được nối đúng cách và sản phẩm đã được bật.
2. Đảm bảo rằng tập tin .GZ của sản phẩm nằm trong thư mục sau trên ổ cứng: `Library/Printers/PPDs/Contents/Resources`. Cài lại phần mềm nếu cần.
3. Nếu tập tin GZ nằm trong thư mục này, tập tin PPD có thể bị lỗi. Xóa tập tin này sau đó cài lại phần mềm.
4. Sử dụng nút **+** để thêm sản phẩm vào danh sách **Print & Fax** (In & Fax) hoặc danh sách **Print & Scan** (In & Quét) trong Mac OS X v10.7.
5. Thay thế cáp USB hoặc cáp mạng bằng cáp chất lượng cao.

## Một lệnh in không được gửi tới sản phẩm mà bạn muốn

1. Mở hàng chờ in và bắt đầu lại lệnh in.
2. Một sản phẩm khác có cùng tên hoặc có tên tương tự có thể đã nhận lệnh in của bạn. In trang cấu hình để kiểm tra tên sản phẩm. Xác minh rằng tên trên trang cấu hình khớp với tên sản phẩm trong danh sách **Print & Fax** (In & Fax) hoặc danh sách **Print & Scan** (In & Quét) trong Mac OS X v10.7.

## Khi kết nối với cáp USB, sản phẩm không xuất hiện trong danh sách In & Fax hoặc danh sách In & Quét sau khi đã chọn trình điều khiển.


### Xử lý sự cố phần mềm

1. Đảm bảo rằng hệ điều hành Mac của bạn là Mac OS X 10.6 hoặc mới hơn.
2. Sử dụng nút **+** để thêm sản phẩm vào danh sách **Print & Fax** (In & Fax) hoặc danh sách **Print & Scan** (In & Quét) trong Mac OS X v10.7.

### Xử lý sự cố phần cứng

1. Đảm bảo rằng sản phẩm đã được bật.
2. Kiểm tra xem cáp USB đã được nối đúng cách chưa.
3. Đảm bảo rằng bạn đang sử dụng cáp USB Tốc độ Cao thích hợp.
4. Hãy chắc chắn là bạn không có quá nhiều thiết bị USB cùng nối vào một nguồn điện. Tháo tất cả thiết bị ra khỏi chuỗi, rồi nối thẳng cáp vào cổng USB trên máy tính.
5. Kiểm tra xem có hơn hai đầu cắm USB không có điện được cắm thành một hàng trong chuỗi không. Tháo tất cả thiết bị ra khỏi chuỗi, rồi nối thẳng cáp vào cổng USB trên máy tính.

---

 **GHI CHÚ:** Bàn phím iMac là một đầu cắm USB không có điện.

---

## Bạn đang sử dụng một trình điều khiển in chung khi sử dụng kết nối USB

Nếu bạn đã kết nối cáp USB trước khi cài đặt phần mềm, bạn có thể đang sử dụng trình điều khiển in chung thay vì trình điều khiển cho sản phẩm này.

1. Hãy xóa trình điều khiển in chung.
2. Cài lại phần mềm từ đĩa CD của sản phẩm. Không nối cáp USB cho đến khi chương trình cài đặt phần mềm nhắc bạn.
3. Nếu cài đặt nhiều máy in, hãy đảm bảo rằng bạn đã chọn đúng máy in trong menu thả xuống **Format For** (Định dạng cho) trong hộp thoại **Print (In)**.

# Xóa phần mềm (Windows)

## Windows XP

1. Nhấp **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp **Programs** (Chương trình).
2. Nhấp **HP**, sau đó nhấp vào tên của sản phẩm.
3. Nhấp **Uninstall** (Gỡ cài đặt), sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để xóa phần mềm.

## Windows Vista và Windows 7

1. Nhấp **Start** (Bắt đầu), sau đó nhấp **Programs** (Tất cả Chương trình).
2. Nhấp **HP**, sau đó nhấp vào tên của sản phẩm.
3. Nhấp **Uninstall** (Gỡ cài đặt), sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để xóa phần mềm.

## Xóa phần mềm (Mac OS X)

Bạn phải có quyền của người quản trị để xóa phần mềm.

1. Ngắt kết nối sản phẩm khỏi máy tính.
2. Mở **Applications (Ứng dụng)**.
3. Mở **Hewlett Packard**.
4. Mở **HP Uninstaller** (Trình gỡ cài đặt HP).
5. Chọn sản phẩm trong danh sách thiết bị, sau đó nhấp vào nút **Uninstall** (Gỡ cài đặt).
6. Sau khi gỡ cài đặt phần mềm, hãy khởi động lại máy tính và xóa sạch Thùng rác.



## Giải quyết sự cố về quét và gửi qua e-mail

Nếu xảy ra sự cố về quét và gửi qua email, hãy thử các giải pháp sau:

- Đảm bảo rằng tính năng này được cài đặt. Nếu tính năng này chưa được cài đặt, hãy sử dụng trình hướng dẫn cài đặt trong HP Device Toolbox (Windows) (Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)) hoặc phần mềm HP Utility for Mac OS X (Tiện ích HP cho Mac OS X) để cài đặt tính năng.
- Đảm bảo rằng tính năng Quét và gửi qua email đang được bật. Nếu tính năng đã bị tắt, hãy bật tính năng qua HP Device Toolbox (Windows) (Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)) hoặc phần mềm HP Utility for Mac OS X (Tiện ích HP cho Mac OS X).
- Đảm bảo sản phẩm được kết nối với máy tính hoặc mạng.

### Không thể kết nối với máy chủ email

- Đảm bảo tên máy chủ SMTP là chính xác. Kiểm tra cài đặt này với người quản trị mạng của bạn hoặc Nhà cung cấp Dịch vụ Internet.
- Nếu sản phẩm không thể thiết lập kết nối an toàn với máy chủ SMTP, hãy thử kết nối không bảo mật hoặc thử máy chủ hoặc cổng khác. Kiểm tra cài đặt này với người quản trị mạng của bạn hoặc Nhà cung cấp Dịch vụ Internet.
- Nếu máy chủ SMTP yêu cầu xác thực, hãy đảm bảo sử dụng tên người dùng và mật khẩu hợp lệ.
- Nếu máy chủ SMTP sử dụng phương thức xác thực không được hỗ trợ, hãy thử máy chủ khác. Kiểm tra cài đặt này với người quản trị mạng của bạn hoặc Nhà cung cấp Dịch vụ Internet.

### Email không thành công

- Kiểm tra và đảm bảo rằng các địa chỉ email đã nhập là chính xác.
- Nếu cỡ email quá lớn, hãy gửi ít trang hơn hoặc giảm độ phân giải quét.

### Không thể quét

- Nếu bạn được nhắc nhập số PIN, hãy nhập số PIN chính xác cho cấu hình gửi đi.
- Đảm bảo chọn ít nhất một địa chỉ email trong trường **Tới**.

## Giải quyết vấn đề quét vào thư mục mạng

Nếu xảy ra sự cố về quét vào thư mục mạng, hãy thử các giải pháp sau:

- Đảm bảo rằng tính năng này được cài đặt. Nếu tính năng này chưa được cài đặt, hãy sử dụng trình hướng dẫn cài đặt trong HP Device Toolbox (Windows) (Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)) hoặc phần mềm HP Utility for Mac OS X (Tiện ích HP cho Mac OS X) để cài đặt tính năng.
- Đảm bảo rằng tính năng Quét vào thư mục mạng đang được bật. Nếu tính năng đã bị tắt, hãy bật tính năng qua HP Device Toolbox (Windows) (Hộp công cụ Thiết bị HP (Windows)) hoặc phần mềm HP Utility for Mac OS X (Tiện ích HP cho Mac OS X).
- Đảm bảo rằng sản phẩm được kết nối với mạng.
- Sử dụng tùy chọn kiểm tra trên tab Scan (Quét) của HP Device Toolbox (Windows) (Hộp công cụ Thiết bị HP) hoặc HP Utility (Mac OS X) (Tiện ích HP (Mac OS X)) để xác thực tính năng Quét vào Thư mục Mạng được cài đặt chính xác.

## Quét không thành công

- Đảm bảo đường dẫn mạng có định dạng chính xác (`//host/share/path`) và thư mục đó tồn tại.
- Đảm bảo thư mục mạng có thể đọc và ghi được.
- Nếu bạn đang dùng các tên tệp mặc định cho tài liệu quét, hãy đảm bảo rằng không có xung đột tên tệp. Xóa bỏ một số tài liệu đã quét trước đó.
- Sử dụng địa chỉ IP cho tên máy chủ. Đảm bảo rằng sản phẩm và máy chủ được kết nối tới cùng một mạng.
- Nếu thư mục mạng được bảo vệ bằng mật khẩu, hãy đảm bảo nhập đúng tên người dùng và mật khẩu.
- Nếu thông báo **Đĩa đầy** hiển thị, hãy xóa bỏ một số tệp khỏi thư mục mạng.
- Tắt sản phẩm, rồi bật lại. Quét lại.

# Bảng chú dẫn

## A

AirPrint 87

## Â

âm lượng, điều chỉnh 133

âm quay số 127

## B

bảng điều khiển

định vị 4

bảng điều khiển

nút và đèn 8

Menu báo cáo 11

bản đồ menu, in 11

bảng điều khiển

Màn hình chính 9

trợ giúp 10, 168

bản gốc nhiều trang

sao chép 94

bản in chất lượng phù hợp để lưu

trở 81

bản sao có kích thước tùy chỉnh

99

báo cáo

báo cáo cấu hình 11

cấu trúc menu 11

tóm tắt thông tin mạng 11

trang sử dụng 11

trạng thái nguồn cung cấp 11

Trang Thử nghiệm 11

báo cáo

nhật ký sử dụng màu 11

trang chẩn đoán 11

trang chất lượng in 11

báo cáo, fax

in tất cả 205

lỗi 206

báo cáo lỗi, fax

in 206

bẫy 84

bỏ chặn số fax 131

bộ dụng cụ bảo dưỡng

số bộ phận 37

bộ nhớ

đi kèm 2

in lại fax 145

xóa bản fax 137

bộ thu gom bột mực

thay 43

## C

canh màu, hiệu chỉnh 183

các báo cáo

danh sách phong chữ PCL 11

danh sách phong chữ PCL6

11

danh sách phong chữ PS 11

trang dịch vụ 11

các mã hóa đơn, fax

sử dụng 129

các mã số đầu, quay số 126

các thông số cài đặt kiểu chuông

đặc trưng 132

các tín hiệu bận, các tùy chọn

quay số lại 127

cài đặt

báo cáo mạng 11

trình điều khiển (Mac) 52

cài đặt sẵn trình điều khiển

(Mac) 73

quét để gửi qua email và vào

thư mục mạng 111

cài đặt mặc định gốc, khôi

phục 167

cài đặt

trình điều khiển 50

cài đặt sẵn (Mac) 73

cài đặt sao chép mặc định

thay đổi 90

khôi phục lại cài đặt nhà máy

91

cài đặt độ tương phản

sao chép 102

cài đặt phát hiện âm quay số 126

cài đặt tốc độ liên kết 153

cài đặt in hai mặt, thay đổi 153

cài đặt tiết kiệm 158

cài đặt EconoMode 158, 186

cài đặt mặc định gốc, khôi phục

167

cáp, USB

số bộ phận 38

cất giữ

hộp mực 40

co giãn tài liệu

sao chép 99

công tắc nguồn, định vị 4

cổng

định vị 6

cổng giao tiếp

định vị 5, 6

cổng nối, cài đặt mặc định 151

cổng nối mặc định, cài đặt 151

cuộn sấy

kẹt giấy 176

cửa bên phải

kẹt giấy 176

cửa bên phải phía dưới

kẹt giấy 180

## CH

chặn fax 131

chất lượng in

cải thiện 182

chế độ nháp, sao chép 104

chế độ trả lời, thông số cài đặt  
130  
chỉnh lại kích thước tài liệu  
Windows 69  
chỉnh lại kích thước tài liệu  
sao chép 99  
Mac 75  
chống giả mạo nguồn cung cấp  
34  
chủ đề màu  
thay đổi, Windows 83, 187  
chứng minh thư  
sao chép 95

## D

danh bạ, fax  
xóa tất cả các mục 121  
danh sách kiểm tra  
cho việc khắc phục sự cố 164  
kết nối không dây 223  
xử lý sự cố fax 203  
dpi (điểm trên inch)  
fax 128  
dung lượng  
Khay 1 18  
Khay 2 23  
Danh sách kiểu chữ PCL 11  
Danh sách kiểu chữ PS 11  
Dịch vụ web HP  
bật 150  
Dịch vụ Web  
ứng dụng 150  
Dịch vụ Web  
bật 150  
Dịch vụ Web HP  
ứng dụng 150  
Dịch vụ Web HP, bật 86  
DSL  
fax 137

## Đ

đặt hàng  
mực in và phụ kiện 32  
đối chiếu bản sao 96  
độ tối, cài đặt độ tương phản  
sao chép 102  
độ sáng  
sao chép độ tương phản 102  
độ tương phản fax 128

điện thoại nhánh  
nhận fax từ 118  
gửi fax từ 142  
điện thoại  
nhận fax từ 118, 146  
đường dây bên ngoài  
khoảng dừng, chèn 126  
quay số tiền tố 126  
độ tối, thông số độ tương phản  
fax 128  
độ phân giải  
fax 128  
điểm trên inch (dpi)  
fax 128  
điện thoại, kết nối tải về  
gửi fax từ 142  
Địa chỉ IPv4 151  
Độ Xám Trung tính 84

## F

fax  
độ phân giải 128  
báo cáo, in tất cả 205  
báo cáo lỗi, in 206  
báo mật, nhận riêng 134  
các mã hóa đơn 129  
cài đặt phát hiện âm quay số  
126  
chặn 131  
chế độ trả lời 130  
chuông-trả-lời 131  
chuyển tiếp 130  
giải quyết sự cố chung 217  
gửi bằng phần mềm 141  
gửi fax từ điện thoại 142  
hủy 136  
in 144  
in lại fax 133  
in lại từ bộ nhớ 145  
khắc phục sự cố 166  
khoảng dừng, chèn 126  
không thể gửi 207  
không thể nhận 212  
kiểu chuông 132  
nhận-kèm-tem 134  
nhận khi bạn nghe chuông  
fax 146  
nhận qua điện thoại nhánh  
118  
nhận riêng 134

quay số, âm hoặc nhịp điệu  
127  
quay số nhanh 140  
quay số tiền tố 126  
sửa-lỗi 206  
sử dụng DSL, PBX hoặc  
ISDN 137  
sử dụng VoIP 138  
tạm hoãn gửi 142  
thông số độ tương phản 128  
thông số âm lượng 133  
thông số cài đặt V.34 206  
thông số quay số lại 127  
tự động giảm 133  
từ máy tính (Mac) 141  
từ máy tính (Windows) 141  
xác nhận số 142  
xếp hàng 134  
xóa khỏi bộ nhớ 137  
fax điện tử  
gửi 141

## G

gỡ cài đặt phần mềm Windows  
231  
gỡ cài đặt phần mềm Mac 232  
gỡ sự cố  
thông số sửa-lỗi fax 206  
gửi chuyển tiếp fax 130  
gửi fax  
báo cáo lỗi, in 206  
các mã hóa đơn 129  
chuyển tiếp 130  
hủy 136  
tạm hoãn 142  
từ điện thoại kết nối tải về 142  
từ phần mềm 141  
xác nhận 142

## GI

giải quyết  
sự cố in walk-up USB 202  
sự cố khi fax 207  
giải quyết sự cố  
fax 217  
trả lời chậm 201  
giấy  
đặt hàng 32  
chọn 185  
kẹt giấy 170

khổ được hỗ trợ 14  
 loại được hỗ trợ 16  
 thông số tự động giảm fax  
 133  
 giấy  
 bìa, sử dụng loại giấy khác 66  
 trang đầu và trang cuối, sử  
 dụng loại giấy khác 66  
 giấy, bìa  
 in (Mac) 75  
 giấy đặc biệt  
 in (Windows) 63  
 giấy đặc biệt cho bìa  
 in (Mac) 75  
 giấy bóng kính  
 in (Windows) 63

## H

hai mặt 97  
 thủ công (Mac) 74  
 hai mặt thủ công  
 Windows 59  
 hai mặt thủ công  
 Mac 74  
 hình mờ  
 in (Mac) 80  
 in (Windows) 78  
 hoãn chế độ nghỉ  
 bật 158  
 tắt 158  
 hoãn ngắt điện  
 cài đặt 158  
 hộp mực  
 bảo quản 40  
 số đặt hàng 39  
 sử dụng khi ở ngưỡng còn ít  
 35  
 tái chế 40  
 thay thế 40  
 trang tình trạng nguồn cung  
 cấp 11  
 hộp mực  
 không phải của HP 33, 40  
 hộp mực in  
 bảo quản 40  
 cài đặt ngưỡng còn ít 35  
 kiểm tra hồng học 185  
 nạp 39  
 số đặt hàng 39  
 tái chế 40

thay thế 40  
 trang tình trạng nguồn cung  
 cấp 11  
 hướng  
 chọn, Windows 62  
 thay đổi (Mac) 74  
 Khay 3 26  
 hướng dọc  
 chọn, Windows 62  
 thay đổi (Mac) 74  
 hướng ngang  
 chọn, Windows 62  
 thay đổi (Mac) 74  
 hướng trang  
 thay đổi (Mac) 74  
 hủy  
 fax 136  
 lệnh in (Mac) 79  
 lệnh in (Windows) 77  
 Hộp công cụ Thiết bị HP, sử  
 dụng 154  
 HP ePrint, sử dụng 86  
 HP Easy Color  
 sử dụng 82  
 tắt 82  
 HP Universal Print Driver (Trình  
 Điều khiển In Chung HP) 48  
 HP Web Jetadmin 157

## I

in  
 bản fax riêng 146  
 báo cáo sản phẩm 11  
 cài đặt (Mac) 73  
 từ ổ flash USB 88  
 in hai mặt  
 cài đặt (Windows) 57  
 Mac 73, 74  
 Windows 59  
 in hai mặt  
 thủ công (Windows) 59  
 in hai mặt (hai mặt)  
 cài đặt (Windows) 57  
 in không dây  
 giải quyết sự cố 164  
 in lại fax 133, 145  
 in trên cả hai mặt  
 cài đặt (Windows) 57  
 Mac 73, 74

in trên cả hai mặt  
 thủ công, Windows 59  
 Windows 59  
 in Walk-up USB 88  
 ISDN  
 fax 137

## J

Jetadmin, HP Web 157

## K

kẹt  
 ngăn giấy ra 173  
 Khay 1 174  
 kẹt giấy  
 cuộn sấy 176  
 cửa bên phải 176  
 cửa bên phải phía dưới 180  
 khay nạp tài liệu, gỗ 172  
 nguyên nhân 170  
 theo dõi số 11  
 vị trí 171  
 Tray 2 176  
 Tray 3 180  
 kết nối nguồn  
 định vị 5, 6  
 kết nối USB  
 xử lý sự cố 220  
 kiểm soát vòng 134  
 kiểu chuông 132  
 đặc trưng 132  
 kiểu chữ  
 danh sách, in 11  
 kích thước, giấy  
 Thông số Vừa Trang in, gửi  
 fax 133  
 kích thước, sao chép  
 thu nhỏ hoặc phóng to 99  
 kích thước trang  
 chỉnh lại kích thước tài liệu cho  
 vừa (Mac) 75  
 chỉnh lại kích thước tài liệu cho  
 vừa (Windows) 69  
 kính, lau chùi 190, 194, 197  
 Khay 1  
 dung lượng 18  
 hướng 18  
 kẹt giấy 174  
 nạp 20

- Khay 2
    - hướng 23
    - kẹt giấy 176
    - khả năng chứa giấy 23
    - nap 24
  - Khay 3
    - hướng 26
    - kẹt giấy 180
    - khả năng chứa giấy 26
    - nap 27
  - Khả năng chứa giấy
    - Khay 3 26
  - Kiểm soát Cảnh 84
- KH**
- khay
    - đi kèm 2
    - định vị 4
  - khách hàng tự sửa chữa
    - số bộ phận 37
  - khắc phục sự cố
    - danh sách kiểm tra 164
  - khắc phục sự cố
    - không trả lời 201
  - khắc phục sự cố
    - sự cố in walk-up USB 202
  - khay nạp tài liệu 97
    - kẹt giấy 172
    - sao chép các tài liệu hai mặt 97
    - vấn đề nạp giấy 169
  - khoá
    - sản phẩm 160
  - khoảng dừng, chèn 126
  - khôi phục cài đặt mặc định gốc 167
  - khổ giấy
    - cài đặt sao chép 105
    - chọn (Mac) 79
    - chọn khổ tùy chỉnh (Mac) 79
    - chọn kích thước tùy chỉnh (Windows) 78
    - thay đổi 77
- L**
- lau chùi
    - kính 190, 194, 197
  - làm sạch
    - đường dẫn giấy 183
- lệnh in
    - hủy (Windows) 77
  - lệnh in
    - hủy (Mac) 79
  - loại giấy
    - cài đặt sao chép 105
    - chọn (Mac) 75
    - chọn (Windows) 63
  - lỗi
    - phần mềm 227
  - lối tắt (Windows)
    - sử dụng 54
    - tạo 55
- M**
- mạng
    - địa chỉ IPv4 151
    - báo cáo cài đặt 11
    - cài đặt sản phẩm 148
    - cài đặt, xem 151
    - cài đặt, thay đổi 151
    - cổng nối mặc định 151
    - hỗ trợ các kiểu 2
    - mật khẩu, cài đặt 160
    - mật khẩu, thay đổi 160
    - mặt nạ mạng phụ 151
    - tên sản phẩm, thay đổi 151
    - trang cấu hình 11
    - HP Web Jetadmin 157
  - mạng không dây
    - troubleshooting 223
  - màu
    - được in so với màn hình 84
    - khớp 84
    - Độ Xám Trung tính 84
    - Kiểm soát Cảnh 84
  - màu hoặc đen trắng
    - sao chép 100
  - mặc định, khôi phục 167
  - mặt nạ mạng phụ 151
  - máy quét
    - lau chùi kính 190, 194, 197
  - máy trả lời, kết nối
    - thông số fax 131
  - menu, bảng điều khiển
    - bản đồ, in 11
  - mục quay số nhanh
    - xóa 123
  - mục quay-số-nhanh
    - sửa 122
    - tạo 122
  - mục quay-số-nhóm
    - sửa 124
    - tạo 124
    - xóa 125
  - mực in
    - đặt hàng 32
    - cài đặt ngưỡng còn ít 35
    - không phải của HP 33, 40
    - số bộ phận 37
    - sử dụng khi ở ngưỡng còn ít 35
    - tình trạng, xem bằng Tiện ích HP dành cho Mac 156
  - mực in không phải của HP 33, 40
  - Mac
    - cài đặt trình điều khiển 52, 73
    - quét từ phần mềm theo quy chuẩn TWAIN 114
    - sự cố, xử lý sự cố 229
  - Macintosh
    - Tiện ích HP 156
  - Màn hình chính, bảng điều khiển 9
  - Máy chủ Web nhúng 166
    - mở 151, 160
    - thay đổi tên sản phẩm 151
  - Máy chủ Web Nhúng
    - thay đổi mật khẩu 160
  - Máy chủ Web Nhúng của HP
    - thay đổi cài đặt mạng 151
    - thay đổi tên sản phẩm 151
  - Máy chủ Web Nhúng của HP 166
  - Máy chủ Web Nhúng của HP
    - mở 151, 160
    - thay đổi cài đặt mạng 151
    - thay đổi mật khẩu 160
  - Menu báo cáo 11
  - Menu Ứng dụng 150
  - Microsoft Word, gửi fax từ 141
- N**
- nap
    - hộp mực in 39
    - Khay 1 20
    - Khay 2 24
    - Khay 3 27
  - nút bật/tắt, định vị 4

## NG

ngăn giấy, đầu ra  
  định vị 4  
ngăn giấy đầu ra  
  định vị 4  
ngăn giấy ra  
  kẹt giấy 173  
ngày tháng fax, thiết lập  
  sử dụng bảng điều khiển 120  
  sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài  
  Đặt Fax HP 120  
nguồn cung cấp  
  hàng giả 34  
  tái chế 40  
nguồn cung cấp  
  thay hộp mực in 40  
nguồn cung cấp giả 34

## NH

nhãn  
  in (Windows) 63  
  in trên 29  
nhận fax  
  báo cáo lỗi, in 206  
  chặn 131  
  chế độ trả lời, thông số 130  
  in lại 145  
  in lại fax 133  
  khi bạn nghe chuông fax 146  
  kiểu chuông, thông số 132  
  thông số chuông-trả-lời 131  
  thông số nhận-kèm-tem 134  
  thông số tự động giảm 133  
  tử điện thoại nhánh 118  
  xếp hàng 134  
nhận riêng 134  
nhật ký sử dụng màu 11  
nhật ký, fax  
  in tất cả 205  
  lỗi 206  
nhiều bản sao chép 93  
nhiều trang trên một tờ  
  chọn (Mac) 74  
  chọn (Windows) 61  
  in (Mac) 74  
  in (Windows) 61  
nhiều trên mạng không dây 225  
nhịp điệu quay số 127

## Ô

ổ flash USB  
  in từ 88

## P

Phần mềm dựa theo quy chuẩn  
  TWAIN, quét từ 114  
Phần mềm dựa theo quy chuẩn  
  WIA, quét từ 114  
Phần mềm HP Scan (Mac) 109  
Phần mềm HP Scan (Windows)  
  108  
PBX  
  fax 137

## PH

phần mềm  
  gỡ cài đặt cho Windows 231  
  gỡ cài đặt Mac 232  
  gửi fax 141  
  quét từ TWAIN hoặc WIA 114  
  sự cố 227  
  Tiện ích HP 156  
phone book, fax  
  thêm các mục 140  
phóng to tài liệu  
  sao chép 99  
phương tiện  
  khó được hỗ trợ 14  
phương tiện in được hỗ trợ 14  
phụ kiện  
  đặt hàng 32

## Q

quản lý mạng 151  
quay số  
  cài đặt tín hiệu âm hoặc xung  
  127  
  khoảng dừng, chèn 126  
  tiền tố, chèn 126  
  tự động quay số lại, thông số  
  127  
  tử điện thoại 142  
quay số lại  
  tự động, thông số 127  
quay số nhanh  
  lập trình 140  
quét  
  gửi qua email, cài đặt 111  
  phần mềm TWAIN-compliant  
  114

phần mềm WIA-compliant  
  114  
tử phần mềm HP Scan (Mac)  
  109  
tử phần mềm HP Scan  
  (Windows) 108  
vào thư mục mạng, cài đặt  
  111

## S

sao chép  
  đối chiếu 96  
  độ tương phản, điều chỉnh  
  102  
  điều chỉnh chất lượng hình  
  ảnh 103  
  bản gốc nhiều trang 94  
  bản sao đơn 92  
  các tài liệu hai mặt 97, 98  
  cài đặt độ sáng/tối 102  
  chất lượng, điều chỉnh 101  
  chế độ nháp 104  
  khôi phục cài đặt mặc định 91  
  loại và khổ giấy 105  
  màu hoặc đen trắng 100  
  nhiều bản sao chép 93  
  phóng to 99  
  thiết lập cài đặt mặc định mới  
  90  
  thu nhỏ 99  
sao chép hai mặt 97, 98  
số bản sao chép, thay đổi 93  
số bộ phận  
  bộ dụng cụ bảo dưỡng 37  
  khách hàng tự sửa chữa 37  
  mực in 37  
số lần đổ chuông trả lời 131  
số trang 11  
sự cố nạp giấy  
  giải quyết 169

## T

tài liệu nhỏ  
  sao chép 95  
tạm hoãn gửi fax 142  
tập sách mỏng  
  in (Mac) 75  
  tạo (Windows) 70



tiêu đề fax, thiết lập  
     sử dụng bảng điều khiển 120  
     sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP 120  
 tình trạng  
     mực in, in báo cáo 11  
 tự động thông số giảm, fax 133  
 tùy chọn màu  
     cài đặt (Mac) 84  
     thay đổi, Windows 187  
     HP EasyColor (Windows) 82  
 Thông số cài đặt V.34 206  
 Thông số Fit to Page (Vừa Trang in), fax 133  
 Tiện ích Định lại cấu hình của HP cài đặt mạng 148  
 Tiện ích HP 156  
 Tiện ích HP, Mac 156  
 Tiện ích HP dành cho Mac  
     tính năng 156  
     Bonjour 156  
 Trang web  
     báo cáo gian lận 34  
 Trang web giả mạo 34  
 Trang web giả mạo HP 34  
 Trang Web  
     HP Web Jetadmin, tải về 157  
 TCP/IP  
     định cấu hình thông số IPv4 theo cách thủ công 151

## TH

thay đổi kích thước tài liệu  
     Windows 69  
 thay thế hộp mực in 40  
 thông báo lỗi, fax 207, 212  
 thông số độ tương phản  
     fax 128  
 thông số giao thức, fax 206  
 thông số sửa-lỗi, fax 206  
 thời gian fax, thiết lập  
     sử dụng bảng điều khiển 120  
     sử dụng Trình Hướng Dẫn Cài Đặt Fax HP 120  
 thu nhỏ tài liệu  
     sao chép 99

## TR

trang đã dùng 11

trang đầu  
     in trên loại giấy khác (Windows) 66  
 trang bìa  
     in trên loại giấy khác (Windows) 66  
 trang cấu hình 11  
 trang chất lượng in  
     giải thích 184  
     in 184  
 trang cuối  
     in trên loại giấy khác (Windows) 66  
 trang dịch vụ 11  
 trang giấy kẹt. *Xem* kẹt giấy  
 trang mỗi phút 2  
 trang tình trạng mực in 11  
 trang web  
     trình điều khiển in chung 48  
 trạng thái  
     màn hình Chính, bảng điều khiển 9  
 trạng thái  
     Tiện ích HP, Mac 156  
 trình điều khiển  
     trang đã dùng 11  
     loại giấy 16  
     thay đổi cài đặt (Windows) 50  
     thay đổi cài đặt (Mac) 52  
     cài đặt sẵn (Mac) 73  
     cài đặt (Mac) 73  
     thay đổi khổ giấy 77  
 trình điều khiển máy in  
     được hỗ trợ 48  
 trình điều khiển máy in của Windows  
     được hỗ trợ 48  
 trình điều khiển  
     chung 48  
     chọn 188  
 trình điều khiển in chung 48  
 trình điều khiển PCL  
     chung 48  
 trình điều khiển in (Windows)  
     thay đổi cài đặt 50  
 trình điều khiển in (Mac)  
     thay đổi cài đặt 52  
     cài đặt 73  
 trình điều khiển in  
     chọn 188

trợ giúp, bảng điều khiển 10, 168  
 trợ giúp trực tuyến, bảng điều khiển 10, 168

## U

ứng dụng  
     tải xuống 150

## V

việc tái chế mực in 40  
 vỏ, định vị 4  
 VoIP  
     fax 138

## W

Windows  
     cài đặt trình điều khiển 50  
     gửi fax từ 141  
     quét từ phần mềm TWAIN hoặc WIA 114  
     trình điều khiển in chung 48  
 Word, gửi fax từ 141

## X

xóa bản fax khỏi bộ nhớ 137  
 xử lý sự cố  
     fax 203  
     gửi fax 207  
     kẹt giấy 170  
     kết nối USB 220  
     mạng có dây 221  
     mạng không dây 223  
     nhận fax 212  
     sự cố nạp giấy 169  
     sự cố với máy Mac 229  
     sự cố với Windows 227  
 xử lý sự cố  
     sự cố mạng 221  
 xử lý sự cố fax  
     danh sách kiểm tra 203